

Sử Ký Tư Mã Thiên

Tác giả: Tư Mã Thiên

Thể loại: Trung Hoa

Website: <http://motsach.info>

Date: 07-December-2012

Lời Giới Thiệu -

Đối với văn hoá thế giới, quyển sử ký của Tư Mã Thiên chiếm một địa vị đặc biệt. Nó là công trình sử học lớn nhất của Trung quốc và là một trong những quyển sử có tiếng nhất của thế giới. Nhưng còn một điều làm chúng ta ngạc nhiên hơn là công trình khoa học lớn lao ấy đồng thời lại là một trong những tác phẩm văn học ưu tú của nhân loại. Người Trung hoa xem nó là tác phẩm lớn nhất về văn xuôi trong nền văn học cổ Trung quốc, và xem nó là tác phẩm cổ điển ngang hàng với thơ của Đỗ Phủ.

Sử ký là cả một thế giới. Nó làm thoả mãn tất cả mọi người. Người nghiên cứu sử tìm thấy ở đây một kho tài liệu vô giá, chính xác, với giá trị tổng hợp rất cao. Nhà nghiên cứu tư tưởng tìm thấy qua Sử ký “một trong những nhà tư tưởng vĩ đại nhất của thời cổ đại” (1). Người bình thường tìm thấy vô số những hình tượng điển hình, những câu chuyện hấp dẫn, những con người đầy sức sống mãnh liệt. Họ thấy quá khứ sống lại và không phải chỉ có thế. Người nghiên cứu văn học còn tìm thấy ở đây một tác phẩm văn học, mãi mãi tươi trẻ như sự sống, họ thấy ở đây một tâm hồn, một tâm sự đau xót đầy sức mạnh của thơ trữ tình, “một tập Ly tao không vãn” như lời đánh giá của Lỗ Tấn.

1. Bách khoa toàn thư xô-viết mục: Sử ký.

I. CON NGƯỜI

Tư Mã Thiên, tên tự là Tử Trường, sinh năm 145 trước Công nguyên, ở Long Môn hay là huyện Hàn Thành, tỉnh Thiểm Tây. Tổ tiên của ông từ đời Chu đã làm Thái sử. Đến đời cha của ông là Tư Mã Đàm làm thái sử lệnh của nhà Hán. Đàm là một người học rất rộng, rất thích học thuyết Lão Trang. Chức sử quan ngoài việc chép sử còn coi thiên văn, làm lịch, bói toán. “Nghề viết văn, viết sử, xem sao, xem lịch thì cũng gần với bọn thầy bói, thầy cúng. Chúa thượng vẫn đùa bỡn nuôi như bọn con hát, còn thế tục vẫn coi thường”. Tuy vậy, Tư Mã Đàm vẫn thấy cái nghề của mình cao quý, vì ông biết nó có tác dụng to lớn đối với sự thịnh suy, hưng vong của một nước. Trong các sử quan đời trước, cũng có những người dăm hy sinh đời mình để viết sự thật, dù sự thật ấy làm vua chúa tức giận. Chẳng hạn khi Thôi Trữ giết vua Tề, thì quan thái sử nước Tề viết: “Thôi Trữ giết vua của mình là Trang Công”. Quan thái sử bị giết, người em lên thay vẫn viết như vậy, nên bị giết luôn. Ngay lúc đó, người em thứ ba xin lên thay không thêm bớt một chữ. Thôi Trữ sợ không dám giết. Khổng Tử làm kinh Xuân Thu cũng là chép lại những sự thực lịch sử cốt để “chế thiên tử, ức chế chư hầu, phạt tội các đại phu, nêu rõ vương đạo.”

Tư Mã Thiên sống thời thơ ấu ở Long Môn, cày ruộng, chăn cừu, làm bạn với những người nông dân bình thường, và học các sách sử cổ. Lên mười tuổi, ông đã học Tả Truyện, Quốc Ngữ, Thế bản và thuộc lòng hầu hết những bài văn nổi tiếng của thời trước.

Tư Mã Đàm hết sức chú ý đến việc giáo dục con. Năm Tư Mã Thiên hai mươi tuổi, ông bảo con lên đường đi du lịch để xem tận mắt những nơi sau này Tư Mã Thiên sẽ phải viết sử. Tư Mã Thiên trước tiên đi về nam đến Trường Giang, vượt sông Hoài, sông Tứ, thăm một mẹ Hàn Tín, đoạn lên núi Cối Kê xem nơi vua Hạ Vũ triệu tập chư hầu, vào hang Vũ Động tìm di tích vua

Vũ. Ở Cối Kê ông đã nghe những chuyện kể về vua Việt, Câu Tiễn. Ông lên Cô Tô tìm di tích Ngũ Tử Tư, đi thuyền trên Thái Hồ sưu tầm truyền thuyết về Tây Thi, Phạm Lãi. Sau đó, ông đi ngược lên Trường Sa, đến bến Mịch La khóc Khuất Nguyên, đến sông Tương trèo lên núi Cửu Nghi nhìn dấu vết mộ vua Thuấn, và khảo sát những tục cũ từ thời Hoàng Đế. Ông lên miền Bắc vượt sông Vấn, sông Tử đến nước Tề, nước Lỗ, bồi hồi nhìn lăng miếu của Khổng Tử, say sưa nghe nhân dân kể chuyện Trần Thiệp, đến đất Tiết thăm hỏi di tích của Mạnh Thường Quân, lên Bành Thành quê hương Lưu Bang, để tìm hiểu rõ thời niên thiếu của những con người đã dựng nên nhà Hán. Ông sang nước Sở thăm đất phong của Xuân Thân Quân, đến nước Ngụy hỏi chuyện Tín Lãng Quân rồi trở về Tràn An. Sau chuyến đi ấy kéo dài ba năm, ông còn đi những chuyến khác cũng để tìm tài liệu. Trong thời xưa, việc đi lại rất khó khăn, trên đường giặc cướp rất nhiều, những nhà du thuyết có bốn ba từ nước này sang nước khác thì cũng chỉ ở trong một địa bàn rất hẹp, chứ chưa có ai vì mục đích khoa học mà lại đi xa như vậy. Có thể nói trừ miền Quảng Đông, Quảng Tây, còn từ Vân Nam, Tứ Xuyên cho đến Vạn Lý Trường Thành, ở đâu cũng có vết chân của ông. Ông là một trong những nhà du lịch lớn nhất của Trung Cổ.

Những cuộc du lịch đã cung cấp cho ông vô số tài liệu, truyền thuyết, giúp ông thấy được thái độ của nhân dân đối với những nhân vật, những biến cố lịch sử và cho ông rất nhiều chi tiết điển hình về đời sống từng người trong lúc còn hàn vi.

Chính những cuộc “đi chơi” như vậy đã làm cho Tư Mã Thiên thấy cái bao la hùng vĩ của đất nước, có được một ý thức sâu sắc về sự vĩ đại của tổ quốc, về tất cả mọi mặt để thành nhà sử gia vĩ đại của cả một dân tộc. Mã Tồn một văn sĩ đời sau nói, “Muốn học cái văn của Tư Mã Tử Trường thì trước tiên phải học cái chơi của Tử Trường.” Câu nói đó không phải là quá đáng.

Sau lúc đi du lịch về, ông làm lang trung. Lang trung là chức quan nhỏ có trách nhiệm bảo vệ nhà vua khi đi ra ngoài. Trong thời gian ấy, ông biết Lý Lăng cùng làm lang trung như ông, và thường gặp Lý Quảng.

Năm 110 trước Công Nguyên, Vũ Đế chuẩn bị làm lễ phong thiên ở Thái Sơn, Tư Mã Đàm trên đường đi theo nhà vua, mắc bệnh nặng, cầm tay con khóc mà dặn rằng:

- Tổ ta đời đời làm sử quan. Sau khi ta chết đi, thế nào con cũng nối nghiệp ta làm thái sử. Khi làm thái sử chớ quên những điều ta muốn bàn, muốn viết... Hiện nay bốn biển một nhà, vua sáng tôi hiền, ta làm thái sử mà không chép được rất lấy làm xấu hổ. Con hãy nhớ lấy!

Ông khóc mà vâng lời.

Ba năm mất tang, ông thay cha làm thái sử lệnh (-108) chuẩn bị viết bộ Sử ký, thực hiện cái hoài bão lớn nhất của người cha, đồng thời là điều mong ước duy nhất của mình. Từ - 106, ông không giao tiếp với khách khứa, bỏ cả việc nhà, ngày đêm miệt mài biên chép. Như thế được bảy năm thì xảy ra cái vạ Lý Lăng.

Năm 99 trước Công Nguyên, Vũ Đế sai Lý Quảng Lợi cầm ba vạn quân đánh Hung Nô. Bấy giờ Lý Lăng, cháu của danh tướng Lý Quảng, cầm năm ngàn quân vào biên giới Hung Nô. Bị tám vạn quân Hung Nô bao vây. Lăng chỉ huy cuộc chiến đấu suốt mười ngày liền, giết hơn vạn quân địch. Nhưng cuối cùng vì cách xa biên giới, bị chặn mất đường về, quân sĩ chết hầu hết, mệt mỏi không còn sức chiến đấu, Lăng phải đầu hàng. Vũ Đế nổi giận muốn giết cả nhà Lăng, quần thần đều hòa theo ý nhà vua. Thiên biết Lăng từ hồi hai người còn làm lang trung, tuy không đi

lại chơi bời, nhưng mến phục Lãng là người can đảm có phong thái của người quốc sĩ, nên tâu:

- Lý Lãng mang năm nghìn quân thâm nhập vào nước địch, đánh nhau với quân địch mạnh, luôn mười ngày liền, giết và làm bị thương vô số. Vua tôi Thuyền Vu sợ hãi, đem tất cả kỵ binh toàn quốc bao vây. Lãng một mình hăng hái chiến đấu ở ngoài ngàn dặm, tên hết, đường về bị cắt, cứu binh không đến, người chết và bị thương chồng như núi, nhưng nghe Lý Lãng hô hào, binh lính đều phấn chấn vượt máu, chảy nước mắt giờ nắm tay không, xông vào mũi nhọn cùng Hung Nô quyết chiến. Thần cho rằng Lý Lãng có thể sánh với những danh tướng ngày xưa. Nay tuy thất bại, nhưng xem ông ta còn muốn có cơ hội báo đáp nước nhà.

Ông hy vọng lời nói của mình có thể giảm nhẹ tội Lý Lãng, không ngờ Vũ Đế càng giận, cho ông cố ý đề cao Lãng để chê Lý Quảng Lợi nhút nhát không lập nên công lao gì, mà Quảng Lợi lại là anh của Lý phu nhân rất được nhà vua yêu quý. Vũ Đế bèn sai bắt giam Tư Mã Thiên giao cho Đỗ Chu xét xử.

Nhân vật Đỗ Chu đã được Thiên nói đến trong Khóc lại truyện. Có người trách y, “Ông thay nhà vua coi pháp luật, tại sao không căn cứ vào pháp luật mà xét, trái lại chỉ lo chịu theo ý nhà vua?” Đỗ Chu đáp, “Luật lệnh ở đâu mà ra? Chẳng phải do nhà vua mà ra đó sao?” Gặp phải bọn quan lại như vậy, cố nhiên ông không có cách nào khỏi tội.

Bấy giờ có phép lấy tiền chuộc tội. Chỉ cần năm mươi vạn đồng tiền là chuộc được tội chết. Trong bức thư ông viết sau này cho Nhâm An, một người bạn cũ sắp bị chém, một người cùng chung cảnh ngộ (Xem thư trả lời Nhâm An). Ông đã kể lại nỗi cay đắng của mình. Nhà ông nghèo, ông mãi mê theo đuổi sự nghiệp của mình quên cả gia sản, nên không sao chuộc được tội. Bạn bè, thân thích, không ai nói hộ một lời, không ai giúp cho một đồng. Kết quả, con người ngang tàng, hai mươi ba tuổi đầu đi khắp Trung quốc, nhà học giả lớn nhất của thời đại, con người ôm cái hoài bão làm Chu Công, Khổng Tử, cuối cùng bị khép vào tội “coi thường nhà vua”, và bị thiến!

Đã mấy lần uất ức quá, ông nghĩ đến việc tự vẫn. Nhưng ông thấy rằng nếu chết đi thì chẳng ai khen mình là tử tiết, mà thế tục sẽ bảo đó là vì xấu hổ mà tự sát. Vả chăng, sự nghiệp chưa tròn, Sử ký còn dở dang, lời dặn của cha còn đó. Ông gạt nước mắt, nói, “Người ta ai cũng có một lần chết, có cái chết nặng như Thái Sơn, có cái chết nhẹ như lông hồng”, và cố gắng gượng sống.

Cái ấn tượng nhục nhã, cô độc theo dõi ông cho đến khi chết. Mỗi khi nghĩ đến cái nhục bị hình phạt, mồ hôi vẫn cứ đầm lưng ướt áo! Nhưng ông không vì thế mà chán nản. Trái lại, ông càng tìm thấy ý nghĩa của cuộc sống. Ông thấy rõ hình phạt đó là một thử thách đối với những “người trác việc phi thường”. Ông càng thấy cần phải viết “cho hả điều căm giận”. Và chính cái hình phạt nhục nhã ấy đã làm cho ông hiểu rõ cái mặt trái của xã hội phong kiến và dửng dưng đứng về phía nhân dân. Ông trở thành nhà sử gia vĩ đại của một nhân dân vĩ đại.

Quyển Sử ký trước kia là ý nghĩa của đời ông, bây giờ còn là nơi ông giải bày nỗi lòng uất ức. Càng cảm thấy nhục nhã, ông càng thấy thiết tha với công việc, đem cả tâm huyết gửi vào cái tác phẩm vĩ đại, hy vọng rằng dù mình tàn phế, bị ô nhục, nhưng quyển sách kia sẽ thay mình nói với cuộc đời.

Ở ngục ra, ông được làm trung thư lệnh. Đó là một chức quan to, ở gần vua, được ra vào cung cấm, xem tất cả các tài liệu mật. Tuy ở chức quan cao như vậy, nhưng ông chỉ cảm thấy xấu hổ vì đó là chức quan chỉ dành cho những hoạn quan.

Hiện nay người ta vẫn chưa biết ông mất vào năm nào. Người ta chỉ biết ông viết bức thư trả lời cho Nhâm An năm ông 53 tuổi (-93), và sau đó không có những tài liệu gì về ông. Theo Vương Quốc Duy trong Thái sử công hành niên khảo có lẽ ông mất năm 60 tuổi (-86) cùng một năm với Vũ Đế.

Quyển Sử ký như tác giả nó nói, không phải viết ra để mưu danh tiếng trước mắt. Sau khi ông chết, cũng không mấy ai biết đến nó. Quyển này được cất kỹ mãi đến thời cháu ngoại của ông là Dương Vận, thời Tuyên Đế mới được công bố.

Ngoài Sử ký, ông còn làm một công việc khác cũng rất quan trọng. Năm -104, ông cùng Công Tôn Khanh Hồ Toại sửa lại lịch cũ, chế định Hán lịch. Âm lịch còn dùng đến ngày nay là công trình của nhóm này, trong đó ông đóng vai trò chủ chốt.

II. TÁC PHẨM

Sử ký là một tác phẩm đồ sộ, tất cả 52 vạn chữ, 130 thiên, gồm năm phần: Bản kỷ, biểu, thư, thế gia, liệt truyện.

1. Bản kỷ – chép sự tích của các đế vương, gồm có: Ngũ đế (Hoàng đế, Chuyên Húc, Cốc, Nghiêu, Thuấn)

2. Hạ, Thương, Chu - mỗi thời đại một bản kỷ

3. Tần hai bản kỷ - một bản kỷ từ khi có nước Tần đến Tần Thủy Hoàng; một bản kỷ về Tần Thủy Hoàng.

4. Hạng Vũ

5. Các bản kỷ về nhà Hán: Cao Tổ, Lữ Hậu, Hiếu Văn, Hiếu Cảnh, Hiếu Vũ.

Tất cả có 12 bản kỷ, nhưng hiện nay thiếu mất bản kỷ Hiếu Cảnh, Hiếu Vũ. Vương Túc đời Ngụy nói, “Vũ Đế nghe nói ông ta viết Sử ký bèn lấy bản kỷ của Hiếu Cảnh và của mình xem, giận lắm vứt đi, cho nên phần này chỉ có mục đề thôi, không viết gì”. Về sau Chủ Toại Lương lấy những phần này ở quyển Hán Thư của Ban Cố để điền vào cho đủ. Điều đó không phải không có lý vì Tư Mã Thiên có thái độ rất nghiêm khắc đối với các vua chúa, cũng không kiêng nể gì ông vua đang sống mà ông đã công kích mãnh liệt trong phần Phong thiện thư. Chính vì thế, Vương Doãn đời Hậu Hán gọi Sử ký là một quyển “báng thư” (một quyển sách phỉ báng). Mục đích của bản kỷ là chép lại sự việc của những người, những nước có tác dụng chi phối cả thiên hạ. Ngay ở đây, trong cách sắp đặt của ông cũng có những điều đời sau không dám nghĩ đến. Ông chép riêng lịch sử nước Tần, trước Tần Thủy Hoàng thành một bản kỷ, vì trong thời Chiến quốc, nước Tần là nước chi phối vận mệnh của tất cả các nước. Ông làm bản kỷ Lữ Hậu, mặc dầu Lữ Hậu chỉ là thái hậu chứ không trị vì trên danh nghĩa. Trái lại, ông không làm bản kỷ của Huệ Đế, mặc dù trên danh nghĩa, Huệ Đế vẫn là vua. Đó là vì, tuy Huệ Đế làm vua nhưng tất cả quyền hành đều nằm trong tay Lữ Hậu. Đặt một người đàn bà lên địa vị “kỷ cương” một nước, là điều không một sử gia nào đời sau dám làm. Táo bạo hơn, ông dành cho Hạng Vũ những trang đẹp nhất, mặc dù Hạng Vũ chưa làm đế, là kẻ thù của nhà Hán. Đó cũng là vì ông tôn trọng sự khách quan. Hạng Vũ tuy về danh nghĩa không phải là người làm chủ các chư hầu đánh lại nhà Tần (đó là địa vị của Nghĩa đế), nhưng trong thực tế, người có công lớn nhất trong việc tiêu diệt nhà Tần, người phong đất cho chư hầu cai trị thiên hạ trong năm năm, chính là

Hạng Vũ. Các bản kỷ cung cấp cho người đọc, cái nhìn khái quát về từng thời đại để sau đó đi sâu vào từng sự kiện và từng nhân vật.

2. Biểu: Để có cái nhìn đối chiếu các sự kiện hoặc căn cứ vào niên đại, hoặc căn cứ vào sự tương quan đồng thời giữa các nước, Tư Mã Thiên lập ra mười biểu gồm có:

1. Thế biểu thời tam đại
2. Niên biểu mười hai nước chư hầu.
3. Niên biểu sáu nước thời Chiến quốc
4. Nguyệt biểu những việc xảy ra thời Hán Sở.
5. Niên biểu các nước chư hầu từ thời Hán.
6. Niên biểu các công thần của Hán Cao Tổ
7. Niên biểu các nước chư hầu thời Huệ Đế và Cảnh Đế.
8. Niên biểu các nước chư hầu từ niên hiệu Kiến Nguyên.
9. Niên biểu các vị vương thời Vũ Đế.
10. Niên biểu các danh thần từ khi nhà Hán lên.

Những bản biểu là những công trình khoa học rất quý, ghi chép, năm, tháng, biến cố, giúp cho các nhà sử học hiểu được vị trí của từng sự kiện và sự tương quan của nó về thời gian cũng như về không gian với các sự kiện khác, đặc biệt ở trong một nước mệnh mông lại chia cắt phân tán như Trung quốc cổ.

3. Thư: Lịch sử một nước chủ yếu là lịch sử của những thiết chế của nó. Tư Mã Thiên nhận thấy điều đó nên viết tám “thư” dành cho tám mặt. Điều này cũng biểu hiện rằng ông có một kiến thức bách khoa. Tám thư ấy là:

1. Lễ thư
2. Nhạc thư
3. Luật thư
4. Lịch thư
5. Thiên quan thư
6. Phong thiện thư
7. Hà cừ thư
8. Bình chuẩn thư

Phần này rất quý về mặt nghiên cứu. Tác giả nêu rõ sự biến đổi, những cống hiến về lễ, nhạc, luật lệ, việc làm lịch, thiên văn, v...v... qua các thời đại. Điều làm chúng ta hết sức ngạc nhiên là ông có những hiểu biết chính xác về mọi mặt và ở đâu ông cũng có những nhận xét tổng quát

rất thấu đáo. Thiên “Phong thiện thư”, nói về những mê tín, cúng tế, của vua chúa với một giọng châm biếm chua chát. Thiên “Hà cửu thư” nói về các con sông đào ở Trung quốc. Thiên “Bình chuẩn thư” nói về kinh tế. Những thiên này viết chính xác đến nỗi người đời sau thường dựa vào đó để đính chính những sai sót trong các sách cổ, nói về những thiết chế xã hội. Chúng làm ta thấy tác giả có một cái nhìn duy vật vào lịch sử và thấy tầm quan trọng của những sự kiện kinh tế, khoa học, văn hoá đối với lịch sử một nước. Rất tiếc vì phạm vi quyền tuyển tập hạn chế, chỉ có thể giới thiệu được thiên “Bình chuẩn thư”, và do đó, không thể nào nêu lên được một cái nhìn toàn diện của một bộ óc vĩ đại.

4. Thế gia: Phần thế gia bao gồm 30 thiên, chủ yếu nói đến lịch sử các chư hầu, chẳng hạn các nước Tề, Lỗ, Triệu, Sở, v...v... Những người có địa vị lớn trong quý tộc như các thái hậu, những người được phong một nước như Chu Công, Thiệu Công, và những người có công lớn như Trương Lương, Trần Bình, v...v... Đáng chú ý nhất là tác giả xếp vào thế gia hai người thường dân không hề có một tấc đất phong. Đó là Khổng Tử, một người có địa vị đặc biệt trong lịch sử tư tưởng của Trung quốc, và Trần Thiệp, anh chàng cố nông đã cầm đầu cuộc nông dân khởi nghĩa đầu tiên của lịch sử dân tộc Hán. Cách nhìn như vậy chứng tỏ một tầm con mắt khác thường.

5. Liệt truyện: Danh từ này do chính tác giả đặt ra. Phần này gồm 70 thiên bao gồm những nhân vật khác nhau và những sự việc rất khác nhau. Đáng để ý trước hết là phần liệt truyện dành cho những nước ở ngoài địa bàn Trung quốc mà ông là người đầu tiên đưa vào lịch sử với tính cách những bản khái quát đúng đắn và khoa học (Nam Việt, Đông Việt, Triều Tiên, Tây Di, Đại Uyển, Hung Nô). Cố nhiên, một phần liệt truyện sẽ dành cho những người tai mắt trong xã hội cũ như những danh tướng (Mông Diêm, Lý Quảng, Vệ Thanh), những người làm quan to (Trương Thích Chi, Công Tôn Hoàng, v...v..) Điều đáng chú ý nhất ở đây là ông đã nhìn thấy vai trò to lớn của những con người bình thường, thường không có chức tước gì nhưng có ảnh hưởng vô cùng sâu rộng đối với cả dân tộc. Đó là những du hiệp, những thích khách, trọng nghĩa, khinh tài mà ông đã ghi lại trong những trang sôi nổi (Thích khách Liệt truyện, Du hiệp Liệt truyện). Đó là những nhà tư tưởng mà tác phẩm của ông đã ghi lại cuộc đời, hành trạng và đánh giá học thuyết (Lão Tử, Trang Tử, Tuân Khanh, v.. v..) Đó là những nhà văn như Khuất Nguyên, Tư Mã Tương Như mà ông nêu lên giá trị và nhận xét về nghệ thuật. Đó là những thầy thuốc, thầy bói, thậm chí những anh hề mà trong con mắt của ông lời nói có thể xếp vào Lục Kinh. Và cố nhiên một con người yêu nhân dân và sự thật như Tư Mã Thiên không thể nào quên những tên sâu, mọt, đàn áp bóc lột dân chúng, những bọn “khốc lại” chỉ lo a dua nhà vua, tàn sát dân lành, những bọn ngoại thích lộng quyền và vô số những nhân vật ti tiện mà ông mạt sát bằng những lời phản nộ. Thế giới của Tư Mã Thiên bao la như vậy! Quy mô của tác phẩm làm ta ngợp, bút lực của tác giả làm ta sợ. Đối với những người yêu văn học Trung quốc, tác phẩm đưa đến một cảm giác rất lạ. Ở đây có cái biến ảo của Nam Hoa Kinh, có cái rạch ròi của Hàn Phi Tử. Nhưng còn một cái nữa mà văn học từ Hán trở về trước (trừ Kinh Thi) không thấy có, đó là ý thức bám chắc vào sự thực, không rời cuộc sống dù chỉ nửa bước. Chúng ta cảm thấy mình đứng cả hai chân trần trên mảnh đất của sự thực.

Ấn tượng ấy đến với chúng ta không phải ngẫu nhiên. Đó là vì Sử ký chính là Tư Mã Thiên sống, và con người ấy sống với những tư tưởng lớn.

III. TƯ TƯỞNG

Tư Mã Thiên tự định nghĩa mình là một con người “bất cơ”. “Bất cơ” tức là không chịu trói buộc

mình theo tập tục, vượt ra ngoài lễ thói. Chẳng hạn hai mươi tuổi, cha còn sống, vẫn cứ “viễn du” đi khắp địa bàn Trung quốc, đó là một hành động bất cơ. Nhà vua đặt chức sử quan chẳng qua chỉ để ghi chép việc làm của vua, ăn ở đâu, ngồi ở đâu, ngủ ở đâu, nói câu gì, v.. v...từng một ngày. Và thế là tròn trách nhiệm. Nhưng ông lại muốn “nổi nghiệp Khổng Tử, soi sáng cho đời, chỉnh lý được Dịch Truyện, tiếp tục được Kinh xuân Thu nắm được cái gốc của Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Lễ, Kinh Nhạc, tóm lại ông muốn làm một Khổng Tử thứ hai ngay trong thời đại chuyên chế cực độ. Đó cũng là một ý nghĩ “bất cơ”.

Tư Mã Thiên là con người của một giai đoạn lịch sử rất cụ thể. Lúc ông lên sáu thì Hán Vũ Đế lên ngôi, và ông chết cùng một năm với Vũ Đế. Thời Vũ Đế chính là lúc uy tín nhà Hán đạt đến cực điểm, biểu lộ tất cả cái vĩ đại, huy hoàng làm người ta ngợp mắt. Trong Bình Chuẩn Thư, tác giả đã nói đến cái cảnh tượng phồn thịnh ban đầu, kho đạn đầy rẫy, tiền tiêu không thể hết, dân ăn gà, thịt, có ngựa hàng đàn. Uy tín nhà Hán đã đạt đến trình độ xưa nay chưa hề có. Biên giới phía Nam đến Nam Việt, phía Bắc đến Triều Tiên, buôn bán giao thông với Trung Á, Ấn độ, La Mã. Thành phố tấp nập, cung điện nguy nga. Năm – 138 trước Công Nguyên, Trương Khiên đi sứ về phía Tây, qua Hung Nô đến tận miền Trung Á thuộc Liên Xô ngày nay (gọi gộp là Tây Vực). Nước nhà thống nhất, chế độ tập quyền cực thịnh, tất nhiên đưa đến những sự thay đổi về văn hoá. Vũ Đế nghe lời Đồng Trọng Thư bãi truất bách gia, độc tôn nho học. Thời đại “trăm nhà đua tiếng” đến đây chấm dứt. Văn học chuyển thẳng sang việc ca ngợi lâu đài, ngựa xe, vườn tược nhà vua, mà tiêu biểu nhất là những bài phú của Tư Mã Tương Như. Bấy giờ trước mắt những con người học rộng tài cao có hai con đường. Con đường thứ nhất là vứt bỏ cái mộng làm một sự nghiệp to lớn, thừa nhận trong hoàn cảnh này chỉ còn một cách là làm một anh hề, sống qua ngày đoạn tháng ở trước cửa Kim mã. Đó là con đường của Đông Phương Sóc, của hầu hết tất cả các học giả đương thời. Lại có một con đường khác “xét trong khoảng trời đất, thấu suốt sự biến đổi từ xưa đến nay, làm thành lời nói của một nhà.” Đó là con đường làm một Khổng Tử thứ hai, không phải ở trong hoàn cảnh Xuân Thu, Chiến quốc mà ở trong hoàn cảnh chuyên chế cực thịnh. Tư Mã Thiên đã chọn con đường ấy, và điều đó cắt nghĩa tại sao con người này sống bơ vơ, lạc lõng, tội nghiệp như vậy.

Cái gì đã khiến ông làm một việc bất cơ như vậy? Đó là vì ông thấy mình gắn liền với số phận của dân chúng. Ông thấy cái vẻ thái bình, phồn thịnh trước mắt chỉ là tạm thời. Bọn vua chúa lợi dụng hoàn cảnh yên ổn càng ra sức bóc lột, đàn áp nhân dân, gây chiến tranh để mở rộng đất đai, xây cung thất, dựng lâu đài, tế phong thiên... Cái cảnh phồn vinh tan đi như một giấc mơ. Nhân dân nhao nhác cùng cực, bọn khốc lại xuất hiện ra sức chém giết, hàng chục vạn người bị tù đầy, trong ngoài điêu đứng tan hoang, làm cho nhà Hán tưởng chừng sẽ lao theo bánh xe nhà Tần đã mất. Ông không thể làm một anh hề như Đông Phương Sóc tìm cách sống an thân hay một thứ nhà văn như Tư Mã Tương Như lúc chết còn khuyên nhà vua làm lễ phong thiên. Chính cái thời Vũ Đế đã làm cho ông thấy tất cả cái vinh dự được làm con người Trung quốc. Nó đưa đến cho ông cái ý thức về sự vĩ đại, bao la và thống nhất của tổ quốc mà ông yêu quý. Nhưng càng yêu quý tổ quốc, ông càng gắn bó với nhân dân. Và do đó, bức tranh ông vẽ đương thời không phải là một bức tranh khoa trương tráng lệ như một bài phú của Tương Như, mà nó đầy vẻ bi hùng. Cái mâu thuẫn đau đớn này trong tư tưởng đã đẻ ra cách quan niệm về sử hết sức độc đáo, xứng đáng gọi là một cống hiến về tư tưởng. Có thể nói, Tư Mã Thiên là sử gia đầu tiên trên thế giới viết về lịch sử của một nước. Trước đây, ở Trung quốc chỉ có những người viết lịch sử một công quốc hay kể lại một vài biến cố quan trọng như Xuân Thu Thượng Thư. Những bộ sử như Lịch Sử của Hêrôdot (481-425). Lịch sử chiến tranh ở Pelpônne của Thuxidit (460-396) trong văn học Hy Lạp hay Chiến Tranh ở Gôlơ của Xêđơ trong văn học La Mã,

chẳng qua chỉ kể lại một trận đánh hay một chiến dịch.

Quyển Lịch sử La Mã của Titut Livut (69- 17) sau Sử ký viết toàn bộ lịch sử một đô thị, nhưng đó chỉ là lịch sử một đô thị. Sử ký thì khác, nó là lịch sử của toàn bộ dân tộc Trung hoa kéo dài trên ba ngàn năm từ Hoàng Đế đến Vũ Đế và bao gồm một địa bàn mênh mông. Chính vì có ý thức rất rõ về tính chất thống nhất và tiếp tục của lịch sử, nên tác giả mới có hai phần khác nhau là biểu và bản kỷ, lại có phần thế gia nói những điểm chủ yếu trong lịch sử từng công quốc. Không những thế, ông cũng là người đầu tiên nói về những dân tộc mà người ta gọi là “mọi rợ” và ở đây tuyệt nhiên không có thái độ khinh miệt.

Ông cũng là người đầu tiên viết một quyển thông sử bao gồm mọi mặt của xã hội. Ông chú ý đến tất cả, đọc tất cả, biết tất cả kiến thức của thời đại. Những thiên Hà Cừ Thu, Bình Chuẩn Thu, viết với nhãn lực của một nhà kinh tế học. Ông tìm thấy sự liên quan giữa kinh tế với luật pháp và chính trị. Ông đặc biệt chú trọng đến những thiết chế về văn hoá như lễ, nhạc, văn học. Ông đã làm cái công việc phi thường là xét tất cả các học thuyết của bách gia, trình bày và phê phán, làm công việc của một nhà tư tưởng sử. Ông là người đầu tiên cho ta biết về Khuất Nguyên và sự đánh giá của ông về Khuất Nguyên là quyết định. Quả thật ông đã làm được cái hoài bão to lớn nhất của một con người. Ông đã tổng kết văn hoá Trung quốc lần thứ hai sau Khổng Tử và xứng đáng với lời khen của Quách Mạt Nhược “công lao của Tư Mã Thiên so với Khổng Tử không hơn không kém”.

Phương pháp viết sử của ông cũng rất đáng chú ý. Tư Mã Thiên nói, “tôi chỉ thuật lại chuyện xưa, sắp đặt lại các chuyện trong đời chứ có phải sáng tác đâu. ”. Câu nói này thể hiện đúng cái quan điểm của tác giả và sử. Ngày nay chúng ta không nắm được tất cả những tài liệu ông đã dùng, nhưng có một điều chắc chắn là ông không bao giờ thay đổi tài liệu. Những nhân vật thời Ân, Chu, chính là những nhân vật của Thượng Thu, những nhân vật thời Xuân Thu, Chiến Quốc là những nhân vật của Xuân Thu, Quốc Ngữ, Tả Truyện, Chiến quốc sách. Lời nói của họ là lời họ nói trong thực tế, theo những tài liệu tin cậy nhất. Những bài văn bia của nhà Tần là do chính tay tác giả chép lại. Và ông đã để lại cho chúng ta cả một kho tàng văn kiện vô giá, nào chế, biểu, nào văn bia, thư phú, bài hát, lời ca, cả những bài nghị luận rất dài, tất cả chiếm một phần ba tác phẩm; trong số đó phần lớn còn sống đến ngày nay vì nó gắn liền với số phận của Sử Ký. Đành rằng, đây đó, có những chi tiết sai lầm vì tài liệu lúc bấy giờ số lớn là tài liệu truyền miệng. Nhưng nói chung ông hết sức nghiêm túc. Quan niệm viết sử này khác xa quan niệm những nhà viết sử cổ Hy Lạp, La Mã. Các nhà viết sử cổ đại, trừ Thuxidit, thường xem sử là một công trình nghệ thuật. Những nhân vật của họ đọc những bài diễn văn rất hay, nhưng do họ sáng tác ra, những nhân vật ấy tồn tại với tính cách những giả thuyết tiêu biểu cho chính kiến của họ. Chính vì vậy sử học hiện đại không xem đó là những công trình khoa học, không ai lấy đó làm cơ sở chính cho sự nghiên cứu La Mã, Hy Lạp cổ. Trái lại, Sử Ký từ trước đến nay vẫn là uy tín lớn nhất của cổ sử Trung hoa. Bất kỳ ai muốn nghiên cứu bất kỳ phương diện nào của Trung quốc cổ cũng không thể coi thường nó. Trịnh Tiểu nói, “một trăm đời sau, các sử quan không thể thay đổi cái phép tắc của ông, kẻ học giả không thể bỏ quyển sách của ông”, chính là vì vậy.

Tư Mã Thiên là người cha của sử học Trung hoa, nhưng là một người cha khó bắt chước nhất. Đối với sử học Trung quốc, ông là người duy nhất nói về đương thời. Các sử gia về sau chỉ viết về một triều đại khi triều đại ấy đã chấm dứt. Họ sợ hiện tại và lẩn tránh nó. Trái lại Tư Mã Thiên đã dành một nửa tác phẩm cho giai đoạn từ Hạng Vũ đến Vũ Đế, và việc càng gần, ông

chép càng rõ. Ông để lại những trang vô cùng sinh động về Cấp Âm, con người dám nói thẳng sự thực, không kiêng nể gì Vũ Đế. Ông kết tội Lữ Hậu, nêu bản tính lưu manh của Cao Tổ, phơi bày một bức tranh đau thương về xã hội trước mắt. Ông đau xót trước cái cảnh vua chúa mê tín (Phong thiện thú), phung phí tài sản nhân dân (Bình Chuẩn Thú), ngoại thích lộng hành (Ngụy Kỳ Vũ An Hầu liệt truyện), quan lại tàn ác (Khốc lại liệt truyện), nhà nho cầu an, giả dối (Công Tôn Hoàng truyện, Thích Tôn Thông truyện). Ông run sợ cho tương lai. Và chính ở đây, người ta mới hiểu hết cái tâm sự của ông, lòng yêu nước, yêu nhân dân cũng như sự trung thực của một nhà khoa học.

Nhưng quan trọng hơn hết, ông hiểu tác phẩm của ông là viết cho ai. Ông nói quyển Sử Ký viết cho “những người của nó”. Người của nó đây không phải là một vị ân chủ, một mỹ nhân, mà là nhân dân vĩ đại và bất tử. Ông có ý thức rõ về việc đó, cho nên hai ngàn năm sau đọc Sử Ký, ta thấy nó sinh động, mãnh liệt vô cùng, đồng thời tràn ngập cái hào khí của chính nghĩa. Nhìn vào quyển sách của ông, ta thấy hiện lên rõ rệt sự bất bình đẳng trong xã hội, cảnh nghèo khổ của những nông dân mất hết đất đai, sự giàu có phè phỡn của bọn phong kiến, con buôn lớn. Ta thấy bức tranh hiện thực về xã hội mà bọn bôi bút phong kiến cố hết sức che đậy bằng những danh từ trống rỗng. Cố Viêm Vũ nói rất đúng, “Người xưa làm sử không cần bàn luận, nhận xét, mà cái ý của tác giả thấy ngay trong việc trình bày thì chỉ có một mình Thái sử công làm được mà thôi”. Cái khó ở đây không ở phương pháp mà ở con tim. Cũng vì Tư Mã Thiên không viết tác phẩm theo những khuôn khổ có sẵn về đạo đức phong kiến, nên những nhận xét của ông về lịch sử rất là trác việt.

Ông luôn luôn lấy quyền lợi của nhân dân, lấy sự sống của họ để đánh giá nhân vật lịch sử. Đặc biệt khi viết lịch sử nhân vật nào, ông cũng nêu rõ sự gắn bó của nhân vật với số phận của dân chúng. Ông thấy rõ Trần Thiệp “tài năng ở dưới mức trung bình”, nhưng đã làm được một việc oanh liệt, chỉ vì được dân chúng ủng hộ. Sự phân tích của ông về sự thành công của Lưu Bang và sự thất bại của Hạng Vũ có một ý nghĩa to lớn. Dưới con mắt của ông, Hạng Vũ là một con người phi thường “tài năng và chí khí hơn người”, “từ cận cổ đến nay chưa ai có được như thế”. Về tư cách cá nhân mà nói, thì Lưu Bang kém Hạng Vũ về tất cả mọi mặt. Hạng Vũ là viên tướng bách chiến bách thắng, quân chư hầu sợ Hạng Vũ đến nỗi “đi bằng đầu gối, không ai dám ngẩng lên nhìn”. Hạng Vũ thương người và trọng nghĩa. Trái lại Lưu Bang là một người “không lo làm ăn”, “tham tiền và ham gái”, ngạo mạn, vô lễ, “thấy khách đội mũ nhà nho, Bái Công liền giật lấy mũ đá vào trong”. Thế nhưng cuối cùng Lưu Bang lại lấy được thiên hạ. Đó là vì Lưu Bang biết tự kiềm chế mình, lắng nghe theo lòng dân, luôn luôn chú ý đến dân chúng cho nên dân chúng tin. Đúng như Hàn Tín nói, Hạng Vũ chỉ có cái nhân của người đàn bà, cái dũng của một kẻ thất phu, tiếc tiền, tiếc đất, chỉ tin vào tài năng của cá nhân mình, nghi ngờ tất cả; đã thế lại hiếu sát làm cho nhân dân thất vọng. Lưu Bang đã thắng vì biết dựa vào dân, tận dụng tài năng các tướng. Cách nhìn nhận như vậy rất đúng và khoa học. Nó làm người ta nhớ đến những tác phẩm của Makiaven, ở đây, Tư Mã Thiên có thể sánh với những sử gia lớn nhất của thời cổ đại.

IV. NGHỆ THUẬT

Tư Mã Thiên đã để lại hàng ngàn nhân vật điển hình, sống mãi trong văn học. Riêng về mặt này, ông có thể sánh với những nhà văn lớn nhất của nhân loại. Cả một nhân loại mệnh mông hiện ra trước mắt chúng ta, đủ các thành phần, đủ các nghề nghiệp, đủ các tầng lớp. Hình ảnh những chàng nông dân như Trần Thiệp, Ngô Quảng, những người du thuyết như Tô Tần,

Trương Nghi, Phạm Thư, những hiệp khách như Kinh Kha, Nhiếp Chính, những anh hùng thị như Chu Hợi, Cao Tiêm Ly, những triết gia như Khổng Khâu, Trang Chu, những danh tướng như Hàn Tín, Lý Quảng, những công tử như Tín Lăng Quân, Mạnh Thường Quân, những bạo chúa như Tần Thủy Hoàng, Nhị Thế...v...v... và vô số những hình ảnh khác là những hình ảnh bất tử. Những hình ảnh ấy đã du nhập vào kho tàng văn học, làm thành nhân vật của những truyện kỳ, thoại bản, hỷ khúc, kịch, thơ, lời nói và hành động của họ nhờ Tư Mã Thiên nêu lên đã thành tài sản của dân tộc. Đó là một điều lạ. Nhưng điều lạ hơn là đời sau có thể tô điểm thêm bớt nhưng dường như khó lòng dùng năng lực hư cấu của mình để tạo nên một Kinh Kha, một Hàn Tín, hay một Hạng Vũ khác hẳn hình tượng Tư Mã Thiên đã tạo nên mà cũng sinh động như vậy. Có thể nói những hình tượng Tư Mã Thiên tạo ra đã được nhân dân tiếp nhận toàn vẹn. Điều đó không phải là một hiện tượng thường thấy trong lịch sử văn học. Nếu ta xét những nhân vật lịch sử Âu châu thì ta thấy rõ họ được biểu hiện trong văn học một cách rất khác nhau ở từng nhà văn. Hiện tượng Catilina của sử gia La Mã Xanlut rất khác hình tượng Catilina của Ben Jonxôn. Hình tượng Catilina của Ipxen lại càng khác hẳn. Tư Mã Thiên làm thế nào cho nhân vật của mình sống mãnh liệt đến nỗi họ tồn tại khách quan ở ngoài nhà văn, và dân chúng khó lòng chấp nhận sự thay đổi?

Khi miêu tả một nhân vật lịch sử, các sử gia thường chỉ nhận xét họ trong những giờ phút họ đóng một vai trò lịch sử, họ chỉ xét nhân vật trong “tư thế lịch sử” của nó. Nhưng làm như thế, tức là cắt xén nhân vật, biểu hiện nó một cách phiến diện và thậm chí có khi xuyên tạc vì trong những lúc cá nhân có ý thức về vai trò lịch sử của mình, họ thường đóng kịch. Tư Mã Thiên không làm như vậy. Ông chỉ nắm Hàn Tín khi làm thượng tướng quân của Lưu Bang, mà còn nắm Hàn Tín ngay từ khi ăn nhờ, chui qua hàng người ta ở ngoài chợ. Nhờ sống trong nhân dân và đến tận nơi điều tra, nên ông thấy Trần Bình từ khi chia thịt, thấy Phàn Khoái từ khi bán thịt chó. Ông chú ý đến Trương Nghi từ khi anh chàng bị đánh gần chết, gãy hết cả răng, chú ý đến Lưu Bang từ khi ăn quyết tiền rượu. Tư Mã Thiên theo dõi một nhân vật và cốt tìm cho được cái bản chất của nó. Chính vì thế ông không ao giờ bỏ qua những cảnh thiếu thốn, nhục nhã mà nhân vật đã trải qua, vì ông biết bản chất con người thường lộ ra ở những lúc ấy. Đối với ông, nhân vật lịch sử vĩ đại đến đâu trước hết cũng chỉ là một người bình thường. Khổng Khâu trước khi được tôn sùng như một vị thánh cũng chỉ là một người mong muốn được làm quan, phiêu bạt đi tìm công danh, mấy lần suýt theo những kẻ mà ông gọi là loạn thần, tặc tử. Trong khi theo dõi nhân vật, ông không chạy theo sự kiện mà cốt tìm được cái quyết định tính cách của con người. Ông thấy tính cách con người do nhiều yếu tố quyết định. Có khi nó là một thiên hướng từ nhỏ. Nhân vật Trương Thang điển hình cho bọn quan lại tàn ác, lúc nhỏ giữ nhà để chuột ăn mất thịt, bị cha đánh đòn. Thang bắt được chuột làm một bản án kết tội chuột. “Người cha xem thấy lời văn quả là một tay quan lại coi ngục sành sỏi, cả kinh. ”. Có khi nó là kết quả của nghề nghiệp, giáo dục. Lữ Bất Vi, một thương nhân giàu thấy Tử Tương, con vua Tần làm con tin ở Triệu, thì nói, “món hàng này có thể bán được đây”. Y xuất tiền bạc quảng cáo cho hàng và cuối cùng được lãi to, làm tể tướng nước Tần. Ông thấy cái điều làm một vĩ nhân khác con người tầm thường là ở chỗ họ có một hoài bão lớn ngay trong những cảnh ngộ cùng khổ nhất. Ông lắng nghe chàng cố nông Trần Thiệp đang cày, bỗng dừng lại nói với các bạn cày, “sau này phú quý chớ quên nhau”. Ông chú ý đến cậu bé Hạng Vũ học kiếm chẳng thành, nhưng đòi “học cái đánh lại vạn người”. Một khi tìm được tính cách của nhân vật, ông cố gắng tìm những câu nói điển hình và những hành động điển hình, để làm cho hình tượng càng nổi bật. Nói đến Hàn Tín là người ta nhớ đến câu, “nhà vua không muốn lấy thiên hạ sao, tại sao lại chém tráng sĩ?”. Nói đến Lý Tư, không ai quên được câu, “người ta ở đời hiền hay bất hiếu cũng như con chuột,

chẳng qua do hoàn cảnh cả”. Những câu như vậy có hàng ngàn. Có nhiều nhân vật chỉ xuất hiện trong một vài câu, nhưng họ được điển hình hoá ngay vì tác giả đã nắm được câu nói điển hình của họ. Chẳng hạn những nhân vật như Cáp Nhiếp, Phàn U Kỳ, trong Thích khách liệt truyện, nói không quá hai câu, nhưng đủ làm người ta thấy rõ cái phong thái trọng nghĩa khinh tài và lòng căm thù chồng chất của họ đối với nhà Tần. Những câu nói điển hình và những hành động điển hình thường không phải là những câu nói và hành động gì có tầm quan trọng lịch sử. Tônxtôi trong bài nhận xét về Chiến tranh và hoà bình, nói nhà viết tiểu thuyết lịch sử miêu tả nhân vật lịch sử khi họ mang áo ngủ. Tư Mã Thiên còn đi xa hơn. Để miêu tả thái độ ngạo mạn của Vũ Đế, chỉ cần một chi tiết, “nhà vua có khi ngồi xồm ở bên giường để tiếp đại tướng quân Vệ Thanh.” Để miêu tả sự suồng sã của Lưu Bang chỉ cần một chi tiết nhỏ, “Chu Xương có lần vào tàu thấy Cao Tổ đang ngồi ôm con gái. Xương chạy ra. Cao Tổ đuổi theo cười lên cổ hủi, “ta là vị vua như thế nào? Xương ngẩng đầu lên đáp, “Bệ hạ là ông vua Kiệt, Trụ. Nhà vua liền cười ha hả”. (Trương thừa tướng truyện). Một chi tiết như vậy cũng đủ làm cho ngàn năm sau không ai có thể bênh vực cho Vũ Đế và Cao Tổ về việc quý trọng kẻ sĩ.

Một khi đã nêu lên tính cách chủ đạo của nhân vật, tác giả không bao giờ dừng lại để bàn bạc, trái lại ông trình bày dồn dập những sự việc điển hình tự bản thân nó có đủ sức thuyết phục hùng hồn hơn mọi lý luận. Đó là then chốt của phương pháp tự sự của ông mà đời sau không ai bắt chước được. Bản kỷ Hạng Vũ chẳng hạn, viết với lối văn khô khan của biên niên sử. Ở đây, chỉ có sự kiện và năm tháng, nhưng vì biết rút từ sự kiện ra cái làm thành cá tính của Hạng Vũ và thời đại Hạng Vũ cho nên chính cái lối trình bày đơn giản khách quan này lại lôi cuốn người đọc hơn mọi thứ từ chương.

Văn của Tư Mã Thiên là lối văn giản dị, chắc nịch của thời Tây Hán. Cách tự sự của ông có được cái tính chất rắn chắc, khúc chiết của đương thời, nhưng còn có một điều đặc sắc hơn là rất sinh động và đa dạng. Những con người của Tư Mã Thiên đồng thời biểu hiện những đặc sắc chung của thời đại họ, nhưng lại giữ được những nét nổi bật làm thành bản sắc của họ.

Muốn làm nổi bật cái cá tính của nhân vật cũng như màu sắc chung của thời đại, không bao giờ tác giả xét nhân vật một cách cô lập, mà đặt nó trong sự đối lập với các nhân vật khác. Đọc Lý Tư người ta nhất định phải thấy Triệu Cao, đọc Bình Nguyên Quân thì thấy ngay Tín Lãng Quân, bên cạnh Lưu Bang luôn luôn có mặt Hạng Vũ. Để làm nổi bật sự đối lập, tác giả rất chú ý đến sự đánh giá về nhân vật của người đương thời. Mỗi nhân vật như vậy ít nhất cũng được vài ba người đánh giá. Để đánh giá Lưu Bang, tác giả nhắc lại những lời đánh giá của Tiêu Hà, Phạm Tăng, Lịch Sinh, Trương Lương, Trần Bình, Hàn Tín, v.. v... Để đánh giá Tín Lãng Quân, tác giả không quên những nhận xét của Hầu Sinh, Mao Công, Tiết Công, Bình Nguyên Quân, v.. v... Tác giả nhiều khi gộp họ vào một chương để càng làm nổi bật chủ ý của mình. Đó là những lúc đối lập rõ rệt. Nhưng có những lúc đối lập kín đáo hơn thì thật là thú vị. Chẳng hạn không phải ngẫu nhiên mà tất cả những quan lại tốt trong Tuần lai liệt truyện đều là người trước đời Tần. Trái lại tất cả những người trong Khốc lại liệt truyện đều là những nhân vật thời Hán. Cũng vậy, ai cũng phải thừa nhận hình tượng về Vũ Đế, sao mà giống Tần Thuỷ Hoàng làm vậy, cũng huênh hoang, tự đắc, thích chiến tranh, thích thần tiên, thích xây dựng, thích xu nịnh.

Chính cái phương pháp tự sự bậc thầy, công phu và chu đáo vô cùng đã làm cho nhân vật sống một cách trọn vẹn, và cũng do đó, đời sau không thể nào thay đổi được. Sự thực vốn hùng hồn hơn lời nói, và khi các sự thực đã xếp thành hệ thống ngay nga thì tự nó sẽ nói lên tiếng nói của chân lý.

Phải chăng vì thế mà tác giả vắng mặt? Không, tác giả luôn luôn có mặt. Hình ảnh của Tư Mã Thiên rất rõ ở từng trang, tâm sự của ông hiện lên như một tiếng đàn tuy rất khê nhưng rất rền trong bản hợp tấu vĩ đại. Chúng ta biết bản thân sự đối lập là biểu hiệu một thái độ. Ngoài ra tác giả còn sử dụng rất thạo phương pháp viết sử của Kinh Xuân Thu. Mục đích của nó là trình bày sự thực khách quan, nhưng bằng cách đối lập với các việc khác hay thêm bớt một chữ mà tỏ thái độ của mình. Chẳng hạn trong Hoài Âm Hầu liệt truyện để nói rằng, Hàn Tín chết vô tội chứ không phải làm phản, ông gọi Tín là “Hoài Âm Hầu”, chứ không gọi Hàn Tín như gọi Kinh Bố trong Kinh Bố liệt truyện. Ông kể tỉ mỉ ba lần người ta thuyết phục Tín làm phản, mà Tín không nghe, nhắc đến năm lần cái câu Hán Vương sợ Hàn Tín. Đến lúc Tín chết, thì hồi hận không biết trước thái độ lật lọng của Lưu Bang, trái lại Lưu Bang nghe tin vừa giận vừa mừng, v.. v... Lối bút pháp ấy rất là nghiêm và rất rõ ràng đối với những người quen đọc Xuân Thu. Ngoài ra mỗi khi hết chương, tác giả thường đưa ra những nhận xét của mình, để ký thác tâm sự hay đính chính lại những cách nhìn sai lầm của tập tục.

Sử ký là một tác phẩm khó nhưng rất hay. Nó làm cho người đọc say mê và giáo dục họ rất nhiều. Nhưng vì nội dung phong phú, cách diễn đạt kín đáo nên phải đọc đi đọc lại nhiều lần mới thấy hết cái hay của nó. Chúng tôi cố gắng dịch những chương tiêu biểu, chương nào dịch thì dịch trọn vẹn, chỉ lược bớt những đoạn ít quan trọng đối với văn học. Vì cách hành văn theo lối Xuân Thu rất xa lạ đối với chúng ta, nên chúng tôi cố gắng chú thích, phân đoạn, tóm tắt để làm sao cho người đọc làm quen với tác phẩm một cách dễ dàng. Tuy vậy, chúng tôi cũng biết không thể nào giới thiệu hết cái hay của tác phẩm. Một ngày gần đây, khi Tư Mã Thiên đã quen thuộc với bạn đọc hơn, chắc Sử Ký sẽ được dịch toàn bộ.

Trong việc dịch, chúng tôi đã được cụ Phan Võ xem lại và cụ Phan Duy Tiếp giúp đỡ. Chúng tôi biết rằng vì trình độ dịch giả hạn chế, bản dịch thế nào cũng có nhiều thiếu sót. Nhưng chúng tôi tin rằng dù bản dịch có nhiều thiếu sót, các bạn sẽ thấy ở đây một tác phẩm vĩ đại và một con người lỗi lạc. Chắc chắn bạn đọc Việt Nam sẽ thấy Sử Ký là quyển sách của mình và dành cho Tư Mã Thiên một mối tình nồng hậu như các bạn đã có đối với Khuất Nguyên và Đỗ Phủ. Suốt đời Tư Mã Thiên không muốn gì hơn là có những người hiểu mình. Chúng tôi tin chắc rằng sau hai ngàn năm con người vĩ đại ấy sẽ được yêu hơn bao giờ hết, vì bạn đọc của ông là những con người của một thời đại huy hoàng và vô cùng vĩ đại.

Nhữ Thành

Thái Sử Công Tự Đề Tựa -

T hái Sử Công nói:

- Cha tôi (Cha Tư Mã Thiên, là Tư Mã Đàm, làm chức Thái Sử) có nói: “Sau khi Chu Công mất được năm trăm năm thì có Khổng Tử. Khổng Tử mất đến nay đã được năm trăm năm. Nếu có kẻ nổi nghiệp, soi sáng cho đời, chỉnh lý được Dịch truyện tiếp tục Kinh Xuân Thu, nắm được cái gốc của Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Lễ, Kinh Nhạc, thì là ở lúc này đây! Ở lúc này đây. ”

Kẻ hèn mọn này dám đầu tư chối việc ấy.

Quan thượng đại phu là Khổng Toại nói:

- Tại sao ngày xưa Khổng Tử lại làm Kinh Xuân Thu?

Thái Sử Công nói:

- Tôi nghe Đồng Sinh (Tức Đồng Trọng Thư, một nhà nho có tiếng sống cùng thời với Tư Mã Thiên) nói: “Đạo nhà Chu bị suy bỏ, Khổng Tử làm tư khấu ở nước Lỗ, bị các nước chư hầu hại, các quan đại phu ngăn cản. Khổng Tử biết lời nói của mình không được dùng, đạo của mình không được thi hành, bèn phê phán những việc xảy ra trong hai trăm bốn mươi hai năm, để làm khuôn phép cho thiên hạ. Người chê thiên tử, ức chế chư hầu, phạt tội các đại phu, để nêu rõ vương đạo nên như thế nào”. Khổng Tử nói, “Ta muốn lấy lời nói suông để chép về đạo không bằng chứng minh ở việc làm thì càng sâu sắc, rõ ràng hơn”. Kinh Xuân Thu trên làm sáng tỏ đạo của Tam Vương (ba đời vua: nhà Hạ, nhà Thương, nhà Chu) dưới phân biệt quy tắc của con người, biệt bạch chuyện hiểm nghi, soi sáng điều phải trái, quyết định điều còn do dự, khen điều hay, chê điều dở, tôn người hiền, chê kẻ bất hiếu, bảo tồn lấy cái nước đã mất, nối lại cái đời đã đứt, vá lại cái đã rách, dựng lại cái đã bị bỏ, đó là một điều lớn của đạo vương vậy!

Kinh Dịch chép trời đất, âm dương, bốn mùa, ngũ hành, cho nên giỏi về chỗ biến hoá. Kinh Lễ chép về luân lý con người cho nên giỏi về đức hạnh. Kinh Thư chép về việc làm của các vua đời trước, cho nên giỏi về chính trị. Kinh Thi chép về núi, sông, hang, suối, chim, muông, cây cỏ, trồng, hái, đực, cái, cho nên giỏi về nói bóng gió. Kinh Nhạc làm cho người ta vui, cho nên giỏi về hoà hợp. Kinh Xuân Thu phân biệt phải trái, cho nên giỏi về việc trị người.

Vì vậy, Kinh Lễ là để giữ gìn con người. Kinh Nhạc là để làm cho hoà hợp. Kinh Thư để bàn việc. Kinh Thi để tỏ ý, Kinh Dịch để nói về sự biến hoá, Kinh Xuân Thu để dạy về việc nghĩa. Giúp đời loạn làm cho nó trở lại đường ngay, thì không sách nào cần thiết bằng Xuân Thu.

Xuân Thu chữ có mấy vạn, ý của nó mấy nghìn, vạn vật tan hợp đều ở Kinh Xuân Thu. Trong Kinh Xuân Thu ba mươi sáu vua bị giết, năm mươi nước bị mất, các chư hầu ngược xuôi chạy vậy không giữ nổi nước của mình, không kể hết. Xét lại sao như vậy, thì đều là bỏ mất cái căn bản (tức là nhân nghĩa – N. D.)

Vì vậy, nên Kinh Dịch nói, “Sai một hào một ly, lầm đến nghìn dặm! ”. Cho nên nói, “Tôi giết vua, con giết cha, không phải duyên cớ một sớm một chiều mà ra, cái đó đã ngầm ngầm từ lâu rồi. ”

Cho nên, kẻ có nước không thể không biết Kinh Xuân Thu: trước mặt có kẻ gièm pha mà mình không biết, sau lưng có quân giặc mà mình không hay. Người làm tội không thể không biết Kinh Xuân Thu; nếu không, gặp việc thường không biết nên như thế nào, gặp việc biến không biết xoay xử ra sao. Làm vua làm cha mà không thông thạo về nghĩa lý của Xuân Thu thì hẳn mang lấy cái tiếng gây ra tội. Làm tôi làm con, mà không thông thạo nghĩa lý của Xuân Thu, thì hẳn hãm vào tội cướp ngôi giết cha, cái tiếng tử tội. Thực ra, họ vẫn cứ cho rằng đó là phải mà làm; vì không biết nghĩa lý, nên bị tai tiếng không sao tránh khỏi. Chỉ vì không hiểu cái thâm thúy của lễ và nghĩa, mà đến nỗi vua không ra vua, tôi không ra tôi, cha không ra cha, con không ra con. Vua chẳng ra vua thì phạm tội với lễ nghĩa; tôi chẳng ra tôi thì phải giết; cha chẳng ra cha thì vô đạo, con chẳng ra con thì bất hiếu. Bốn điều ấy là những lỗi lớn ở trong thiên hạ. Buộc cho họ cái lỗi lớn ở trong thiên hạ mà họ không dám từ chối.

Cho nên Kinh Xuân Thu, là gốc lớn của lễ, nghĩa. Lễ là để cấm trước khi việc xảy ra, pháp luật là để trừng trị sau khi việc đã xảy ra. Công dụng của pháp luật dễ thấy, còn công dụng của lễ để ngăn cấm thì khó biết.

Khổng Toại nói:

- Đời Khổng Tử, trên không có vua sáng, dưới không được tin dùng, cho nên người mới làm Kinh Xuân Thu để lại cái lời suông đặn nối tiếp lễ, nghĩa, làm phép tắc của một vị vua. Nay ông ở trên thì gặp đức vua sáng suốt, ở dưới thì được giữ chức quan, muôn việc đều được sắp đặt đúng chỗ, vậy điều ông bàn đó là muốn soi sáng cái gì?

Thái Sử Công nói:

- Dạ, dạ! Không, không! Đâu phải thế! Tôi nghe cha tôi nói, “Phục Hy hết sức thuần hậu, làm ra tám quả kinh dịch: Thượng Thư chép nền thịnh trị đời Nghiêu, Thuấn, do đó mà làm ra lễ nhạc; công của Thành Thang, Vũ Vương được thi nhân ca tụng. Kinh Xuân Thu khen điều thiện, chê điều ác, suy diễn cái đức thời Tam Đại, khen nhà Chu, chứ nào có chê bai mà thôi đâu? Từ khi nhà Hán nổi lên, đến đức vua chúng ta nay, được diễm lành, lễ phong thiện (Lễ tế trời ở trên núi Thái Sơn), thay niên hiệu (Vũ Đế bắt đầu đặt niên hiệu là Kiến Nguyên – 110 trước công nguyên) đổi áo mũ, chịu mệnh của cao xanh, ơn đức thấm đến chỗ vô cùng. Những người xa lạ ở ngoài bể hai ba lần dịch tiếng đều đến châu, xin nộp cống, kẻ không hết. Trăm quan ở dưới ra sức tán tụng thánh đức cũng còn chưa nói hết ý.

Hơn nữa, có kẻ sĩ hiền và có tài mà không dùng là điều sỉ nhục của nước; chúa thượng có đức sáng mà đức không được truyền rộng ra, thì đó là lỗi của kẻ bề tôi.

Vả chẳng tôi làm chức ấy mà bỏ thánh đức không chép, huỷ bỏ công nghiệp của các công thần, các đại phu hiền đức không thuật lại, bỏ lời cha dạy, thì tội còn gì nặng hơn? Tôi chỉ thuật lại chuyện xưa, sắp đặt lại các truyện trong đời, chứ có phải là tự làm ra đâu, ông đem sánh với Xuân Thu thì lắm to.

Thế rồi biên chép sắp đặt văn Sử Ký được bảy năm thì Thái Sử Công gặp cái họa Lý Lăng, bị cùm trói trong tù.

Bèn bùi ngùi mà rằng:

- Đó là tội của ta! Đó là tội của ta! Thân tàn không dùng được nữa rồi!

Nhưng rồi lại suy nghĩ kỹ mà rằng, “Ồi! Viết sách làm thơ, đó là điều những người trong lúc cùng, dùng để truyền đạt cái ý nghĩ của mình. Xưa Tây Bá (Vua Văn Vương nhà Chu) bị tù ở Dữu Lý nên diễn giải Chu dịch. Khổng Tử gặp nạn ở đất Trần, đất Thái, nên viết Xuân Thu; Khuất Nguyên bị đui, viết Lý Tao; Tả Khâu Minh bị mù làm Quốc ngữ; Tôn Tần cụt chân bán binh pháp; Lữ Bất Vi bị đày sang Thục, đời truyền lại sách Lữ Lâm; Hàn Phi bị tù ở Tần, làm những thiên Thuyết nan, Cô Phẫn; ba trăm bài ở Kinh Thi phần lớn đều do thánh hiền làm ra để giải bày các nỗi phẫn uất. Những người ấy đều vì có những điều uất ức không biểu lộ ra được, cho nên thuật lại việc xưa mà lo truyền lại người sau.

Do đó, bèn soạn thuật cho xong từ thời Nghiêu cho đến năm được lên thì dùng bút (Hán Vũ Đế, năm Nguyên Thú năm đầu – 123 trước Công nguyên, được một con thú có sừng, chân có năm móng, cho là con lân - Khổng Tử năm xưa làm Xuân Thu, đến năm vua Ai Công nước Lỗ săn được con lân thì dùng bút. Ở đây, Thái Sử Công có ngụ ý sách Sử Ký của ông cũng nối theo sách Xuân Thu của Khổng Tử), bắt đầu từ Hoàng đế (Bài tự này viết theo lối vấn đáp: đầu tiên nêu ý định của cha là xây dựng một sự nghiệp như Khổng Tử để chứng minh mình tiếp tục công trình của cha. Sau đề cao Xuân Thu đồng thời gián tiếp khẳng định tác dụng của Sử Ký. Vì sợ nói thể táo bạo quá nên thoái thác nói mình không sáng tác, tác phẩm mình không dám sánh với Xuân Thu. Cuối cùng bộc lộ sự phẫn uất của mình, đồng thời biểu lộ cái chí muốn viết Xuân Thu. Lối văn biến hoá, khúc chiết xứng đáng bài tựa của một tác phẩm lớn. Đoạn này trích trong thiên cuối cùng của Sử Ký.)

Thư Trả Lời Nhâm An -

T ôi, hạng trâu ngựa Tư Mã Thiên, Thái Tử Công, kính thưa Thiếu Khanh túc hạ(1).

Trước đây ông có hạ cố gửi thư dạy phải cẩn thận về việc tiếp người, cốt phải tôn người hiền, tiến cử kẻ sĩ, ý ông ân cần tha thiết, hình như trách tôi không nghe lời dạy mà lại theo lời bọn thế tục tầm thường. Tôi đâu dám thế.

Tôi tuy hèn nhát, nhưng cũng đã từng trộm nghe lời chỉ giáo của bậc trưởng giả. Vì một nỗi thân hình tàn phế, địa vị hẩm hiu, hễ động là bị chê trách, muốn được ích thì trở lại có hại, cho nên uất ức một mình không biết nói cùng ai.

Tục ngữ có câu: “Làm cho ai biết, nói cho ai nghe?” Chung Tử Kỳ chết rồi, Bá Nha suốt đời không gảy đàn nữa! Tại sao vậy? Vì kẻ sĩ ra sức với người tri kỷ, con gái làm dáng với người yêu mình, theo tôi thì cái thân này đã hỏng rồi, tuy tài có bằng châu của Tùy Hầu, ngọc của Biện Hòa, hạnh có cao bằng Bá Di, Hứa Do, rút cục cũng không có cách gì mà lòe với ai, chẳng qua chỉ để mua cười và tự làm ô nhục mình mà thôi!

Thơ của ông đáng lý phải đáp ngay, nhưng giữa lúc theo hoàng thượng sang Đông, lại vì việc riêng cấp bách, ít có dịp gặp nhau. Vội vàng không có lúc nào rảnh có thể tỏ hết nỗi lòng. Nay Thiếu Khanh gặp tôi không biết đến thế nào. Ngày qua tháng lại, cuối đông sắp tới... (2) Tôi lại sắp phải theo nhà vua đi Ung Châu, sợ có sự chẳng may xảy ra thì tôi rút cục đành chịu không sao bày tỏ nỗi buồn bực để cho ông rõ, mà hồn phách kẻ vĩnh biệt (3) sẽ riêng ân hận không cùng. Tôi xin trình bày qua tắc dạ quê mùa. Để lâu không trả lời, xin đừng bắt lỗi.

Tôi nghe: sửa mình là dấu hiệu của trí: yêu thương giúp đỡ người là đầu mối của nhân: định nên lấy cái gì, cho cái gì là biểu hiện của nghĩa: gặp cảnh sĩ nhục là điều quyết định của dũng: lập danh là cái cao nhất của đức hạnh. Kẻ sĩ có năm điều ấy thì mới có thể sống ở đời mà đứng ở vào hàng quân tử; Cho nên tai họa tệ nhất là thiếu tiền chuộc tội, đau không có gì thảm hơn là đau lòng: nét xấu nhất là nhục đến cha mẹ, nhục nặng nhất là bị cung hình (4)! Con người bị hình phạt sống thừa không còn đáng đếm xỉa nữa, điều đó không phải chỉ ở đời này mà đã có từ lâu. Ngày xưa Vệ Linh Công cùng đi với Ung Cừ, Khổng Tử bỏ sang nước Trần, Thương Ưởng nhờ Cảnh Giám được yết kiến Tần Vương, Triệu Lương thấy lạnh cả ruột (5); Đồng Tử ngồi bên xe; Viên Ti biến sắc mặt (6). Từ xưa đã từng lấy điều đó làm xấu hổ. Đến kẻ tài năng bậc trung, mà việc dính líu đến bọn hoạn quan, còn không ai không mũi lòng, huống gì kẻ sĩ có chí khí khải lại không biết hay sao?

Nay triều đình tuy thiếu người, nhưng lẽ nào lại để kẻ bị cưa dao sống sót mà còn tiến cử kẻ hào kiệt trong thiên hạ? (7)

Tôi nổi nghiệp tiền nhân mà châu chực dưới xe loan đã hơn hai mươi năm nay. Tôi vẫn thường tự nghĩ: mình trên đã không thể tỏ lòng trung tín, được tiếng khen là có tài, có sức, có mưu lạ, để được bậc minh chủ đoái thương, lại cũng không biết lượm lặt cái bỏ sót, chấp vá cái thiếu thốn, đón người hiền, tiến cử người tài, làm vinh hiển kẻ sĩ ở ẩn trong chốn núi non, ở ngoài không thuộc vào hàng ngũ có công đánh thành xông trận, chém tướng giết cờ, cùng ra nữa cũng không ngày ngày tích lũy công lao, để được quan cao, lộc hậu, làm đẹp mặt họ hàng bè bạn.

Cả bốn điều đó tôi không được điều nào. Cho nên tôi đành nướng nấu qua thì, đó cũng đủ thấy tôi chẳng có gì là hay ho cả.

Tôi cũng đã thường mon men dự vào hành hạ đại phu, được dự bàn bạc ở ngoại đình. Lúc ấy, tôi chẳng biết trình bày mối giường, dâng lên những điều suy nghĩ. Đến nay thì thân hình đã sút mẻ, làm người tôi đòi, ở trong đám ti tiện, lẽ nào còn muốn ngẩng đầu, giờ mặt trình bày phải trái! (8). Thế chẳng hoá ra khinh triều đình, làm xấu hổ cho kẻ sĩ trên đời này lắm sao! Than ôi! Than ôi! Như tôi đây còn nói năng gì nữa, còn nói năng gì nữa;

Vả chẳng, việc của tôi gốc ngọn không dễ thấy rõ. Từ nhỏ tôi mang cái tài phóng túng (9), lớn lên không được làng xóm khen ngợi. May chúa thượng vì có cha tôi, cho tôi được trở chút nghề mọn, ra vào nơi cấm vệ. Tôi nghĩ rằng con người đội chậu làm sao còn nhìn được trời; vì vậy cho nên không giao tiếp với khách khứa, quên việc sản nghiệp của gia đình. Ngày đêm đem cái tài sức kém cỏi của mình, chỉ cốt một lòng làm tròn chức vụ, để mong được chúa thượng thương đến. Thế mà lại gặp cái việc trái hẳn ý của mình.

Tôi và Lý Lăng điều ở dưới môn hạ chúa thượng, vốn cũng không quen thân nhau, chí hướng khác nhau, chưa từng nâng chén rượu, vui vẻ ân cần. Thế nhưng tôi thấy ông ta là kẻ sĩ kỳ lạ, biết tự giữ mình, thờ cha mẹ có hiếu, đối với kẻ sĩ thì tin, liêm khiết ở chỗ tiền tài, giữ nghĩa trong việc cho và lấy, biết phân biệt nhường nhịn, khiêm tốn, cung kiệm chịu người, thường lo hăng hái quên mình để tính việc cần kíp của nước nhà, đó là cái điều chứa chất ở trong lòng ông ta, tôi cho ông ta có cái phong thái của người quốc sĩ.

Ôi! Kẻ làm tôi biết liều trong lúc muốn chết không nghĩ đến sự sống của mình, lao vào nạn nước nhà như thế cũng đã là lạ vậy. Nay chỉ bị một lần hồng việc, thế mà những người tôi lo giữ thân mình, giữ vợ con, cứ thêm dặt thêm cái lỗi ông ta, tôi lòng riêng đau xót vì việc đó.

Vả chẳng, Lý Lăng cầm không đầy năm ngàn bộ binh, tiến sâu vào chiến địa, chân đến nơi sân vua Thiên Du, như mũi sa miệng hổ, khiêu khích bọn Hồ Mạnh. Ngẩng đầu (10) đón lấy quân địch úc vạn, cùng quân Thiên Vu chiến đấu liên tiếp hơn mười ngày, giết được rất nhiều, giặc không kịp cứu người chết, kiêng kẻ bị thương. Các chúa Hung Nô mặc áo cừu run sợ bèn đem tất cả tả, hữu - hiền - vương (11), đem tất cả quân cung nỏ trong nước vây lại mà đánh. Lăng chiến đấu ở ngoài ngàn dặm, lên hết đường cùng, cứu binh không đến, quân sĩ chết và bị thương chồng chất! Nhưng Lăng hô một tiếng, tất cả quân sĩ đều vùng dậy! Người đầy nước mắt, lau mặt bằng máu, uống bằng nước mắt, lại giờ nắm tay không xông vào nơi mũi nhọn, quay về hướng bắc tranh nhau liều chết với giặc. Khi Lăng chưa bị thua, các sứ về báo tin, các công, khanh, vương, hầu đều nâng chén rượu chúc thọ thiên tử. Mấy ngày sau, nghe tin Lăng thua trận đưa về, chúa thượng vì vậy ăn không biết ngon, ra triều không vui, quan đại thần lo lắng không biết làm thế nào. Tôi trộm không tự liệu mình ti tiện, thấy chúa thượng đau xót buồn rầu, lòng muốn bày tỏ nỗi niềm ngu dại, cho rằng Lý Lăng vốn cùng các sĩ, đại phu, chia miếng ngon, chịu phần thiệt, được người ta liều chết hết lòng, tuy danh tướng ngày xưa cũng không hơn được. Thân Lăng tuy hãm vào cảnh thất bại, nhưng xem ý ông ta là muốn lập công để báo ơn nhà Hán. Việc đã đành như thế rồi, nhưng kẻ công đánh bại quân địch của ông ta, cũng đủ tỏ với thiên hạ. Trong lòng tôi muốn trình bày điều đó, nhưng chưa có dịp. Nhân gặp lúc nhà vua hỏi đến, tôi bèn đem ý ấy ra, trình bày công lao của Lăng, muốn chúa thượng mở lượng khoan hồng và ngăn chặn lời lẽ dèm pha. Tôi chưa nói được hết, chúa thượng không rõ, cho rằng tôi biện bạch hộ Lý Lăng, để ngăn trở Nhị Sư (12) bèn giao tôi cho pháp quan trị tội.

Nổi lòng trung u uất, rốt cuộc vẫn không sao tự trình bày được, do đó mang tội đối chúa thượng, phải xử theo lời của hình quan! Nhà tôi nghèo không có đủ tiền của để chuộc tội (13), bạn bè không ai cứu, tả hữu thân cận, không ai nói hộ một lời! Thân mình không phải là gỗ đá, một mình phải chung chạ với bọn pháp lại, ở trong nhà giam âm thầm sâu kín, nổi lòng biết tỏ cùng ai? Điều này thì bản thân Thiếu Khanh cũng tự thấy, việc làm của tôi há không đúng sao?

Lý Lăng đã cầu sống đầu hàng, gia thanh bị sụp đổ và tôi bị đưa xuống nhà tằm (14) bị thiên hạ chê cười lẫn nữa. Than ôi, thương thay! Việc này không thể một hai nói cho bọn tục nhân nghe vậy.

Ông cha tôi không có công được chẻ phù phong tước, viết chữ son để lại, nghề viết văn, viết sử, xem sao, xem lịch, thì cũng gần với bọn thầy bói thầy cúng, chúa thượng vẫn đùa bỡn, nuôi như bọn con hát, còn thế lực thì vẫn coi thường (15). Giả sử tôi có phạm pháp bị giết, thì cũng như chín con trâu mất một sợi lông, có khác gì sâu kiến, mà thế lực lại không thể sánh với việc tử tiết. Họ chẳng qua chỉ cho rằng vì trí cùng, tội quá nặng không thể gỡ nổi cho nên chịu chết đó thôi. Tại sao vậy? Đó là vì danh vị của mình khiến như vậy.

Ai cũng có một lần chết. Cái chết có khi nặng hơn núi Thái Sơn, có khi nhẹ hơn lông chim hồng. Đó là vì cách dùng nó khác nhau mà ra.

Cao nhất thì không làm nhục đến cha ông, thứ nữa thì không làm nhục đến thân mình, thứ nữa thì không làm nhục đến lý lẽ và đáng mặt, thứ nữa thì không làm nhục đến lời lẽ, thứ nữa khuất mình chịu nhục, thứ nữa đổi áo chịu nhục, thứ nữa chịu nhục đeo gông cùm, bị roi vọt, thứ nữa chịu nhục cạo đầu mang xiềng xích, thứ nữa chịu nhục bị hủy hoại da thịt chặt chân tay. Hèn nhất là việc bị cung hình. Sách có nói “Hình phạt không đụng đến đại phu”. Đó là nói làm kẻ sĩ phải cố gắng giữ lấy tiết tháo. Con mãnh hổ ở trong núi sâu, trăm thú đều sợ hãi, nhưng khi nó đã vào cạm bẫy ve vẩy cái đuôi để xin ăn, thì cái oai mấy lâu nay đã mất hết! Cho nên kẻ sĩ có khi vẽ đất làm nhà ngục, mà cũng không thể vào, đeo gổ làm pháp lại, mà cũng không chịu đối đáp với nó, đó là vì phải định liệu từ trước.

Nay tôi đã bị trói tay chân, chịu roi vọt, bị giam trong tường ngục, lúc bấy giờ thấy viên lại coi ngục thì dập đầu xuống đất, thấy bọn lính canh ngục thì lòng lại bồi hồi. Tại sao vậy? Đó là vì cái uy cũ đã mất, thế đành phải chịu. Đã đến cảnh ấy mà còn nói không nhục, thì thật là hạng mặt dày mày gạn mà thôi. Có gì đáng quý?

Vả chẳng, Tây Bá là bá bị giam ở Diu Lý, Lý Tư là tướng mắc cả năm hình (16), Hoài Âm làm vương, mang gông ở đất Trần, Bành Việt, Trương Ngao quay mặt phía nam tự xưng “Cô” (17) đều bị bỏ ngục, chịu tội. Giáng Hào giết bọn họ Lữ, quyền nghiêng cả ngũ bá, xưa đã từng bị tù ở Thỉnh Thất (18), Ngụy Kỳ là đại tướng, mặc áo tù mang gông, Lữ Bố xích tay làm tên nô lệ cho Chu Gia, Quán Phu (19) chịu nhục trong dinh thừa tướng. Những người này thân đều làm vương, hầu, tướng quân, thừa tướng, danh tiếng vang lừng đến nước láng giềng, nhưng khi mắc vào tội, không thể cả quyết tự sát. Trong cảnh trần ai, xưa nay đều như thế, nói không nhục có được đâu!

Cứ thế mà xem, đủ thấy rõ đúng cảm hay nhút nhát, là ở cái thế mà ra, mạnh hay yếu là ở tình hình mà ra. Chứ có gì đáng lạ? Con người ta không thể sớm giữ ở ngoài quy tắc, dần dần sa sút, lâm vào cảnh roi vọt, khi ấy muốn làm cho ra khí tiết thì sao cho được? Cổ nhân sở dĩ cẩn thận về việc bắt đại phu chịu hình phạt, có lẽ là như thế. Ôi! Nhân tình ai chẳng thích sống ghét chết,

nhớ cha mẹ thương vợ con, nhưng đến khi bị nghĩa lý khích động nên mới phải làm điều cực chẳng đã. Nay tôi không may sớm mất cha mẹ, không có anh em thân thích, chỉ trơ trọi một mình, Thiếu Khanh xem tôi đối với vợ con như thế nào. Vả chẳng kể đừng không cần phải chịu chết để giữ khí tiết, kẻ nhát gan mển nghĩa, cái gì cũng gắng làm được. Tôi tuy hèn nhát, tham sống, nhưng cũng biết cái lẽ nên chẳng, có đâu đến nỗi tự tìm mình vào trong cái nhục gông trói thế này! Kia hạng tỳ thiếp, tôi tớ, còn biết tự quyết, huống tôi lại không làm được sao? Sở dĩ tôi chịu nhục sống vợ vắn, nín nhịn cố sống ở nơi dơ bẩn mà không từ chối, là vì lòng riêng có điều chưa làm được hết, cho rằng trọn đời rồi mà văn chương không nêu cho đời sau thấy được là sự nhục.

Người xưa giàu sang mà danh bị vùi dập kể không hết. Chỉ có những người trác việt phi thường là được người ta nhắc đến mà thôi. Văn Vương bị giam diển giải Chu Dịch, Trọng Ni gặp nạn làm kinh Xuân Thu, Khuất Nguyên bị đui nên ngâm Lý Tao, Tả Khâu bị mù nên có Quốc Ngữ (20), Tôn Tẫn bị chặt chân, trình bày binh pháp, Bất Vi bị đầy sang đất Thục, đất Lữ Lâm (21) còn truyền lại ở đời, Hàn Phi bị tù ở Tần, viết Thuyết Nan và Cô Phấn (22), Kinh Phi ba trăm thiên phần lớn do thánh hiền phát phần mà làm ra. Những người này đều có cái uất ức trong lòng không bày tỏ được đạo của mình, cho nên thuật việc cũ để lại cho người sau này vậy. Kia xem Tả Khâu không có mắt, Tôn Tẫn bị chặt chân, trọn đời không thể làm được việc gì, nên lui về viết sách để hả điều căm giận, mong lấy câu văn suông để cho đời biết đến mình. Tôi trộm không chịu nhún nhường, cũng muốn ký thác mình vào những lời tầm thường, tìm kiếm thu nhặt những chuyện cũ bỏ sót trong thiên hạ, xét qua việc làm, tóm tắt trước sau, xét việc thành, bại, húng, vọng, trên từ Hiên Viên (23) dưới đến ngày nay, làm mười biểu, mười hai bản kỷ, tám thư, ba mươi thế gia, bảy mươi liệt truyện, cộng tất cả là một trăm ba mươi thiên. Ý tôi cũng muốn xét trong khoảng trời đất, thấu suốt sự biến đổi từ xưa đến nay; làm thành lời nói của một nhà. Nhưng khởi thảo chưa xong thì gặp phải cái họa này! Tiếc sách chưa xong nên chịu cực hình mà không có vẻ giận. Giá tôi đã làm xong sách ấy rồi, cất giấu nó vào nơi danh sơn, truyền cho con người của nó, phát khắp các ấp lớn, đô thị to, thì tôi cũng xin liều với cái nhục kia, dù bị giết vạn lần cũng có gì là hối hận.

Thế nhưng điều đó có thể bàn với bậc tri giả, chứ khó lòng với bọn tục nhân. Vả chẳng đã thất bại rồi thì khó ăn nói ở nơi thấp hèn bị lắm kẻ chê bai. Tôi vì nói năng mà mắc phải cái vạ này, lại thêm bị hàng xóm chê cười, làm nhục cả cha ông, còn mặt mũi nào mà lại bước đến nắm mồ của cha mẹ nữa? Tuy đến trăm đời cũng chỉ có thêm ô nhục mà thôi.

Cho nên, ruột một ngày chín lần quặn đau, ngồi băng khuâng như mất cái gì, đi ra thì không biết đi đâu. Mỗi khi nghĩ đến điều nhục đó thì mồ hôi vẫn cứ đầm lưng ướt áo. Thân mình làm quan ở nơi khuê các, muốn ẩn mình vào nơi hang sâu núi thẳm nào được đâu! Cho nên đành nổi chìm theo tục, luồn cúi theo đời để mong thỏa được cái điều điên dại này.

Nay tôi được Thiếu Khanh dạy phải cử người hiền tiến kẻ sĩ chẳng phải ngược với lòng riêng của tôi sao? Dù muốn tô vẽ những lời phù phiếm, để tự bào chữa thì cũng vô ích, thế lực chẳng tin, chỉ thêm nhục nhã! Dầu sao đợi đến ngày chết việc phải trái mới định.

Thơ không thể nói hết ý, chỉ bày qua lời lẽ quê mùa. Kính lạy hai lạy (24)

Chú thích

1. Thiếu Khanh: tên chữ của Nhâm An – tức hạ là tiếng xưng hô đối với người tôn trọng. Nhâm An làm thứ sử Ích Châu bị can vào việc cùng thái tử nổi loạn, bị giam và sau đó bị giết. Nhâm An bị giam viết thư cho Tư Mã Thiên lúc này làm lang trung lệnh có lẽ nhờ can thiệp giúp để khỏi chết. Tư Mã Thiên nhận thấy không thể làm được bèn bộc lộ cảnh ngộ của mình. Thư này không ở trong Sử Ký nhưng rất cần để hiểu biết tâm sự của tác giả
2. Ngày xưa cứ đến cuối đông thì xử tử tội nhân. Bấy giờ Thiếu Khanh sắp bị hành hình
3. Chỉ Thiếu Khanh
4. Bị cắt dương vật
5. Ung Cừ và Cảnh Giám đều là hoạn quan. Việc của Thương Ưởng xem Thương Quân liệt truyện
6. Hán Vũ Đế ngồi xe với hoạn quan Triệu Đồng, Viện Tì can. Trờ lên kể cái nhục của kẻ hoạn quan: Ung Cừ, Cảnh Giám, Triệu Đồng đều là hoạn quan
7. Ý nói mình không thể giúp gì Nhâm An được. Bài này nói bóng vì không thể nói thẳng. Ý Nhâm An muốn tiến cử kẻ sĩ, tức là nhờ Tư Mã Thiên tiến cử mình
8. Bấy giờ Tư Mã Thiên làm lang trung lệnh. Đó là một chức quan lớn lo việc coi giấy tờ của nhà vua. Có những người tự thiến mình để được làm, nhưng tác giả chỉ thấy xấu hổ
9. Nguyên văn: “ bất cơ ”
10. Đất Hồ ở cao nên lúc đánh phải ngẩng đầu lên
11. Vua Hung Nô gọi là Thiên Vu, dưới Thiên Vu có tả-hiến-vương và hữu-hiến-vương
12. Lý Quảng Lợi là anh ruột của Lý phu nhân bấy giờ được vua yêu làm Nhị Sư tướng quân đánh Hung Nô, Lý Lăng ở dưới sự điều khiển của Lý Quảng Lợi, xin tự cầm một đội biệt kích. Nhà vua nghe Thái Sử Công bẽ phải với Lăng, chống lại Nhị Sư
13. Đòi Vũ Đế cho người ta đem tiền nộp vào kho để chuộc tội
14. Người bị cung hình đưa xuống nhà nuôi tằm cho kín gió, sợ nguy đến tính mạng, gọi là nhà tằm
15. Tư Mã Thiên làm Thái Sử Công ngoài việc viết văn làm sự còn xem sao, xem lịch
16. Năm hình: khắc vào mặt, xẻo mũi, cắt dương vật, chặt chân và chặt đầu
17. Ý nói được phong tước vương – Ngày xưa vương hầu tự xưng là “ cô ”
18. Nơi các quan bị tội nặng ở đó để chờ vua xét xử
19. Việc Bành Việt xem Hán Cao Tổ bản kỷ, việc Giáng Hầu xem Trần thừa tướng thế gia, việc Quý Bố xem Bố Loạn Bộ liệt truyện, việc Quán Phu xem Ngụy Kỳ, Vũ An Hầu liệt truyện
20. Tả Khâu Minh làm sách Tả Truyện và sách Quốc Ngữ
21. Sách Lữ Lâm cũng gọi là Lã Thị Xuân Thu
22. Thuyết nam, Cô Phần là hai thiên ở trong sách Hàn Phi Tử
23. Sử Ký bắt đầu từ Hoàng Đế. Người ta còn gọi Hoàng Đế là Hiên Viên (vào khoảng thế kỷ XXVII trước công nguyên)
24. Nhâm An nhờ Tư Mã Thiên cứu mình. Tư Mã Thiên nhận thấy không thể làm được đành phải bộc lộ hoàn

cảnh của mình, tự mạt sát mình. Nói là trả lời, nhưng không phải là trả lời mà là bộc lộ tâm sự.

Tần Thủy Hoàng Bản Kỷ -

1. Tần Thủy Hoàng là con của Trang Tương Vương nước Tần (1). Trang Tương Vương làm con tin của Tần ở nước Triệu, thấy người thiếp của Lữ Bất Vi, thích, nên lấy, sinh Thủy Hoàng, vào tháng giêng năm thứ 48 đời Tần Chiêu Vương, ở Hàm Đan, đặt tên là Chính, họ Triệu. Khi lên 13 tuổi, Trang Tương Vương chết, Chính thay, được lập làm Tần Vương (-247 trước công nguyên).

Lúc bấy giờ Tần đã thôn tính các đất Ba, Thục, Hán Trung, Việt, Uyển, lại có đất Sinh, ở đây đặt Nam Quận. Miền bắc lấy Thượng Quận trở về phía đông, gồm có các quận Hà Đông, Thái Nguyên, Thượng Đảng, phía đông đến Huỳnh Dương, diệt hai nhà Chu, đặt quận Tam Xuyên. Lữ Bất Vi làm thừa tướng được cấp mười vạn hộ làm đất phong, hiệu là Văn Tín Hầu, mời các tân khách du sĩ để lo việc lấy thiên hạ, Lý Tư là xá nhân(2)của Bất Vi. Bọn Mông Ngao, Vương Ý, Biểu Công làm tướng... (3).

1. Đó là về danh nghĩa còn trong thực tế thì Thủy Hoàng là con của Lữ Bất Vi. Xem Lữ Bất Vi liệt truyện.

2. Xá nhân: những người khách theo hầu những vị quan to để được cất nhắc.

Bỏ một đoạn nói về việc Tần đánh lấy thiên hạ trong hai mươi lăm năm Tần Thủy Hoàng làm vua.

Đoạn1-lai lịch của Tần Thủy Hoàng và tình hình của nước Tần khi Thủy Hoàng làm vua.

2. Năm thứ 26(-221 trước công nguyên)Tề Vương là Kiến cùng thừa tướng là Hậu Thắng đem quân giữ biên giới phía tây, đoạn tuyệt với Tần. Tần sai tướng quân Vương Bôn đi qua phía nam nước Yên đánh Tề bắt được vua Tề là Kiến. Tần lần đầu tiên thôn tính được thiên hạ, ra lệnh cho thừa tướng và ngục sử như sau:

“Trước đây vua Hàn nộp đất, hiến dâng ấn tín, xin làm bầy tôi ở hàng rào giậu? Được ít lâu, vua Hàn bội ước, hợp cùng với Triệu và Ngụy phản lại nước Tần. Cho nên ta đem quân tiêu diệt, cầm tù vua Hàn. Quả nhân cho đó là việc tốt, hy vọng có thể dẹp tắt được binh hung. Vua Triệu sai thừa tướng là Lý Mục đến giao ước ăn thề, cho nên ta cho con của vua Triệu đang làm con tin ở Tần về. Được ít lâu, vua Triệu bỏ lời thề, phản lại ta ở Thái Nguyên, cho nên ta đem quân tiêu diệt, bắt vua Triệu. Công tử nước Triệu là Gia lại tự lập làm Đại vương cho nên ta đem quân đánh và tiêu diệt. Vua Ngụy lúc đầu giao ước phục tùng sát nhập vào Tần, được ít lâu, lại bàn mưu với các nước Hàn, Triệu đánh úp nước Tần, nhưng bị quân quan của Tần giết chết và đánh tan. Vua nước Kinh hiến đất đai từ Thanh Dương về phía tây, được ít lâu lại phản lời ước, đánh Nam Quận của ta, cho nên ta đem binh tiêu diệt, bắt được vua Kinh, sau đó binh định đất Kinh. Vua nước Yên hôn ám làm loạn, thái tử nước Yên là Đan lại ngầm sai Kinh Kha ám sát ta(1), tướng sĩ của ta đánh tiêu diệt nước Yên, Vua Tề dùng mưu kế của Hậu Thắng, cắt đứt liên hệ với Tần và muốn làm loạn. Ta sai quân đánh cầm tù vua Tề, binh định đất Tề(2).

.....

1. Xem Thích khách liệt truyện đoạn nói về Kinh Kha.
2. Tóm tắt việc thống nhất thiên hạ, tiêu diệt các nước.

.....

Quả nhân, một người nhỏ bé hung binh trừ khử bọn bạo nghịch làm loạn. Nhờ uy linh của tôn miếu, sáu nước đều chịu tội thiên hạ bình định. Nay nếu không thay đổi danh hiệu thì không sao xứng với cái công lao đã làm được và truyền cho đời sau. Các người hãy bàn nên đặt hiệu đế như thế nào.

Thừa tướng là Vương Quán, ngự sử đại phu Phùng Kiếp, đình úy Lý Tư đều tâu:

-Ngũ Đế ngày xưa đất chỉ vuông ngàn dặm, ngoài ra là đất đai của chư hầu và của man di, họ vào châu hay không thiên tử cũng không cai quản được. Nay bệ hạ giấy nghĩa binh, giết bọn tàn ác và nghịch tặc, bình định được thiên hạ, bốn biển thành quận và huyện, pháp luật và mệnh lệnh đều thống nhất ở một nơi, từ thượng cổ đến nay chưa hề có, Ngũ đế đều không bằng. Bọn thần sau khi bàn bạc kỹ lưỡng với các bậc sĩ thấy rằng: Ngày xưa có Thiên Hoàng, Địa Hoàng, Thái Hoàng, nhưng Thái Hoàng là cao quý nhất. Bọn thần liêu chết xin dâng tôn hiệu của nhà vua là Thái Hoàng, mệnh ban ra gọi là “chế”, lệnh ban ra gọi là “chiếu”, thiên tử tự xưng gọi là “trẫm”(1).

Nhà vua nói:

-Ta bỏ chữ “thái”, lấy chữ “hoàng”, thêm chữ “đế”, của những vị đế thời thượng cổ hiệu gọi là Hoàng Đế còn những điều khác thì như lời các khanh tâu.

.....

1. Các đời trước không dùng danh từ “chế” và “chiếu”. “chế” quan trọng hơn “chiếu”, chỉ nhà vua mới được dùng chữ ấy, còn Thái Hậu thì có khi dùng chữ “chiếu” khi thay thế nhà vua trị dân, nếu gọi là “chế” tức là có ý muốn làm vua. “Trẫm” trước là một đại từ chỉ ngôi thứ nhất dành cho mọi người. Sách đạo giáo dùng chữ trẫm để chỉ một lực lượng siêu tự nhiên, một đấng không ai trông thấy. Bọn Lý Tư đề nghị dùng chữ này là vì thế.

.....

Một đạo “chế” ban ra chấp nhận điều đó. Truy tôn Trang Tương Vương là Thái Thượng Hoàng.

Một tờ “chế” nói:

-“Trẫm nghe nói thời Thái Cổ có hiệu nhưng không có hiệu bực (1). Thời Trung Cổ có hiệu và sau khi chết người ta căn cứ vào việc làm của nhà vua mà đặt hiệu bực. Làm như thế tức là con bàn bạc về cha, tôi bàn luận về vua, thật là vô nghĩa. Trẫm không chấp nhận điều ấy. Từ nay trở đi, bỏ phép đặt hiệu bực. Trẫm là Thủy Hoàng Đế, các đời sau cứ theo số mà tính: Nhị Thế, Tam Thế đến Vạn Thế truyền mãi mãi”.

Thủy Hoàng xét việc năm đức lần lượt thay đổi nhau(2)nên cho nhà Chu được “hỏa đức” nhà Tần thay đức nhà Chu thì phải theo cái đức mà “hỏa” không thắng được. Từ này là “thủy đức”

bắt đầu: đổi đầu năm, việc triều cống, chúc mừng đều bắt đầu từ mồng một tháng 10. Áo, quần, cờ tiết, cờ mao (3)

.....

1. Đời Hạ, đời Thương không có “thụy” tức là “hiệu bệ”. Đến đời Chu mới đặt lệ khi vua chết các quan căn cứ vào hành trạng của vua mà đặt hiệu cho vua, cái đó gọi là hiệu bệ. Do đó vị vua nổi về văn, giáo hóa thì gọi là Văn Vương, có vũ công thì gọi là Vũ Vương, ngu tốt, độc ác, thì gọi là U Vương, Lệ Vương.

2. Đời Tần trở đi thịnh hành thuyết ngũ hành. Thuyết này có vũ trụ có năm yếu tố tạo nên đối lập nhau, thay đổi nhau là: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ. Nhà Chu là ứng với yếu tố hỏa, nhà Tần thắng Chu thì tất phải ứng với thủy, vì thủy thắng hỏa. Một khi đã như thế thì màu phải là màu đen (đối lập với hỏa là đỏ, kim màu trắng), tháng phải là tháng 10, số phải là số 6 nguyên lý trị nước phải là pháp luật v. v...

3. Cờ mao làm bằng lông thú, cờ tiết bằng lông chim.

.....

đen, lấy số 6 làm đơn vị, các phù(1) và các mũ đều dài sáu thước, trục xe sáu thước, sáu thước làm một bộ, đi xe sáu ngựa, đổi tên sông Hoàng Hà là Đức Thủy vì cho rằng “thủy đức” bắt đầu. Cai trị thì cứng rắn nghiêm nghị, gay gắt, sâu sắc, mọi việc đều dùng pháp luật để quyết định, khắc bạc, không dùng nhân đức, ân nghĩa. Có thể mới hợp với con số năm đức.

Do đó, nhà Tần chú ý gay gắt về pháp luật, trong một thời gian dài không tha tội cho ai.

Bọn thừa tướng Vương Quán nói:

-Chư hầu vừa bị tiêu diệt. Nay các đất Yên, Tề, Kinh đều ở xa nếu không đặt vua thì không làm sao kèm chế được họ, xin lập các con trong hoàng tộc làm vua. Xin hoàng thượng lập theo ý của mình.

Thủy Hoàng đưa lời tâu ấy xuống cho các quan bàn bạc. Các quan đều cho là tiện, nhưng đình úy (1) Lý Tư nói:

-Vua Văn Vương, Vũ Vương nhà Chu phong con em cùng họ làm vua rất nhiều, nhưng về sau dòng họ càng ngày càng xa, họ đánh lẫn nhau, xem nhau như thù. Chư hầu càng giết nhau, đánh nhau, thiên tử nhà Chu không làm sao ngăn cấm được. Nay bốn bề đã nhờ thần linh của bệ hạ mà được nhất thống đều làm quận, huyện. Các con và các công thần đã được thu tô và thuế của nhà nước, và được trọng thưởng. Như thế là đủ

.....

1. Phù là cái thẻ để làm tin, vua giữ một nửa và người nhận mệnh lệnh của vua (thường để đi đánh xa) để thực hiện việc gìn giữ một nửa. Khi nào nhà vua muốn sai một người thay thế mình thì giao cho người này cái nửa của mình. Nếu hai cái “phù” khớp lại thì đúng là người đến sau thay thế người đến trước để điều khiển quân đội.

2. Chức quan nhất về tư pháp.

.....

lắm rồi. Làm thế thì dễ cai trị, thiên hạ không có ý gì khác. Đó là cái thuật trị an, vậy đặt chư hầu không tiện.

Thủy Hoàng nói:

-Thiên hạ đều khổ vì việc chinh chiến liên miên, đó là do có hầu có vương mà ra. Nay nhờ tôn miếu, thiên hạ vừa mới được bình định mà lại lập các nước lên thì cũng như là tự gây ra binh đao mà muốn được thái bình nghỉ ngơi, chẳng phải là khó lắm sao? Điều của đình úy nói là đúng(1).

Bèn chia thiên hạ làm 36 quận, đặt các quan thú, úy, giám đốc gọi “dân” là “đầu đen”(2). Mở một bữa tiệc lớn, thu tất cả binh khí trong thiên hạ tập hợp ở Hàm Dương, đúc làm chuông, giá chuông và mười hai người bằng kim khí mỗi người nặng 1000 thạch, đặt ở trong cùng. Thống nhất pháp luật, các cân, phép đo lường, các thạch, trượng, thước, trục xe đều dài như nhau(3), chữ viết cùng lối như nhau.

Đất đai chạy dài phía đông đến biển và đất Triều Tiên, phía tây đến Lâm Thao, Khương Trung, phía nam đến miền cửa nhà quay mặt quay mặt về hướng bắc(4), phía bắc lấy Hoàng Hà làm biên giới và men theo Âm Sơn đến tận Liêu Đông. Sai dời các nhà hào khí trong thiên hạ đến Hàm Dương tất cả mười hai vạn nhà. Các miếu cũng như điện

.....

1. Điều này rất quan trọng. Từ Tần Thủy Hoàng trở đi, trung quốc về mặt chính trị là thống nhất từ trung ương.

2. Trước gọi là “đàn” sau gọi là “đầu đen”.

3. Trước kia xe trận trục dài ngắn khác nhau. Mỗi nước đắp đường vừa đủ cho xe của mình đi, xe nước khác trục dài không thể đi được.

4. Tức là Nhật Nam(miền Quảng Nam). Ý nói miền phía Nam mặt trời cố nhiên phải mở cửa về phía bắc mới có mặt trời.

.....

Chương Đài vườn Thượng Lâm đều ở phía Nam sông Vị. Mỗi khi lấy được chư hầu, Tần thường vẽ lại các cung nhất của nước đó rồi dựng lên ở phía bắc Hàm Dương, phía nam các cung điện này nhìn ra sông Vị. Từ cửa Ung Môn đến cửa đông sông Kinh, sông Vị, các điện, các cung thất, các đường phức đạo và các đường gác(1)liền nhau. Bắt được bao nhiêu người đẹp và chuông trống của chư hầu đều đưa vào đấy.

Năm thứ 27, Thủy Hoàng đi tuần Lũng Tây, Bắc Địa, ra khỏi núi Kê Đầu Sơn đi qua Hồi Trung. Sai xây Tín Cung ở phía Nam sông Vị, sau lại đổi tên Tín Cung là Cự Miếu để bắt chước sao Thiên Cự. Từ Cự Miếu có con đường thông lên núi Ly Sơn, sai xây tiền điện Cam Tuyền đắp đường ống(2) chạy mãi đến Hàm Dương. Năm đó thưởng tước một cấp, làm những con đường nhà vua đi(3).

Năm thứ 28, Thủy Hoàng đi về phía đông đến các quận và các huyện, lên núi Trâu Dịch,, dựng đá cùng các nho sinh nước Lỗ bàn việc khắc vào đá để ca tụng công đức nhà Tần và bàn việc

phong thiện(4).

.....

1. Phúc đạo là đường đi như cầu, bắc từ điện đầu sang điện khác.
2. Con đường hai bên là tường để vua đi không ai thấy. Nó cũng là một kiến trúc phòng ngự thường dùng trong lúc vận chuyển lương thực. Vì có tường nên quân địch khó lòng cướp chặn được đường lương thực.
3. Đường rộng 51 bộ chạy từ thủ đô đến tận biên giới phía đông và phía nam, hai bên trồng cây.
4. Phong thiện là lễ tế trời. Nhà vua sai đắp đất lên một hòn núi cao, thường là núi Thái Sơn để tế. Việc phong thiện thật chỉ bắt đầu từ đời Hán Vũ Đế và tác giả có dành một chương nói tỉ mỉ về việc này (phong thiện thư).

Đoạn 2: Những chủ trương chính trị lớn và công cuộc kiến trúc của Tần Thủy Hoàng. Bỏ một đoạn về những bài thơ ca ngợi công đức của nhà Tần.

.....

3. Năm thứ 33, Thủy Hoàng đưa những người thường trốn tránh, những người ở rể và những người đi buôn đánh lấy đất Lục Lương, lập thành Quế Lâm, Tượng Quận, Nam Hải cho những người bị đi đày đến đấy canh giữ. Ở phía tây bắc, đánh đuổi Hung Nô từ Du Trung dọc theo sông Hoàng Hà đi về đông đến Âm Sơn tất cả 31 huyện, xây thành trên sông Hoàng Hà để làm giới hạn,. Lại sai Mông Diêm vượt sông Hoàng Hà lấy đất Cao Khuyết, Đào Sơn, Bắc Giả, xây đình và thành lũy ở đấy để đuổi người Nhung và đưa những người bị đày đến đấy để ở và lần đầu những nơi này trở thành huyện. Cấm không được thờ (1). Sao sáng (2) xuất hiện ở phương tây.

Năm thứ 31, đem đày những quan coi ngục không thanh liêm đi xây Trường Thành và đi thú ở đất Nam Việt. Thủy Hoàng đặt tiệc rượu ở cung Hàm Dương, bảy mươi vị bác sĩ đến chúc thọ. Quan bộ dịch Chu Thanh thần tiến lên ca ngợi:

-Ngày xưa đất Tần chẳng qua nghìn dặm, nay nhờ bệ hạ thần linh sáng suốt nên bình định được bốn biển, đuổi được man di, mặt trời mặt trăng chiếu đến đâu thì nơi ấy theo phục, đuổi các nước chư hầu thành quận, huyện, mọi người thấy yên vui, không phải lo về nạn chiến tranh truyền đến vạn đời, từ thượng cổ đến nay, không ai uy đức bằng bệ hạ.

Thủy Hoàng bằng lòng. Thuần Vu Việt, người Tề, làm bác sĩ đứng lên nói:

.....

1. Câu này có lẽ thiếu một chữ nên văn không rõ.
2. Đây là sao chổi, “diêm” báo có tai họa giặc giả. Trong Sử Ký cũng như mọi quyển sử của Trung Quốc thường có những câu đột ngột như vậy.

.....

-Tôi nghe nhà Ân và nhà Chu làm vua hơn nghìn năm, phong các con em và công thần làm chi nhánh để giúp đỡ cho mình. Nay bệ hạ có bốn biển nhưng con em vẫn là kẻ thất phu (1) nếu

bổng chốc có xảy ra việc như Điền Thường hay Lục Khanh (2), thì không ai giúp đỡ, làm sao có thể cứu lẫn nhau được. Trong công việc, không bắt chước đời xưa mà có thể lâu dài thì đó là điều chưa hề nghe nói (3). Nay bọn thanh thần lại siểm nịnh bề hạ để làm cho điều sai lầm của bề hạ thêm nặng. Như thế không phải là kẻ trung thần.

Thủy Hoàng đưa lời can của ông ta xuống các quan bàn. Thừa tướng Lý Tư nói:

-Ngũ Đế không lập nhau, Tam Đại (4) không bắt chước nhau, đời nào trị dân theo cách của đời đó, không phải vì họ phản lại nhau, chính vì thời thế thay đổi cho nên như vậy. Nay bề hạ lần đầu tiên làm nên nghiệp lớn, dựng lên cái công vạn đời, đó không phải là điều bọn nhà Nho ngu ngốc biết được (5). Vả chăng, điều Thuần Vu Việt nói là những việc của thời Tam Đại, làm sao có thể đủ cho ta bắt chước? Trước đây, các

.....

1. Âm chỉ vua Tần theo Lý Tư không chia đất cho anh em mà thống nhất tất cả theo lối cai trị theo quận, huyện do các quan lại từ trung ương bổ nhiệm.
2. Điền Thường giết vua Tề. Lục Khanh chỉ ba họ lớn ở Tấn là Hàn, Triệu, Ngụy đã cướp nước Tấn, chia làm ba nước.
3. Câu này chứng tỏ Thuần Vu Việt đã theo đạo nho.
4. Ngũ Đế: Hoàng Đế, Chuyên Húc, Cốc, Nghiêu, Thuấn. Tam Đại: Hạ, Thương, Chu.
5. Lý Tư theo lập trường của phái pháp gia nên rất ghét nhà Nho.

.....

nước chư hầu tranh nhau, hậu đãi đón mời những người du thuyết. Nhưng bây giờ thiên hạ đã bình định, luật pháp, mệnh lệnh, đều từ một nơi ban ra, trăm họ làm ăn ra sức lo về nghề nông, nghề công, kẻ sĩ thì học tập pháp luật, mệnh lệnh những điều ngăn cấm. Nay các Nho sinh không theo thời nay mà học thời xưa để chê bai thời nay làm cho bọn “đầu đen” rối loạn, thần tư này là thừa tướng xin liêu chết nói rằng: Ngày xưa thiên hạ phân tán rối loạn không ai thống nhất được? Vì vậy cho nên các chư hầu cùng trị vì một lúc, khi nói thì mọi người đều nói việc xưa làm hại việc nay, trau chuốt những lời nói suông làm loạn việc thực, mọi người đều lấy cái học riêng của mình để chê bai những điều nhà vua làm (1). Nhưng nay Hoàng đế đã thu tóm cả thiên hạ, phân biệt trắng đen mà định ra điều duy nhất được tôn trọng. Những kẻ học Nho theo cái học riêng của mình lại cùng nhau chê cười pháp luật rồi đem dạy cho người ta. Khi nghe lệnh ban xuống thì họ đều lấy cái học riêng của mình để bàn tán. Khi vào triều, thì trong bụng chê bai. Ra đường, thì bàn bạc chê vua của mình để lấy danh, làm cho khác người để tỏ là cao, bày cho kẻ ở dưới phỉ báng. Nếu như thế mà không cấm thì ở trên uy thế của nhà vua sẽ bị giám sát, ở dưới các bè đảng sẽ nổi lên. Nên cấm là hơn. Thần xin đốt tất cả các sách sử, trừ những sách sử của nhà Tần(2). Trừ những người làm chức

.....

1. Một điều buồn cười là cũng chính Lý Tư trước đây lại dâng một bức thư cho vua Tần can nhà vua đừng đuổi những người du thuyết trong ấy có Tư. Xem Lý Tư liệt truyện (quyển 2).

2. Chú ý những ngoại lệ.

.....

bác sĩ, ai cắt dấu Kinh Thư, Kinh Thi, sách vở của trăm nhà đều đem đến quan thú, quan úy mà đốt đi, hai người dám bàn nhau về việc Kinh Thư, Kinh Thi thì chém giữa chợ, lấy đời xưa mà chê đời nay thì giết cả họ. Quan lại biết mà không tố cáo, thì cũng bị tội. Lệnh ban ra trong ba mươi ngày không đối sách thì khắc vào mặt cho đi thú để xây và canh giữ trường thành. Những sách không bỏ là sách thuốc, sách bói, sách trồng cây. Ai muốn học pháp luật thì thờ quan lại làm thầy.

Chế của nhà vua nói: “Được”.

Năm thứ 35, sai làm con đường thông từ huyện Cửu nguyên đến đất Vân Dương, đục núi, lấp các khe núi, nhờ vậy đường đi suốt và thẳng. Thủy Hoàng cho rằng ở Hàm Dương người thì đông mà cung đình các vua trước thì nhỏ, nói:

-Ta nghe vua Văn Vương nhà Chu đóng đô ở đất Phong và Vũ Vương đóng đô ở Cảo, miền giữa Phong và Cảo là đô của đế vương.

Bèn sai xây cung để tiếp các triều thần ở phía nam sông Vị. Trong vườn Thượng Lâm trước tiên sai xây cái điện đằng trước của cung A Phòng dài 500 bộ từ đông sang tây, rộng 50 trượng (1) từ nam đến bắc, ở trên có thể ngồi một vạn người, ở dưới có thể cắm cờ cao 5 trượng. Xung quanh sai làm đường gác từ dưới điện chạy thẳng cho đến đỉnh núi Nam Sơn. Sai dựng một cái cửa ở núi Nam Sơn, làm đường phúc đạo từ cung A Phòng vượt qua sông Vị đi mãi đến Hàm Dương để bắt chước con đường của sao Thiên Cự, sao

.....

1. Một bộ 5 thước. Một trượng 10 thước.

.....

Sao này qua sông Ngân Hà đến tận sao Dinh Thất. Khi cung A Phòng chưa xây xong, nhà vua muốn tìm một cái tên đẹp mà gọi. Vì cung này gần cung thất nhà vua cho nên thiên hạ gọi nó là cung A Phòng (1). Đưa những người bị tội thiếu ở Án Cung hơn 70 vạn người(2) chia nhau xây cung A Phòng hoặc đắp núi Ly Sơn. Lấy cái quách bằng đá ở núi Bắc Sơn, lấy gỗ từ đất Thục, đất Kinh chở về đến nơi ấy.

Ở Quan Trung, số cung đến 300 cái, ở ngoài Quan Trung hơn 400 cái. Thủy Hoàng bèn sai dựng đá ở bờ biển Đông Hải thuộc đất Cù để làm cửa phía đông của Tần, nhân đấy dời 3 vạn nhà đến Ly Ấp, 5 vạn nhà đến Vân Dương, những này đều được tha việc công dịch mười năm.

Lư Sinh (3) nói với Tần Thủy Hoàng:

-Bọn thần đi tìm cây “chi” là thứ thuốc lạ nhưng thường không gặp “tiên” (4) xem ra có vật chi cản trở. Trong pháp thuật (5) có phép vi hành để tránh ác quỷ, tránh được ác quỷ thì “chân nhân” mới đến. Nếu kẻ bầy tôi biết được nơi nhà vua ở thì có hại đến thần. Bậc “chân nhân” đi vào nước không ướt, đi vào lửa không cháy, bay lên mây, cùng trường thọ với trời đất. Nay nhà vua cai trị thiên hạ vẫn chưa nghĩ ngơi

.....

1. A có nghĩa là gần.
2. Con số kinh khủng!
3. Lư Sinh được Tần Thủy Hoàng phái đi tìm thuốc tiên trước đây 3 năm.
4. Khái niệm con người bất tử chỉ xuất hiện từ thời chiến quốc. Sách Trang Tử gọi là “chân nhân” về sau gọi là tiên.
5. Nguyên văn “trong những nguyên tắc của những người phương sĩ” phương sĩ là hạng người tương tự như phù thủy, dùng phù phép, ma thuật để mê hoặc người ta.

.....

được chút gì. Xin nhà vua ở cung nào đừng cho ai biết, thì sau đó mới có thể lấy thuốc bất tử.

Thủy Hoàng nói:

-Ta rất thích bậc “chân nhân”.

Và tự coi là “chân nhân” chứ không gọi là “Trẫm”.

Thủy Hoàng bèn ra lệnh: “Trong vòng hai trăm dặm xung quanh Hàm Dương, 270 cung điện ở đây có đường phức tạp và đường ống liền nhau; đem màn trướng, trống chiêng cùng gái đẹp đưa vào các cung không cho xê dịch. Vua đến đâu nếu có kẻ nào nói nơi nhà vua ở thì bị tội chết”.

Thủy Hoàng đến cung Lương Sơn đứng trên núi thấy xe, quân kỵ của thừa tướng rất đông, không bằng lòng. Có kẻ nói với thừa tướng. Sau đó thừa tướng bớt xe và quân kỵ đi.

Thủy Hoàng nổi giận nói:

-Thế nào cũng có người tiết lộ điều ta đã nói.

Khi tra xét thì không ai thú. Nhà vua bèn sai bắt tất cả những người ngồi cạnh lúc nhà vua nói và giết đi (1). Từ đó về sau, không ai biết nhà vua đi đâu. Khi nghe công việc thì quần thần chỉ nhận được những điều đã quyết định, mọi việc đều giải quyết ở trong cung Hàm Dương.

Hầu Sinh và Lư Sinh bàn nhau:

-Thủy Hoàng tính khí bướng bỉnh, gàn dở, chỉ nghe theo mình. Xuất thân là chư hầu, thân tóm cả thiên hạ, ý chí tự đắc, muốn gì được nấy, tự cho rằng từ xưa đến nay, không ai bằng mình, chuyên dùng bọn pháp quan. Bọn pháp quan được yêu quý, bác sĩ tuy có 70

.....

1. Đời Tần Thủy Hoàng còn có những hành động vô đoan hơn các vua nô lệ thời La Mã.

.....

người nhưng chỉ cho đủ số chứ không được dùng. Thừa tướng và các quan đại thần đều nhận

được những điều đã quyết định xong còn việc làm là ở nhà vua. Nhà vua thích việc hình phạt chém giết để ra uy. Thiên hạ sợ tội muốn giữ bổng lộc không ai dám hết lòng trung. Nhà vua không nghe nói đến sai lầm của mình nên ngày càng kiêu ngạo. Ở dưới thì sợ nép một bề, nói dối để được dung thân. Theo phép nhà Tần không được làm hai nghề, làm sai là chết ngay. Những kẻ xem sao, khí mây(1) có đến 300 người đều là những người giỏi nhưng đều sợ hãi, trốn tránh a dua, không nói những sai lầm của nhà vua. Công việc trong thiên hạ không kể lớn nhỏ đều do nhà vua quyết đoán. Đến nỗi nhà vua phải lấy thạch (2) mà cân giấy tờ, một ngày một đêm không làm đủ một thạch thì không được nghỉ ngơi. Con người tham quyền thế như vậy không thể nào tìm thuốc thiên cho ông ta được.

Hai người bèn bỏ trốn,. Thủy Hoàng nghe nói họ bỏ trốn thì nổi giận, nói:

-Trước đây ta thu các sách trong thiên hạ, sách nào không dùng được thì bỏ đi, sai triệu tập tất cả những người có văn học và những phương sĩ, thuật sĩ rất đông muốn làm cho thiên hạ thái bình; Ta triệu tập bọn thuật sĩ là muốn họ tìm thuốc lạ, nay nghe nói bọn Hàn chúng bỏ đi không báo với ta, bọn Từ Phúc làm tổn kém

.....

1. Để đoán điềm lành, điềm dữ.

2. Một thạch nặng 120 cân.

3. Từ Phúc nói với vua ở ngoài biển có ba hòn đảo là Bồng Lai, Phương Trượng và Dĩnh Châu. Tiên ở đấy. Vua cho Phúc đem mấy nghìn người nam nữ trẻ tuổi đi đón tiên về. Từ Phúc cùng họ đi không về nữa.

Truyền thuyết Nhật Bản nói Từ Phúc đến Nhật rồi ở hẳn đấy.

.....

hàng ức vạn, nhưng cuối cùng vẫn không được thuốc, ngày ngày chỉ nghe chúng nói nhau về việc tham lợi riêng của chúng. Bọn Lương Sinh được ta tôn quý, thưởng cho rất nhiều nhưng lại phỉ báng ta để làm nặng điều sai lầm của ta, bọn nhà Nho ở Hàm Dương được ta sai người hỏi thì có kẻ đặt ra những lời nói nhằm để làm loạn bọn “đầu đen”.

Bèn sai ngự sử xét tất cả các nhà Nho. Các nhà Nho tố giác lẫn nhau, có hơn 460 người phạm điều đã cấm. Thủy Hoàng sai chôn sống tất cả ở Hàm Dương, báo cho thiên hạ biết để làm răn. Sau đó lại sai đầy biên giới nhiều người bị tội để đi thú.

Con cả của Thủy Hoàng là Thù Tô can:

-Thiên hạ mới được bình định. Những kẻ “đầu đen” ở phương xa vẫn chưa theo ta. Các nho sinh đều học theo Khổng Tử nay bệ hạ dùng theo pháp luật nặng để trói buộc họ thì thần sợ thiên hạ không yên, xin bệ hạ nghĩ đến điều đó.

Thủy Hoàng nổi giận sai Phù Tô đi lên miền bắc để giám sát Mông Diêm ở Thượng Quận.

Năm thứ 36, sao Huỳnh Hoắc ở vào khu vực của sao Tâm, có ngôi sao rơi xuống Đông Quận. Khi rơi xuống đất thì thành đá. Có bọn “đầu đen” khắc vào đá: “Thủy Hoàng chết thì đất bị chia”. Thủy Hoàng nghe tin ấy, sai ngự sử tra hỏi, nhưng không ai thú, bèn bắt tất cả những

người ở gần đấy giết đi, và đốt cháy hòn đá. Thủy Hoàng không vui, sai các bác sĩ làm thơ ca ngợi “tiên” và “chân nhân” cùng những nơi trong thiên hạ mà mình đã đi chơi. Sai nhạc công ca và đàn hát những bài ấy. Mùa thu, sứ giả đang đem từ Quan Đông đi qua Hoa Âm trên đường bình thư. Có người cầm ngọc bích chặn đường sứ giả mà nói:

-Ông làm ơn đưa viên ngọc cho Hạo Trì.

Nhân đấy nói rằng: Năm nay thì Tổ Long chết. Sứ giả hỏi:

-Tại sao?

Người ấy biến mất để lại viên ngọc bích ở đấy. Sứ giả cầm ngọc bích kể lại đầu đuôi cho nhà vua nghe. Thủy Hoàng nín lặng hồi lâu nói:

-Quỷ núi chẳng qua chỉ biết việc xảy ra trong một năm mà thôi.

Khi vào cung nói:

-Tổ Long(1) đó là tổ tiên của người.

Vua sai ngự phủ xem ngọc bích thì đó là viên ngọc nhà vua để chìm khi vượt qua Trường Giang năm thứ 28. Thủy Hoàng sai bói trong quẻ nói: “Đi chơi thì tốt”. Thủy Hoàng bèn sai dời 3 vạn nhà đến Du Trung ở Bắc Hà, thưởng cho các quan thêm một cấp (2).

4. Tháng mười năm thứ 37(211 trước công nguyên) ngày quý sửu, Thủy Hoàng đi chơi, tả thừa tướng Lý Tư đi theo, hữu thừa tướng Khứ Tật ở nhà. Hồ Hợi, con nhỏ của Thủy Hoàng, được nhà vua yêu mến xin đi theo, vua bằng lòng. Tháng 11, đi đến Vân Mộng, tế vua Thuấn ở núi Cửu Nghi, đi thuyền qua sông Trường Giang xem Tích Kha vượt qua bãi ngoài biển, qua Đan Dương đến Tiền Đường, đi đến Chiết Giang gặp lúc sóng to nên đi về phía tây một trăm hai mươi dặm, qua sông ở nơi dòng sông hẹp, lên Cối Kê tế vua Vũ, nhìn ra biển Nam Hải khắc công đức nhà Tần(3).

.....

1. Tổ là đầu cũng như Thủy, Long là chỉ nhà vua. Tổ Long cũng như Thủy Hoàng.

2. Đoạn 3 – Cách Thủy Hoàng đối xử với đạo Nho, bách gia và bọn phương sĩ.

3. Bỏ một đoạn gồm những bài thơ ca ngợi.

Tần Thủy Hoàng Bản Kỷ (tiếp Theo) -

Sau đó, trở về, đi qua đất Ngô theo sông Trường Giang qua đò ở Giang Thặng và đi dọc theo bờ biển lên phía bắc đến đất Lang Gia.

Bọn phương sĩ Từ Phúc ra ngoài biển tìm thuốc thần mấy năm không được, tốn kém rất nhiều. Chúng sợ bị trừng trị bèn lừa dối nói rằng thuốc của Bồng Lai có thể lấy được, nhưng bị con cá giao lớn làm khổ cho nên không đến được, xin nhà vua cấp cho người thiện xạ cùng đi, lấy cái nỏ bắn nhiều phát một lúc để bắn. Thủy Hoàng nằm mơ thấy mình đánh nhau với thần biển hình người. Bèn hỏi người đoán mộng.

Bác sĩ nói:

- Thủy thần không thể trông thấy nên hiện thành con cá giao. Xin nhà vua cầu khẩn, thờ phụng có đủ lễ vật thì mới trừ được thứ thần ác và làm cho thần thiện có thể đến được.

Nhà vua bèn sai người ra biển mang đồ bắt cá lớn, còn tự mình cũng làm nỏ bắn nhiều phát một lúc, chờ khi nào cá lớn xuất hiện thì bắn. Nhà vua đi từ Lang Gia về phía bắc đến núi Huỳnh Thành nhưng không thấy cá. Đến Chi Phù thì thấy cá lớn, giết chết một con. Sau đó đi dọc theo đường biển. Khi đi về phía tây đến bến Bình Nguyên thì bị bệnh.

Thủy Hoàng ghét người ta nói đến việc chết, cho nên quần thần không ai dám nói với nhà vua về việc chết. Khi bệnh càng nặng, nhà vua bèn viết thư đóng dấu của vua gửi đến công tử Phù Tô nói, “Con về Hàm Dương với đám tang, và chôn cất ta ở đấy.” Bức thư đã niêm phong ở trong phủ trung xa thuộc quyền Triệu Cao. Bức thư có dấu của nhà vua làm tin chưa giao cho sứ giả, thì ngày bính dần, tháng bảy, Thủy Hoàng chết ở Bình Đài, thuộc đất Sa Khâu (Đoạn 4 – cái chết của Thủy Hoàng).

5. Thừa tướng Lý Tư thấy nhà vua chết ở xa kinh đô, sợ các công tử và thiên hạ có biến loạn, bèn giấu kín điều đó, không báo tang, chở quan tài trong một cái xe mát (Xe có cửa mở ra thì mát, đóng lại thì ấm), cho một người hoạn quan được vua yêu, ngồi trong xe, đến đâu thì dâng thức ăn, trăm quan vẫn tâu việc như thường. Viên hoạn quan ở trong xe nghe lời tâu, liền bảo, “Được!”. Chỉ có Hồ Hợi, Triệu Cao và một vài hoạn quan thân tín của nhà vua, tất cả có năm sáu người biết là nhà vua đã chết.

Triệu Cao trước đây đã có lần dạy Hồ Hợi học viết cùng với pháp luật, mệnh lệnh. Hồ Hợi yêu quý Triệu Cao. Triệu Cao bèn cùng công tử Hồ Hợi và thừa tướng Lý Tư âm mưu phá hủy bức thư của Thủy Hoàng gửi cho công tử Phù Tô, mà bịa đặt thành ra chuyện thừa tướng Lý Tư đã nhận được tờ chiếu của Thủy Hoàng ở Sa Khâu, trước khi chết bảo lập Hồ Hợi làm thái tử. Lại làm một bức thư khác gửi cho công tử Phù Tô, và Mông Diêm kể tội hai người, ra lệnh cho hai người phải chết. Câu chuyện này nói kỹ trong truyện Lý Tư (Xem Lý Tư Liệt truyện, đoạn nói về âm mưu của Triệu Cao hết sức sinh động – xem quyển II). Xe đi từ Tỉnh Hình đến Cửu Nguyên. Gặp lúc trời nắng, chiếc xe mát phát ra mùi thối, bèn sai các quan đi theo chở trên xe một thạch cá muối để đánh lẫn mùi thối (Nhận xét tuy nhỏ, nhưng rất mỉa mai). Đi theo đường thẳng đến Hàm Dương, báo tang.

Thái tử Hồ Hợi lên nối nghiệp làm Nhị Thế Hoàng Đế. Tháng 9, chôn Thuỷ Hoàng ở Ly Sơn. Khi Thuỷ Hoàng mới lên ngôi đã sai đào núi Ly Sơn. Đến khi thôn tính được thiên hạ, thì dời hơn 70 vạn người trong thiên đào ba con suối, ở dưới đổ đồng và đưa quách vào. Đem những đồ quý báu của các cung, của trăm quan xuống cất đầy ở dưới. Lại sai thợ làm máy bắn tên, có ai đào gần đến gần thì bắn ra. Sai lấy thuỷ ngân làm một trăm con sông, sông Trường Giang, sông Hoàng Hà và biển lớn. Các máy móc làm cho nước sông và biển chảy vào nhau. Ở trên có đủ thiên văn, ở dưới có đủ địa lý, lấy dầu cá nhân ngư (Con hải báo) để thắp đuốc, trù tính thế nào để cháy lâu không tắt.

Nhị Thế nói:

- Những người ở hậu cung của tiên đế nếu không có con à cho ra ngoài thì không tiện.

Sai chôn theo tất cả. Số người chết rất nhiều. Sau khi chôn cất xong, có người nói: những người thợ làm máy và cất giấu đều biết chỗ cất giấu, thế nào họ cũng tiết lộ việc lớn. Cho nên sau khi cất giấu xong, sai đóng đường hầm đi đến huyết, lại sai đóng cửa ngoài cửa hầm. Những người thợ và những người cất giấu của cải không làm sao thoát ra được (Khái niệm về người đối với Nhị Thế cũng như là súc vật). Rồi sai trồng cây, trồng cỏ lên trên để có vẻ như cái núi (Đoạn 5-những biến cố xảy ra sau khi Thuỷ Hoàng chết).

6. Năm thứ nhất, đời Nhị Thế Hoàng đế (209 trước Công nguyên), Nhị Thế lên ngôi lúc 21 tuổi. Triệu Cao làm lang trung lệnh, được tin dùng. Nhị Thế ra chiếu sai tăng thêm các vật tế ở miếu Tần Thuỷ Hoàng cũng như nghi lễ tế các thần núi, thần sông. Ra lệnh cho quần thần bàn việc suy tôn miếu của Thuỷ Hoàng. Quần thần đều dập đầu nói:

- Ngày xưa thiên tử có bảy miếu, chư hầu có năm miếu, đại phu có ba miếu, tuy đến vạn đời cũng không bỏ cái lệ ấy. Nay Thuỷ Hoàng làm Cực miếu, trong bốn biển đều biến cống vật, tặng các vật tế, lễ rất đầy đủ, không còn thêm gì được nữa. Miếu của tiên vương hoặc ở Tây Ung hoặc ở thành Hàm Dương. Thiên tử theo nghi lễ chỉ nên hiến rượu ở miếu Thuỷ Hoàng thôi.

Bỏ tất cả nhóm bảy miếu xây từ Tương Công trở xuống (Mỗi vua chết đi xây bảy miếu để thờ, làm thành một nhóm bảy miếu. Làm như vậy là huỷ bỏ các miếu từ trước của các vua, chỉ giữ những miếu thờ Thuỷ Hoàng). Quần thần đều theo lễ đến cúng để tôn miếu của Thuỷ Hoàng làm tổ miếu của các vị đế. Nhà vua lại tự xưng là “trẫm”.

Nhị Thế bàn với Triệu Cao:

- Trẫm tuổi còn nhỏ mới lên ngôi, bọn “đầu đen” chưa theo. Tiên đế trước đây đi tuần hành các quận và các huyện để tỏ uy thế, làm bốn biển phục tùng. Nay nếu trẫm để yên không tuần hành, tức là tỏ ra mình yếu, không làm cho thiên hạ thần phục.

Mùa xuân, Nhị Thế đi về hướng đông đến các quận, các huyện, Lý Tư đi theo đến Kiệt Thạch; Nhị Thế đi theo bờ biển phía nam đến Cối Kê rồi khắc lên tất cả những cái bia Thuỷ Hoàng đã dựng nên. Bên cạnh những cái bia này, dựng một cái bia viết tên các vị quan to đi theo để nêu cao công lao và đức lớn của tiên đế.

Hoàng đế nói:

- Những điều khắc trên vàng trên đá, đều là những điều Thuỷ Hoàng đế đã làm, ta nay tuy nói tước hiệu của người, nhưng những lời khắc trên vàng, trên đá đều còn rất xa không thể sánh với

công đức của người. Những người làm vua sau này nếu khắc thì chớ sánh ngang với công lao và đạo đức to lớn của người.

Thừa tướng Lý Tư, Khứ Tật, ngự sử đại phu là Đúc liêu chết nói:

- Chúng tôi xin khắc chiếu thư này ở khắp nơi, và khắc lên đá để cho sáng rõ. Chúng tôi liêu chết xin làm thế.

Chế đưa ra nói: “Được”.

Nhị Thế đến Liêu Đông rồi trở về.

Nhị Thế bèn theo mưu mô Triệu Cao, tăng thêm nhiều luật lệ mệnh lệnh. Nhị Thế bàn mưu với Triệu Cao:

- Các quan đại thần không phục, quan lại còn mạnh, các công tử thế nào cũng tranh nhau với ta. Bây giờ nên làm thế nào?

Triệu Cao nói:

- Thần vốn muốn nói điều ấy đã lâu, nhưng chưa dám nói. Các quan đại thần của tiên đế, đều là những người có danh tiếng và quyền quý đã mấy đời, công lao chồng chất truyền lại đời đời. Nay Cao vốn là người hèn mọn được bề hạ thương đến cho làm ở địa vị trên, lo những công việc quan trọng nhất, các quan đại thần đều bức bối chỉ theo thần ngoài mặt, chứ trong lòng thực không phục. Nay bề hạ đi ra, không nhân cơ hội này xét những người làm thú, làm úy trong các quận, các huyện; thấy người nào có tội thì giết đi, trước hết để ra oai với thiên hạ, sau đó để trừ những người bình sinh bề hạ không thích. Trong lúc này không thể theo văn mà phải dùng võ lực để quyết định, xin bề hạ theo thời mà làm đừng nghi ngờ gì và quần thần không được bàn bạc. Vị vua sáng thu nhận, cất nhắc những người dân hèn; người nào hèn thì cho họ được sang; người nào nghèo thì cho họ được giàu; người nào xa thì cho họ được đến gần. Làm như thế, trên dưới sẽ theo mà nước được an.

Nhị Thế nói:

- Phải đấy!

Bèn giết các quan đại thần và các công tử, tội lỗi liên luy đến những viên quan nhỏ hầu hạ nên họ cũng đều bị giết. Các quan tam lang (Những người làm trung lang, ngoại lang, tân lang) không còn ai sống sót, sáu vị công tử bị giết ở đất Đỗ. Công tử Tương Lư anh em ba người bị tù ở trong nội cung, bị luận tội sau cùng. Sau đó Nhị Thế sai sứ giả bảo với Tương Lư:

- Công tử không làm tròn phận sự bầy tôi, tội đáng chết, quản lại đến thi hành pháp luật.

Tương Lư nói:

- Nghi lễ trong triều tôi chưa bao giờ không theo, ngôi thứ ở chốn miếu đường, tôi chưa bao giờ dám làm sai, nhận mệnh lệnh và ứng đối tôi chưa bao giờ dám lỡ lời. Bảo không làm nhiệm vụ bầy tôi là thế nào xin ông cho biết tội để rồi chịu chết?

Sứ giả nói:

- Tôi không được bàn việc ấy, chỉ mang thư đến đây làm tròn phận sự.

Tương Lư bèn ngẩng đầu lên trời kêu to ba tiếng: “Trời ơi! Ta không có tội!”. Anh em ba người đều khóc và tuốt kiếm tự sát.

Cả tôn thất run sợ, quần thần ai can ngăn thì phạm tội phỉ báng. Các quan đại thần thì lo giữ lộc để được yên thân, những kẻ “đầu đen” thì sợ hãi.

Tháng 4, Nhị Thế trở về đến Hàm Dương nói:

- Tiên đế cho triều đình ở Hàm Dương nhỏ, nên sai xây cung A Phòng. Nhà cửa chưa xong thì mất. Người ta bỏ việc ấy lo đổ đất lại lên Ly Sơn (Ý nói hoãn việc xây A Phòng, để xây lăng cho Thuỷ Hoàng. Vì xây lăng thì phải đào đất bỏ quan tài xuống rồi lại đổ đất lên nên nói đổ đất lại). Công việc ở Ly Sơn đã xong. Nay nếu ta bỏ cung A Phòng không làm thì tức là nêu rõ việc làm của tiên đế là sai lầm.

Vì vậy lại làm cung A Phòng, để bên ngoài ra uy với Tứ di (Danh từ chung để chỉ những dân tộc ở ngoài địa bản Trung quốc), như kế của Thuỷ Hoàng. Sai trưng tập tất cả những kẻ bắn giỏi gồm năm vạn người lập đồn để bảo vệ Hàm Dương. Sai dạy bắn. Lúc bây giờ phải nuôi chó, ngựa, chim muông rất nhiều, việc cung cấp không đủ. Nhà vua sai các quận và các huyện chuyên chở đồ, lúa, cỏ, rơm, người nào cũng phải thân hành mang lương thực mà ăn, không được ăn gạo trong vòng 300 dặm của thành Hàm Dương, pháp luật lại càng nghiêm ngặt (Đoạn 5 - Nhị Thế nghe theo Triệu Cao lại càng thiên về việc giết tróc, đàn áp và xây dựng cung thất).

6. Tháng 7, bọn lính thú là Trần Thắng (Xem Trần Thiệp thế gia) làm phản ở đất Kinh ngày trước, hiệu là “Trương Sở”. Trần Thắng tự lập làm vua Sở. Thắng ở đất Trần sai các tướng đi chiêu hàng các nơi. Những người trai tráng ở các quận, các huyện Sơn Đông (1), bị khổ sở vì bọn quan lại nhà Tần, đều giết bọn thú, úy, lệnh, thừa (2) làm phản để hưởng ứng Trần Thiệp lập nhau làm hầu, vương, liên hợp với nhau đi về hướng tây, lấy danh nghĩa đánh Tần, đông không kể xiết. Quan yết giả từ hướng đông lại báo với Nhị Thế về việc dân làm phản. Nhị Thế nổi giận giao yết giả cho quan lại trừng trị. Sau đó có sứ giả đến, nhà vua hỏi thì họ đều nói:

- Bọn ăn trộm đang bị các thú và các úy ở quận đuổi bắt, bây giờ đã bắt hết không cần phải lo nữa.

Nhà vua bằng lòng.

Vũ Thần tự lập làm Triệu Vương, Ngụy Cửu làm Ngụy Vương. Điền Đan làm Tề Vương, Bái Công nổi dậy ở đất Bái, Hạng Vũ dấy binh ở Cối Kê.

Năm thứ 2 (208 trước Công nguyên) mùa đông, Trần Thiệp sai bọn Chu Chương đem binh đi về hướng tây (3) đến đất Hý, binh mấy mươi vạn, Nhị Thế hoảng sợ bàn với quần thần:

- Bây giờ làm thế nào?

Chương Hàm làm Thiếu Phủ nói:

- Bọn giặc đã đông và mạnh. Nay nếu đem binh ở các huyện đến thì không kịp nữa. Những người bị vây phải làm ở Ly Sơn rất đông xin tha cho họ, giao cho họ binh khí để đánh giặc.

1. Chú ý Sơn Đông ở đây, là chỉ miền đất ở phía đông núi Hào Sơn, tức là tất cả sáu nước, còn miền đất ở phía tây tức là nước Tần chứ không phải Sơn Đông bây giờ.

2. Trong một quận có quan thú coi việc chính trị, quan úy coi về quân sự. Trong một huyện có lệnh và dưới lệnh có thừa. Đây nói giết những người cầm đầu các quận và các huyện.

3. Vì Tần ở phía tây, nên hễ nói đi về hướng tây, sang tây là đi về hướng nước Tần, còn đi về đông, sang đông là đi về các nước khác.

Nhị Thế liền đại xá thiên hạ, sai Chương Hàm cầm quân phá quân của Chu Chương. Chu Chương bỏ chạy. Sau đó giết Chu Chương ở Tào Dương. Nhị Thế lại sai thêm trưởng sử là Tư Mã Hân và Đồng Ế giúp Chương Hàm đánh quân giặc, giết Trần Thắng ở Thành Phụ, phá tan quân của Hạng Lương ở Định Đào, tiêu diệt quân của Ngụy Cửu ở Lâm Tế. Các danh tướng của giặc ở đất Sở đều đã chết rồi. Chương Hàm bèn đem quân đi về hướng bắc vượt Hoàng Hà để đánh vua Triệu là Yết ở Cự Lộc.

Triệu Cao nói với Nhị Thế:

- Tiên đế cai trị thiên hạ đã lâu cho nên quần thần không dám làm bậy. Nhưng bệ hạ bây giờ còn trẻ, mới lên ngôi, lẽ nào lại bàn bạc công việc ở triều đình với các công khanh, lỡ ra mà có điều sai sót tức là để lộ chỗ kém của mình cho quần thần thấy. Thiên tử tự gọi là “trẫm” nghĩa là người ta không nghe tiếng nói.

Do đó, Nhị Thế thường ở trong cung cấm quyết định mọi việc với Triệu Cao. Về sau các công khanh ít khi được triều kiến.

Giặc cướp càng ngày càng nhiều, binh của Quan Trung đưa ra hướng đông để đánh giặc cứ phải đi mãi không thôi. Hữu thừa tướng là Khứu Tật, tả thừa tướng là Lý Tư, tướng quân là Phùng Kiếp can nhà vua nói, “Ở Quan Đông, bọn giặc nhao nhao nổi lên, Tần đem quân trừ khử giết cũng rất nhiều nhưng vẫn không thôi. Giặc phần lớn là những người đi thú và lo vận chuyển trên cạn dưới nước, họ làm giặc vì việc xây đắp khổ cực, vì thuế má nặng. Xin đình việc xây đắp ở cung A Phòng, giảm bớt lính thú ở các biên giới.

Nhị Thế nói:

- Ta nghe Hàn Phi (1) nói, Nghiêu, Thuấn có kèo nhà bằng gỗ, dẻo mà không bào, tranh mái nhà không cất phẳng, uống chén đất, ăn bát bằng sành, một người giữ cửa ăn cũng không đến nổi kém như thế. Vua Hạ Vũ đục núi Long Môn để cho nước thông với Đại Hạ, khơi dòng cho nước ứ đọng ở sông Hà đi ra biển. Thân mình mang thương để đắp đất, chân không còn lông, dù bọn tôi tớ và bọn tù cũng không khổ sở đến thế. Con người có thiên hạ sở dĩ được tôn quý là vì có thể làm thoả chí, theo sở thích của mình, muốn gì được nấy. Nhà vua cứ làm cho những pháp luật rõ ràng thì ở dưới không ai dám làm điều bậy, và như vậy, là khống chế được thiên hạ. Các vua như vua Thuấn, vua Vũ tuy có cái địa vị cao sang là làm thiên tử, nhưng thực ra họ ở nơi cùng khổ để nêu gương cho trăm họ. Như thế có gì đáng bắt chước? Trẫm được tiếng là Vạn Thặng (3) nhưng thực ra không có. Ta muốn làm một đoàn xe nghìn cỗ để đi, theo sau là một vạn cỗ, để xứng với tôn hiệu của ta. Vả chăng, tiên đế nổi lên từ địa vị chư hầu rồi thôn tính thiên hạ. Thiên hạ đã được bình định rồi lại đuổi tứ di ở bên ngoài để giữ an biên giới, xây cung thất để nêu cao ý thích của mình. Người xem công nghiệp của tiên đế đã được tiếp tục như thế nào. Nay ta lên ngôi trong vòng hai năm, bọn giặc nổi lên, nhà ngươi không cấm được họ lại muốn bỏ điều tiên đế làm, như thế thì trước hết không có gì báo ơn tiên đế, sau nữa không tận

trung hết sức với trăm, còn giữ chức làm gì!

1. Hàn Phi là một du thuyết nổi tiếng, chủ trương thuyết dùng pháp luật trị nước gọi là phái pháp gia. Vì Lý Tư ghen tài nên xúi nhà vua giết chết. Nhắc lại lời của Hàn Phi là ý chế nhạo Lý Tư.

2. Theo quy chế nhà Chu, thiên tử có thể có một vạn cỗ xe cho nên nói thiên tử người ta thường gọi là “vạn thặng”.

Bèn giao cho quan lại bắt Khứ Tật, Lý Tư, Phùng Kiếp, xét các tội khác. Khứ Tật và Phùng Kiếp nói:

- Kẻ làm tướng quân và thừa tướng không chịu nhục.

Bèn tự sát. Lý Tư bị tù và chịu năm hình phạt (Khắc chữ vào mặt, cắt mũi, chặt hai chân, đánh chết, chặt đầu, bêu thây ngoài chợ).

Năm thứ 3, đời Tần Nhị Thế, Chương Hàm cầm quân vây thành Cự Lộc, thượng tướng quân của Sở là Hạng Vũ cầm đầu quân Sở đến cứu Cự Lộc. Mùa đông, Triệu Cao làm thừa tướng, xét án Lý Tư rồi giết Lý Tư. Mùa hạ, bọn Chương Hàm đánh bị thua mấy lần, Nhị Thế cho người đến trách Chương Hàm. Chương Hàm sợ sai trưởng sử là Tư Mã Hân đến trình việc. Triệu Cao không cho tiếp kiến, lại tỏ ra nghi ngờ. Tư Mã Hân sợ bỏ trốn. Triệu Cao sai người đuổi theo nhưng không bắt được. Tư Mã Hân đến gặp Chương Hàm nói:

- Ở trong triều, Triệu Cao hoành hành, tướng quân có công cũng bị giết, không có công cũng bị giết. Hạng Vũ đánh quân Tần rất gấp, cầm tù Vương Ly. Bọn Chương Hàm bèn đem binh đầu hàng chư hầu (Đoạn 6 – Dân chúng nổi dậy, quân Tần thua to).

7. Tháng tám ngày kỷ hợi, Triệu Cao muốn làm phản, nhưng sợ quần thần không nghe, nên trước tiên phải thử. Y dâng Nhị Thế một con hươu, và bảo rằng đó là con ngựa.

Nhị Thế cười nói:

- Thừa tướng lầm đấy chứ! Sao lại gọi con hươu là con ngựa? Nhị Thế hỏi các quan xung quanh. Những người xung quanh im lặng, có người nói là “ngựa” để vừa lòng Triệu Cao, cũng có người nói “hươu”.

Nhân đấy Triệu Cao để ý những người nào nói là “hươu” để dùng pháp luật trị tội. Sau đó quần thần đều sợ Cao.

Trước đấy Cao thường nói: “Bọn ăn trộm ở Quan Đông không làm được gì.” Nhưng đến khi Hạng Vũ đã cầm tù được tướng Tần là Vương Ly ở chân thành Cự Lộc và đem quân tiến đánh, bọn Chương Hàm bị thua trận rút lui, dâng thư xin tiếp viện, các nước Yên, Triệu, Tề, Sở, Hàn, Ngụy đều lập vua, từ Quan Trung về phía đông, phần lớn nhân dân đều chống lại quan lại nhà Tần, hưởng ứng theo chư hầu, chư hầu đều đem tất cả nhân dân đi về hướng tây. Bái Công cầm mấy vạn quân đã làm cỏ thành Vũ Quan, cho người bàn riêng với Triệu Cao. Triệu Cao sợ Nhị Thế giận giết cả mình bèn cáo bệnh không đi chầu. Nhị Thế nằm mộng thấy con hổ trắng cắn

chết con ngựa bên trái trong cỗ xe của nhà vua trong lòng không vui. Nhị Thế lấy làm lạ, hỏi người bói mộng.

Người bói mộng nói:

- Nguồn gốc của tai họa là do sông Kinh.

Nhị Thế bèn ăn chay ở “Vọng Di Cung” muốn cúng sông Kinh, dìm bốn con ngựa trắng xuống sông và sai sứ giả trách Triệu Cao về việc giặc cướp. Triệu Cao sợ bèn bàn mưu quy tội cho chúng ta. Ta muốn thay đổi vua lập công tử Anh. Tử Anh là người nhân đức, cần kiệm, trăm họ đều kính trọng lời nói của ông ta.

Triệu Cao liền sai lang trung lệnh làm nội ứng giả vờ báo cáo có giặc lớn, sai Diễm Nhạc triệu tập các tướng đem quân đuổi giặc. Ép mẹ của Diễm Nhạc đưa vào nhà của Cao (Vì sợ Diễm Nhạc phản mình, nên phải nắm lấy mẹ y làm con tin), sai Diễm Nhạc cầm hơn một nghìn người đến cửa “Vọng Di Cung”. Nhạc trối người vệ binh giữ cung và các bộc xa (chức quan võ nhỏ) mà nói:

- Quân giặc đã vào thành tại sao không ngăn cản chúng lại.

Viên quan giữ thành nói:

- Ở những nhà xung quanh thành, tôi đã bố trí binh sĩ rất cẩn thận làm sao lại có giặc dám vào cung được?

Diễm Nhạc bèn chém quan giữ thành, đem quân đi vào, vừa đi vừa bắn. Các quan lang và bọn hoạn quan hoảng hốt, có người bỏ chạy, có người kháng cự. Ai kháng cự thì chết, chết tất cả mấy mươi người. Lang trung lệnh và Diễm Nhạc đều bước vào, bắn vào cái màn Nhị Thế ngồi.

Nhị Thế nổi giận gọi những người hầu đến. Mọi người đều hoảng sợ không dám chống cự, chỉ có một viên hoạn quan hầu ở bên cạnh không dám bỏ đi. Nhị Thế bước vào cuối giường nói:

- Tại sao nhà ngươi không báo với ta từ trước để đến nỗi gặp tình cảnh này?

Viên hoạn quan nói:

- Thần sở dĩ được sống là nhờ không dám nói. Nếu nói trước thì thần đã bị giết rồi, làm sao còn sống đến ngày nay được?

Diễm Nhạc tiến đến trước mặt Nhị Thế mắng:

- Túc hạ kiêu ngạo ngang ngược, giết người, vô đạo, thiên hạ đều phản lại túc hạ. Túc hạ liệu xem mình nên như thế nào?

Nhị Thế nói:

- Ta có được gặp mặt thừa tướng hay không?

- Không được!

- Ta muốn làm vua một quận.

Diễm Nhạc không cho, Nhị Thế đành nói:

- Muốn làm vạn hộ hầu.

Cũng không cho, Nhị Thế nói:

- Xin làm bọn “đầu đen” với vợ con cũng như các công tử khác.

Diêm Nhạc nói:

- Tôi vâng lệnh thừa tướng vì thiên hạ, giết tức hạ. Tuy tức hạ có nhiều lời, tôi cũng không dám báo lại.

Diêm Nhạc vẫy cờ cho binh sĩ tiến đến. Nhị Thế tự sát. Diêm Nhạc quay về báo với Triệu Cao. Triệu Cao bèn triệu tập tất cả công tử và các đại thần báo việc giết Nhị Thế, nói:

- Nguyên nước Tần là một vương quốc, Thuỷ Hoàng làm vua cả thiên hạ, nên xưng đế. Nay sáu nước lại tự lập, đất đai của Tần càng nhỏ đi, làm đế là chỉ có cái tên hảo mà thôi, như thế không nên, nên làm vương như trước.

Bèn lập con người anh của Nhị Thế là công tử Anh, làm Tần Vương, sai chôn Nhị Thế theo lễ một thường dân ở phía nam đất Đỗ, trong vườn Nghi Xuân, bảo Tử Anh, trước khi ra miếu để nhận ấn làm vua, phải ăn chay năm ngày (Đoạn 7 - Nhị Thế bị Triệu Cao giết).

8. Tử Anh bàn với hai người con:

- Thừa tướng Triệu Cao giết Nhị Thế ở “Vọng Di Cung”, sợ bị quần thần giết nên giả vờ lập ta. Ta nghe nói Triệu Cao đã giao ước với Sở tiêu diệt dòng họ nhà Tần, và làm vương ở quan Trung. Nay ông ta bảo ta ăn chay, ra miếu, tức là muốn nhân đây giết ta ở trong miếu. Ta cáo bệnh không đi, thừa tướng thế nào cũng thân hành đến, khi đến thì ta sẽ giết.

Triệu Cao sai người mời Tử Anh mấy lần. Tử Anh không đi. Quả nhiên, Triệu Cao thân hành đến hỏi:

- Việc tôn miếu là việc quan trọng. Tại sao nhà vua lại không đi?

Tử Anh bèn cầm giáo đâm chết Triệu Cao ở trai cung, giết ba họ (Cha mẹ, anh em, vợ con. Có sách nói cha, mẹ, vợ) Triệu Cao để nêu gương cho dân Hàm Dương.

Tử Anh làm vua Tần được bốn mươi sáu ngày thì tướng Sở là Bái Công, đã phá quân Tần vào Quan Trung, sau đó đến Bái Thượng, sai người bảo Tử Anh đầu hàng. Tử Anh bèn buộc dây ấn vào cổ (tỏ ra sẵn sàng thắt cổ chết) ngồi trên một chiếc xe gỗ, không sơn do một con ngựa trắng kéo (Dấu hiệu đám ma), mang ấn, phù của thiên tử đầu hàng ở gần Chỉ Đạo. Bái Công bèn vào Hàm Dương niêm phong cung thất, các kho rồi về đóng quân ở Bái Thượng. Được hơn một tháng thì quân chư hầu đến, Hạng Tịch cầm đầu chư hầu giết Tử Anh và các công tử nhà Tần, diệt dòng họ nhà Tần, làm cỏ thành Hàm Dương, đốt cung thất, bắt con trai con gái làm tù, lấy của cải châu báu cùng chia nhau với chư hầu.

Sau khi diệt Tần. Hạng Vũ chia đất Tần cho ba vua gọi là: Ung Vương, Tắc Vương, Địch Vương hiệu là Tam Tần. Hạng Vũ làm Tây Sở Bá Vương, làm chủ việc chia thiên hạ, phong vương cho chư hầu. Thế là nhà Tần bị diệt.

Năm năm sau thiên hạ theo về nhà Hán (Đoạn 8 - Tử Anh giết Triệu Cao, đầu hàng Lưu Bang

và nhà Tần diệt vong. Lược bỏ đoạn cuối là một đoạn trong “Quá Tần luận” của Giả Nghị.

Hạng Vũ Bản Kỷ -

1. HẠNG TỊCH, người ở đất Hạ Tương, tên tự là Vũ. Khi khởi nghĩa (209 trước Công nguyên), Tịch hai mươi bốn tuổi. Chú Tịch là Hạng Lương. Cha của Hạng Lương là Hạng yên làm tướng nước Sở, bị tướng nước Tần là Vương Tiễn giết. Họ Hạng đòi làm tướng nước Sở, được phong ở đất Hạng cho nên lấy họ là họ Hạng. Lúc còn nhỏ, Tịch học chữ, học chẳng nên, bỏ đi học kiếm thuật, cũng chẳng nên. Hạng Lương nổi giận. Tịch nói:

- Biết chữ chỉ để đủ viết tên họ mà thôi. Kiếm chỉ đánh lại một người, không bỏ công học. Nên học cái đánh lại được vạn người!

Hạng Lương bèn dạy cho Tịch binh pháp. Tịch mừng lắm. Tịch chỉ học để biết qua ý nghĩa, chứ không chịu học cho đến nơi đến chốn.

Trước đây, Hạng Lương phạm tội và bị bắt ở Lịch Dương. Lương nhờ quan coi ngục ở đất Kỳ là Tào Cửu viết thư cho Tư Mã hân làm quan coi ngục ở Lịch Dương, nhờ vậy mà việc này thu xếp xong (việc này để chuẩn bị cho sự biệt đãi của Tịch đối với Tư Mã Hân ở đoạn 7).

Hạng Lương có lần giết người, để tránh báo thù, Lương cùng Tịch bỏ trốn đến đất Ngô Trung. Các kẻ hiền sĩ và đại phu ở đất Ngô Trung đều thua kém Hạng Lương. Mỗi khi ở Ngô Trung có việc làm xâu hay tang lễ, Hạng Lương thường đứng ra lo liệu. Lương lén lút dùng binh pháp để tập hợp tân khách, và trai tráng ở đấy, và nhờ đó, được biết năng lực của họ.

Tần Thuỷ Hoàng đi chơi đất Côi Kê, vượt qua Chiết Giang, Lương và Tịch cùng đi xem. Tịch nói:

- Có thể cướp và thay thế hẳn!

Lương bịt miệng Tịch:

- Đừng nói bậy! Bị giết cả họ bây giờ!

Nhân việc này Lương coi Tịch là kẻ khác thường. Tịch, mình cao hơn tám thước, có sức mạnh cất nổi cái vạc (Ở trước cửa miếu của vua Hạng Vũ có cái vạc nặng không ai cất nổi, chỉ có Vũ cất được), tài năng, chí khí hơn người. Các con em ở đất Ngô Trung đều sợ Tịch (Đoạn thứ nhất giới thiệu gia thế Tịch và Lương. Tiểu sử Tịch lúc còn nhỏ, nêu bật những đặc điểm khác người của Tịch về học vấn, chí khí, sức lực).

2. Tháng bảy, năm thứ nhất đời Tần Nhị Thế (- 209), bọn Trần Thiệp khởi nghĩa ở Đại Trạch (Xem Trần Thiệp thế gia). Tháng chín năm ấy, Thái thú quận Côi Kê, tên là Thông, nói với Hạng Lương:

- Dân Giang Tây (Đây là ở phía tây sông Trường Giang) đều làm phản, nay chính là lúc trời tiêu diệt nhà Tần. Tôi nghe nói: "Ai đi trước thì làm chủ người khác; ai đi sau thì bị người khác làm chủ". Tôi muốn xuất quân, phong ông và Hoàng Sở làm tướng.

Bấy giờ Hoàn Sở đang trốn tránh trong chốn giang hồ. Lương nói:

- Hoán Sở hiện nay đang trốn tránh, chẳng ai biết ở đâu; chỉ có Tịch biết chỗ ở của ông ta mà thôi.

Lương liền đi ra, dặn Tịch cầm kiếm đứng đợi ở ngoài. Lương lại quay vào, ngồi với thái thú. Lương nói:

- Xin cho gọi Tịch vào để giao cho y mệnh lệnh triệu Hoàn Sở về.

Thái thú nói:

- Phải!

Lương gọi Tịch vào. Lát sau, Lương đưa mắt ra hiệu cho Tịch, nói:

- Làm được rồi đấy!

Tịch liền tuốt kiếm chém đầu thái thú. Lương tay cầm đầu thái thú, mang ấn và dây buộc ấn của thái thú lên người (Lý do của việc giết thái thú: cướp lấy ấn để dùng nó mà hiệu triệu nhân dân, trung tập quân). Bọn môn hạ hoảng hốt, rối loạn. Tịch giết chết ngót trăm người, cả phủ đều sợ hãi, cúi đầu không dám kháng cự. Lương liền triệu tập quan lại và hào kiệt đã quen từ trước, hiểu dụ duyên cớ khởi nghĩa rồi trung quân ở Ngô Trung và sai người thu gọi các trai tráng ở các huyện trong phủ, được tám ngàn quân tinh nhuệ (Chuẩn bị cho đoạn cuối khi nói đến “tám nghìn con em Giang Đông). Lương cất nhắc những hào kiệt ở Ngô Trung làm các chức hiệu úy, hậu, tư mã (3). Có một người không được dùng, đến nói với Lương. Lương đáp:

- Trước đây có một lễ tang, ta cất ông làm một việc gì đấy mà ông làm không xong, vì vậy ta không dùng ông...(Ứng với câu ở đoạn 1: Hạng Lương qua việc tang lễ làm xâu biết năng lực từng người).

Mọi người đều thán phục. Lương bèn làm thái thú Côi Kê, Tịch làm ti tướng (phó tướng), chiêu hàng các huyện trong quận (Đoạn thứ 2, nói cách Tịch khởi nghĩa khác thường).

3. Thiệu Bình, người Quảng Lăng, theo lệnh Trần Vương (Tức Trần Thắng – xem Trần Thiệp thế gia), đi chiêu hàng đất Quảng Lăng, nhưng chưa hạ được thành. Nghe tin Trần Vương thua chạy, quân Tần sắp đến. Bình liền vượt Trường Giang, giả làm mệnh lệnh của Trần Vương, phong Lương làm thượng trụ quốc (Chức tương đương với thừa tướng) nước Sở. Bình nói:

- Đất Giang Đông đã bình định rồi! Mau mau đem binh về hướng tây đánh quân Tần!

Hạng Lương bèn đem tám ngàn người, vượt Trường Giang đi về hướng tây. Nghe tin Trần Anh đã lấy được huyện Đông Dương, Lương liền cho sứ giả đến giảng hoà để cùng nhau đem quân đi về hướng tây.

Trần Anh nguyên là thư lại huyện Đông Dương, ngày thường ở trong huyện là người tin cẩn, được khen là bậc trung hậu đứng đắn. Những người trai tráng ở huyện Đông Dương giết quan huyện, tụ họp đến mấy nghìn người, muốn cử một người cầm đầu, nhưng không có ai xứng đáng. Họ bèn mời Trần Anh. Anh từ chối không thể làm nổi. Họ bèn ép Anh làm thủ lĩnh. Người trong huyện theo Anh đến hai vạn. Họ muốn nhân tiện lập Anh làm vương luôn, quân sĩ đầu đội mũ màu lục để cho khác với các quân khác.

Mẹ Trần Anh bảo Anh:

- Từ khi về làm dâu ở nhà con đến nay, mẹ chưa hề nghe nói tổ tiên của con ngày trước đã có ai làm quan sang, nay bỗng dung con được cái danh vọng lớn, đó là điều không may. Bây giờ chỉ bằng mình dựa vào người khác. Nếu công việc thành thì được phong hầu; nếu thất bại cũng dễ trốn tránh, không bị người ta vạch mặt chỉ tên.

Do đó, Anh không dám làm vương, nói với các quan lại:

- Họ Hạng đòi làm tướng, nổi tiếng ở nước Sở. Nay muốn làm việc lớn mà không có người tướng giỏi thì không xong. Chúng ta dựa vào một gia tộc có tiếng (Ứng với điều nói ở đoạn 1: Họ Hạng đòi làm tướng ở nước Sở) thì chắc chắn sẽ tiêu diệt được Tần!

Mọi người nghe theo lời Anh, giao quân cho Hạng Lương điều khiển. Hạng Lương qua sông Hoài. Kinh Bố (Kinh Bố họ Anh, tức là Anh Bố, nhưng bị tội khắc chữ vào trán, nên bị gọi là Kinh – xem Kinh Bố liệt truyện), Bồ tướng quân cũng đem quân theo Lương. Số quân được tất cả sáu bảy vạn, đóng ở Hạ Bì.

Bấy giờ Tần Gia đã lập Cảnh Câu làm Sở vương, đóng quân ở phía đông Bành Thành, muốn chống lại Hạng Lương.

Hạng Lương nói với người quan lại:

- Trần Vương là người khởi nghĩa đầu tiên, vì chiến trận không lợi, nay không biết ở đâu. Bây giờ Tần Gia phản Trần Vương, lập Cảnh Câu, tức là phản nghịch, vô đạo!

Lương bèn tiến quân đánh Tần Gia. Quân của Tần Gia thua chạy. Lương đuổi theo đến Hồ Lang, Gia quay lại đánh trong một ngày. Gia chết, quân đầu hàng. Cảnh Câu bỏ chạy, chết ở nước Lương. Sau khi đã sáp nhập thêm quân của Tần Gia, Lương đóng quân ở Hồ Lăng, định đi đến hướng tây.

Quân của Chương Hàm đến đất Lật, Hạng Lương sai biệt tướng (vị tướng chỉ huy một cánh quân riêng) là Chu Kê Thạch, Dư Phàn Quân đánh lại. Dư Phàn Quân chết, quân của Chu Kê Thạch thua, bỏ chạy đến Hồ Lăng. Hạng Lương đem quân vào đất Tiết, giết Kê Thạch.

Trước đây, Hạng Lương đã sai Hạng Vũ đi một đường khác đánh Tương Thành. Tương Thành cố sức giữ nên Vũ không hạ được. Đến khi hạ được thành, Vũ sai chôn sống tất cả dân trong thành, rồi trở về báo tin cho Hạng Lương. Hạng Lương nghe tin Trần Vương đã chết thật, bèn gọi các biệt tướng họp ở đất Tiết để bàn bạc. Bấy giờ Bái Công đã khởi binh ở đất Bái, cũng đến hội họp.

Phạm Tăng người đất Cư Sào, bảy mươi tuổi, xưa nay ở nhà, thích mưu kế lạ, đến nói với Hạng Lương:

- Trần Thắng thua là phải lắm. Trong sáu nước bị Tần diệt, thì nước Sở là vô tội nhất. Từ khi vua Hoài Vương vào đất Tần rồi không về nữa, người Sở vẫn còn thương xót ông ta cho đến ngày nay (Xem Khuất Nguyên liệt truyện). Vì vậy, Sở Nam Công nói, “nước Sở dù chỉ còn ba hộ, nhưng tiêu diệt nhà Tần, chính là nước Sở.”

Nay Trần Thắng khởi sự không lập con cháu vua Sở mà tự lập làm vương thì tình thế không thể lâu dài được. Bây giờ ngài khởi nghĩa ở Giang Đông, các tướng nước Sở kéo đến theo ngài như ong về tổ, là vì nhà ngài đòi làm tướng nước Sở, họ cho rằng ngài có thể lập lại con cháu

vua Sở làm vua.

Hạng Lương cho là phải, bèn tìm người cháu của Sở Hoài Vương, tên là Tâm, chăn dê cho người ta, lập làm Sở Hoài Vương để thoả lòng mong mỏi của dân chúng.

Trần Anh làm thượng trụ quốc của nước Sở, được phong năm huyện cùng đóng đô ở đất Vu Thai với Hoài Vương, Hạng Lương tự xưng là Vũ Tín Quân.

Được mấy tháng, Lương đem quân đánh thành Cang Phủ cùng với Điền Vinh và Tư Mã Long Thu nước Tề. Lương đem quân cứu Đông A, phá tan quân Tần ở Đông A. Điền Vinh liền đem quân về đuổi vua Tề là Giả. Giả chạy trốn sang nước Sở. Tướng quốc (1) của Giả là Điền Nhân trước kia là tướng nước Tề ở lại nước Triệu, không dám về. Điền Vinh lập con của Điền Đàm, tên là Thị, làm Tề Vương. Sau khi đã đánh phá quân Tần ở gần Đông A, Hạng Lương đuổi theo quân Tần. Lương mấy lần sai sứ giả giục Điền Vinh đem binh của nước Tề đến, để cùng kéo quân sang hướng tây. Điền Vinh nói:

- Nước Sở có giết Điền Giả, nước Triệu có giết Điền Giác, Điền Nhân thì ta mới đem quân đến.

Hạng Lương nói:

- Điền Giả là vua một nước giao hiếu với ta, cùng đường phải đến đây theo ta, ta không nỡ giết.

1. Dịch là tướng quốc cho khỏi lẫn với tướng quân. Tướng quân chỉ huy về chính trị, đường lối, còn tướng quân chỉ huy về quân sự. Hai chữ này viết khác nhau nhưng đều gọi là tướng, cho nên dịch là tướng quốc và tướng quân.

Nước Triệu cũng không giết Điền Giác, Điền Nhân để mua chuộc nước Tề, cho nên Tề không chịu đem quân đến giúp nước Sở. Hạng Lương sai Bái Công và Hạng Vũ đem binh đi theo đường riêng đến Thành Dương làm cỏ quân dân trong thành. Rồi tiến quân về hướng tây, đánh phá quân Tần ở phía đông thành Bộc Dương. Quân Tần rút vào thành Bộc Dương. Bái Công và Hạng Vũ bèn đánh thành Định Đào. Chưa hạ được thành, họ liền bỏ đi, cướp đất đai ở phía tây cho đến Ung Khâu, đánh quân Tần thua to, chém Lý Do (Con của Lý Tư), rồi quay lại đánh Ngoại Hoàng, nhưng chưa hạ được.

Hạng Lương đem quân từ phía tây đất Đông A, qua hướng bắc đến Định Đào, đánh tan quân Tần lần thứ hai. Bọn Hạng Vũ giết được Lý Do, cho nên Lương càng khinh thường quân Tần và tỏ ra kiêu căng.

Tổng Nghĩa bèn can Hạng Lương:

- Nếu đánh thắng mà tướng kiêu căng, quân sĩ trễ nãi thì sẽ thất bại. Nay quân sĩ đã hơi trễ nãi rồi đấy! Quân Tần ngày càng tăng, tôi lo cho ngài!

Hạng Lương không nghe, bèn sai Tổng Nghĩa đi sứ nước Tề. Giữa đường Nghĩa gặp sứ giả nước Tề là Cao Lăng Quân, tên là Hiển. Nghĩa hỏi:

- Ông định yết kiến Vũ Tín Quân phải không?

- Vâng.

- Tôi cho rằng Vũ Tín Quân thế nào cũng thua. Ông cứ thủng thắng mà đi thì sẽ khỏi chết, nếu đi nhanh thì sẽ mắc tai họa đấy!

Tần quả nhiên đem hết quân tiếp viện cho Chương Hàm. Chương Hàm đánh quân Sở một trận tan tành ở Định Đào. Hạng Lương chết.

Bái Công, Hạng Vũ rời bỏ Ngoại Hoàng, đến đánh huyện Trần Lưu, huyện Trần Lưu giữ vững không hạ được. Bái Công, Hạng Vũ bàn với nhau:

- Bây giờ quân của Hạng Lương đã tan vỡ, sĩ tốt đều lo sợ.

Hai người bèn cùng với quân của Lữ Thần đi về hướng đông. Lữ Thần đóng quân ở phía đông Bành Thành. Hạng Vũ đóng quân ở phía tây Bành Thành, Bái Công đóng quân ở đất Đường (1).

4. Sau khi đã đánh bại quân của Hạng Lương. Chương Hàm cho rằng quân của nước Sở không đáng lo, nên vượt Hoàng Hà qua đánh nước Triệu, phá tan quân Triệu.

Lúc bấy giờ Triệu Yết làm vua, Trần Dư làm tướng quân. Trương Nhĩ làm tướng quốc, cả ba đều chạy vào thành Cự Lộc. Chương Hàm đóng quân ở phía nam thành này, xây một con đường ống để chuyên chở thóc. Trần Dư làm tướng, đem vài vạn quân đóng ở phía bắc thành Cự Lộc (2), toàn quân ấy gọi là quân Hà Bắc.

Quân Sở đã bị thua ở Định Đào, Hoài Vương lo sợ, từ Vu Thai đến Bành Thành, dẫn cả quân của Hạng Vũ, Lữ Thần làm một, và thân hành cầm quân. Hoài Vương cho Lữ Thần làm tư đồ, cha của Thần là Lữ Thanh làm lệnh doãn, cho Bái Công làm thái thú Đường Quận, phong làm Vũ An Hầu, coi đạo quân Đường Quận.

1. Đoạn 3 – Lai lịch Hạng Lương từ khi khởi nghĩa đến khi thất bại. Giới thiệu những nhân vật quan trọng của cuộc khởi nghĩa: Trần Anh, Phạm Tăng, Kinh Bố, Bái Công. Hạng Lương vì kiêu căng nên thất bại, quân Tần từ bại chuyển thành thắng.

2. Trước khi quân Tần bao vây, Trần Dư đã mang quân ra ngoài thành (xem Trương Nhĩ, Trần Dư liệt truyện).

Sứ giả nước Tề là Cao Lăng Quán tên là Hiễn, bấy giờ đang ở trong quân đội nước Sở. Trước đây, Hiễn có gặp Tống Nghĩa, cho nên Hiễn yết kiến vua Sở và nói:

- Tống Nghĩa nói rằng quân của Vũ Tín Quân nhất định thua, vài ngày sau; quả nhiên quân ấy bị bại. Quân chưa giao chiến mà ông ta đã thấy trước cái cơ thất bại như thế, có thể gọi ông ta là người biết binh pháp.

Hoài Vương gọi Tống Nghĩa vào cùng bàn công việc. Hoài Vương rất là đẹp lòng, bèn cho y làm thượng tướng quân, Hạng Vũ làm thừa tướng, phong Lỗ Công, Phạm Tăng làm mật tướng để cứu nước Triệu. Các biệt tướng đều ở dưới quyền Tống Nghĩa, hiệu là Khanh Tử Quán Quân. Tống Nghĩa đi đến An Dương, ở lại bốn mươi sáu ngày không tiến quân. Hạng Vũ nói:

- Tôi nghe nói quân Tần vây Triệu Vương ở Cự Lộc, ngài nên mau mau đem quân qua sông, quân Sở đánh ở bên ngoài, quân Triệu tiếp ứng ở bên trong, thì chắc chắn phá được Tần.

- Không phải thế đâu. Phàm con mòng đốt trâu thì không thể nào giết được rắn chấy (Câu này có nhiều sách giải nghĩa khác nhau. Có sách giải thích: thành Cự Lộc tuy nhỏ, quân Tần không thể lấy ngay được. Có sách giải thích: Muốn lấy được Tần thì không thể chú ý Cự Lộc. Ý sau hợp hơn. Con mòng chỉ cốt đốt trâu, không có thì giờ đâu chú ý đến bọn chấy rắn trên lưng trâu, cũng như Tống Nghĩa chỉ cốt đánh Tần, không có thì giờ để ý đến việc vụn vặt như Cự Lộc). Nay Tần đánh Triệu, nếu Tần đánh thắng thì quân mệt mỏi, ta lợi dụng lúc nó kiệt quệ mà đánh, nếu Tần không thắng thì ta hợp quân kéo về hướng tây, chắc chắn cướp lấy được nước Tần. Vì vậy, không gì bằng trước tiên để cho Tần và Triệu đánh nhau. Mang áo giáp dày, cầm binh khí sắc thì Nghĩa này không bằng ông, nhưng ngồi để trù tính sách lược thì ông không bằng Nghĩa (Câu này ám chỉ Hạng Vũ).

Tống Nghĩa bèn ra lệnh trong quân:

- Ai mạnh như hổ, buồm như dê, tham như sói, cứng đầu không thể sai khiến được, đều chém tuốt!

Nghĩa bèn sai con là Tống Tương sang làm tướng nước Tề, thân hành tiễn y đến đất Vô Diêm, uống rượu, hội họp linh đình. Trời lạnh, mưa to, quân sĩ đều đói rét. Hạng Vũ nghĩ thầm:

- Đáng lý phải cố sức đánh Tần, thế mà lại cứ dằng dai mãi không chịu đi. Nay năm đói, dân nghèo, sĩ tốt ăn rau ăn khoai, quân không có lương thực sẵn sàng. Thế mà cứ uống rượu, hội họp linh đình, không đem binh vượt Hoàng Hà để dùng lương thực nước Triệu, cùng Triệu chung sức đánh Tần. Lại còn nói “lợi dụng khi nó kiệt quệ”! Một nước mạnh như nước Tần, đánh nước Triệu là nước mới thành lập, thì nhất định là lấy đứt rồi! Nước Triệu mất, Tần lại càng mạnh, chứ có mong gì nó kiệt quệ mà lợi dụng kia chứ? Vả chăng, quân ta vừa bị tan tác, vua ngồi không yên chiếu, vét tất cả binh lính, lương thực trong nước, giao cho một mình tướng quân, nước nhà yên hay nguy là ở trận này. Nay không thương xót sĩ tốt, lại mưu đồ việc riêng, thật không phải hạng bầy tôi trung thành với nước (Đoạn này phản lại nhận xét của Tống Nghĩa, và chứng tỏ Hạng Vũ là người dũng mãnh, yêu sĩ tốt, nhiều mưu trí và quyết đoán trong lúc hành động).

Buổi sáng, Hạng Vũ vào hầu thượng tướng quân Tống Nghĩa, Vũ bước vào trướng chặt đầu Nghĩa, liền ra lệnh trong quân:

- Tống Nghĩa mưu với Tề để phản lại nước Sở. Sở Vương ra lệnh cho Vũ giết hần!

Bấy giờ các tướng đều sợ hãi cúi đầu không ai dám ho he. Tất cả đều nói:

- Người đầu tiên lập nước Sở là gia đình tướng quân. Nay tướng quân lại giết được đứa loạn thần.

Họ bàn nhau lập Vũ làm quyền thượng tướng quân, sai người đuổi theo con của Tống Nghĩa, đến Tề thì bắt được và giết đi. Vũ sai Hoàn Sở báo với Hoài Vương. Hoài Vương nhân đó phong Vũ làm thượng tướng quân. Đương Dương Quân và Bồ Tướng Quân đều ở dưới quyền Hạng Vũ.

Sau khi giết Khanh Tử Quán Quân, uy thế của Hạng Vũ vang dội ở nước Sở, danh tiếng nổi ở khắp các chư hầu, Vũ liền sai Đương Dương Quân, Bồ Tướng Quân cầm hai vạn quân vượt Hoàng Hà đến Cự Lộc. Vì chiến sự còn ít thắng lợi, nên Trần Dư lại xin quân tiếp viện. Hạng

Vũ liền đem tất cả quân vượt Hoàng Hà, bắt quân lính đều phải chìm đắm thuyền, đập vỡ nồi nấu cơm, đốt lều trại, chỉ mang lương thực trong ba ngày để tỏ rõ sĩ tốt quyết tâm liều chết, không chịu quay về. Vũ đến vây Vương Ly, gặp quân Tần, đánh chín trận, cắt đứt con đường ống, phá tan quân Tần, giết Tô Giác, bắt sống Vương Ly. Thiệp Nhân không đầu hàng Sở, tự thiêu mình mà chết.

Bấy giờ thanh thế quân của Sở át cả quân các nước chư hầu. Quân của chư hầu đến cứu Cự Lộc đóng ở gần đó hơn mười doanh trại, nhưng không ai dám đem quân ra đánh. Đến khi Sở đánh Tần, các tướng đều đứng trên tường mà nhìn. Các chiến sĩ nước Sở ai cũng đủ sức một người chống lại mười người, tiếng reo hò của quân Sở vang trời, quân chư hầu không ai không run sợ. Do đó, sau khi đã đánh tan quân Tần, Hạng Vũ triệu tập tướng các nước chư hầu. Khi vào cửa viên môn, mọi người đều quỳ gối xuống mà đi tới, không ai dám ngẩng lên nhìn!

Vì vậy, Hạng Vũ bắt đầu làm thượng tướng quân của chư hầu, chư hầu đều ở dưới quyền Vũ (Đoạn 4 – Hành động oanh liệt của Hạng Vũ trong việc giết Tống Nghĩa, đánh tan quân Tần ở Cự Lộc. Do đó, chuyển bại thành thắng. Tác giả nhấn mạnh thái độ kiên quyết chiến đấu của Hạng Vũ và quân Sở đối lập với thái độ khiếp nhược của quân chư hầu. Tác giả nhấn mạnh mấy lần chữ “không dám...”).

5. Chương Hàm đóng quân ở Cúc Nguyên, Hạng Vũ đóng quân ở phía nam sông Chương. Hai bên cứ giữ thế nhau chưa giao chiến. Quân của Tần nhiều lần rút lui. Tần Nhị Thế sai người đến quở trách Chương Hàm. Chương Hàm sợ, sai trưởng sử (chức quan tương đương với chức bí thư trưởng) là Hân đi yết kiến vua Tần để tâu xin định đoạt. Hân đến Hàm Dương đợi ở cửa tư âm (Cửa ngoài của cung đình) ba ngày. Triệu Cao (Về Triệu Cao xem Tần Thủy Hoàng bản kỷ) không cho yết kiến, vì y có lòng ngờ. Trưởng sử Hân sợ hãi chạy về quân mình, nhưng không dám đi theo con đường lần trước. Quả nhiên Triệu Cao cho người đuổi theo, nhưng không kịp. Hân về đến quân doanh báo rằng:

- Ở triều đình, Triệu Cao chuyên quyền, ở dưới quyền của nó không thể làm được việc gì. Nay nếu đánh mà thắng thì thế nào Cao cũng ghen ghét công lao của chúng ta; lỡ đánh không thắng thì không khỏi chết. Xin tướng quân hãy suy nghĩ cho kỹ!

Trần Dư cũng đưa thư cho Chương Hàm nói:

- Bạch Khởi làm tướng nước Tần, phía nam chinh phục Yên Sinh (Kinh đô của Sở), phía bắc chôn sống Mã Phục (Triệu Quát, con Triệu Xa được phong làm Mã Phục quân, bị Bạch Khởi giết, đồng thời chôn sống 40 vạn quân Triệu), đánh lấy thành, cướp được đất không biết bao nhiêu mà kể. Thế mà cuối cùng Tần ra lệnh cho tự sát. Mông Điềm làm tướng nước Tần, phía bắc giết quân Nhung, mở mang đất Du Trung mấy ngàn dặm, thế mà cuối cùng cũng bị chém ở Dương Châu (Sử chép: Hồ Hợi giam Mông Điềm ở Dương Châu, rồi bắt Điềm phải uống thuốc độc chết ở đó. Đây nói “chém” ở Dương Châu là có ý nói thêm). Tại sao lại như thế? Họ lập nhiều công, nước Tần không thể cấp đất đai cho hết, cho nên tìm cách giết họ đi. Nay tướng quân làm tướng nước Tần đã ba năm nay, quân chết và bỏ trốn tính đến chục vạn người, thế mà chư hầu nổi dậy càng nhiều. Tên Triệu Cao kia mấy lâu nay vốn hay nịnh hót, lừa dối nhà vua (Nịnh dối đã lâu ngày, sợ bại lộ ra), nay việc gấp, cũng sợ Nhị Thế giết, cho nên hắn muốn tìm cách giết tướng quân để trút lỗi, rồi sai người thay thế tướng quân để tránh khỏi tai họa. Tướng quân ở ngoài đã lâu, ở trong triều đình có nhiều hiểm khích: có công cũng bị giết, không có công cũng bị giết. Vả chẳng trời làm tiêu diệt nhà Tần, người ngu độn hay khôn ngoan ai cũng

đều biết như thế. Nay tướng quân ở triều đình thì không thể lấy lời thẳng để khuyên can ở ngoài biên cương thì làm vị tướng của một nước sắp mất. Cô độc đứng một mình mà muốn tồn tại được mãi thì chẳng đáng thương lắm sao! Tại sao tướng quân không đem quân quay lại liên hiệp với chư hầu, giao ước cùng nhau đánh Tần, chia đất Tần để làm vương, ngoảnh mặt về hướng nam để xưng “cô” (Ngày xưa thiên tử và chư hầu đều ngồi quay mặt về hướng nam để cai trị, và tự xưng mình là “cô”, với nghĩa khiêm tốn là đứa con không cha, cũng như thiên tử xưng “quả nhân”, với nghĩa khiêm tốn là người ít nhân), điều đó chẳng hơn thân bị bú riu, vợ con bị giết hay sao?

Chương Hàm còn do dự, bí mật sai vị quân là Thi Thành đi sứ đến Hạng Vũ, muốn cùng giao ước. Giao ước chưa xong. Hạng Vũ sai Bồ Tướng Quân ngày đêm đem quân vượt bến Tam Hộ, đóng quân ở phía nam sông Chương, đánh nhau với quân Tần, lại đánh tan quân Tần lần thứ hai (Nên rõ mưu lược của Hạng Vũ, giao ước chưa xong đã đánh; dễ thắng vì quân địch còn hoang mang, nhân đó càng làm áp lực bắt Hàm phải hàng). Hạng Vũ đem tất cả quân đánh quân Tần trên sông Vu Thủy, phá tan tành.

Chương Hàm sai người yết kiến Hạng Vũ, muốn giao ước. Vũ triệu các quân lại bàn:

- Lương ta ít, ta muốn nghe theo giao ước của y.

Các quân lại đều nói:

- Phải.

Hạng Vũ bèn hẹn với Hàm gặp nhau ở Ân Khư, phía nam sông Hoàn Thủy. Sau khi ăn thề, Chương Hàm nhìn thấy Hạng Vũ, chảy nước mắt ròng ròng, kể lại việc Triệu Cao. Hạng Vũ bèn lập Chương Hàm làm Ung Vương giữ lại ở trong quân đội của Sở, cho trưởng sử Hân làm thượng tướng quân, cầm quân Tần để đi tiên phong.

Quân của Vũ đến Tân An, tướng sĩ các nước chư hầu xưa kia làm xâu hay đi thú ở trong đất Tần đều bị tướng sĩ của Tần đối đãi với họ như là nô lệ, tù binh, tha hồ làm nhục tướng sĩ nhà Tần. Tướng sĩ nhà Tần nhiều người nói trộm với nhau:

- Bọn Chương tướng quân lừa chúng ta đầu hàng chư hầu, nên bây giờ họ có thể vào cửa quan đánh nước Tần. Nếu may ra mà đánh được nhà Tần thì tốt lắm, nếu không thì chư hầu sẽ bắt chúng mình đem về đông, còn Tần thì thế nào cũng giết chết cha mẹ, vợ con ta.

Các tướng nghe mang máng việc họ bàn, đem báo lại với Hạng Vũ. Hạng Vũ liền gọi Kinh Bố và Bồ Tướng Quân để bàn:

- Tướng sĩ của Tần vẫn còn đông, bụng chúng không phục ta, đến Quang Trung mà chúng không theo ta thì việc lớn sẽ nguy; chi bằng giết chúng đi, chỉ giữ lại Chương Hàm, trưởng sử Hân, đô úy

Ế để cùng vào đất Tần mà thôi.

Bấy giờ quân đội Sở ban đêm đến đánh và chôn sống hơn hai mươi vạn lính Tần ở phía Nam thành Tân An. (Đoạn 5 - Kể lại Chương Hàm đầu hàng Hạng Vũ và việc Hạng Vũ chôn sống quân Tần. Từ đoạn 7 trở đi là kể việc tranh chấp giữa Hạng Vũ và Lưu Bang để làm bá chủ thiên hạ.)

6. Vũ từ Tân An ra đi, muốn bình định được đất Tần, nhưng cửa Hàm Cốc có binh giữ cửa ải, Vũ không vào được (1). Lại nghe tin Bái Công đã phá Hàm Dương. Hạng Vũ nổi giận, sai bọn Dương Dương Quân đánh cửa ải. Hạng Vũ bèn vào đến phía tây sông Hí Thủy.

Bái Công đóng quân ở Bá Thượng, chưa có dịp gặp Hạng Vũ. Quan tả tư mã của Bái Công là Tào Vô Thương sai người đến nói với Hạng Vũ:

- Bái Công muốn làm vua ở Quan Trung, cho Tử Anh làm tướng quốc, lấy hết của cải châu báu.

Hạng Vũ nổi giận nói:

- Ngày mai cho quân sĩ ăn no, để đánh quân của Bái Công!

Lúc bấy giờ, quân Hạng Vũ bốn mươi vạn đóng ở Hồng Môn huyện Tân Phong. Quân của Bái Công mười vạn, đóng ở Bá Thượng. Phạm Tăng nói với Hạng Vũ:

- Khi Bái Công ở Sơn Đông thì tham của cải, thích gái đẹp. Nay vào Quan Trung, ông ta không lấy của cải gì (2), không thân cận đàn bà con gái, điều đó chứng tỏ chí của ông ta không vừa! Tôi sai người xem khí mây nơi ông ta ở, thì đều là khí long hổ thành năm sắc (3), chính là khí tượng thiên tử đấy, phải đánh gấp chớ có bỏ qua.

1. Trong thời gian Hạng Vũ đem quân đến Cự Lộc. Bái Công vâng lệnh Sở Hoài Vương đã đem binh lấy nước Tần, cho người canh giữ Hàm Cốc Quan (xem Cao Tổ bản kỷ).

2. Nhận xét này của Phạm Tăng chứng tỏ lời của Tào Vô Thương là bịa đặt. Tham vọng của Bái Công to hơn thế nhiều.

3. Theo mê tín đời xưa, đế vương ở đâu, thì ở đấy có mây ngũ sắc phủ trên trời.

Quan tả doãn nước Sở là Hạng Bá, chú của Hạng Vũ, vốn quen thân Lưu hầu là Trương Lương. Lúc bấy giờ Trương Lương theo Bái Công, Hạng Bá bèn đang đêm ruổi ngựa đến quân doanh Bái Công, gặp riêng Trương Lương, báo cho Lương biết đầu đuôi câu chuyện, muốn gọi Trương Lương cùng đi với mình cho thoát nạn. Hạng Bá bèn bảo Lương rằng:

- Chớ có theo mà bị chết cả đấy!

Trương Lương nói:

- Tôi vì vua Hàn mà theo Bái Công, nay Bái Công có việc nguy cấp, bỏ trốn đi là bất nghĩa, không thể không nói với ông ta.

Lương bèn đi vào kể đầu đuôi cho Bái Công nghe.

Bái Công hoảng sợ nói:

- Làm thế nào bây giờ?

Trương Lương hỏi:

- Kẻ nào bày kế cho đại vương?

Bái Công nói:

- Cái thằng tiểu nhân ấy bảo ta rằng, “Giữ lấy Hàm Cốc Quan, không cho quân của chư hầu vào, thì có thể làm vương trên toàn đất Tần”, vì vậy, ta nghe lời hắn!

Trương Lương nói:

- Đại vương thử liệu xem sĩ tốt có đủ để chống lại Hạng Vương không?

Bái Công im lặng một lúc, đáp:

- Cố nhiên là không bằng! Làm sao bây giờ?

Trương Lương nói:

- Thần xin đến nói với Hạng Bá rằng, Bái Công không dám phản Hạng Vương.

- Nhà ngươi với Hạng Bá quen nhau à?

- Trong thời nhà Tần, Hạng Bá chơi với thần, ông ta giết người, thần cứu sống; cho nên ngày nay gặp việc nguy cấp, ông ta đến đây báo cho thần biết.

- Ông ta với nhà ngươi, ai lớn tuổi hơn?

- Ông ta lớn tuổi hơn thần.

- Nhà ngươi hãy thay mặt ta mời ông ta vào, ta sẽ đãi ông ta là bậc anh.

Trương Lương đi ra mời Hạng Bá. Hạng Bá liền vào yết kiến Bái Công. Bái Công bung chén rượu chúc thọ, hẹn làm thông gia, Bái Công nói:

- Tôi vào Hàm Cốc Quan, tư hào không dám động, ghi danh sách quan lại và dân chúng vào sổ, niêm phong các kho tàng để đợi tướng quân. Tôi sai tướng giữ cửa ải chỉ là để phòng trộm cướp ra vào, và những việc bất trắc mà thôi. Ngày đêm mong tướng quân đến, chứ tôi đâu dám làm phản! Xin ông nói lại với tướng quân rằng, tôi đâu dám vong ân bội nghĩa!

Hạng Bá nhận lời, nói với Bái Công:

- Ngày mai thế nào ông cũng phải đến sớm mà xin lỗi Hạng Vương!

Bái Công nói: “Vâng”.

Hạng Bá liền ra đi trong đêm ấy. Về đến quân doanh, Bá đem những lời nói của Bái Công báo lại với Hạng Vũ, nhân tiện nói:

- Nếu Bái Công không phá Quan Trung trước thì đại vương có dám vào không? Người ta có công lớn mà mình lại đánh là bất nghĩa, chi bằng đối đãi với họ cho tử tế!

Hạng Vương cho là phải.

Sáng hôm sau, Bái Công mang theo một trăm kỵ binh đến yết kiến Hạng Vương. Bái Công đến Hồng Môn xin lỗi:

- Tôi và tướng quân đều hết sức đánh Tần. Tướng quân đánh ở Hà Bắc, tôi đánh ở Hà Nam, không ngờ tôi vào Hàm Cốc Quan trước, đánh phá nhà Tần, lại được gặp tướng quân ở đây. Nay vì lời nói của kẻ tiểu nhân nên tướng quân với tôi có hiềm khích!

Hạng Vũ nói:

- Đó là quan tả tư mã của Bái Công là Tào Vô Thương nói đấy (1). Nếu không thì Tịch đây làm như thế làm gì!

Hôm ấy Hạng Vương giữ Bái Công ở lại uống rượu. Hạng Vũ và Hạng Bá ngồi quay mặt về hướng nam, Bái Công ngồi quay mặt về hướng bắc, Trương Lương châu quay mặt về hướng tây (2).

Phạm Tăng đưa mắt nhìn Hạng Vương, đưa cái vòng ngọc quyết (3) ra hiệu, như thế ba lần. Nhưng Hạng Vương vẫn im lặng không để ý. Phạm Tăng đứng dậy ra đi, gọi Hạng Trang đến bảo:

- Quân Vương là người bất nhẫn! Anh phải vào chúc thọ! Chúc thọ xong xin múa kiếm, nhân đó đâm Bái Công ở chỗ ngồi và giết đi. Nếu không, tất cả bọn anh đều bị ông ta bắt cầm tù cả đấy.

Hạng Trang liền vào chúc thọ. Chúc thọ xong, Hạng Trang nói:

- Quân Vương và Bái Công uống rượu, trong quân doanh không có gì làm vui, tôi xin múa kiếm.

Hạng Vương nói:

- Được!

1. Hạng Vũ lỡ lời.

2. Tác giả lưu ý đến cách ngồi của bốn người, đoạn này miêu tả hết sức sinh động, cử chỉ, nét mặt, tiếng nói, tất cả đều rất ngắn, nhưng rất điển hình.

3. Ngọc quyết là vòng ngọc đeo bên mình. Ở đây chữ “quyết” trong ngọc quyết đồng âm với chữ quyết trong “quyết định”. Ý Tăng bảo Vũ phải quyết định ngay.

Hạng Trang tuốt kiếm, đứng dậy múa. Hạng Bá cũng tuốt kiếm đứng dậy múa, luôn luôn lấy thân mình che cho Bái Công nên Trang không đâm được. Trương Lương bèn ra đến cửa tìm Phàn Khoái. Phàn Khoái hỏi:

- Việc hôm nay ra sao?

Trương Lương nói:

- Nguy cấp lắm! Hiện nay Hạng Trang tuốt kiếm đang múa, xem hấn cốt nhằm Bái Công mà đâm.

Phàn Khoái nói:

- Như thế thì gấp quá rồi! Tôi xin vào cùng liều chết.

Khoái liền mang kiếm, cấp khiên bước vào cửa viên môn. Vệ sĩ cầm giáo chéo nhau muốn cản không cho vào. Phàn Khoái cầm ngang cái khiên mà gạt vệ sĩ ngã lăn ra đất. Khoái liền vào, vén màn đứng quay mặt về hướng tây (tức là đối diện với Hạng Vũ), trợn mắt nhìn Hạng Vũ, khoé mắt rách toác! Hạng Vương chống kiếm quỳ nhõm dậy (có ý giữ thế thủ) mà hỏi:

- Ông khách làm gì thế?

Trương Lương nói:

- Đó là Phàn Khoái, người tham thặng (người ngồi cùng một xe để hộ vệ) của Bái Công.

Hạng Vũ nói:

- Tráng sĩ! Cho tráng sĩ chén rượu.

Liền cho Khoái một chén rượu. Khoái lạy tạ đứng lên mà uống.

- Cho ông ta một vai lợn!

Lại cho Khoái một vai lợn sống, Khoái đặt cái khiên xuống đất, đặt vai lợn lên trên, tuốt kiếm xẻo thịt lợn mà nhai (Tất cả bốn động tác trong một câu. Cách ăn thịt lợn thật đặc sắc.)

Hạng Vương nói:

- Tráng sĩ có uống được rượu nữa không?

Phàn Khoái nói:

- Thần chết còn chả tránh, dám đâu từ chối chén rượu. Vua Tần lòng lang dạ thú giết người nhiều không kể xiết, trị tội người như sợ không kịp. Thiên hạ đều nổi dậy làm phản. Vua Hoài Vương có giao ước với các tướng, “Ai phá được Tần, vào Hàm Dương thì phong vương”. Ngày nay Bái Công là người đầu tiên phá được Tần, vào Hàm Dương, tư hào không dám phạm, niêm phong các cung thất, đem quân về đóng ở Bá Thượng để chờ đại vương đến. Bái Công sai tướng giữ cửa ải là chỉ để phòng bọn trộm cướp ra vào, và những việc bất trắc mà thôi. Bái Công khó nhọc mà công to như vậy, nhưng vẫn chưa được phong thưởng gì! Nay đại vương nghe lời bọn tiểu nhân, muốn giết kẻ có công, tức là noi theo đường lối nhà Tần đã mất! Tôi trộm nghĩ đại vương không nên làm như vậy!

Hạng Vương chưa biết lấy câu gì đáp lại, bảo:

- Ngồi xuống!

Phàn Khoái ngồi bên cạnh Trương Lương. Một lát, Bái Công đứng dậy đi ra ngoài. Nhân đó gọi Phàn Khoái ra. Hạng Vương sai đô úy là Trần Bình mời Bái Công vào. Bái Công nói:

- Nay ta ra đi, chưa có lời từ biệt, làm thế nào bây giờ?

Phàn Khoái nói:

- Làm việc lớn thì không để ý đến những điều vụn vặt; làm lễ lớn không cầu nệ những điều nhỏ.

Nay người ta là dao, là thớt, ta là cá, là thịt, từ biệt làm gì?

Hạng Vũ Bản Kỷ (tiếp Theo) -

Bái Công bèn ra đi, sai Trương Lương ở lại để xin lỗi. Lương hỏi:

- Đại Vương đến đây có mang theo gì không?

Bái Công nói:

- Ta mang theo một cặp ngọc bạch bích, muốn để hiến Hạng Vương, một đôi chén ngọc muốn để biếu Á Phụ. Ta thấy họ nổi giận nên không dám hiến. Nhà người hiến hộ ta.

Trương Lương nói:

- Xin vâng.

Bấy giờ quân của Hạng Vương đóng ở Hồng Môn, quân của Bái Công đóng ở Bá Thượng, cách nhau bốn mươi dặm. Bái Công bỏ xe lại, một mình cưỡi ngựa đi thoát thân, bốn người: Phàn Khoái, Hạ Hầu Anh, Ngân Cương, Kỷ Tín, mang gươm và khiên chạy bộ theo (miêu tả cách chạy trốn rất tỉ mỉ và cụ thể). Họ men theo chân núi Ly Sơn, đi qua Chỉ Dương, theo con đường nhỏ. Bái Công dặn Trương Lương:

- Đi theo con đường này đến quân ta chỉ mất hai mươi dặm thôi. Tính chừng khi nào ta đã về đến quân doanh rồi thì nhà người hãy vào.

Sau khi Bái Công chừng đã đi theo con đường nhỏ về đến trong quân. Trương Lương bước vào xin lỗi, nói:

- Bái Công quá chén, không thể vào từ biệt, có sai thần là Lương, dâng một đôi ngọc bích để kính dâng đại vương, một đôi chén ngọc đến kính dâng đại tướng quân.

Hạng Vương hỏi:

- Bái Công đâu rồi?

Trương Lương nói:

- Nghe đại vương có ý trách tội, Bái Công đã trốn thoát đi một mình, nay đã về đến quân doanh. (Nhấn mạnh ý sau để nói Hạng Vũ bây giờ không làm gì được nữa.)

Hạng Vương bèn nhận ngọc bích đặt ở chỗ ngồi. Á Phụ cầm chén ngọc đặt xuống đất, tuốt kiếm đập chén vỡ tan, nói:

- Chà! Thành trẻ con (Đây là nói Hạng Trang, nhưng thực ra là ám chỉ Hạng Vũ) không thể cùng bàn mưu kế! Người đoạt thiên hạ của Hạng Vương nhất định là Bái Công. Bọn ta sẽ bị bắt làm tù hết.

Bái Công về đến quân doanh, lập tức giết Tào Vô Thương (Đoạn này nổi tiếng trong văn học gọi là đoạn “ăn yến ở Hồng Môn”).

2. Mấy ngày sau, Hạng Vương đem binh về hướng tây làm cỏ thành Hàm Dương, giết vua Tần đã đầu hàng là Tử Anh, đốt cung thất nhà Tần, lửa cháy liên ba tháng không tắt, thu của cải châu báu, phụ nữ đem về đông. Có người (Theo Tiền hán thư, thì người thuyết khách này là Hàn Sinh, Hán Sở Xuân Thu gọi là Thái Sinh.) nói với Hạng Vương:

- Đất Quan Trung bốn phía có núi sông che chở, đất đai phì nhiêu, có thể đóng đô ở đây để xây dựng nghiệp bá.

Hạng Vương thấy cung thất nhà Tần đều bị đốt phá, lòng chạnh nhớ, muốn về miền đông, liền nói:

- Được phú quý mà không trở về làng cũ thì cũng như mặc áo gấm đi đêm, còn ai biết gì?

Người ấy nói:

- Người ta nói rằng, “Người nước Sở giống “những con khỉ đội mũ người” (Con khỉ đội mũ người thì trong chốc lát sẽ vứt mũ và bản tính của nó sẽ lộ ra, ý nói tính tình thay đổi nhanh), quả thực là đúng!”

Hạng Vương nghe vậy, bỏ người đó vào trong vạc dầu.

Hạng Vương sai người xin mệnh lệnh của Sở Hoài Vương, Hoài Vương nói:

- Cứ theo như lời ước cũ (Hạng Vương hy vọng Sở Hoài Vương sẽ cho mình làm vương ở Tần, nhưng Sở Hoài Vương muốn giữ lời giao ước để Bái Công làm vương, vì Bái Công đầu tiên vào Quan Trung).

Hạng Vương bèn tôn Hoài Vương lên làm Nghĩa Đế. Hạng Vương muốn tự xưng vương nên trước tiên phong các tướng văn võ làm vương. Hạng Vương nói:

- Khi thiên hạ mới bắt đầu khởi sự thì tạm thời lập các chư hầu để đánh Tần, nhưng việc mình mặc áo giáp, tay cầm gươm đao gánh vác việc lớn, ba năm xông pha ở chiến trường, diệt nhà Tần và bình định được thiên hạ đều là công lao của các vị tướng, các quan văn võ và của Tịch này. Nghĩa Đế tuy không có công, nhưng cũng chia đất đai mà phong vương cho ông ta.

Các tướng đều nói:

- Phải đấy!

Hạng Vương bèn chia thiên hạ, lập các tướng làm vua các nước chư hầu.

Hạng Vương và Phạm Tăng lo ngại Bái Công sẽ lấy thiên hạ; nhưng trót đã điều đình xong, không muốn bội ước, sợ chư hầu làm phản, cho nên bí mật bàn nhau: đất Ba và đất Thục đường xá hiểm trở, nhà Tần đầy người đến ở đất Thục, bèn nói:

- Đất Ba và đất Thục cũng là đất Quan Trung (Vì bất đắc dĩ phải phong vương cho Bái Công, lại phải phong ở Quan Trung theo lời giao ước, cho nên hai người tìm cách “đày” Bái Công đi Ba và Thục, và nói rằng Ba và Thục cũng là Quan Trung). Cho nên lập Bái Công làm Hán Vương cai trị đất Ba, đất Thục và đất Hán Trung, đóng đô ở Nam Trịnh. Hạng Vương chia Quan Trung làm ba phần, phong vương cho các tướng Tần đã đầu hàng, để họ chặn đường của Hán Vương.

Hạng Vương lập Chương Hàm làm Ung Vương, cai trị từ Hàm Dương sang phía tây, đóng đô ở

Phế Khâu. Trưởng sử Hân xưa làm quan coi ngục ở Lịch Dương vốn có ơn với Hạng Lương; đô úy Đồng Ế trước đã khuyên Chương Hàm đầu hàng nước Sở, cho nên Hạng Vương lập Tư Mã Hân làm Tắc Vương, cai trị từ phía đông Hàm Dương cho đến Hoàng Hà, đóng đô ở Lịch Dương; Đồng Ế được làm Địch Vương, cai trị đất Thượng Quận, đóng đô ở Cáo Nô. Hạng Vương để Ngụy Vương là Báo làm Tây Ngụy Vương, cai trị đất Hà Đông, đóng đô ở Bình Dương. Thân Dương ở Hà Khâu là người tôi yêu của Trương Nhĩ, đã lấy được quận Hà Nam, và đóng quân Sở trên Hoàng Hà, cho nên được lập làm Hà Nam Vương, đóng đô ở Lạc Dương.

Hàn Vương tên là Thành vẫn ở đất cũ, đóng đô ở Dương Định. Tướng nước Triệu là Tư Mã Ngang đã lấy được Hà Nội và đã có nhiều lần lập công, cho nên được lập làm Ân Vương, cai trị ở đất Hà Nội, đóng đô ở Triều Ca. Hạng Vương đổi Triệu Vương tên là Yết làm Đại Vương. Thừa tướng nước Triệu là Trương Nhĩ vốn hiền lại theo Hạng Vũ vào Quan Trung cho nên được lập làm Thường Sơn Vương cai trị đất Triệu đóng đô ở Tương Quốc. Đương Dương Quân Kinh Bố làm tướng nước Sở, thường lập công đầu trong quân đội, cho nên được lập làm Cửu Giang Vương, đóng đô ở Lục. Ngô Nhuế làm lệnh ở Bà Dương, thường đốc suất Bách Việt (tên chung để chỉ tất cả Việt tộc, ở dãy núi Ngũ Lĩnh, sau khi nước Việt bị nước Sở diệt. Vào cuối đời Chiến quốc có Âu Việt ở phía nam Chiết Giang, Mân Việt ở Phúc Kiến, Dương Việt ở Quảng Đông.) để giúp chư hầu, lại theo Hạng Vũ vào Quan Trung cho nên được lập làm Hành Sơn Vương, đóng đô ở đất Trâu. Cung Ngao làm trụ quốc của Nghĩa Đế, đã đem quân đánh Nam Quân, lập được nhiều công cho nên được làm Lâm Giang Vương, đóng đô ở Giang Lăng. Hạng Vương đổi tên Yên Vương Hàn Quảng làm Liêu Đông Vương. Tướng nước Yên là Tang Đồ đã theo Sở cứu Triệu, sau đó lại theo Hạng Vũ vào Quan Trung cho nên được lập làm Yên Vương, đóng đô ở đất Kế. Hạng Vương đổi Tề Vương là Điền Thi làm Giao Đông Vương.

Tướng nước Tề là Điền Đồ đã cùng Hạng Vương cứu Triệu, sau đó lại theo Hạng Vương vào Quan Trung cho nên được lập làm Tề Vương, đóng đô ở Lâm Tri. Điền An, cháu của Tề Vương Kiến bị Tần giết khi Hạng Vũ vượt qua sông cứu Triệu. Điền An đã lấy lại được mấy thành ở Tế Bắc rồi đem binh đầu hàng Hạng Vũ, cho nên được lập làm Tế Bắc Vương, đóng đô ở Bắc Dương.

Điền Vinh đã mấy lần không nghe theo Hạng Vương, lại không chịu đem binh theo quân Sở đánh Tần cho nên không được phong đất. Thành An Quân Trần Dư bỏ tướng ấn mà đi, không theo Hạng Vương vào Quan Trung, nhưng nghe nói ông ta là người hiền, có công với nước Triệu, lại nghe tin ông ta lúc bấy giờ ở Nam Bì, cho nên phong cho ba huyện ở xung quanh đấy. Tướng của Phiên Quân là Mai Quyên lập được nhiều công, cho nên được phong thập vạn hộ hầu.

Hạng Vương tự lập làm Tây Sở Bá Vương, cai trị chín quận, đóng đô ở Bành Thành.

Năm thứ nhất, tháng tư, đời nhà Hán (206) các chư hầu đều bãi binh và trở về nước mình. Hạng Vương về nước, sai người đổi Nghĩa Đế đi nơi khác, nói:

- Các vị đế vương ngày xưa nước vuông ngàn dặm đều ở thượng lưu dòng sông.

Cho nên Hạng Vương sai đổi Nghĩa Đế đi Trường Sa, ở Sâm Huyện. Hạng Vương lại giục Nghĩa Đế đi. Quân thần của Nghĩa Đế dần dần trở mặt, Hạng Vương bèn bí mật sai Hành Sơn Vương và Lâm Giang Vương giết Nghĩa Đế ở trên Trường Giang, Hàn Vương là Thành không có quận công, Hạng Vương không cho về nước, đưa về Bành Thành, lại sai người giết đi. Tang Đồ về

nước mình, muốn đuổi Hàn Quán đi Liêu Đông, nhưng Quảng không nghe, Tang Đồ giết Quảng ở Vô Chung và lấy luôn đất của Quảng để làm vương.

Điền Vinh nghe tin Hạng Vũ đã đổi vua Tề là Thi đi Giao Đông, và lập tướng nước Tề là Điền Đô làm Tề Vương, liền nổi giận, không cho Tề Vương đi Giao Đông, rồi giữ lấy nước Tề làm phản, và đón đánh Điền Đô. Điền Đô bỏ chạy sang Sở. Tề Vương là Thi, sợ Hạng Vương nên bỏ trốn về nước mình là Giao Đông. Điền Vinh nổi giận, đuổi theo, giết Tề Vương ở Tức Mặc. Vinh bèn tự lập làm Tề Vương, đem quân về hướng tây, giết vua Tề Bắc là Điền An, làm vua cả Tam Tề (tức Tề, Tề Bắc và Giao Đông.)

Vinh giao ấn tướng quân cho Bành Việt, ra lệnh cho y làm phản ở đất Lương. Trần Dư ngầm sai Trương Đống, Hạ Duyệt nói với vua Tề là Điền Vinh:

- Hạng Vương làm chúa tể thiên hạ, nhưng không công bình. Ông ta cho tất cả các vua cũ làm vương ở những đất xấu, còn cho quần thần, tướng tá của ông ta làm vương ở những nơi đất tốt, đuổi chủ cũ của mình là Triệu Vương lên phía Bắc, ở đất Đại. Dư này cho là không hợp lý. Nghe tin đại vương khởi binh, lại không chịu nghe lời xử trí bất nghĩa, xin đại vương giúp binh lính cho Dư này. Tôi xin đánh Thường Sơn để phục lại Triệu Vương. Tôi xin lấy nước ấy làm rào giậu cho nước đại vương.

Tề Vương bằng lòng, liền sai quân đi đến Triệu. Trần Dư đem tất cả quân của ba huyện cùng hợp sức với Tề Vương đánh Thường Sơn, phá tan quân của Thường Sơn Vương. Trương Nhĩ bỏ chạy theo Hán, Trần Dư đón Yết, trước đây làm Triệu Vương ở đất Đại, đưa về Triệu Vương bèn lập Trần Dư làm vương đất Đại (Đoạn 7- Hạng Vũ diệt nhà Tần, phong vương cho các tướng. Sau đó Vũ giết Nghĩa Đế và các tướng phản lại Vũ).

3. Bấy giờ Hán quay về bình định Tam Tần (Tam Tần: ba nước Ung, Tắc và Dịch, ở trên đã nói, Hạng Vũ chia đất Tần làm ba phần, phong cho các tướng cũ của Tần). Hạng Vương nghe tin Hán Vương đã lấy được Quan Trung, lại đem quân về hướng đông nước Tề, nước Triệu làm phản chống lại mình, liền nổi giận, bèn phong Trịnh Xương trước kia làm huyện lệnh đất Ngô, làm Hàn Vương để chống lại Hán, sai bọn Tiêu Công Giác đánh Bành Việt. Bành Việt đánh lại bọn Tiêu Công Giác. Hán Vương sai Trương Lương đi chiêu hàng ở Hán, và đưa thư cho Hạng Vương, nói:

Hán Vương không được đối xử như lời giao ước cho nên muốn lấy Quan Trung. Nay được như lời giao ước cũ thì thôi, không dám đem quân sang hướng đông (Tức là đã được làm vương ở Quan Trung (Tam Tần) như lời hứa của Sở Hoài Vương) nữa.

Hán Vương lại lấy thư của Tề và Lương làm phản đưa cho Hạng Vương và nói:

- Nước Tề muốn cùng hợp sức với nước Triệu để tiêu diệt nước Sở.

Vì vậy, Sở không có ý định đem quân về hướng tây; lại đem quân về hướng bắc để đánh Tề. Sở đòi Cửu Giang Vương Bốc đem binh đi theo, Bốc cáo bệnh không đến, sai tướng mang mấy ngàn quân lại. Vì vậy Hạng Vương oán Bốc.

Mùa đông năm thứ hai nhà Hán (205), Hạng Vương đem quân về hướng bắc, đến Thành Dương. Điền Vinh cũng đem binh đến giao chiến. Điền Vinh đánh không lại, chạy đến Bình Nguyên. Dân Bình Nguyên giết Điền Vinh. Hạng Vũ bèn đem quân đi theo phía bắc, san phẳng

và đốt thành quách nhà cửa của Tề, chôn sống tất cả quân lính của Điền Vinh đầu hàng, trói và bắt những người già cả, đàn bà con gái làm tù, lấy đất từ Tề đến Bắc Hải, tàn sát rất nhiều. Người Tề họp nhau lại làm phản. Vì vậy, em của Điền Vinh là Điền Hoàn, thu thập được mấy vạn lính Tề đã đi trốn từ trước, làm phản ở Thành Dương. Hạng Vương vì vậy phải dừng lại, đánh mấy trận, nhưng không hạ được.

Mùa xuân, Hán Vương cầm quân của năm nước chư hầu, tất cả năm mươi sáu vạn người, kéo về hướng đông để đánh Sở. Hạng Vương nghe vậy bèn sai các tướng đánh nước Tề, còn mình thì đem ba vạn tinh binh đi về hướng nam do đất Lỗ, qua thành Hồ Lăng. Tháng tư, quân Hán đều đã vào Bành Thành, thu của cải châu báu, gái đẹp, ngày nào cũng đặt tiệc rượu hội họp linh đình. Hạng Vương bèn đem quân về hướng tây, sáng sớm đi qua Tiêu huyện, đánh quân Hán, rồi kéo về hướng đông đến Bành Thành. Giữa trưa, Hạng Vũ phá tan quân Hán; quân Hán đều bỏ chạy, xô nhau nhảy xuống sông Cốc và sông Tứ. Hạng Vương giết hơn mười vạn quân Hán, quân Hán đều bỏ chạy sang hướng nam về phía núi. Quân Sở lại truy kích đến phía đông Linh Bích, trên sông Tuy Thủy. Quân Hán rút lui bị quân Sở đánh ráo riết, giết rất nhiều. Hơn mười vạn quân Hán đều nhảy xuống sông Tuy Thủy. Nước sông vì vậy không chảy được. Hạng Vương vây quân Hán ba vòng. Lúc bấy giờ, có một trận gió to thổi từ phía tây bắc, bẻ gãy cây, lật thốc mái nhà, làm bay cát đá, ban ngày tối đen. Gió thổi thẳng vào quân Sở, quân Sở rối loạn, tan rã. Nhờ thế, Hán Vương mới trốn thoát với mấy người kỵ binh. Hán Vương muốn đi qua đất Bái để đem cả gia đình về hướng tây. Quân Sở cũng cho người đuổi theo đến Bái, bắt gia đình Hán Vương, cả nhà đều trốn và không gặp Hán Vương. Hán Vương đến gặp Hiếu Huệ (1), Lỗ Nguyên (1), ở trên đường cái bèn mang lên xe cùng đi. Kỵ binh của Sở đuổi theo. Hán Vương vội vã quá đẩy Hiếu Huệ và Lỗ Nguyên xuống xe. Đàng Công bước xuống đưa hai người lên xe, làm như thế ba lần (2).

Đàng Công nói:

- Tuy gấp, không thể đi nhanh, nhưng lẽ nào lại bỏ đi?

1. Hiếu Huệ sau này nối ngôi Lưu Bang tức là Huệ Đế. Lỗ Nguyên là con gái Lưu Bang. Những tên Hiếu Huệ, Lỗ Nguyên đều là đặt sau khi chết, lúc bấy giờ Hiếu Huệ tên là Doanh.

2. Chi tiết điển hình, nêu rõ sự vội vã và hoảng hốt của Lưu Bang.

Thế rồi trốn thoát được. Hán Vương cho tìm Thái Công và Lữ Hậu, nhưng không gặp. Thẩm Tự Cơ theo Thái Công và Lữ Hậu lên lút đi tìm Hán Vương, không ngờ gặp quân Sở. Quân Sở bèn đưa họ về báo với Hạng Vương. Hạng Vương giữ họ lại ở trong quân.

Bấy giờ, anh của Lữ Hậu là Chu Lữ Hân làm tướng Hán, đóng quân ở Hạ Ấp. Hán Vương lên đến đó theo Chu Lữ Hân, dần dần thu lại được quân sĩ. Khi đến Huỳnh Dương, các quân bại trận trước đều tập hợp lại. Tiêu Hà cũng điều động tất cả những người già trẻ không đúng tuổi đăng binh ở Quan Trung đến Huỳnh Dương. Thế quân Hán lại mạnh. Quân Sở xuất phát từ Bành Thành, thừa thắng đuổi theo, cùng quân Hán đánh nhau ở phía nam Huỳnh Dương, giữa miền Kinh ấp và Sách Đình. Quân Hán đánh quân Sở thua. Vì vậy, Sở không thể đem quân đi về hướng tây.

Trong khi Hạng Vương cứu Bành Thành, đuổi Hán Vương đến Huỳnh Dương, thì Điền Hoàn cũng nhân đấy thu phục được nước Tề, lập con của Điền Vinh là Quảng làm Tề Vương. Sau khi Hán Vương thất bại ở Bành Thành, các nước chư hầu lại theo Sở mà chống lại Hán. Hán đóng quân ở Huỳnh Dương, xây đường ống ra đến Hoàng Hà để lấy lúa ở kho Ngao Thương.

Năm thứ ba nhà Hán (104), Hạng Vương mấy lần đem quân đánh cướp đường ống của Hán. Hán Vương thiếu lương thực, lo sợ xin hoà, cắt đất từ Huỳnh Dương sang phía đông về Hán. Hạng Vương muốn nghe theo. Lịch Dương Hầu là Phạm Tăng nói:

- Đối phó với Hán thì dễ thôi! Nay bỏ cơ hội này mà không lấy, về sau sẽ hối hận.

Hạng Vương bèn cùng Phạm Tăng vây Huỳnh Dương rất gấp. Hán Vương lo lắng, bèn theo kế của Trần Bình ly gián Hạng Vương. Hạng Vương sai sứ giả đến. Hán Vương sai làm cỗ thái lao (ngày xưa làm cỗ có thịt bò, thịt dê, thịt lợn thì gọi là cỗ thái lao; đây ý nói một bữa tiệc long trọng.) đem đến, có vẻ muốn mời sứ giả ăn. Nhưng khi thấy sứ giả thì giả vờ kinh ngạc mà rằng:

- Ta tưởng là sứ giả của Á phụ, lại hoá ra sứ giả của Hạng Vương!

Liền bung cỗ đi, đem thức ăn tồi ra cho sứ giả của Hạng Vương ăn, sứ giả về báo với Hạng Vương. Hạng Vương bèn nghi Phạm Tăng tư thông với Hán nên tước bỏ quyền của Tăng. Phạm Tăng giận lắm, nói:

- Việc thiên hạ đã bình định xong rồi! Xin quân vương tự lo lấy. Cho phép thần được mang xác về làm một người lính.

Hạng Vương bằng lòng. Phạm Tăng đi chưa đến Bành Thành, nổi ung ở lưng mà chết!

Tướng của Hán là Kỷ Tín, nói với Hán Vương:

- Nay việc đã gấp! Xin cho tôi vì nhà vua mà giả làm vua để lừa quân Sở. Như thế nhà vua có thể cải trang mà trốn thoát.

Hán Vương bèn đang đêm cho đưa con gái ra cửa đông Huỳnh Dương và hai ngàn người mang áo giáp, quân Sở đánh vào bốn mặt. Kỷ Tín cưỡi xe Hoàng Ốc (Xe nhà vua lợp vải, màu vàng nên gọi là hoàng ốc.) cầm cờ tả đạo (cái cờ bằng lông chim treo ở bên trái xe nhà vua), nói:

- Trong thành lương hết! Hán Vương xin hàng!

Quân Sở đều hô “vạn tuế! ”

Hán Vương cùng vài mươi kỵ binh do cửa tây thành mà ra, chạy đến Thành Cao. Hạng Vương thấy Kỷ Tín liền hỏi:

- Hán Vương ở đâu?

Kỷ Tín nói:

- Hán Vương đã ra rồi!

Hạng Vương thiêu sống Kỷ Tín.

Hạng Vương sai ngự sử đại phu là Chu Hà, Tung Công và Ngụy Báo giữ Huỳnh Dương. Chu Hà và Tung Công bàn nhau:

- Khó lòng giữ nổi thành trì với một ông vua phản quốc (Ngụy Báo trước kia đã có lần làm phản chống lại Lưu Bang).

Bèn cùng nhau giết Ngụy Báo. Quân Sở hạ thành Huỳnh Dương, bắt sống Chu Hà. Hạng Vương bảo Chu Hà:

- Nếu ngươi chịu làm tướng của ta, ta sẽ cho ngươi làm thượng tướng quân, và phong cho ba vạn hộ.

Chu Hà đáp:

- Mày nếu không đầu hàng Hán, thì Hán sẽ cầm tù mày! Mày không địch nổi Hán đâu!

Hạng Vương nổi giận, bỏ Chu Hà vào vạc sôi và giết luôn cả Tung Công. Hán Vương thoát khỏi Huỳnh Dương, chạy về phía nam, vào đất Uyển và đất Diệp, gặp Cửu Giang Vương là Kinh Bố. Hán Vương thu thập quân đội, lại vào giữ Thành Cao.

Năm thứ tư nhà Hán (203), Hạng Vương tiến quân vây Thành Cao, Hán Vương bỏ trốn ra khỏi cửa bắc Thành Cao với Đằng Công, vượt qua Hoàng Hà, chạy đến Tu Vũ, nhập vào quân của Trương Nhĩ, Hàn Tín. Các tướng đều dần dần ra khỏi Thành Cao, đi theo Hán Vương. Quân Sở lấy được Thành Cao, muốn đi về hướng tây. Hán sai quân chống lại ở đất Cử, làm cho quân Sở không đi về hướng tây được.

Bấy giờ, Bành Việt đã vượt qua Hoàng Hà, đánh đất Đông A của Sở, giết tướng của Sở là Tiết Công. Hạng Vương liền thân hành đem quân về hướng đông đánh Bành Việt. Hán Vương được binh của Hoài Âm Hầu (tức Hàn Tín lúc ấy chưa phong, đây là nhà làm sử theo tước phong sau mà chép) muốn vượt qua Hoàng Hà đi về Nam. Trịnh Trung nói Hán Vương dừng lại, đóng quân ở Hà Nội, sai Lưu Giả đem quân giúp Bành Việt, đốt lương thực của Sở. Hạng Vương đem quân về hướng đông, đánh phá quân Bành Việt, Bành Việt bỏ chạy. Hán Vương đem quân vượt qua Hoàng Hà, lấy lại được Thành Cao, đóng quân ở Quảng Vũ, lấy lương thực ở kho Ngao Thương. Sau khi đã bình định xong miền đông, Hạng Vương đem binh sang hướng tây gặp quân Hán ở Quảng Vũ, hai bên giữ nhau mấy tháng.

Lúc bấy giờ, Bành Việt thường làm phản ở đất Lương, cắt đứt lương thực của Sở. Hạng Vương lo lắng, dựng một cái thớt cao, đặt Thái Công lên trên, và sai người nói với Hán Vương:

- Nếu không đầu hàng ngay thì ta nấu chết Thái Công.

Hán Vương nói:

- Ta và Hạng Vũ đều ngoảnh mặt về hướng bắc, chịu mệnh lệnh của Hoài Vương và đã “giao ước làm anh em”, cha ta tức là cha ngươi, ngươi muốn nấu cha ngươi thì chia cho ta một bát canh với!

Hạng Vương giận, muốn giết Thái Công. Hạng Bá nói:

- Việc thiên hạ chưa biết như thế nào, vả chăng người đã lo việc thiên hạ thì không nhìn đến việc nhà, có giết ông ta cũng vô ích, chỉ tăng thêm tai họa mà thôi.

Hạng Vương nghe theo.

Quân Sở và quân Hán giằng co nhau, chưa ai thắng ai, trai tráng khổ sở vì phải đi lính, người già yếu mệt nhọc vì lo vận tải lương thực, Hạng Vương nói với Hán Vương:

- Mấy năm nay, thiên hạ xao xuyến khôn khổ, chỉ vì hai chúng ta.

Hạng Vương muốn cùng Hán Vương khiêu chiến, quyết một phen sống mái, không nên làm khổ nhân dân thiên hạ nữa.

Hán Vương cười mà rằng:

- Ta chỉ đấu trí, không thêm đấu lực.

Hạng Vương sai tráng sĩ ra khiêu chiến. Hán Vương có viên tướng giỏi bắn là Lâu Phiền. Ba lần quân Sở ra khiêu chiến, đều bị Lâu Phiền bắn chết. Hạng Vương trợn mắt quát (một chi tiết điển hình của Hạng Vũ khi chiến đấu). Lâu Phiền mắt không dám nhìn, tay không dám bắn, liền bỏ chạy vào thành, không dám ra nữa. Hán Vương sai người lên ra để hỏi, thì biết đó là Hạng Vương. Hán Vương hoảng sợ.

Thế rồi Hán Vương và Hạng Vương gặp nhau ở khe Quảng Vũ và nói chuyện với nhau. Hán Vương kể tội Hạng Vương. Hạng Vương nổi giận, muốn đánh nhau một trận, Hán Vương không nghe. Hạng Vương dùng cái nỏ ngầm bắn trúng Hán Vương. Hán Vương bị thương chạy vào Thành Cao.

Hạng Vương nghe tin Hoài Âm Hầu đã lấy được Hà Bắc, phá được Tề, Triệu, lại muốn đánh Sở, bèn sai Long Thư đến đánh, Hoài Âm Hầu cùng kỵ tướng là Quán Anh đánh quân Sở thua to, giết Long Thư. Hàn Tín nhân đó tự lập làm Tề Vương. Hạng Vương nghe tin quân của Long Thư thua trận, sai Vũ Thiệp, người Vu Thai, đến khuyến dụ Hoài Âm Hầu, Hoài Âm Hầu không nghe (Xem Hoài Âm Hầu liệt truyện). Bấy giờ Bành Việt lại làm phản, lấy được đất Lương, cắt đứt lương thực của Sở. Hạng Vương bảo bọn Hải Xuân Hầu, đại tư mã là Tào Cửu rằng:

- Phải giữ Thành Cao cho cẩn mật! Nếu quân Hán khiêu chiến, thì chớ đánh nhau với chúng, chỉ đừng cho chúng đi về hướng đông mà thôi. Sau mười lăm ngày, nhất định ta sẽ giết Bành Việt, bình định được đất Lương, và lại về đây với tướng quân.

Hạng Vương đem quân về hướng đông đánh thành Trần Lưu, Ngoại Hoàng. Thành Ngoại Hoàng không hạ được. Phải đánh mấy ngày mới đầu hàng. Hạng Vương giận, bắt buộc tất cả con trai từ mười lăm tuổi trở lên, đều phải đến phía đông thành ấy, muốn chôn sống họ. Con trai của huyện lệnh Ngoại Hoàng mới mười ba tuổi, đến nói với Hoàng Vương:

- Bành Việt cưỡng ép, Ngoại Hoàng sợ nên phải hàng, chờ đợi đại vương. Nếu đại vương đến lại chôn sống họ, trăm họ còn lòng nào muốn theo đại vương nữa! Nếu làm thế thì từ đây về hướng đông còn hơn mười thánh của đất Lương sẽ đều sợ hãi, không ai chịu đầu hàng đâu.

Hạng Vương cho là phải, bèn tha những người ở Ngoại Hoàng khỏi bị chôn sống. Thế rồi các thành từ đó sang phía đông cho đến Tuy Dương nghe vậy đều tranh nhau đầu hàng Hạng Vương.

Quả nhiên, Hán mấy lần khiêu chiến với quân Sở, quân Sở không chịu ra. Hán sai người mắng

hiếu năm sáu ngày. Đại tư mã giận đem quân vượt qua sông Tụ Thủy, quân lính vừa mới ra giữa sông, bị quân Hán đánh úp phá tan quân Sở, lấy tất cả của cải tiền bạc của nước Sở. Đại tư mã là Cửu, trưởng sử là Ế, Tắc Vương là Hàn đều đâm cổ chết giữa sông Tụ Thủy. Đại tư mã Cửu nguyên trước làm quan coi ngục ở đất Kỳ, trưởng sử Hàn cũng là quan coi ngục ở đất Lịch Dương, hai người trước có ơn với Hạng Vương cho nên được Hạng Vương tín nhiệm. Lúc bấy giờ, Hạng Vương ở Tuy Dương, nghe tin Hải Xuân Hầu thua, liền đem quân về. Quân Hán đang vây Chung Ly Muội ở phía đông Huỳnh Dương, Hạng Vương đến, quân Hán sợ Sở chạy vào nơi hiểm trở hết. Lúc bấy giờ bên Hán quân thịnh, lương nhiều, quân của Hạng Vương mệt nhọc, lương hết. Hán sai Lục Giả nói với Hạng Vương xin Thái Công. Hạng Vương không nghe. Hán Vương bèn giao ước với Hán Vương chia giữa thiên hạ: từ Hồng Câu về tây là thuộc Hán, từ Hồng Câu về đông là thuộc Sở, liền cho cha và vợ Hán Vương về. Quân sĩ đều hô: “Vạn tuế!” Hán Vương bèn phong Hầu Công làm Bình Quốc Công. Hầu Công từ đó bị yên trí, không được yết kiến nữa.

Hán Vương bảo:

- Đó là kẻ biện sĩ giỏi nhất thiên hạ, ở đâu thì nước ấy sẽ nghiêng đổ, cho nên hiệu là Bình Quốc Quân (Tình hình chiến sự giữa Hán và Sở trong bốn năm).

4. Hạng Vương sau khi đã giao ước, rút quân về hướng đông. Hán Vương muốn đi về hướng tây, Trương Lương, Trần Bình nói:

- Hán đã có được hơn một nửa thiên hạ, chư hầu đều theo. Nước Sở quân sĩ mệt, lương thực hết, chính là lúc trời làm mất nước Sở. Chi bằng nhân cơ hội này mà đánh lấy. Nay tha không đánh, tức như lời người ta nói, “nuôi hổ để lại gây mối lo cho mình về sau”!

Hán Vương nghe theo.

Năm thứ năm nhà Hán (- 202), Hán Vương theo đánh Hạng Vương đến phía nam Dương Hạ, đóng quân lại đấy, hẹn với Hoài Âm Hầu Hàn Tín, Kiến Thành Hầu Bành Việt hiệp sức để đánh quân Sở. Hán Vương đến Cổ Lăng, nhưng binh của Tín và Việt không đến. Quân Sở đánh quân Hán thua to. Hán Vương lại vào thành, đào hào sâu để giữ. Hán Vương bảo Trương Tử Phòng:

- Chư hầu không theo lời giao ước, làm thế nào bây giờ?

Tử Phòng nói:

- Quân Sở sắp vỡ, nhưng Tín, Việt vẫn chưa được phong đất, họ không đến là phải. Nếu nhà vua biết chia thiên hạ cho họ thì gọi họ sẽ đến ngay. Không làm được thế, đại sự chưa biết như thế nào. Nếu nhà vua có thể phong cho Hàn Tín các miền từ đất Trần sang phía đông cho đến biển; phong cho Bành Việt các miền từ phía bắc Tuy Dương cho đến Cốc Thành để cho họ tự chiến đấu, thì dễ đánh bại Sở lắm.

Hán Vương nói:

- Phải đấy!

Hán Vương bèn sai sứ giả đến nói với Hàn Tín, Bành Việt:

- Hãy chung sức đánh Sở. Nếu phá được Sở thì từ đất Trần về phía đông cho đến biển sẽ phong

cho Tề Vương; từ phía bắc Tuy Dương cho đến Cốc Thành sẽ phong cho Bành tướng quốc.

Sứ giả đến, Hàn Tín, Bành Việt đều báo:

- Xin tiến quân tức thì.

Hàn Tín bèn từ Tề đến, hội với quân Lưu Giả, từ Thọ Xuân xuất phát rồi cùng kéo đi, làm cỏ Thành Phu và đến Cai Hạ. Đại Tư Mã Chu Ân phản lại Sở, lấy quân của đất Thục đến tiêu diệt đất Lục, lại điều động cả quân Cửu Giang theo Lưu Giả và Bành Việt. Tất cả đều họp ở Cai Hạ, hướng vào phía Hạng Vương.

Hạng Vương đóng quân ở trong thành Cai Hạ, binh ít, lương hết! Quân Hán và quân chư hầu bao vây mấy vòng. Đang đêm, Hạng Vương nghe quân Hán ở bốn mặt đều hát giọng Sở, Hạng Vương liền kinh hoảng nói:

- Hán đã lấy được Sở rồi sao? Sao mà người Sở đông như thế?

Đang đêm Hạng Vương thức dậy, uống rượu trong trướng. Có mỹ nhân thường đi theo tên là Ngu, có con ngựa thường cưỡi tên là Chuy, Hạng Vương đau đớn, cảm khái làm bài thơ:

Sức nhỏ núi, khi trùm đời,

Ngựa Chuy chùn lại, bởi thời không may!

Ngựa sao chùn lại thế này?

Nàng Ngu, biết tính sao đây hỡi nàng?

Hạng Vương ca mấy lần, mỹ nhân họa theo (sau lúc hát, Ngu Cơ tự sát). Hạng Vương khóc chảy nước mắt! Tả hữu đều khóc, không ai có thể ngẩng đầu lên nhìn!

Hạng Vương bèn lên mình ngựa, tráng sĩ cưỡi ngựa ở dưới cờ hơn tám trăm người, đang đêm phá vỡ vòng vây, xông ra phía nam, phi ngựa chạy. Đến tảng sáng, quân Hán mới biết, sai kỵ tướng là Quán Anh mang năm ngàn kỵ binh đuổi theo. Hạng Vương vượt qua sông Hoài, quân kỵ theo kịp chỉ còn hơn trăm người.

Hạng Vương đến Âm Lăng lạc đường, hỏi một cụ già làm ruộng. Cụ già nói dối, bảo:

- Đi qua bên trái!

Hạng Vương rẽ qua bên trái, sa vào trong đồng lầy, cho nên quân Hán đuổi kịp. Hạng Vương lại đem quân đi về phương đông, đến Đông Thành, bấy giờ chỉ còn hai mươi tám kỵ binh. Kỵ binh Hán đuổi theo mấy ngàn. Hạng Vương tự liệu chẳng thoát được, bảo các kỵ binh:

- Ta từ đi dấy binh đến nay đã tám năm trời, mình trải qua hơn bảy mươi trận, ai chống cự thì bị đánh bại, đánh đâu thì họ phải chịu phục, chưa từng thua chạy bao giờ. Rốt cục làm bá thiên hạ. Thế mà nay phải chịu khốn khổ ở đây, đó là trời hại ta, chứ không phải tội ta đánh không giỏi. Ngày nay thế nào cũng chết, ta nguyện vì các người quyết chiến, nhất định phải thắng ba lần, vì các người, phá vòng vây, chém tướng, chặt cờ, để các người biết rằng đây là trời hại ta chứ không phải lỗi tại ta đánh không giỏi.

Hạng Vương bèn chia kỵ binh ra bốn đội, quay về bốn phía. Quân Hán vây Hạng Vương mấy

vòng. Hạng Vương nói với các kỵ binh:

- Ta xin các người giết tên tướng kia!

Hạng Vương sai phi ngựa xuống cả bốn mặt, hện xông qua phía đông núi rồi tập hợp làm ba nơi. Hạng Vương bèn thét lớn, phi ngựa xuống, quân Hán đều giạt ra một bên, Hạng Vương chém một viên tướng Hán. Bấy giờ Xích Tuyền Hầu làm tướng Hán đuổi theo Hạng Vương. Hạng Vương trợn mắt quát, Xích Tuyền Hầu người ngựa đều hoảng kinh, chạy lui đến mấy dặm.

Hạng Vương cùng quân kỵ tập hợp lại làm ba nơi khác nhau, quân Hán không biết Hạng Vương ở đâu, bèn chia quân làm ba và vây lại lần thứ hai. Hạng Vương bèn phi ngựa chém một viên đô úy, giết mấy trăm người, rồi hợp các kỵ binh lại thì chỉ mất hai kỵ binh mà thôi. Hạng Vương bèn hỏi các kỵ binh:

- Thế nào?

Kỵ binh đều cúi rạp xuống thưa:

- Đúng như lời đại vương đã nói.

Hạng Vương muốn đi sang phía đông, vượt sông Ô Giang. Người đình trưởng Ô Giang cấm thuyền đò, bảo Hạng Vương:

- Giang Đông tuy nhỏ, đất hàng ngàn dặm, dân vài mươi vạn, cũng đủ làm vương. Xin đại vương mau mau vượt sông. Nay chỉ một mình thần có thuyền, quân Hán đến không có cách gì vượt qua.

Hạng Vương cười mà rằng:

- Trời hại ta, ta vượt qua sông làm gì! Vả chẳng Tịch này cùng tám ngày con em Giang Đông vượt Trường Giang đi về hướng tây, nay không còn lấy một người trở về! dù cho các bậc cha anh ở Giang Đông thương ta, cho ta làm vương, ta cũng còn mặt mũi nào mà thấy họ nữa. Dù họ không nói, Tịch này há chẳng thẹn trong lòng sao?

Bèn bảo đình trưởng:

- Ta biết ông là bậc trưởng giả, ta cưới con ngựa này, năm năm nay đi đến đâu cũng vô địch, thường một ngày đi ngàn dặm, ta không nỡ giết, xin biểu ông.

Hạng Vương bèn sai kỵ binh đều xuống ngựa đi bộ, cầm khí giới ngăn để tiếp chiến. Một mình Tịch giết mấy trăm quân. Hạng Vương thân bị hơn mười vết thương, quay lại thấy kỵ binh tư mã của Hán là Lữ Mã Đồng, bèn nói:

- Ông có phải là người cố nhân của ta đó không?

Lữ Mã Đồng quay mặt nhìn Hạng Vương và chỉ cho Vương Ế nói:

- Hạng Vương đó kia!

Hạng Vương nói:

- Ta nghe Hán mua đầu ta ngàn vàng, phong ấp vạn hộ. Ta làm ơn cho nhà ngươi đây.

Nói rồi, Hạng Vương tự đâm cổ chết (đoạn miêu tả cái chết của Hạng Vũ cũng là một đoạn rất nổi tiếng. Lời lẽ sinh động mãnh liệt như anh hùng ca. Đoạn này nhấn mạnh cái mà Vũ gọi là “chiến đấu giỏi”).

Vương Ế lấy đầu, các kỵ binh khác giày xéo lên nhau dành Hạng Vương, giết nhau mấy mươi người (chi tiết tuy nhỏ, nhưng đầy tính chất châm biếm). Mãi về sau lang trung kỵ là Lữ Thắng, Dương Vũ đều mỗi người được một phần. Năm người họp nhau chấp lại xác thì thấy ăn khớp. Vì vậy, chia đất phong ra làm năm: Lữ Mã Đồng được phong làm Trung thuỷ hầu, Vương Ế làm Đồ diển hầu, Dương Hỷ làm Xích tuyền hầu, Dương Vũ làm Ngô phòng hầu, Lữ Thắng làm Niết dương hầu.

Hạng Vương chết rồi, đất Sở đều hàng Hán, riêng Lỗ không chịu hàng. Hán liền đem quân cả thiên hạ đến muốn tiêu diệt dân Lỗ. Nhưng vì Lỗ biết giữ lễ nghĩa, vì chúa chịu chết để giữ khí tiết, Hán Vương bèn sai cầm đầu Hạng Vương đến cho dân Lỗ xem. Phụ huynh nước Lỗ bèn đầu hàng. Lúc đầu, Sở Hoài Vương phong Hạng Tịch làm Lỗ Công, đến khi Tịch chết, nước Lỗ đầu hàng cuối cùng cho nên chôn cất Hạng Vương ở Cốc Thành theo lễ Lỗ Công, Hán Vương cử ai, khóc, rồi đi.

Dòng họ Hạng Vương đều không bị Hán Vương giết. Hán Vương phong Hạng Bá làm Xạ dương hầu. Đào hầu, Bình cao hầu, Huyền vũ hầu đều người họ Hạng, cho đổi họ làm họ Lưu.

5. Thái Sử Công nói: tôi nghe Chu Sinh nói: “Mất vua Thuấn có hai con người (1). Lại nghe nói mất Hạng Vũ cũng có hai con người. Phải chăng là dòng dõi của vua Thuấn! Sao mà nổi lên nhanh chóng như vậy! Nhà Tần làm hỏng mất chính sự. Trần Thiệp đầu tiên khởi nghĩa, hào kiệt nổi lên như ong, tranh dành nhau không thể kể xiết. Hạng Vũ trong tay không có quyền binh gì, thừa thế nổi lên nơi thảo dã, trong ba năm liền đem năm nước chư hầu để tiêu diệt Tần, phân chia thiên hạ, phong các vương hầu, ban ra chính lệnh và tự xưng là bá vương, địa vị tuy không trọn vẹn nhưng từ cận cổ đến nay, chưa hề có người nào như thế. Đến khi Vũ bỏ Quan Trung, nhor đất Sở, đuổi Nghĩa Đế để tự lập, thế mà lại trách các vương hầu phản mình thì thực cũng khó vậy. Tự khoe khoang công trạng, chỉ dùng cái trí của mình mà không chịu bắt chước người xưa, nói rằng có thể lấy võ lực dẹp yên thiên hạ, dựng nghiệp bá vương. Nhưng chỉ được năm năm thì mất nước, thân chết ở Đông Thành, thế mà còn chẳng tỉnh ngộ, không tự trách mình, thật là có lỗi. Lại còn có câu, “Trời hại ta chứ không phải đánh không giỏi, há chẳng lầm sao!” (2).

1. Tư Mã Thiên nhắc đến một câu chuyện hoang đường, truyền ngôn chứ không phải cho là đúng sự thực.

2. Đoạn 10 – Tác giả không giấu giếm sự thán phục của mình đối với Hạng Vũ “từ cận cổ đến nay chưa có ai như thế”, và nguyên nhân thất bại của Hạng Vũ.

Cao Tổ Bản Kỷ -

1. Cao Tổ người làng Trọng Dương, ấp Phong, quận Bái, họ Lưu tên tự là Quý (1). Cha là Thái Công, mẹ là bà Lưu.

Trước đây có một lần bà Lưu nghỉ trên bờ một cái đầm lớn, mộng thấy nằm với một vị thần, lúc bấy giờ sấm chớp nổi lên, trời tối mịt, Thái Công đến xem thì thấy trên người bà có một con giao long. Sau đó bà có mang và sinh Cao Tổ.

Cao Tổ người mũi gồ, trán rộng, ở cằm và má có râu tốt, ở bắp vế bên trái có bảy mươi hai nốt ruồi. Tính nhân hậu, thương người, thích cho người, đầu óc rộng rãi, luôn luôn nghĩ đến những mưu đồ lớn, không lo đến việc làm ăn và những công việc của những người trong nhà. Khi lớn lên được làm lại, làm đình trưởng(2) ở sông Tứ. Đối với tất cả các quan lại ở trong quận, Cao Tổ đều coi thường và đùa bỡn, thích rượu và gái.

Cao Tổ thường uống rượu chịu ở nhà bà già Vương. Mỗi khi say rượu ngủ, bà Vũ và bà Vương thường thấy có rồng ở trên người và lấy làm lạ. Mỗi khi Cao Tổ

.....

1. Tên thật là Bang nhưng vì huý nên không viết. Tên Quý chứng tỏ Lưu Bang là con thứ ba, theo thứ tự: Bá, Trọng, Quý.

2. Muời làng thành một đình, muời đình thành một hương.

.....

mua rượu hay ngồi uống thì bao giờ cũng trả giá gấp mấy lần. Đến khi hai bà thấy việc lạ, cuối mỗi năm, hai bà chẻ sổ nợ(1). Cao Tổ có lần đi làm dâu ở Hàm Dương, ung dung nhìn hoàng đế nhà Tần, thở dài ngậm ngùi mà rằng:

-Chà! một người trượng phu thì phải làm thế mới được.

Lữ Công người Đan Phụ, quen thân với quan lệnh huyện Bái, đến ở làm khách ở Bái để tránh người thù nhân đó làm nhà ở luôn tại Bái. Những người háo mục và quan lại ở Bái nghe nói quan huyện có người khách quý đều đến mừng. Tiêu Hà làm chủ lại, nhận đồ mừng của khách ra lệnh cho các tân khách.

-Ai vào không nộp đủ một ngàn đồng tiền thì phải ngồi ở dưới.

Tuy Cao Tổ chỉ làm đình trưởng, nhưng tính vốn coi thường các nha lại nên yết kiến và nói đối:

-Tôi mang đến một vạn đồng tiền.

Kỳ thực, chẳng mang một đồng nào cả. Cao Tổ vào, Lữ Công rất kinh ngạc đứng dậy đón ở cửa. Lữ Công giỏi nghề coi tướng, thấy diện mạo của Cao Tổ liền quý trọng, đưa vào nhà mời ngồi. Tiêu Hà nói:

-Cái ông Lưu Quý chỉ tổ nói khoác, chẳng làm nên việc gì.

Cao Tổ vì coi thường, khinh rẻ các tân khách, nên bước lên chỗ cao nhất mà ngồi chẳng chút nhún nhường. Rượu uống gần tàn, Lữ Công nhân lấy mắt ra hiệu cố giữ Cao Tổ lại. Sau khi Cao Tổ uống rượu xong, Lữ Công nói:

.....

1. Vì sổ nợ viết trên thẻ tre hay miếng gỗ.

.....

-Tôi từ nhỏ thích xem tướng người ta, đã xem tướng rất nhiều, nhưng chẳng người nào bằng ông Quý cả. Xin ông Quý lo gìn giữ thân mình. Tôi có cháu gái muốn gả làm kẻ nâng khăn sửa túi cho ông Quý.

Tiệc rượu tan, bà Lữ giận Lữ Công nói:

-Ông vẫn thường muốn con mình có số khác thường, muốn gả cho người sang, ông huyện lệnh đất Bái là chỗ thân tình hỏi ông không gả, sao lại hứa gả bừa cho Lưu Quý.

Lữ Công nói:

-Cái đó không phải là cái đàn bà con trẻ biết được.

Rốt cục gả con gái cho Lưu Quý. Con gái Lữ Công chính là Lữ Hậu, sinh Hiếu Huệ và công chúa Lữ Nguyên.

Khi Cao Tổ làm đình trưởng, thường xin nghỉ về thăm ruộng. Lữ Hậu cùng hai con cày ruộng ngoài đồng. Có một cụ già xin ăn, đi qua. Lữ Hậu cho cụ ăn. Cụ già xem tướng Lữ Hậu và nói:

-Bà là kẻ sang trong thiên hạ.

Lữ Hậu nhờ ông ta xem tướng Hiếu Huệ, ông già nói:

-Bà sở dĩ được sang là nhờ cậu con trai này!

Khi xem tướng Lữ Nguyên, cụ già cũng bảo là người sang. Cụ già đi rồi, Cao Tổ chợt ở cái nhà bên cạnh đến, Lữ Hậu kể lại đầu đuôi việc người khách xem tướng ba mẹ con và bảo đều là người rất sang. Cao hỏi, Lữ Hậu bảo:

-Ông cụ đi chưa xa.

Cao Tổ bèn đuổi theo và gặp. Cao Tổ hỏi ông cụ, ông cụ nói:

-Cái bà và hai người con hồi nãy đều giống ông. Tướng ông sang không thể nói hết

Cao Tổ bèn cảm tạ nói:

-Nếu quả thật như lời cụ nói thì tôi không dám quên ơn.

Đến khi vinh viễn, Cao Tổ không biết cụ già ấy ở đâu.

Khi Cao Tổ làm đình trưởng, lấy tre làm mũ, sai viên lính lo việc đi bắt trộm đến huyện Tiết thuê

làm. Cao Tổ thường vẫn đội, đến khi hiển đạt vẫn đội thứ mũ ấy. Thứ mũ ấy gọi là mũ họ Lưu.

Cao Tổ lấy chức vụ đình trưởng thay mặt huyện đưa những người bị đày đến Lịch Sơn. Giữa đường nhiều người bỏ trốn. Cao Tổ tự xét đến nơi thì tất cả đều sẽ trốn hết (1), cho nên khi đến cái đầm ở phía tây ấp Phong thì bảo dừng lại uống rượu. Đang đêm, thả tất cả những người bị đày, nói:

-Các ông trốn hết đi, tôi từ nay cũng trốn.

Hơn mười người tráng sĩ trong số những người bị đày tình nguyện trốn theo Cao Tổ.

Cao Tổ uống rượu say, đang đêm đi qua đầm. Cao Tổ sai một người đi trước, người đi trước quay về bảo:

-Đằng trước có con rắn chắn ngang đường. Xin ông quay lại.

Cao Tổ đang say nói:

-Kẻ tráng sĩ đã đi thì sợ cái gì!

Bèn tiến lên rút kiếm chém rắn. Rắn bị chặt làm đôi. Con đường mở rộng. Đi được vài dặm, nhân say nên ngủ.

Người đi sau đến chỗ con rắn, thấy một bà già khóc trong đêm tối. Người ấy hỏi tại sao lại khóc. Bà già đáp:

-Người ta giết con tôi cho nên tôi khóc.

.....

1. Theo pháp luật nhà Tần, nếu để người ta trốn thì bị tội chết. Nhận xét này chứng tỏ là việc làm của Lưu Bang là một cái thuật để chinh phục lòng người, bất đắc dĩ mà phải làm.

.....

Người ấy hỏi:

-Tại sao con bà bị giết?

Bà già đáp:

-Con tôi là con của Bạch Đế,, hóa làm rắn nằm ngang giữa đường,, nay bị con của Xích Đế chém, cho nên tôi khóc.

Người ấy cho là bà già nói dối, định đánh thì bà ta bỗng biến mất.

Người sau đến. Cao Tổ tỉnh dậy. Anh ta kể cho Cao Tổ nghe đầu đuôi câu chuyện. Cao Tổ trong bụng mừng rỡ, lấy làm tự đắc.

Những người theo Cao Tổ ngày càng sợ Cao Tổ. Tần Thủy Hoàng Đế thường nói:

-Phía đông nam có khí thiên tử.

Bèn đi chơi về phía đông để trấn áp.

Cao Tổ nghi rằng đó là vì mình, bèn trốn tránh giữa miền đầm và núi giữa hai huyện Mang và Đàng. Lữ Hậu đi cùng người ta đến tìm, thường vẫn gặp. Cao Tổ lấy làm lạ hỏi tại sao. Lữ Hậu nói:

-Chỗ ông Quý ở thường có khí mây. Cho nên đến đấy thì gặp.

Bái công trong bụng vui mừng. Con em đất Bái có người nghe chuyện ấy, nhiều người muốn theo (1).

2. Năm thứ nhất đời Tần Nhị Thế(209 trước công nguyên) mùa thu, bọn Trần Thắng nổi lên ở đất Kỳ.

.....

1. Đoạn một—Lai lịch. Đoạn này có một vài chi tiết hoang đường, điều đó thường thấy trong mọi sách sử cổ. Điều đáng chú ý ở Tư Mã Thiên là rất ít gặp những chuyện hoang đường. Đây là một ngoại lệ mà có thể xem là một ngoại lệ bắt buộc, không thể không nhắc đến khi nói đến vị vua đầu tiên của nhà Hán. Có thể nói đây là hình thức bắt buộc để lồng vào những nhận xét hiện thực, có tính chất phê phán.

.....

khi đến đất Trần thì xưng vương là Trương Sở(1). Nhiều quận và huyện giết bọn quan lại cầm đầu hưởng ứng theo Trần Thiệp. Viên huyện lệnh ở Bái sợ, muốn đem quân Bái theo Trần Thiệp. Người chủ lại Tiêu Hà và quan coi ngục Tào Tham nói với viên lệnh:

-Ông làm quan nhà Tần, mà lại muốn phản lại và đem con em đất Bái theo thì sợ họ không nghe. Xin ông triệu tập những người tránh ở ngoài, có thể được vài trăm người, để gây uy thế làm áp lực với họ. Như thế, người ta nhất định phải nghe theo.

Viên lệnh sai Phàn Khoái mời Lưu Quý đến. Bè đảng của Lưu Quý lúc bấy giờ đã có ngót trăm người. Phàn Khoái bèn theo Lưu Quý đến.

Sau đó, viên lệnh hối hận sợ thời thế thay đổi chẳng, bèn sai đóng cửa thành và giữ thành, ý muốn giết Tiêu Hà và Tào Tham. Tiêu Hà, Tào Tham sợ, trèo qua tường trốn tránh ở nhà Lưu Quý. Lưu Quý bèn viết chữ lên lụa bắn tên vào thành báo với các vị phụ lão quận Bái:

-“Thiên hạ cực khổ vì nhà Tần đã lâu rồi. Nay các cụ tuy giữ thành cho viên huyện lệnh nhưng chư hầu đều nổi lên, họ sẽ làm cỏ quận Bái. Nhân dân đất Bái hãy cùng nhau giết chết viên lệnh, chọn con em nào đáng lập thì lập lên để hưởng ứng chư hầu. Làm như thế cửa nhà sẽ được nguyên vẹn, nếu không, cha con đều bị giết sạch, chẳng còn lối thoát”.

Các vị phụ lão bèn cầm đầu bọn con em cùng nhau giết viên lệnh, mở cửa thành đón Lưu Quý. Họ muốn mời Lưu Quý làm huyện lệnh đất Bái. Quý nói:

.....

1. Nước Sở mở rộng.

.....

-Thiên hạ đang rối loạn, chư hầu đều nổi dậy. Nay nếu các ông đặt một viên tướng không giỏi thì mai kia chỉ thua một trận thì chết hết. Không phải tôi dám tiếc thân mình đâu, nhưng tôi sợ tài hèn không thể làm tròn việc lớn này của các vị và của anh em. Xin cử người tài để làm.

Tiêu Hà và Tào Tham đều là quan văn, họ tiếc thân mình, sợ lỡ việc không thành thì sau này thì nhà Tần sẽ giết hết cả họ (1), nên ra sức nhường cho Lưu Quý. Các vị phụ lão cũng đều nói:

-Bình sinh chúng tôi cũng nghe những điều kỳ lạ và hiếm có của Lưu Quý. Điều đó chứng minh ông sẽ được hiển vinh. Vả lại, khi bói mai rùa và cỏ thi thì chẳng ai được điểm tốt như ông Lưu Quý.

Lưu Quý mấy lần nhường, nhưng mọi người không ai dám làm nên lập Lưu Quý làm Bái công(2).

Bái công sai làm lễ thờ Hoàng Đế, tế Xuy Vưu (3) ở Bái Đình, lấy máu bôi lên trống, cờ xí đều màu đỏ vì câu chuyện con vua Xích Đế giết rắn là con vua Bạch Đế, cho nên ông ta chuộng màu đỏ;

Bọn trai tráng, thân hào, quan lại như Tiêu Hà, Tào Tham, Phàn Khoái đều tập hợp hai ba nghìn con em đất Bái theo Quý. Quý đánh quận Hồ Lăng và quận Phong Dư rồi về giữ đất Phong(4)

.....

1. Nhấn mạnh điểm bấy giờ tuy khởi nghĩa, nhưng ai cũng sợ việc không thành.
2. Vì bấy giờ Lưu Bang nổi dậy để hưởng ứng theo Trần Thiệp. Thiệp làm Vương nên Bang là Công.
3. Hoàng Đế được xem là tổ người Trung Quốc. Xuy Vưu được xem là thần chiến tranh.
4. Đoạn 2--Khởi nghĩa ở quận Bái.

.....

3. Năm thứ hai đời Tần Nhị Thế (208 trước công nguyên)viên tướng của Trần Thiệp là Chu Chương đem quân đi về phía tây đến đất Hí rồi trở về, các nước Yên, Triệu, Ngụy, Tề đều tự lập làm vua. Họ Hạng nổi dậy ở đất Ngô.

Bình làm quan Giám (1) quận Tứ Xuyên của nhà Tần, đem quân vây đánh đất Phong hai ngày. Quý xông ra đánh, Bình bị đánh bại, Quý sai Ung Xí giữ đất Phong, còn mình đem binh đến đất Tiết. Tráng làm thái thú ở Tứ Xuyên bị bại ở Tiết nên bỏ chạy ở huyện Thích. Tả tư mã của Bái công bắt được thái thú của Tứ Xuyên là Tráng và giết đi.

Bái công quay về đóng quân ở Cang Phụ và đi đến quận Phương Dư, Chu Thị đến đánh Phương Dư, nhưng chưa đến đánh trận nào, Trần Quân trước đấy (2) sai người nước Ngụy là Chu Thị cướp đất này. Chu Thị cho người nói với Ung Xí (3):

-Dân đất Phong vốn là dân đất Lương dời đến ở, nay đất Ngụy đã bình định được mấy mươi thành rồi, nếu Xí theo vua Ngụy thì vua Ngụy sẽ phong cho Xí làm hầu, giữ đất Phong, nếu Xí không đầu hàng thì sẽ làm cỏ tất cả dân đất Phong;

.....

1. Pháp chế nhà Tần ở mỗi quận đặt quan thú coi về chính trị, quan uý coi về quân sự và quan giám coi việc cung cấp cho quân đội.

2. Trước khi Bái công lấy đất Phong.

3. Đoạn này rắc rối. Trần Thiệp sai Chu Thị đi đánh lấy Phương Dư, nhưng Chu Thị làm phản, lập nên nước Ngụy, cho Ngụy Cửu làm vua Ngụy và chống lại Thiệp tức là chống lại Lưu Bang. Do đó Chu Thị khuyên Ung Xỉ là tướng của Lưu Bang đầu hàng mình.

.....

Ung Xỉ vốn không muốn theo Bái Công, nên khi nước Ngụy cho người đến chiêu hàng thì Xỉ quay về với Ngụy và giữ đất Phong. Bái công đem quân đánh đất Phong nhưng không lấy được. Bái Công bị ốm phải trở về đất Bái.

Bái Công giận Ung Xỉ và con em đất Phong phản lại mình, nghe tin nói Ninh Quân người huyện Đông Dương và Tần Gia đã lập Cảnh Câu làm Giả Vương(1) ở thành Lưu, bèn đến theo họ, ý muốn xin quân để đánh đất Phong. Lúc bấy giờ tướng của Tần là Chương Hàm đuổi theo một biệt tướng (2) của Trần Vương, còn Ni làm tư mã của Hàm đem quân về phía bắc bình định đất Sở làm cỏ dân đất Tương và binh đến đất Đường. Ninh Quân người Đông Dương cùng Bái Công đem quân về phía Tây đánh huyện Tiêu. Đánh không lợi, hai người đem quân trở về, tập hợp quân ở đất Lưu rồi đem binh đánh đất Đường ba ngày. Kết quả lấy được đất Đường, thu binh ở Đường được năm sáu nghìn người, đánh lấy được Hạ Ấp. Sau đó hai người đem quân về đóng gần đất Phong.

Bái Công nghe nói Hạng Lương đã ở thành Tiết, nên đem một trăm quân kỵ yết kiến. Hạng Lương cho Bái Công thêm năm nghìn người, mười ngũ đại phu (3) làm tướng. Bái Công quay về đem binh đánh đất Phong.

Sau khi Bái Công theo Hạng Lương được hơn một tháng thì Hạng Vũ đã lấy được Tương Thành và trở về. Hạng Lương triệu tập tất cả các biệt tướng đến họp ở Tiết.

.....

1. Vì có tin Trần Thiệp bị ám sát chết, nên Cảnh Câu được lập làm Giả Vương tức là vua lâm thời.

2. Vị tướng cầm riêng một cánh quân.

3. Tên chức quan.

.....

Khi nghe tin Trần Vương(1) chắc chắn đã chết. Hạng Lương bèn lập người cháu của vua Sở Hoài Vương tên là Tâm làm Sở Hoài Vương, đóng đô ở Vu Thai. Hạng Lương lấy hiệu là Vũ Tín Quân. Được mấy tháng, Hạng Lương đem quân về phía bắc đánh Cang Phụ, cứu Đông A, đánh bại quan Tần. Quân của Tề quay về, chỉ có một mình quân Sở đuổi theo quân Tần, Hạng Lương sai Bái Công và Hạng Vũ đánh Thành Dương, làm cỏ dân Thành Dương, đóng quân ở phía đông Bộc Dương, đánh bại quân Tần. Quân Tần lại tập hợp lại, giữ Bộc Dương, dựa vào sông

ngồi vây bọc để chống lại. Quân Sở bỏ đi, đánh Định Đào nhưng không hạ được thành. Bái Công cùng Hạng Vũ đem quân về phía tây cướp đất, họ đi đến chân thành Ung Khâu, đánh nhau với quân Tần, chém tướng Tần Lý Do (2) rồi quay về đánh Ngoại Hoàng nhưng không lấy được.

Hạng Lương đã hai lần đánh bại quân Tần, cho nên có vẻ kiêu căng. Tống Nghĩa can, Lương vẫn không nghe.

Nhà Tần thêm quân cho Chương Hàm, đang đêm ngấm tằm đánh Hạng Lương, phá tan quân Hạng Lương ở Định Đào, Hạng Lương chết. Lúc bấy giờ Bái Công và Hạng Vũ đang đánh thành Trần Lưu, nghe tin Hạng Lương chết, bèn đem binh phối hợp với quân của Lữ thần đi về phía đông. Lữ Thần đóng quân ở phía đông Bành Thành, Hạng Vũ đóng quân ở phía tây Bành Thành, Bái Công đóng quân ở Đường.

Sau khi đã phá tan quân của Hạng Lương, Chương Hàm cho rằng binh lực của Sở không đáng lo, bèn vượt qua sông Hoàng Hà, lên phía bắc đánh Triệu, phá

.....

1. Trần Thiệp

2. Con của Lý Tư.

.....

tan quân Triệu. Lúc bấy giờ, Triệu yết làm vua, tướng của Tần là Vương Ly vây Yết ở thành Cự Lộc, cho nên quân của Vương Ly gọi là quân phía bắc sông.

Năm thứ ba, đời Tần Nhị Thế (207 trước công nguyên) Sở Hoài Vương thấy quân của Hạng Lương đã bị phá, lo sợ bèn dời khỏi Vu Thai đóng đô ở Bành Thành, gộp quân của Vũ Thần và Hạng Vũ lại làm một và thân hành chỉ huy, cho Bái Công làm quận trưởng (1) quận Đường, phong làm Vũ An Hầu, chỉ huy quân quận Đường, phong Hạng Vũ làm Trường An Hầu, hiệu là Lỗ Công, phong Lữ Hầu làm tư đồ, người cha của Lữ Hầu là Lữ Thanh làm lệnh doãn. Nước Triệu mấy lần cầu cứu. Hoài Vương bèn sai Tống Nghĩa làm thượng tướng quân, Hạng Vũ làm thứ tướng quân, Phạm Tăng làm mặt tướng (2) đem quân về phương bắc cứu Triệu (3).

4. Sở Hoài Vương sai Bái Công đem quân về hướng tây cướp đất, vào Quan Trung. Sở Hoài Vương giao ước với chư hầu: “Ai vào bình định Quan Trung trước thì sẽ cho người ấy làm vua”. Lúc bấy giờ, binh lực của Tần còn mạnh, thường thừa thắng đánh đuổi quân của chư hầu. Các tướng chẳng ai xem việc vào Quan Trung trước là có lợi cho mình, chỉ có một mình Hạng Vũ vì căm ghét nhà Tần đã đánh bại quân của Hạng Lương nên hằng hái xin cùng Bái Công đi về hướng tây vào Quan Trung. Các vị lão tướng của Sở Hoài Vương nói:

-Hạng Vũ là người bướng bỉnh, nóng nảy, hiếu sát, khi Vũ đánh Tương Thành thì giết hết cả dân Tương

.....

1. Tức là thái thú.

2. Tên tướng thấp hơn thứ tướng quân.

3. Đoạn 3--Việc làm của Lưu Bang sau khi khởi nghĩa đến khi được lệnh vào Quan Trung.

.....

Thành không còn ai sống sót, đem chôn sống tất cả, chỗ nào ông ta đi qua là ông ta tàn phá, tiêu diệt. Vả chăng, mặc dầu quân Sở đã mấy lần đánh thắng nhưng trước đây Trần Vương, Hạng Lương đều thất bại. Chi bằng hãy thay ông ta, sai một người trung hậu dùng nhân nghĩa để đi về hướng tây, khuyên bảo các phụ huynh ở Tần. Các phụ huynh ở Tần lâu nay đã bị vua Tần làm khổ sở, nay nếu quả thật được một người trung hậu đến, lại không xâm phạm, bạo ngược thì cố thể thu phục được. Hạng Vũ là người bướng bỉnh, nóng nảy, không thể sai đi, Bái Công là người rộng rãi, trung hậu có thể đi được. Vì vậy cuối cùng, nhà vua không sai Hạng Vũ mà sai Bái Công. Bái Công đi về hướng tây cướp đất, tập hợp các binh sĩ của Hạng Lương và Trần Vương tàn mạt các nơi, bắt đầu đi, từ đất Đường đến Thành Dương và Giang Lý. Quân Tần đến sát tường, phá tan hai đạo quân Ngụy. Quân Sở ra đánh tan quân của Vương Ly.

Bái Công đem quân đi về hướng tây gặp Bành Việt ở Xương Ấp, nhân đó cùng Bành Việt đánh quân Tần. Vì không lợi, Bái Công quay về đến đất Lật gặp Cương Vũ Hầu, cướp quân của Cương Vũ Hầu được hơn bốn nghìn người gộp vào quân mình, rồi cùng tướng Ngụy là Hoàng Hân, và Thân Đồ Vũ Bồ, người nước Ngụy, hợp lực đánh Xương Ấp nhưng chưa lấy được.

Bái Công đem quân đi về hướng tây qua đất Cao Lương, Lịch Tự Cơ bảo người giữ thành:

-Các tướng qua đây cũng nhiều nhưng ta thấy Bái Công là người lớn và là bậc trưởng giả.

Bèn xin yết kiến, nói chuyện với Bái Công. Bái Công lúc bấy giờ đang ngồi xỏm trên giường, sai hai người con gái rửa chân (1). Lịch Sinh không lạy mà chỉ vái dài nói:

-Nếu quả thật tức hạ muốn trừ nhà Tần vô đạo thì không nên ngồi xỏm mà tiếp bậc trưởng giả.

Bái Công liền đứng dậy sửa áo mà tạ lỗi, mời ngồi lên chỗ cao. Tự Cơ khuyên Bái Công đánh úp thành Trần Lưu, nhờ vậy lấy được thóc lúa của nhà Tần để lại. Bái Công cho Lịch Tự Cơ làm Quảng Dã Quân, cho Lịch Thương làm tướng, chỉ huy quân ở Trần Lưu và cùng họ đánh Khai Phong (2).

Ở phía tây, Bái Công đánh nhau với Tướng Tần là Dương Hùng ở Bạch Mã, lại đánh ở phía đông Khúc Ngộ, phá tan quân của Dương Hùng. Dương Hùng bỏ chạy đến Huỳnh Dương. Nhị Thế sai sứ giả chém Dương Hùng để răn mọi người. Phía nam, Bái Công đánh Dĩnh Dương, làm cỏ dân Dĩnh Dương. Nghe theo lời của Trương Lương, Bái Công lấy luôn đất Hàn và đất Hoàn Viên.

Lúc bấy giờ tướng của Triệu là Tư Mã Ngang đang muốn vượt Hoàng Hà vào Quan Trung. Bái Công bèn đánh Bình Âm ở phía bắc, cắt đứt bến sông phía nam sông Hoàng Hà, đánh một trận ở Lạc Dương, nhưng không thắng bèn rút về đến Dương Thành, tập hợp quân kỵ và ngựa ở trong quân, đánh nhau với thái thú Nam Dương là Nghị ở phía Đông, đốt phá đánh bại quân của Nghị, cướp quận Nam Dương. Nghị bỏ chạy vào thành, giữ lấy thành Uyển. Bái Công đem binh bỏ qua đất này và đi về hướng tây. Trương Lương can:

.....

1. Vì Lương Bang ghét nhà nho nên tiếp kiến. Lịch sinh một cách ngạo mạn.

2. Xem Lịch Sinh, Lục Giả liệt truyện;

.....

-Tuy ông vội, muốn vào ngay Quan Trung nhưng quân Tần vẫn còn đông, giữ những nơi hiểm trở. Nếu không lấy được đất Uyển thì Uyển sẽ đánh úp sau lưng, trong khi quân Tần mạnh đánh ở trước mặt, như thế thì nguy.

Bái Công bèn đang đêm đem quân đi một con đường khác thay đổi tất cả cờ xí, lúc tảng sáng vây thành Uyển ba vòng. Thái thú Nam Dương muốn đâm cổ chết. Người môn hạ là Trần Khôi nói:

-Khoan hãy chết vội!

Trần Khôi bèn treo thành yết kiến Bái Công nói:

-Tôi nghe nói túc hạ có giao ước: “Ai vào Hàm Dương trước thì người ấy được làm vua”. Nay túc hạ dừng lại ở đất Uyển. Uyển là đô của một quận lớn gồm mấy chục thành liên nhau. Nhân dân đông đúc, của cải chứa nhiều, quan lại và dân ở đây cho rằng nếu mình đầu hàng thì thế nào cũng chết cho nên họ kiên quyết giữ, lên thành để canh. Nay nếu túc hạ suốt ngày dừng ở đây để đánh thì quân sĩ sẽ bị thương vong nhiều, trái lại nếu túc hạ rời khỏi đất Uyển thì người Uyển sẽ bám theo túc hạ. Như vậy, thứ nhất, túc hạ sẽ không vào được Hàm Dương như lời giao ước, thứ hai sẽ mắc phải lo đối phó với quân Uyển mạnh quấy rối. Tôi xin bày cho túc hạ một kế, bây giờ chẳng gì bằng giao ước cho họ ra hàng, phong đất cho thái thú của họ để cho họ thôi không chống cự, đem binh sĩ của họ cùng đi về hướng tây. Những thành nào chưa lấy được, nghe tiếng sẽ tranh nhau mở cửa đón túc hạ. Túc hạ sẽ đi một mạch chẳng bị ngăn cản gì hết.

Bái Công nói:

-Phải đấy!

Bên phong (1) thái thú đất Uyển Lâm Ân Hầu, phong cho Trần Khôi một nghìn hộ, đem quân về hướng tây, đi đến đâu lấy được đấy.

Khi đem quân đến Đan Thủy, Cao Vũ Hầu là Ngự, Tương Hầu là Vương Lăng đầu hàng nộp đất Tây Lăng. Bái Công quay lại đánh Hồ Dương, gặp biệt tướng của phiên quân là Mai Quyên và cùng ông ta chiêu hàng các đất Tích và Lịch.

Bái Công sai người nước Ngụy là Ninh Xương đi sứ đến Tần. Sứ giả chưa đến thì Chương Hàm đã đem quân đầu hàng Hạng Vũ ở đất Triệu. Lúc đầu, Hạng Vũ và Tống Nghĩa đem quân về hướng bắc để cứu Triệu. Đến khi Hạng Vũ giết Tống Nghĩa và thay Tống Nghĩa làm thượng tướng quân thì các tướng như Kinh Bố đều ở dưới trướng Hạng Vũ. Hạng Vũ đánh bại tướng Tần là Vương Ly, chiêu hàng Chương Hàm, chư hầu đều theo Hạng Vũ.

Đến khi Triệu Cao đã giết Nhị Thế và cho người đến gặp Bái Công muốn giao ước để chia đất Quan Trung và làm vương, Bái Công cho ý muốn đánh lừa bèn dùng kế của Trương Lương, sai Lịch Sinh và Lục Giả đến thuyết phục tướng của Tần, lấy lợi nhử y và nhân đó đánh và phá được Vũ Quan. Bái Công lại đánh nhau với quân Tần ở phía nam Lam Điền, càng treo thêm cờ xí để làm nghi binh, đi đến đâu thì cấm không được cướp bóc bắt bớ. Người Tần do đó mừng rỡ, quân đội Tần tan rã, Bái Công nhân đó thắng được quân Tần.

.....

1. Một nét điển hình khác của Lưu Bang là thấy người ta có kế hay, công to là thưởng ngay, thưởng hậu, không tiếc đất tiếc tiền.

.....

Lại đánh một trận ở phía bắc, phá tan quân Tần, thừa thắng tiêu diệt nước Tần (1).

4. Tháng 10 năm thứ nhất nhà Hán (207 trước công nguyên) quân của Bái Công đến Bá Thượng trước quân chư hầu. Vua Tần là Tử Anh đi xe mộc do ngựa trắng kéo, ở cổ quần sợi dây ấn, niêm phong ấn hoàng đế, phù và cờ tiết đầu hàng ở gần Chỉ Đạo. Các tướng có người bảo giết vua Tần, Bái Công nói:

-Trước kia Hoài Vương sai ta đi chính vì ta biết khoan dung rộng lượng. Vả chăng, người ta đã đầu hàng rồi nay lại giết đi là điềm không tốt. Bèn giao vua Tần cho bọn thuộc lại.

Bái Công đi về phía tây vào Hàm Dương muốn dừng lại ở trong cung và nghỉ. Phàn Khoái và Trương Lương can. Bái Công mới niêm phong kho tàng, của quý báu của Tần rồi trở về đóng quân ở Bá Thượng, triệu tập các vị phụ lão và những thân hào ở các huyện đến nói:

-Các vị phụ lão mấy lâu nay đã từng khổ sở vì pháp luật khe khắt của Tần, ai phỉ báng thì bị giết cả họ, ai hại người nói chuyện về Kinh Thi, Kinh Thư thì bị chém giữa chợ. Ta cùng chư hầu giao ước: “Ai vào Quan Trung trước thì người ấy được làm vua”. Vậy ta phải làm vua ở Quan Trung; Ta cam kết với các phụ lão rút gọn pháp luật vào ba điều mà thôi: Ai giết người thì phải chết, làm người bị thương và ăn trộm thì theo tội mà xử. Còn bỏ tất cả luật pháp của Tần. Quan lại và nhân dân vẫn bình an như xưa. Ta đến đây chẳng qua là vì các vị phụ lão trừ hại chứ không phải cốt.

.....

1. Đoạn 3—Bái Công tiến quân vào Quan Trung thắng lợi.

.....

xâm phạm, làm việc hung bạo. Không có gì phải sợ. Vả lại ta sở dĩ quay về đông quân ở Bá Thượng là để đợi quân của chư hầu đến để định điều giao ước mà thôi.

Bái Công bèn sai người cùng quan lại nhà Tần(1) đi các huyện các làng, các ấp hiểu dụ điều đó. Người Tần cả mừng, tranh nhau mang bò, dê, rượu, thức ăn đến để khao quân sĩ. Bái Công đều từ chối không nhận, nói:

-Kho thóc nhiều, không thiếu, không muốn làm nhân dân tốn kém.

Mọi người lại càng mừng rỡ chỉ sợ Bái Công không làm Tần Vương(2).

5. Có người nói với Bái Công:

-Đất Tần giàu có gấp mười so với tất cả thiên hạ, địa hình lại tốt. Nay nghe nói Chương Hàm đã đầu hàng Hạng Vũ. Hạng Vũ lại cho hấn làm Ung Vương làm vua ở Quan Trung; Nếu khi hấn đến thì sợ ông sẽ không giữ được đất này. Xin mau mau sai quân sĩ giữ cửa Hàm Cốc không cho quân chư hầu vào, lại trưng thêm quân ở Quan Trung cho thêm đông để chống lại.

Bái Công cho là phải (3) và theo kế đó.

Vào giữa tháng 11, quả nhiên Hạng Vũ thống lĩnh quân chư hầu đi về hướng tây muốn vào cửa Hàm Cốc. Cửa đóng, Hạng Vũ lại nghe nói Bái Công đã bình định được Quan Trung, bèn cả giận sai bọn Kinh Bố tấn công cửa Hàm Cốc.

.....

1. Làm thế dân càng dễ phục.
2. Đoạn 4—Luu Bang ở Quan Trung được lòng dân Tần.
3. Tức là không đợi dân chư hầu.

.....

Vào giữa tháng 12, Hạng Vũ đến đất Hý, Tào Vô Thương làm tả tư mã của Bái Công nghe nói Hạng Vương giận muốn đánh Bái Công, bèn cho người nói với Hạng Vũ:

-Bái Công muốn làm vua ở Quan Trung, cho Tử Anh làm thừa tướng, bao nhiêu của cải châu báu đều lấy hết!

Ý Tào Vô Thương làm thế để Hạng Vũ phong cho mình. Á Phụ (1) khuyên Hạng Vũ đánh Bái Công.

Hạng Vũ ra lệnh cho quân sĩ ăn no định sáng mai thì đánh. Lúc bấy giờ quân Hạng Vũ bốn mươi vạn xung là một trăm vạn. Quân của Bái Công mười vạn xung là hai mươi vạn, binh lực không đủ chống lại. Hạng Bá muốn cứu Trương Lương nên đang đêm đến gặp Trương Lương rồi nhân đây dùng lời lẽ khuyên Hạng Vũ, Hạng Vũ mới thôi. Bái Công với hơn trăm quân kỵ ruổi ngựa đến Hồng Môn yết kiến và xin lỗi Hạng Vũ. Hạng Vũ nói:

-Đó là do Tào Vô Thương làm tả tư mã của ông nói, nếu không Tịch này đâu lại làm thế.

Bái Công nhờ Phàn Khoái và Trương Lương nên thoát nạn về. Đến nơi, Bái Công lập tức giết Tào Vô Thương.

Hạng Vũ bèn đem quân về phía tây, làm cỏ và đốt cả cung thất nhà Tần ở Hàm Dương, đi đến đâu cũng giết và phá sạch. Người Tần rất thất vọng nhưng vì sợ hãi nên đành phải theo. Hạng Vũ sai người trở về báo với Hoài Vương. Hoài Vương nói:

-Cứ làm theo như lời giao ước;

Hạng Vũ oán giận Hoài Vương không cho mình đi về hướng tây với Bái Công để vào Quan Trung mà phải đi

.....

1. Phạm Tăng.

.....

về hướng bắc để cứu Triệu, do đó đến chậm, không kịp lời giao ước với thiên hạ. Hạng Vũ bèn

nói:

-Hoài Vương là do Hạng Lương, người nhà của ta lập nên đó thôi; Ông ta không có công cán gì cả, làm sao có thể làm chủ điều giao ước? Thực ra bình định thiên hạ là nhờ ở các tướng và Tịch này.

Hạng Vũ bèn giả vờ tôn Hoài Vương làm Nghĩa Đế, nhưng thực ra không theo mệnh lệnh của ông ta.

Hạng Vũ tự lập làm Tây Sở Bá Vương, làm vua đất Lương, đất Sở, trị chín quận, đóng đô ở Bành Thành, Vũ bỏ lời giao ước lập Bái Công làm Hán Vương, cai trị đất Ba, đất Thục và đất Hán Trung, đóng đô ở Nam Trịnh. Hạng Vũ chia đất Quan Trung làm ba phần, lập ba viên tướng của Trần làm Vương:

-Chương Hàm làm Ung Vương, đóng đô ở Phế Khâu.

-Tư Mã Hân làm Tắc Vương, đóng đô ở Lịch Dương.

-Đổng Ế làm Địch Vương, đóng đô ở Cao Nô.

Thân Dương người Hà Khâu làm tướng nước Sở, được làm Hà Nam Vương đóng đô ở Lạc Dương, Tư Mã Ngang làm tướng nước Triệu, được làm Ân Vương, đóng đô ở Triều Ca. Triệu Vương tên là Yết bị dời đi làm Vương ở đất Đại. Thừa tướng của Triệu là Trương Nhĩ làm Thường Sơn Vương, đóng đô ở Tương Quốc. Đương Dương Quân Kinh Bố làm Cửu Giang Vương, đóng đô ở Lục. Cung Ngao làm Trụ Quốc của Hoài Vương, được làm Lâm Giang Vương, đóng đô ở Giang Lăng. Ngô Nhuế làm phiên quân, được làm Hành Sơn Vương, đóng đô ở Chu, Tang Đồ làm tướng quân nước Yên, được làm Yên Vương, đóng đô ở Kế. Hàn Quảng nguyên trước là Yên Vương, bị dời đi làm vương ở Liêu Đông. Quảng không nghe, Tang Đồ đánh và giết ở Vô Chung. Hạng Vũ phong Thành An Quân Trần Dư ba huyện ở miền sông Hà và đóng ở Nam Bì. Phong Mai Quyên mười vạn nhà. Tháng tư chư hầu đều bãi binh và trở về nước mình.

Hán Vương cũng trở về nước. Hạng Vương cho ba vạn binh sĩ đi theo Hán Vương. Những người nước Sở và những người chư hầu hâm mộ Hán Vương, đi theo mấy vạn người. Hán Vương đi theo con đường phía nam đất Đỗ và đất Thục, đi xong liền đốt và cắt đứt đường sạn đạo (1) để phòng quân chư hầu đánh úp, đồng thời để tỏ cho Hạng Vũ thấy rằng mình không có ý đi về hướng đông. Khi đến Nam Trịnh, các tướng sĩ nhiều người giữa đường trốn về. Binh sĩ đều hát tỏ ý muốn về đông. Hàn Tín nói với Hán Vương:

-Hạng Vũ phong các tướng có công làm vương, thế mà chỉ phong một mình đại vương ở Nam Trịnh, đó là đày đi vậy. Các tướng sĩ quan lại đều là những người đông núi, ngày đêm nhón gót mong về; Nếu mình biết lợi dụng điều mong mỏi của họ thì có thể làm được công lớn, nếu để thiên hạ bình định xong xuôi, mọi người ai ở đâu yên đấy thì không thể dùng họ được nữa. Chi bằng quyết định đem quân về hướng đông tranh bá quyền thiên hạ.

Hạng Vương ra khỏi Quan Trung, sai người dời Nghĩa Đế đi, nói:

-Các vị đế ngày xưa đất vuông nghìn dặm đều ở thượng lưu dòng sông.

Bèn sai sứ giả dời Nghĩa Đế đến quận Trường Sa thuộc huyện Sâm, giục Nghĩa Đế ra đi. Bầy tôi

của Nghĩa Đế

.....

1. Một thứ cầu treo bắc ngang qua núi ở những nơi địa hình hiểm trở.

.....

dần dần phản lại Nghĩa Đế, Hạng Vũ bèn ngầm sai Hành Sơn Vương và Lâm Giang Vương đánh và giết Nghĩa Đế ở Giang Nam. Hạng Vũ oán Điền Vinh nên lập viên tướng nước Tề là Đê Đô làm Tề Vương. Điền Vinh oán giặc bèn tự lập làm Tề Vương, giết Đê Đô, phản lại quân Sở. Điền Vinh trao cho Bành Việt ấn tướng quân, bảo làm phản ở đất Lương. Sở sai Tiêu Công Giác đánh Bành Việt. Bành Việt phá tan Tiêu Công Giác. Trần Dư oán giặc Hạng Vũ không phong vương cho mình nên sai Hạ Duyệt nói với Điền Vinh xin quân để đánh Trương Nhĩ. Tề Vương cho Trần Dư Quân đánh phá Thường Sơn Vương Trương Nhĩ. Trương Nhĩ trốn theo quân Hán. Trần Dư trốn theo quân Yết ở đất Đại, lại lập Yết làm Triệu Vương. Triệu Vương nhân đây làm đại vương. Hạng Vũ cả giận đem quân về hướng bắc đánh quân Tề.

Tháng tám, Hán Quân dùng mưu kế của Hàn Tín đi qua huyện Cố Đạo đánh úp Ung Vương là Chương Hàm. Hàm đón đánh quân Hán ở Trần Thương. Ung Vương bị thua trận chạy về, dừng lại đánh đất Hạo Trĩ, lại thua trận, bỏ chạy đến Phế Khâu. Hán Vương đuổi theo bình định đất đai của Ung Vương, đi về đông đến Hàm Dương. Lại cho một cánh quân riêng vây Ung Vương ở Phế Khâu, còn sai các tướng bình định Lũng Tây, Bắc Địa, Thượng Quân. Hán Vương sai tướng quân là Tiết Âu, Vương Hấp ra khỏi Vũ Quan nhân lúc quân của Vương Lăng còn ở Nam Dương để đi đón Thái Công và Lữ Hậu ở đất Bái. Quân Sở nghe tin ấy cho quân chặn ở Dương Hạ nhưng không đến trước quân Hán được. Hạng Vũ cho Trịnh Xương trước kia làm huyện lệnh ở đất Ngô làm Hàn Vương để chống lại quân Hán.

Năm thứ hai(205 trước công nguyên)Hán Vương đem quân về hướng đông cướp đất của Tắc Vương Hán, Địch Vương Ế. Hà Nam Vương Thán Dương đều đầu hàng, nhưng Hàn Vương là Xương không chịu. Hán Vương bèn sai Hàn Tín đánh sai Xương. Hán Vương đặt các quận Lũng Tây, Bắc Địa, Thượng Quân, Vị Nam, Hà Thượng, Trung Địa. Ở ngoài quan Trung đặt quận Hà Nam, lập Tín trước làm thái úy nước Hán, làm Hàn Vương, những tướng nào đầu hàng với một vạn người hay một quận đều được phong làm vạn hộ hầu, sai chữa lại thành lũy trên sông Hoàng Hà, tất cả các vườn thú, vườn cây, ao hồ của nhà Tần đều cho dân được làm thành ruộng.

Tháng giêng, Hán Vương cầm tù Chương Bình là em Ung Vương, đại xá các tội nhân. Hán Vương ra khỏi Quan Trung đi đến đất Thiểm võ về an ủi các phụ lão ở ngoài Quan Trung rồi trở về. Trương Nhĩ đến yết kiến Hán Vương, được đón tiếp rất hậu.

Tháng hai, Hán Vương sai bỏ thần xã thần tắc (2) của nhà Tần mà lập thần xã thần tắc của nhà Hán. Tháng ba, Hán Vương từ Lâm Tấn vượt qua sông. Ngụy Vương Báo đem binh theo Hán Vương lấy Hà Nội, cầm tù Ân Vương, đặt quận Hà Nội. Đi sang phía nam vượt qua sông ở bến Bình Âm, đem binh đến Lạc Dương.

.....

1. Tức là Vạn Lý Trường Thành.

2. Mỗi triều đại nổi lên đều lập đền thờ, thờ thần xã coi về đất đai, thần tắc coi về mùa màng. Nói gộp lại là xã tắc chỉ một nước. Triều đại khác nổi lên thế nào cũng hủy bỏ hai đền thờ ấy, lập đền thờ thần xã thần tắc của mình để chứng minh triều đại này đã được các thần thừa nhận.

.....

Đồng Công làm tam lão (1) ở Tân Thành đón Hán Vương lại và nói về việc Nghĩa Đế đã chết. Hán Vương nghe vậy xấn tay (2) khóc rống lên. Bái Công bèn báo tan Nghĩa Đế. Sau khi than khóc ba ngày Hán Vương cho sứ giả báo với chư hầu: “Cả thiên hạ cùng nhau lập Nghĩa Đế, quay đầu về hướng bắc mà thờ. Thế mà nay Hạng Vũ đuổi rồi giết Nghĩa Đế ở Giang Nam, đó là tội phản nghịch, vô đạo! Quả nhân thân hành báo tan Nghĩa Đế. ”. Chư hầu để mặc đồ trắng, Hán Vương đem tất cả quân ở Quan Trung, tập hợp tất cả binh sĩ Hà Nam, Hà Đông, Hà Nội, đi xuống phía nam xuôi dòng sông Giang, sông Hán, nguyện cùng các vị vương của chư hầu đánh quân Sở để giết Nghĩa Đế(3).

Lúc bấy giờ, Hán Vương đang đem quân về hướng bắc đánh Điền Vinh ở Tề, đánh nhau ở thành Dương. Điền Vinh thua bỏ chạy đến Bình Nguyên, dân Bình Nguyên giết Điền Vinh, dân Tề đầu hàng Sở. Sở nhân đây đốt thành quách, trói, cầm tù, con trai con gái Tề. Dân Tề làm phản, em Điền Vinh là Hoàng lập con của Vinh là Quảng làm vua Tề. Tề vương phản lại nước Sở ở Thành Dương, Hạng Vũ tuy đã nghe quân Hán đi về hướng đông, nhưng vì mãi bận về việc đánh Tề, cho nên muốn đánh xong quân Tề rồi mới đánh quân Hán. Nhân cơ hội ấy Hán Vương thúc ép quân năm nước chư hầu vào Bành Thành.

.....

1. Đời Hán mỗi làng có một tam lão cứ trong số thân hào trên 50 tuổi có đạo đức và tài năng nhất để làm người cố vấn của làng.

2. Một cách biểu lộ tang lễ.

3. Lưu Bang lợi dụng cơ hội này hiệu triệu chư hầu đánh Hạng Vũ.

Cao Tổ Bản Kỷ (tiếp Theo) -

Hạng Vũ nghe tin, đem quân rời bỏ đất Tề, đi qua đất Lỗ, ra khỏi Hồ Lăng, đến huyện Tiều đánh nhau một trận lớn với quân Hán ở phía đông Linh Bích, thuộc Bành Thành, trên sông Tuy Thủy, phá tan quân Hán. Quân Hán bị giết nhiều, dòng sông Tuy Thủy bị nghẽn lại không chảy được. Hạng Vũ bèn bắt cha, và vợ Hán Vương ở đất Bái, đem theo trong quân để làm con tin. Lúc bấy giờ chư hầu thấy Sở mạnh, Hán thua trận, nên đành bỏ Hán mà theo Sở. Tắc Vương là Hán bỏ trốn vào đất Sở (1) người anh của Lữ Hậu là Chu Lữ Hậu làm tướng của Hán Vương đóng quân ở Hà Ấp, Hán Vương đến đấy, dần dần tập hợp binh sĩ, đóng quân ở đất Đường. Hán Vương liền đem binh về phía tây, đi qua đất Lương đến đất Ngụ, sai Tùỳ Hà làm vết giả đến gặp Cửu Giang Vương là Kinh Bố và nói:

-Nếu ông có thể khiến Kinh Bố đem quân phản lại Quân Sở thì Hạng Vũ thế nào cũng phải dừng lại đánh Bố. Nếu ta cầm chân hắn được vài tháng thì thế nào cũng lấy được thiên hạ.

Tùỳ Hà đến nói với Cửu Giang Vương Kinh Bố. Quả nhiên Kinh Bố phản lại quân Sở. Sở sai Long Quân đem quân đến đánh Bố.

Sau khi bị thua trận ở Bành Thành, Hán Vương đem quân về hướng tây, sai người tìm gia quyến thì đều trốn hết không tìm được, vì sau chỉ được một mình Hiếu Huệ (2). Tháng 6, Hán Vương lập Hiếu Huệ làm thái tử, đại xá các tội nhân,. Hán Vương sai thái tử giữ thành Lịch Dương, con cái chư hầu ở Quan Trung đều tụ họp ở Lịch Dương để hộ vệ cho Hiếu Huệ.

.....

1. Trước khi đầu hàng Hán.
2. Tức là Huệ Đế người kế tiếp Lưu Bang làm vua.

.....

Hán Vương dẫn nước vào làm ngập Phế Khâu, Phế Khâu đầu hàng, Chương Hàm tự sát. Hán Vương đổi tên Phế Khâu làm Hòe Lý. Hán Vương sai quan lo việc tế tự làm lễ tấu trời đất bốn phương, thượng đế, núi sông tùy theo thời tiết. Hán Vương lấy lính ở Quan Trung để giữ biên giới. Lúc bấy giờ Cửu Giang Vương Kinh Bố đang đánh nhau với Long Thư không thắng, Kinh Bố cùng Tùỳ Hà đi đường tắt theo Hán Vương. Hán Vương dần dần tập hợp binh sĩ cùng các tướng và quân sĩ của Quan Trung đưa thêm ra, do đó thế lực rất mạnh ở Huỳnh Dương, đánh bại quân Sở ở miền giữa đất Kinh và đất Sách.

Năm thứ ba (204 trước công nguyên)Ngụy Vương Báo xin về nhà để thăm cha mẹ bị bệnh; Khi Báo về đến nhà, liền chọn bến sông Hà theo Sở làm phản, Hán Vương sai Lịch Sinh khuyên Báo, Báo không nghe. Hán Vương sai tướng quân Hàn Tín phá tan quân Báo, bắt cầm tù, sau đó bình định được đất Ngụy, đặt ba quận là Hà Đông, Thái Nguyên, Thượng Đảng. Hán Vương bèn sai Trương Nhĩ cùng Hàn Tín đem quân về hướng đông lấy Tĩnh Hình, đánh quân Triệu, chém Trần Dư và vua Triệu là Yết. Năm sau, Hán Vương lập Trương Nhĩ làm Triệu Vương. Hán Vương đóng quân ở Huỳnh Dương, phía nam xây đường ống ra đến Hoàng Hà để lấy thóc ở

Ngao Thương, chống nhau với Hạng Vũ hơn một năm. Hạng Vũ mấy lần đưa quân cướp đường ống của Hán, quân Hán thiếu lương thực, Hạng Vũ vây quân Hán. Hán Vương xin giảng hoà và cắt đất từ Huỳnh Dương, đến phía tây cho Hán, nhưng Hạng Vương không nghe. Hán Vương lo sợ, bèn dùng kế của Trần Bình, cho Trần Bình bốn vạn cân vàng để ly gián vua tôi Sở. Do đó Hạng Vũ nghi ngờ Á Phụ Phạm Tăng. Lúc bấy giờ, Phạm Tăng khuyên Hạng Vũ lấy Huỳnh Dương nhưng khi thấy mình bị ngờ vực bèn nổi giận, cáo bệnh, xin được mang hài cốt về nhà làm một người lính. Khi chưa về đến Bành Thành thì chết. Quân Hán bị cắt đứt đường lương thực đang đem cho hơn hai nghìn người con gái mặc áo giáp đi ra cửa phía đông. Quân Sở bèn bốn phía đánh úp vào. Tướng quân Kỷ Tín ngồi trên xe ngựa của nhà vua giả làm Hán Vương để lừa quân Sở. Quân Sở đều hô: “vạn tuế!” chạy đến phía đông thành để xem. Nhờ vậy, Hán Vương thoát ra cửa tây với vài chục quân kỵ và bỏ trốn. Hán Vương sai ngự sử đại phu Chu Hà, Ngụy Báo và Tung Công giữ Huỳnh Dương. Các tướng và binh sĩ không đi theo được đều ở lại trong thành. Chu bàn với Tung Công:

-Khó lòng mà giữ thành với một ông vua làm phản.

Bèn giết Ngụy Báo (1). Sau khi ra khỏi Huỳnh Dương, Hán Vương vào Quan Trung, tập hợp quân, lại định đi về hướng đông. Viên Sinh nói với Hán Vương:

-Hán và Sở đánh nhau ở Huỳnh Dương đã mấy năm, quân Hán thường bị nguy khốn. Xin đại vương đi ra cửa Vũ Quan, thế nào Hạng Vũ cũng đem binh về hướng nam. Đại Vương cứ giữ thành cho chắc để Huỳnh Dương và Thành Cao được nghỉ ngơi một chút. Đại Vương sai bọn Hàn Tín bình định Hà Bắc, lấy đất Triệu, liên kết với các vua Yên và Tề rồi sau sẽ quay lại cứu Huỳnh Dương cũng chưa muộn. Làm như thế thì quân Sở sẽ chống chọi ở nhiều mặt mà quân Hán được nghỉ ngơi. Sau đó ta lại đánh thì thế nào cũng phá được Sở.

.....

1. Đoạn trên nói Báo phản lại Hán Vương.

.....

Hán Vương nghe theo kế ấy, cho quân đi ra ở giữa miền Uyển và Diệp, cùng Kinh Bó tập hợp quân sĩ. Quả nhiên Hạng Vũ nghe tin Hán Vương đã ở Uyển, liền đem binh xuống phía nam. Quân Hán giữ vững thành trì không đánh nhau với Sở. Lúc bấy giờ Bành Việt đã vượt qua sông Tuy thủy đánh nhau với Hạng Thanh, Tiết Côn lấy Hạ Bi. Bành Việt phá tan quân Sở. Hạng Vũ lại đem binh về hướng đông đánh Bành Việt. Hán Vương cũng đem quân về hướng bắc đánh đóng quân ở Thành Cao, lại đem binh về hướng tây lấy Huỳnh Dương, giết Chu Hà, Tung Công, cầm tù Hàn Vương Tín, bao vây Thành Cao. Hán Vương chạy trốn một mình cùng Đặng Công ngồi một xe theo cửa ngọc môn ra khỏi Thành Cao chạy lên phía bắc vượt Hoàng Hà, chạy nhanh đến Tu Vũ ngủ đêm ở đấy, tự xưng là sứ giả. Sáng sớm ruổi ngựa vào thành Trương Nhĩ, Hàn Tín, cướp quân của hai người, đoạn sai Trương Nhĩ, đi về phía bắc thu thập thêm quân ở Triệu, sai Hàn Tín đi về hướng đông đánh Tề.

Sau khi đã nắm được quân của Hàn Tín, uy thế của Hán Vương lại mạnh, Hán Vương đem quân đến Hà Nam ở phía nam thành Tiêu Vũ, Vũ cho quân ăn no và muốn đánh nữa. Nhưng Trịnh Trung làm lang trung can Hán Vương, khuyên cứ đắp thành cho cao, đào hào cho sâu, chứ đừng đánh nhau với quân Sở. Hán Vương nghe lời. Hán Vương sai Lưu Quán và Lưu Giả đem hai vạn quân và vài trăm quân kỵ vượt bến Bạch Mã, vào đất Sở cùng với Bành Việt đánh phá quân Sở ở

phía tây đất Yên, đất Quách, rồi lại lấy hơn mười thành đất Lương.

Hoài Âm Hầu Hàn Tín đã được lệnh đi về hướng đông nhưng chưa vượt qua sông ở Bình Nguyên thì Hán Vương đã sai Lịch Sinh làm sứ giả đến nói với vua Tề là Đĩnh Quảng, nên Quảng phản lại Sở, hoà với Hán để cùng đánh Hạng Vũ. Hàn Tín dùng kế của Khoái Thông đánh úp và phá quân Tề. Vua Tề bỏ Lịch Sinh vào vạc và nấu rồi bỏ chạy về hướng đông ở Cao Mật. Hạng Vũ nghe nói Hàn Tín đem quân của Hà Bắc, đã phá quân nước Tề và nước Triệu, lại muốn đánh quân Sở bèn sai Long Thư và Chu Lan đến đánh Hàn Tín cùng với tướng kỵ binh là Quán Anh đánh phá quân Sở, giết Long Thư, vua Tề là Đĩnh Quảng bỏ chạy về với Bành Việt. Lúc bấy giờ cầm quân ở đất Lương, qua lại làm khổ vua Sở, cắt đứt lương thực của quân Sở.

Năm thứ tư (203 trước công nguyên) Hạng Vũ nói với Hải Xuân Hầu và đại tư mã Tào Cửu:

-Hãy giữ gìn Thành Cao cẩn thận! Nếu quân Hán đến khiêu chiến thì đừng đánh nhau với chúng. Miễn làm sao cho chúng đừng tiến quân về hướng đông là được. Trong mười lăm ngày thế nào ta cũng bình định được đất Lương, sau đó sẽ quay lại với tướng quân.

Hạng Vũ bèn lên đường đánh các thành Trần Lưu, Ngoại Hoàng, lấy mấy thành này. Quả nhiên mấy lần quân Hán đến khiêu chiến nhưng quân Sở vẫn không ra. Quân Hán cho người mắng nhiếc năm sáu ngày. Đại Tư Mã nổi giận cho binh vượt sông Tụ Thủy, quân sĩ ra giữa sông thì bị quân Hán đánh úp. Quân Hán phá tan quân Sở, lấy được tất cả ngọc vàng, châu báu của nước Sở. Đại Tư Mã là Cửu và trương sử là Hán đều tự đâm cổ chết trên sông Tụ Thủy.

Hạng Vũ đến Túy Dương, nghe tin quân Hải Xuân Hầu đã bị thua, liền đem quân trở về. Lúc bấy giờ quân Hán đang vây Chung Ly muội (1) ở phía đông Huỳnh Dương, thấy Hạng Vũ đến, đều bỏ chạy vào nơi hiểm trở. Sau khi phá được quân Tề, Hàn Tín cho người đến nói với Hán Vương:

-Biên giới của Tề giáp với Sở, nước Tề là nước gian trá, nếu tôi không tạm làm vua thì sợ không dẹp yên nước Tề được.

Hán Vương muốn đánh Hàn Tín, Lưu Hầu Trương Lương nói:

-Không bằng nhân dịp này lập ông ta làm vương để cho ông ta giữ đất Tề.

Hán Vương bèn giao ấn cho Trương Lương, phong Hàn Tín làm Tề Vương. Hạng Vũ nghe tin quân Long Thư bị phá thì sợ hãi, sai Vũ Thiệp, người Vu Thai đến thuyết phục Hàn Tín, nhưng Hàn Tín không nghe.

Sở và Hán mấy lần giằng co chưa ai hơn ai, những người mạnh khỏe thì khổ vì đi lính, những người già yếu thì mệt vì việc vận chuyển lương thực. Hán Vương và Hạng Vũ gặp nhau ở Quảng Vũ nói chuyện. Hạng Vũ muốn một mình khiêu chiến với Hán Vương. Hán Vương kể tội Hạng Vũ:

-Lúc đầu ta cùng người đều theo lệnh của Hoài Vương: “Ai vào Quan Trung trước thì được làm vương”. Nhà ngươi bội ước, phong ta làm vương ở đất Thục và đất Hán, đó là một cái tội. Nhà ngươi giả mệnh lệnh của vua, giết Khanh Tử Quán Quân và tự tôn mình lên, đó là hai tội. Sau khi cứu Triệu, đáng lý nhà ngươi phải quay về báo với nhà vua, nhưng lại

.....

1. Tướng của Hạng Vũ.

.....

chuyên quyền ép quân chư hầu vào Quan Trung, đó là ba tội.. Hoài Vương có ba ước: “Vào đất Tần không được làm việc hung bạo, cướp bóc, nhưng nhà người đốt cháy cung thất nhà Tần, đào mả Tần Thủy Hoàng, thu của cải của Tần, đó là bốn tội. Nhà người lại giết vua Tần đả đầu hàng là Tử Anh, đó là năm tội. Lừa dối, chôn sống hai mươi vạn con em Tần ở Tân An, trái lại phong tướng Tần làm vương, đó là sáu tội. Phong các tướng của người làm vương ở những nơi đất tốt còn đầy đuổi chủ củ khiến bọn bát tội ở dưới tranh nhau làm phản, đó là bảy tội. Nhà người đuổi Nghĩa Đế ra khỏi Bành Thành để đặt đô của mình ở đây, chiếm đoạt đất của Hán Vương, thôn tính đất Lương, đất Sở, dành cho mình nhiều đất, đó là tám tội. Nhà người sai người giết ngầm Nghĩa Đế ở Giang Nam, đó là chín tội. Phàm làm tội mà giết vua, giết những người đầu hàng, cai trị không công bình, không giữ lời giao ước của vua thì thiên hạ không thể nào tha tội phản nghịch vô đạo, đó là mười tội. Nay ta cầm nghĩa binh cùng chư hầu giết bọn tàn ác và giặc cướp, ta sẽ sai bọn tội phạm bị hình phạt giết nhà người chứ hơi đầu mà giao chiến với nhà người!

Hạng Vũ cả giận ngầm bắn trúng Hán Vương. Hán Vương bị thương ở bụng, nhưng lại sờ vào ngón chân mà nói:

-Thằng giặc bắn trúng ngón chân tao rồi(1).

Hán Vương bị thương, nằm. Trương Lương ép nài Hán Vương cố gắng dậy đi ủy lạo quân sĩ để quân sĩ an lòng đừng cho quân Sở thừa cơ đánh thắng Hán. Hán Vương đi ra trước hàng quân, bệnh càng nặng

1. Điều này chứng tỏ Lưu Bang hết sức nhanh trí.

.....

thêm, Hán Vương bèn ruổi ngựa vào Thành Cao. Khi khỏi bệnh, Hán Vương đi về hướng tây vào Quan Trung đến đất Lương Dương thăm hỏi các phụ lão, đặt tiệc rượu, bêu đầu Tắc Vương trước kia là Hàn ở chợ Lịch Dương, lưu ở lại đây bốn ngày rồi lại trở về trong quân, đóng ở Quảng Vũ. Binh sĩ ở Quan Trung càng ra theo Hán Vương.

Lúc bấy giờ Bành Việt cầm quân ở đất Lương, luôn qua lại làm quân Sở khổ cực, cắt đứt lương thực của quân Sở; Điền Hoàn đến theo Bành Việt. Hạng Vũ mấy lần đánh bọn Bành Việt thì Tề Vương là Hàn Tín lại tiến quân đánh Sở. Hạng Vũ sợ, cùng Hán Vương giao ước chia khoảng giữa thiên hạ, cắt đất từ Hồng Câu về phía tây là của Hán, từ Hồng Câu về phía đông là của Sở. Hạng Vương trả lại cha và vợ Hán Vương. Trong quân đều tung hô vạn tuế. Sau đó hai bên trở về và từ biệt ra đi mỗi người một phía: Hạng Vũ từ giả đem quân về phía đông.

Hán Vương muốn đem quân về phía tây nhưng theo kế Trần Bình và Lưu Hầu Trương Lương, tiến quân đuổi Hạng Vũ về phía nam thành Dương Hạ thì dừng lại; Hán Dương hẹn với Tề Vương Hàn Tín, Kiến Thành Hầu Bành Việt cùng hợp nhau để đánh Sở, nhưng khi quân Hán Vương đến Cổ Lăng thì vẫn không gặp quân của Hàn Tín, Bành Việt. Quân Sở bèn đánh quân

Hán thua to. Hán Vương lại vào thành, đắp thành cao, đào hào sâu để giữ. Hán Vương dùng kế của Trương Lương nên Hàn Tín và Bành Việt đều đến.

Đến khi Lưu Giả vào đất Sở vây đất Thọ Xuân, Hán Vương bị thua trận ở Cố Lăng, bèn sai sứ giả triệu đại tư mã là Chu Ân điều động quân ở Cửu Giang đi theo quân Lưu Giả, Vũ Vương Kinh Bố làm cỏ dân Thành Phủ, Tuy Hà, Lưu Giả và các chư hầu Tề và Lương đều hợp nhau ở Cai Hạ, Vũ Vương Kinh Bố làm Hoài Nam Vương.

Năm thứ năm (202 trước công nguyên), Cao Tổ cùng quân của chư hầu đánh quân Sở thắng Hạng Vũ một trận quyết liệt ở Cai Hạ. Hoài Âm Hầu Hàn Tín cầm ba mươi vạn quân đương đầu với quân địch, Khổng Tương Quân ở cánh tả, Phi Tương Quân ở cánh hữu, Hoàng Đế ở phía sau. Giáng Hầu, Sài Tương Quân ở sau lưng Hoàng Đế. Quân của Hạng Vũ vào khoảng mười vạn. Hoài Âm Hầu đánh đầu tiên không thắng nổi, rút lui. Khổng Tương Quân và Phi Tương Quân đem quân đến giúp. Quân Sở không thắng nổi. Hoài Âm Hầu nhân lúc ấy tiến lên đánh quân Sở đại bại ở Cai Hạ. Binh sĩ Hạng Vũ nghe trong quân Hán hát những bài ca nước Sở cho rằng quân Hán đã lấy tất cả đất Sở rồi; Hạng Vũ thua bỏ chạy cho nên quân thua to. Hán Vương sai Kỵ Tương Quân Quán Anh đuổi theo giết Hạng Vũ ở Đông Thành, chém đầu tám vạn người, bèn bình định được đất Sở;

Nước Lỗ theo Sở giữ vững thành, quân Hán lấy không được. Hán Vương đem quân chư hầu đi về hướng bắc, chỉ cho các vị phụ lão ở Lỗ thấy đầu Hạng Vũ, Lỗ mới đầu hàng. Hán Vương bèn chôn cất Hạng Vũ với danh hiệu Lỗ Công ở Cốc Thành. Hán Vương trở về đến Định Bào, phi ngựa vào thành của Tề Vương, cướp quân của Tề Vương. Tháng giêng, chư hầu cùng các quan văn vũ suy tôn Hán Vương làm Hoàng Đế, Hán Vương nói:

-Ta nghe nói: “Người hiền mới được làm đế, nếu không chỉ là lời nói suông không nên làm”. Ta không dám lên ngôi đế.

Quần thần đều nói:

-Đại vương xuất thân thấp hèn, giết bọn bạo ngược, bình định bốn biển, người nào có công thì được cất mà phong làm vương, làm hầu. Nếu đại vương không có danh hiệu tôn quý thì họ đều nghi không tin. Bọn thần liêu chết xin giữ điều đó.

Hán Vương ba lần nhường không được, bắt buộc dĩ nói:

-Nếu các ông đều cho thế là tiện thì tôi nhận, vì tiện lợi của quốc gia.

Ngày giáp ngọ, Hán Vương bèn lên ngôi Hoàng Đế ở phía bắc sông Tự Thủy. Hoàng Đế nói:

-Nghĩa Đế không có con cháu, Tề Vương Hàn Tín quen phong tục của Sở, cho nên dời Tề Vương làm Sở Vương đóng đô ở Hạ Bì (1). Lập Kiến Thành Hầu là Bành Việt làm Lương Vương, đóng đô ở Định Đào, lập vua Hàn trước kia là Tín làm Hàn Vương, đóng đô ở Dương Dịch. Dời Hành Sơn Dương Ngô Nhuế làm Trường Sa Vương, đóng đô ở Lâm Tương. Tướng của phiên quân là Mai Quyền có công theo Cao Tổ vào Vũ Quan, cho nên Cao Tổ tỏ ra ân đức với ông ta. Hoài Nam Vương Kinh Bố, Yên Vương Tang Đồ, Triệu Vương Ngao đều như cũ.

Thiên hạ bình định, Cao Tổ đóng đô ở Lạc Dương chư hầu đều làm tôi. Hoan trước đây làm Lâm Giang Vương, theo Hạng Vũ, phản lại Hán. Cao Tổ sai Lư

.....

1. Thực ra thì Lưu Bang sợ Hàn Tín nên nói khéo, cho Tín làm vua Sở, nói là kế nghiệp Nghĩa Đế.

.....

Quán, Lưu Giả bao vây Hoan, nhưng không lấy được thành, mấy tháng sau Hoan đầu hàng và bị giết ở Lạc Dương. Tháng 5 bãi binh, binh sĩ đều được giải ngũ về nhà. Con cái các chư hầu ở Quan Trung được tha mười hai năm thuế. Người nào trở về nước mình thì tha cho sáu năm thuế để nuôi sống và thưởng cho một năm thuế.

Cao Tổ đặc tiệc rượu ở phía nam cung Lạc Dương. Cao Tổ nói:

-Liệt hầu và các tướng đừng giấu giếm. Tất cả đều nói tình thực. Tại sao ta lấy được thiên hạ? Tại sao họ Hạng mất thiên hạ?

Cao Khởi và Vương Lăng nói:

- Bệ hạ ngạo mạn và khinh người. Hạng Vũ nhân từ và thương người. Nhưng bệ hạ sai ai cướp được thành, lấy được đất, hàng phục được nơi nào thì cho ngay nơi ấy, cùng chung lợi với thiên hạ. Hạng Vũ ghen người giỏi, ghét người có tài, hại người có công, nghi người hiền. Khi đánh thắng thì không thưởng công cho người ta, khi được đất, thì không cho người ta hưởng lợi, do đó cho nên mất thiên hạ.

Cao Tổ nói:

-Người chỉ biết một mà chưa biết hai, phạm việc tính toán trong màn trướng mà quyết định được sự thắng ở ngoài ngàn dặm thì ta không bằng Tử Phòng(1), trị nước nhà, vỗ yên trăm họ, vận tải lương thực không bao giờ đứt thì ta không bằng Tiêu Hà. Nắm trong tay trăm vạn quân đã đánh là nhất định thắng, tiến công là nhất định lấy thì ta không bằng Hàn Tín. Ba người này đều là những kẻ hào kiệt, ta biết dùng họ cho nên lấy

.....

1. Trương Lương.

.....

được thiên hạ. Hạng Vũ có một Phạm Tăng mà không biết dùng cho nên bị ta bắt.

Cao Tổ muốn đóng đô vĩnh viễn ở Lạc Dương. Lưu Kinh người đất Tề nói với Lưu Hầu Trương Lương khuyên vua vào đóng đô ở Quan Trung. Ngay hôm ấy, Cao Tổ lên xe ngựa vào đóng ở Quan Trung. Tháng 6, đại xá thiên hạ.

Tháng 10, Yên Vương Tang Đồ làm phản, đánh lấy đất Đại. Cao Tổ thân hành cầm quân đánh, bắt được Yên Quân Tang Đồ, lập thái úy Lương Quán làm Yên Vương, sai thừa tướng Phàn Khoái cầm quân đánh đất Đại. Mùa thu năm ấy, Lợi Cơ làm phản Cao Tổ thân hành cầm quân đánh, Lợi Cơ bỏ chạy. Lợi Cơ nguyên là tướng của họ Hạng, khi họ Hạng thua trận, Lợi Cơ làm Trần Công không trốn theo Hàng Cao Tổ nên được Cao Tổ phong hầu ở Đĩnh Xuyên. Cao Tổ đến Lạc Dương cầm sổ tất cả các thông hầu(1) và triệu tập họ. Lợi Cơ sợ cho nên làm phản.

Năm thứ 6(201 trước công nguyên)Cao Tổ cứ năm ngày đến thăm Thái Công theo như lễ cha con trong nhà. Viên quan lệnh ở nhà Thái Công nói:

-Trên trời không có hai mặt trời, dưới đất không có hai vua. Nay Hoàng Đế tuy là con nhưng là vua, ngài tuy là cha nhưng là tôi. Lễ nào ngài lại khiến nhà vua lạy bầy tôi như vậy? Làm như vậy thì uy lớn không thi hành được. Sao đó Cao Tổ đến thăm Thái Công. Thái Công cầm chổi ra cửa đón đi thật lùi. Cao Tổ cả kinh, xuống xe đỡ Thái Công, Thái Công nói:

.....

1. Tức là triết hầu, cấp bậc tôn quý nhất trong các hầu nhà Hán đổi là thông hầu vì huý (tên Vũ Đế là Triệt).

.....

-Hoàng Đế là vua, lễ nào lại vì tôi mà làm sai phép tắc của thiên hạ.

Cao Tổ bèn tôn Thái Công làm Thái THượng Hoàng, khen viên lệnh trong nhà Thái Công, thưởng cho ông ta 500 cân vàng.

Tháng 12, có người báo với nhà vua có việc biến động, rằng Sở Vương Hàn Tín mưu phản, nhà vua hỏi các quan chung quanh đến tranh nhau giục nhà vua đánh. Nhà vua dùng kế của Trần Bình giả vờ đi chơi đầm Vân Mộng, họp chư hầu ở đất Trần. Sở Vương Hàn Tín đến đón liền bị bắt.

Hôm ấy đại xá thiên hạ. Diên Khảng mừng Cao Tổ:

-Bệ hạ bắt được Hàn Tín, lại cai trị Quan Trung. Tần là nước hình thế hiểm trở, sông núi bao quanh như cái đai, cách thiên hạ ngàn dặm, với hai vạn người cầm giáo có thể chống lại một trăm vạn người. Địa thế tiện lợi cho nên khi đem quân xuống đánh chư hầu cũng như người ở trên nhà cao đổ một chậu nước xuống. Nước Tề phía đông có Lang Gia, Tức Mặc mầu mỡ, phía nam có núi Thái Sơn vững chắc, phía tây có dòng sông Hoàng Hà nước đục làm giới hạn, phía bắc có cái lợi là biển Bột Hải, đất vuông hai ngàn dặm với hai mươi vạn quân Tề có thể chống cự nổi một trăm vạn quân cách xa ngàn dặm. Cho nên hai nơi này gọi là Đông Tần và Tây Tần. Nếu không phải là con em thân thích thì không phải cho làm vương nước Tề được (1).

Cao Tổ nói:

-Phải đấy!

.....

1. Chính vì vậy mà khi nghe Hàn Tín tự lập là Giả Vương nước Tề, Lưu Bang hoảng hốt muốn đem quân đánh.

.....

bèn thưởng 500 cân vàng. Mười ngày sau, Cao Tổ phong Hàn Tín làm Hàm Âm Hầu chia đất đai của Tín làm hai nước. Cao Tổ nói:

-Lưu Giả có nhiều công phong cho làm Kinh Vương làm vương ở Hoài Đông người em của ta là Giao làm Sở Vương cai trị Hoài Tây, con của ta là Phi làm Tề Vương cai trị bảy mươi thành.

Những người nào nói được tiếng Tề thì đều thuộc vào nước Tề.

Cao Tổ bèn xét đến vào công lao của mỗi người cùng các liệt hầu, chặt phù, phong đất, dời Hàn Vương Tín đến Thái Nguyên.

Năm thứ 7(200 trước công nguyên)Hung Nô đánh Hàn Vương Tín ở Mã Ấp. Tín nhân bàn mưu với chúng làm phản ở Thái Nguyên. Những người ở Bạch Thỏ, Mạn Khâu và Vương Hoàng lập viên tướng trước kia của nước Triệu là Triệu Lợi làm vua để làm phản. Cao Tổ thân chinh đi đánh. Gặp lúc trời lạnh trong số mười binh sĩ thì có hai, ba người rụng ngón tay. Cao Tổ đến Bình Thành, quân Hung Nô vây quân ta bảy ngày ở Bình Thành, sau đó mới bỏ đi. Nhà vua sai Phàn Khoái ở lại, bình định đất Đại, lập người anh của Cao Tổ là Lưu Trọng làm Đại Vương.

Tháng 2, Cao Tổ từ Bình Thành qua thành Lạc Dương của Triệu đến Trường An. Cung Trường Lạc đã xây xong từ thừa tướng trở xuống đều dời đến Trường An.

Năm thứ 8(199 trước công nguyên) Cao Tổ đem quân về hướng đông đánh những quân giặc sót lại của Hàn Vương Tín ở Đông Viên. Thừa tướng Tiêu Hà đã xây xong cung Vị Uong, dựng cửa phía đông, cửa phía bắc, kho vũ khí, kho lúa ở điện đằng trước. Cao Đế quay về thấy cung và cửa cung to lớn quá, cả giận bảo Tiêu Hà:

-Thiên hạ đang khổ sở vì chiến tranh đã lâu, việc thành bại chưa biết như thế nào, tại sao lại dựng cung thất quá chùng như vậy?

Tiêu Hà nói:

-Thiên hạ vừa mới ổn định cho nên có thể nhân đó mà xây dựng cung thất. Nhà vua lấy bốn biển làm nhà, cung thất không tráng lệ thì không làm cho uy thế mình thêm lớn. Vả chăng, không thể để cho đời sau có thể có gì thêm vào việc bề hạ đã làm.

Cao Tổ bèn bằng lòng. Cao Tổ đến Đông Viên, đi qua Bách Nhân, bọn Quán Cao làm thừa tướng nước Triệu mưu giết Cao Tổ. Cao Tổ thấy xúc động trong lòng, nên không ở lại (1). Vua Đại là Lưu Trọng bỏ nước trốn, thân hành trở về Lạc Dương, bị phế truất cho làm Hợp Dương Hầu.

Năm thứ 9, việc làm phản của bọn thừa tướng nước Triệu là Quán Cao bị lộ, bị giết cả ba họ, Cao Tổ phế truất Triệu Vương Ngao làm Tuyên Bình Hầu, năm ấy dời bọn quý tộc nước Sở là các họ Chiêu, Khuất, Cảnh, Hoài và họ Điền nước Tề đến Quan Trung. Cung Vị Uong đã xong, Cao Tổ triệu chư hầu, quần thần đặt tiệc rượu ở điện trước cửa cung Vị Uong. Cao Tổ cầm chén ngọc đứng dậy chúc thọ Thái Thượng Hoàng, nói:

-Trước đây cha cho tôi không làm được việc gì, không lo làm ăn chẳng bằng anh Trọng. Bây giờ công nghiệp tôi làm so với anh Trọng thì ai hơn?

Quần thần trên điện đều hô “vạn tuế” tất cả cười vang rất là vui vẻ.

Năm thứ 10, tháng 10, Hoài Nam Vương Kinh Bố và Lương Vương Bành Việt, Yên Vương Lưu Quán, Kinh

.....

1. Xem Trương Nhĩ, Trần Du liệt truyện.

.....

Vương Lưu Giả, Sở Vương Lưu Giao, Tề Vương Lưu Phi, Trường Sa Vương Ngô Nhuế đều đến châu ở cung Trường Lạc. Mùa xuân và mùa hạ không có gì xảy ra. Tháng 7 Thái Thượng Hoàng mất ở cung Vị Ương. Sở Vương và Lương Vương đều đến đưa tang, Cao Tổ tha những người bị tù ở Lịch Dương, đổi tên Lịch Ấp là Tân Phong. Tháng 8, tướng quốc nước Triệu là Trần Hy làm phản ở đất Đại. Nhà vua nói:

-Hy trước kia thường làm sứ giả của ta, rất được tin cậy. Đất Đại là nơi quan trọng đối với ta, cho nên phong Hy làm hầu để làm tướng quốc và giữ đất Đại. Nay hắn lại cùng bọn Vương Hoàng dùng vũ lực cướp đất Đại. Quan lại và dân chúng đất Đại đều không có tội, ta tha tội cho họ.

Tháng 9, nhà vua thân hành đi về hướng đông đánh Trần Hy. Khi đến Hàm Đan, nhà vua mừng rỡ nói:

-Hy không chiếm cứ Hàm Đan ở phía Nam mà lại chẹn sông Chương Thủy, ta biết rằng hắn không làm gì được!

Khi nghe nói các tướng của Hy nguyên trước là con buôn, vua nói:

-Ta đã biết phải cho chúng cái gì rồi (1)

Bèn đút lót cho các tướng của Hy nhiều vàng.

Nhiều người ra hàng. Năm thứ 11, nhà vua giết bọn Trần Hy ở Hàm Đan. Công việc chưa xong, tướng của Hy là Hầu Sưởng cầm đầu hơn vạn quân quấy nhiễu, Vương Hoàng đánh Liễu Thành, Hán sai tướng quân Quách Mông cùng tướng nước Tề đánh phá tan. Thái úy Chu Bật đi theo đường Thái Nguyên vào bình định

.....

1. Con buôn thì tham lợi.

.....

đất Đại. Khi tới Mã Ấp, Mã Ấp không hàng phục, Chu Bật tấn công và tàn phá thành này. Tướng của Hy là Triệu Lợi giữ thành Đông Viên, Cao Tổ đánh không lấy được. Đã hơn một tháng, binh sĩ của Lợi mắng nhiếc Cao Tổ, Cao Tổ nổi giận. Đến khi thành đầu hàng, Cao Tổ sai chém những người đã mắng nhiếc mình, còn những người không mắng nhiếc thì tha cho. Cao Tổ cho chia đất Triệu và miền ở bắc cho các nui lập con của mình là Hằng làm Đại Vương, đóng đô ở Tấn Vương.

Mùa xuân Hoài Âm Hầu Hàn Tín mưu phản ở Quan Trung bị giết cả ba họ. Mùa hạ, Lương Vương Bành Việt mưu phản, bị phế truất dời đi đất Thục, sau đó lại muốn phản, nên giết cả ba họ. Nhà vua lập người con là Khôi làm Lương Vương, lập người con là Hữu làm Hoài Dương Vương. Tháng bảy, mùa thu, Hoài Nam Vương Kinh Bố làm phản ở phía đông lấy đất của Kinh Vương Lưu Giả, phía bắc, vượt qua sông Hoài. Sở Vương là Giao bỏ chạy vào đất Tiết, Cao Tổ thân hành đem quân đến đánh, lập người con trưởng của mình làm Hoài Nam Vương;

Tháng mười, năm thứ 12, sau khi đánh xong quân của Kinh Bố ở Hội Trục, Kinh Bố bỏ chạy. Cao Tổ sai biệt tướng đuổi theo. Cao Tổ trở về đi qua đất Bái, dừng lại ở đây, đặt rượu ở Bái

Cung mời tất cả những người quen biết cũ, không kể già trẻ, cho uống tha hồ. Sai chọn những đứa trẻ ở Bái được một trăm hai mươi người, dạy cho hát; Khi uống rượu say, Cao Tổ gõ đàn trúc, đứng dậy tự làm bài ca:

Gió lớn thổi dậy chừ, mây bay ngổn ngan!

Uy vang bốn biển chừ, về quê hương,

Làm sao có được kẻ sĩ mạnh chừ giữ bốn phương

Sai bọn con trẻ tập hát bài ấy. Cao Tổ bèn đứng dậy múa, lòng cảm khái buồn bã, khóc và nói với những người phụ huynh đất Bái:

-Kẻ đi xa nhớ làng cũ. Ta tuy đóng đô ở Quan Trung nhưng sau khi trăm tuổi hồn phách của ta vẫn còn thích đất Bái. Ta xuất thân là Bái Công nhờ giết kẻ bạo nghịch mà có được thiên hạ. Ta lấy đất Bái làm đất riêng, dân ở đấy đời đời không phải đóng thuế;

Các phụ huynh, các bà mẹ và những người quen cũ ở đất Bái uống rượu vui chơi cả ngày rất là vui vẻ, kể lại chuyện cũ mà cười. Vui chơi hơn mười ngày. Cao Tổ muốn ra đi, phụ huynh đất Bái cố tình giữ lại, Cao Tổ nói:

-Quân của ta đông, các ông không thể nào cung cấp cho họ được.

Bèn ra đi. Dân Bái bỏ huyện trống tít cả dồn về phía tây thành, hiến lễ vật. Cao Tổ lại dừng lại, dựng trướng lên uống rượu ba ngày. Phụ huynh đất Bái đều đập đầu lạy, nói:

-Đất Bái may mắn được miễn thuế, nhưng đất phong vẫn chưa được, xin bệ hạ thương đến nó.

Cao Tổ nói:

-Đất Phong chính là nơi ta sinh trưởng, làm sao lại quên được; nhưng chỉ vì Ung Xỉ ngày xưa làm phản ta theo Ngụy...

Phụ huynh đất Bái cố nài xin. Cao Tổ bèn tha thuế cho cả đất Phong và đất Bái. sau đó nhà vua cho Bái Hầu Lưu Ty làm Ngô Vương.

Biết tướng Hàn đánh quân Kinh Bố ở phía nam và phía Bắc Thao Thủy, phá tan quân quân Kinh Bố, đuổi theo và chém Kinh Bố ở Phiên Dương. Phàn Khoái cầm riêng một cánh quân bình định đất Đại, chém Trần HY ở Dương Thành.

Tháng 11, Cao Tổ đem quân về trở về Trường An sau khi đã đánh Kinh Bố.

Tháng 12, Cao Tổ nói:

-Tần Thủy Hoàng, Sở Ẩn Vương nước Sở là Trần Thiệp, An Ly Vương nước Ngụy, Dã Vương nước Tề, Điều Tương Vương nước Triệu đều chết mà không có con cháu, ta cho họ mỗi người được mười nhà để giữ phần mộ. Ta cho Tần Hoàng Đế hai mươi nhà, Ngụy công tử Vô Kỵ (1) năm nhà.

Nhà vua tha cho quan lại và dân chúng đất Đại đã bị Trần Hy và Triệu Lợi cưỡng ép theo họ. Viên hàng tướng của Trần Hy nói rằng khi Trần Hy làm phản thì Yên Vương Lưu Quán sai người đến nhà Hy cùng bàn mưu. Nhà vua sai Tích Vương Hầu đến đón Quán; Quán cáo bệnh. Tích

Dương Hâu quay về báo lại rằng việc Quán làm phản đã có manh mối. Tháng 2, Cao Tổ sai Phàn Khoái, Chu Bột cầm quân đánh Yên Vương Lưu Quán, tha cho quan lại và dân chúng ở Yên đã theo kẻ làm phản và lập hoàng tử Kiến làm Yên Vương. Khi đánh Kinh Bố, Cao Tổ bị một mũi tên lạc, trên đường về bị bệnh. Bệnh nặng, Lữ Hâu mời thầy thuốc giỏi đến. Thầy thuốc vào yết kiến. Cao Tổ hỏi thầy thuốc, thầy thuốc nói:

-Bệnh này có thể chữa được.

Cao Tổ bèn mắng (2) thầy thuốc:

-Ta xuất thân áo vải, tay cầm ba thước kiếm lấy được thiên hạ, đó chẳng phải mệnh trời hay sao?

.....

1. Tức là Tín Lãng Quân, xem Ngụy công tử liệt truyện.

2. Chữ “bèn” chứng tỏ một mảnh khoe để đề cao.

.....

Mệnh đã ở trời thì dù có tài giỏi như Biển Thuốc (1) cũng làm được gì!

Bèn không cho chữa bệnh, thưởng 50 cân vàng rồi cho về. Ít lâu sau Lữ Hâu nói:

-Nếu bệ hạ trăm tuổi rồi và tướng quốc Tiêu Hà cũng mất thì lấy ai thay?

Nhà vua nói:

-Tào Tham có thể làm được.

-Sao đó đến ai?

-Vương Lăng có thể được, nhưng Vương Lăng hơi gàn. Trần Bình có thể giúp ông ta. Trần Bình thì trí khôn có thừa, nhưng khó mà làm một mình. Chu Bột là người trung hậu, ít văn hoá nhưng người làm họ Lưu được an chính là Chu Bột đấy (2), có thể cho ông ta là thái úy.

Thái Hâu lại hỏi:

-Sau đó đến ai?

Nhà vua nói:

-Sau đó thì người cũng không biết được(3).

Lưu Quán cùng mấy ngàn quân kỵ ở biên giới chờ cho nhà vua thôi bệnh để vào tạ tội. Tháng tư ngày giáp thìn, Cao Tổ mất ở cung Trường Lạc. Mất đã bốn ngày rồi mà không báo tang. Lữ Hâu bàn mưu với Thẩm Tự Cơ (4):

-Các tướng và nhà vua trước đều là thường dân nay họ phải quay mặt về hướng bắc xưng là bầy tôi nên vẫn thường bực bội. Nay gặp nhà vua còn nhỏ, nếu không giết hết tất cả đi thì thiên hạ không an.

.....

1. Thầy thuốc nổi tiếng: Nhất thời chiến quốc.

2. Nhận xét rất tinh: Quả nhiên sau Lữ Hậu tìm cách giết họ Lưu đưa họ Lữ lên thì chính Chu Bột đã tiêu diệt họ Lữ và giữ cho nhà Hán vẫn còn. Xem Trần thừa tướng thế gia.

3. Ý nói sau đó thì Lữ Hậu cũng chết rồi.

4. Người hầu hạ và đồng thời cũng là tính nhân của Lữ Hậu.

.....

Có người nghe điều ấy nói với Lịch tướng quân, Lịch tướng quân đến yết kiến Thảm Tự Cơ nói:

-Tôi nghe nói nhà vua đã mất bốn ngày rồi vẫn không báo tang lại còn muốn giết các tướng, như vậy thì thiên hạ nguy mất! Trần Bình và Quán Anh cầm 10 vạn quân giữ Huỳnh Dương, Phàn Khoái và Chu Bột cầm 20 vạn quân, bình định đất Yên, đất Đại. Nếu họ nghe nhà vua, các tướng đều bị giết thì thế nào họ cũng đem quân liên kết với nhau quay về đánh Quan Trung, ở trong các quan đại thần làm phản, ở ngoài chư hầu làm phản, việc diệt vong có thể nhón gót mà chờ (1) vậy.

Thảm Tự Cơ vào nói với Lữ Hậu, bèn báo tang, ngày đình mùi, đại xá thiên hạ. Lữ Quán nghe Cao Tổ đã chết bèn bỏ trốn vào Hung Nô.

Lễ chôn cất vào ngày bính dần, ngày kỷ tỵ lập thái tử làm vua, vua đến miếu Thái Thượng Hoàng. Quần thần đều nói:

-Cao Tổ xuất thân hàn vi, dẹp đời loạn làm cho nó trở lại đường ngay, bình định thiên hạ, lamé thái tử nhà Hán, công lao hết sức lớn.

Nên dâng tôn hiệu là Cao Hoàng Đế (2). Thái tử nối nghiệp, hiệu là hoàng đế tức Hiếu Huệ Đế.

.....

1. Cũng như nói đến ngay tức khắc.

2. Theo pháp chế đời xưa, khi vua chết, quần thần hợp lại căn cứ vào hành trạng, công lao hay tội lỗi của vua mà đặt cho một tên gọi là thụy hay hiệu bụt. Có người được tên đẹp như Lưu Bang nhưng cũng có người được tên xấu như Kiệt Trụ v. v...

.....

Nhà vua sai các quận, các nước và chư hầu đều lập miếu thờ Cao Tổ, mỗi năm tế thờ theo thời tiết. Đến khi Huệ Đế làm vua được năm năm, nhà vua nghĩ đến việc Cao Tổ buồn vui ở Bái Cung nên lấy Bái Cung làm miếu thứ hai thờ Cao Tổ. 120 người trước đây Cao Tổ dạy hát đều sai chơi nhạc, về sau thiếu người thì điền vào cho đủ số.

Cao Tổ có tám người con trai: người con đầu con người vợ thứ tên là Phi làm Diệu Huệ Vương ở nước Tề. Người con thứ hai tên là Hiếu Huệ là con của Lữ Hậu. Người con thứ ba làm Như Ý là Triệu Ẩn Vương con của Thích phu nhân, người con thứ tư là Hằng làm Đại Vương, sau đó làm Hiếu Văn Đế, con của Bạc Thái Hậu. Người con thứ năm là Khôi làm Lương Vương, trong thời

Lữ Thái Hậu bị dời đi làm Triệu Cung Vương. Người con thứ sáu là Hoài Dương Vương tên là Hữu, thời Thái Hậu bị dời đi làm Triệu U Vương. Người con thứ bảy là Trường bị làm Lệ Vương ở Hoài Nam, người con thứ tám là Kiến Imà Yên Vương.

Thái Sử Công nói:

-Chính trị nhà Hạ trung thực. Khi sự trung thực kém đi thì bọn tiểu nhân mất lễ, cho nên nhà Ân kế tiếp theo dùng chữ “kính” để cai trị. Sự kính cẩn sau đó kém đi, bọn tiểu nhân lại theo ma quỷ, cho nên nhà Chu kế tiếp theo dùng “văn” để cai trị. Sau đó văn kém đi, kẻ tiểu nhân biến thành xảo trá. Vì vậy cho nên để bổ cứu sự xảo trá không gì bằng dùng chữ “trung thực”. Đạo tam vương xoay vận hết rồi lại quay lại. Trong thời Chu, Tần có thể nói cái văn bị hư hỏng đi. Chính trị của Tần không thay đổi điều đó lại dùng hình phạt khốc liệt há chẳng sai lầm sao! cho nên khi nhà Hán nổi lên, sau khi tiếp thu tình trạng hư hỏng thì dễ thay đổi nó, khiến người ta có được nguyên lý của trời vậy(1). Cao Tổ tiếp triều thần, vào tháng 10, xe diềm bằng vải màu vàng, cò đạo cấm ở bên trái, chôn ở Trường Lăng.

.....

1. Đây là tác giả trình bày quan điểm của mình về chính trị. Tác giả quan niệm sự vật biến đổi theo vòng tròn tức là có thay đổi mà không có tiến hoá. Quan điểm ấy là then chốt của Kinh Dịch. Nhà Hạ, lấy việc trung thực làm then chốt cho việc cai trị dân, nhưng trung thực quá thì thành ra thô lỗ, để khắc phục sai lầm ấy, nhà Ân nêu lên nguyên tắc “kính”, lấy kính làm then chốt. Nhưng một khi thiên lệch thì kính biến thành sợ, do đó nhà Ân, về sau chỉ nói đến quỷ thần, thờ cúng. Nhà Chu dùng “văn” (lễ nghi hình thức) để bổ cứu, nhưng khi thiên lệch sẽ thành gian xảo như trong thời Xuân Thu, Chiến Quốc. Đáng lý Tần lên phải bổ cứu văn bằng trung thực lại bổ cứu bằng pháp luật tức là không đi theo vòng tròn. Do đó mà thất bại. Đối với các tác giả cũng như đối với các tư tưởng gia Trung Quốc trước kia nói chung cái đạo rong chính trị là biểu hiện cho cái đạo trong trời đất.

Lữ Hậu Bản Kỷ -

1. Lữ Thái Hậu là vợ của Cao Tổ từ lúc còn hàn vi, sinh Hiếu Huệ Đế, con gái là Lỗ Nguyên thái hậu. Khi Cao Tổ làm Hán Vương, lấy Thích Cơ, người Định Đào, rất yêu quý, sinh Triệu Ẩn Vương, tên là Như Ý. Hiếu Huệ là người nhân từ, yếu đuối; Cao Tổ cho là không giống mình, thường muốn phế truất, lập Như Ý là con của Thích Cơ: “Như Ý giống ta”. Thích Cơ được Cao Tổ yêu, thường đi theo nhà vua đến phía đông cửa ải, ngày đêm khóc lóc muốn lập con mình để thay thái tử. Lữ Hậu tuổi cao thường ở nhà, ít khi gặp mặt nhà vua, cho nên càng bị bỏ rơi. Như Ý được lập làm Triệu Vương, đã mấy lần suýt thay thái tử. Nhờ có các quan đại thần can ngăn và nhờ có mưu kế của Lưu Hân cho nên thái tử mới không bị truất (1).

Lữ Hậu là con người cứng rắn, quyết đoán giúp Cao Tổ bình định thiên hạ. Các quan đại thần bị Cao Tổ giết phần lớn do sức của Lữ Hậu (2). Hai người anh Lữ Hậu đều làm tướng: người anh cả là Chu Lữ Hân, chết vì nhiệm vụ, người em là Lữ Thái được phong làm Lịch Hân, và Lữ Sản được phong làm Giao Hân. Người anh thứ hai là Lữ Thích Chi làm Kiến Thành Hân (3).

2. Năm thứ mười hai (195 trước công nguyên) tháng tư, ngày giáp Thìn, Cao Tổ mất ở cung Trường Lạc. Thái Tử nối ngôi làm hoàng đế. Lúc bấy giờ, Cao Tổ có tám người con. Người thứ nhất là Phi, anh của Hiếu Huệ, nhưng khác mẹ. Phi làm Tề Vương. Còn tất cả đều là em của Hiếu Huệ. Con của Thích Cơ, tên là Như Ý, làm Triệu Vương; con của Bạc Phu Nhân tên là Hằng làm Đại Vương; những người con của những người vợ khác là Khôi làm Lương Vương, Hữu làm Hoài Dương Vương, Trương làm Hoài Nam Vương, Kiến làm Yên Vương. Em của Cao Tổ tên là Giao làm Sở Vương; con của người anh Cao Tổ tên là Tỵ lên làm Ngô Vương. Còn không phải họ Lưu thì có Thần con của công thần Ngô Nhuế (làm phiên quân) được làm Trường Sa Vương. Lữ Hậu hết sức oán giận Thích phu nhân và người con của phu nhân là Triệu Vương, bèn sai giam Thích phu nhân ở cung Vĩnh Hạng và mời Triệu Vương đến. Sứ giả ba lần trở về. Kiến Bình Hân Chu Xương làm tướng quốc nước Triệu bảo sứ giả:

- Cao Đế giao phó Triệu Vương cho tôi. Triệu Vương hãy còn ít tuổi, tôi trộm nghe thái hậu oán giận Thích phu nhân, muốn mời Triệu Vương về để giết cả hai mẹ con, tôi không dám cho nhà vua đi. Nhà của lại bị bệnh không thể vắng theo chiếu.

Lữ Hậu cả giận, bèn sai người gọi tướng quốc nước Triệu về. Tướng quốc nước Triệu về đến Trường An, thái hậu lại sai người mời Triệu Vương lần nữa. Triệu Vương ra đi. Chưa đến kinh đô thì Hiếu Huệ Đế vốn là người nhân từ, biết thái hậu giận, nên thân hành đón Triệu Vương ở Bá Thượng, rồi cùng vào cung, luôn luôn kèm Triệu Vương. Lúc Triệu Vương đi đứng, ăn uống, Huệ Đế đều ở bên cạnh. Thái hậu muốn giết Triệu Vương nhưng không có dịp nào.

Tháng mười hai, năm thứ nhất của Hiếu Huệ Đế (194 trước công nguyên) nhà vua buổi sớm ra đi bắn. Triệu Vương nhỏ không thể dậy sớm. Thái hậu nghe tin Vương ở một mình bèn sai người mang thuốc độc đến cho Vương uống. Lúc mờ sáng, Hiếu Huệ về thì Triệu Vương đã chết. Sau đó thái hậu cho Hoài Dương Vương tên là Hữu làm Triệu Vương.

Mùa hạ, thái hậu ban chiếu truy tặng cha của Lịch Hân (4) làm Lệnh Vũ Hân. Thái hậu bèn chặt chân tay Thích phu nhân, móc mắt đốt tai, cho uống thuốc thành cam, cho ở trong nhà tiêu gọi

đó là “con người lợn”. Sau mấy hôm, thái hậu cho gọi Hiếu Huệ Đế vào để xem “con người lợn”. Hiếu Huệ Đế thấy, hỏi; biết đó là Thích phu nhân, liền khóc rống lên. Do đó, Hiếu Huệ Đế mắc bệnh, trong hơn một năm không dậy được, sai người nói với thái hậu:

- Việc đó không phải là việc con người làm (5)! Tôi là con của thái hậu, không thể nào trị thiên hạ được!

Hiếu Huệ vì thế ngày đêm uống rượu chơi bởi dâm dật, không nghe chính sự, cho nên mắc bệnh. Năm thứ hai, Nguyên Vương nước Sở, Điều Huệ Vương nước Tề đều đến chầu. Tháng mười, Hiếu Huệ cùng ăn tiệc và uống rượu với Tề Vương trước mặt thái hậu. Hiếu Huệ cho rằng Tề Vương là anh nên để ngồi ghế trên theo lễ những người trong nhà. Thái hậu nổi giận bèn sai rót hai chén thuốc độc đặt trước mặt mình, sai Tề Vương chúc thọ. Tề Vương đứng dậy. Hiếu Huệ cũng đứng dậy nâng chén muốn cùng chúc thọ với Tề Vương. Thái hậu sợ quá, thân hành đứng dậy hất chén rượu của Hiếu Huệ. Tề Vương lấy làm lạ, do đó không dám uống, giả vờ say đi ra. Khi hỏi, biết đó là thuốc độc, Tề Vương sợ hãi, tự cho rằng không thể ra khỏi Tràng An nên rất lo lắng. Quan nội sử của Tề Vương tên là Sỷ nói với Tề Vương:

- Thái hậu chỉ có một mình Hiếu Huệ và công chúa Lỗ Nguyên. Nay nhà vua có hơn bảy mươi thành, mà công chúa chỉ có vài thành. Nếu nhà vua quả thực đem một quận dâng cho thái hậu để làm ấp tẩm gọi của công chúa thì thái hậu thế nào cũng mừng rỡ và nhà vua cũng không phải lo ngại gì.

Tề Vương bèn dâng quận Thành Dương, tôn công chúa Lỗ Nguyên làm Vương Thái Hậu. Lữ Hậu mừng rỡ bằng lòng bèn đặt tiệc rượu ở cung riêng của vua Tề (6), sau khi uống rượu vui vẻ, thái hậu cho vua Tề trở về nước mình.

Năm thứ ba, bắt đầu xây thành Tràng An.

Năm thứ tư, thành xây xong được một nửa.

Năm thứ năm và năm thứ sáu, thành xây xong, chư hầu đến họp. Tháng mười, chư hầu triều cống chúc mừng (7).

3. Năm thứ bảy, mùa thu, tháng tám, ngày mậu dần, Hiếu Huệ Đế mất. Phát tang (191 trước công nguyên). Thái hậu khóc nhưng không chảy nước mắt. Người con của Lưu Hạo (8) là Trương Tích Cương làm thị trung mới mười lăm tuổi. Trương Tích Cương nói với thừa tướng:

- Thái hậu chỉ có một mình Hiếu Huệ. Nay Hiếu Huệ mất, thái hậu khóc không đau xót, ngài có biết tại sao không?

Thừa tướng nói:

- Tại sao vậy?

Tích Cương nói:

- Hoàng đế không có con lớn tuổi. Thái hậu sợ bọn các ông. Nay ông xin cho Lữ Thái, Lữ Sản, Lữ Lộc làm tướng, cầm quân giữ các đạo quân ở phía nam và phía bắc, cho những người họ Lữ vào giữ các chức vụ trong cung. Làm như thế thì thái hậu sẽ yên tâm và bọn các ông may mà tránh khỏi tai họa.

Thừa tướng bèn làm theo kế của Tích Cương. Thái hậu mừng rỡ. Lúc ấy mới khóc thảm thiết (9). Uy quyền họ Lữ bắt đầu từ đó.

Thái hậu đại xá thiên hạ. Tháng chín, ngày tân sửu, chôn cất Huệ Đế. Thái tử (10) lên ngôi làm hoàng đế vào lễ miếu Cao Tổ. Từ năm thứ nhất, tất cả các hiệu lệnh đều do thái hậu đưa ra. Thái hậu gọi mệnh lệnh của mình là “chế” (11), bàn việc muốn lập những người họ Lữ làm Vương. Thái hậu hỏi tả thừa tướng là Vương Lăng. Vương Lăng nói:

- Cao Đế đã giết con ngựa trắng mà thề: “Ai không phải họ Lưu mà làm Vương thì thiên hạ cùng nhau đánh nó”. Nay thái hậu phong cho họ Lữ làm Vương thì trái lời giao ước.

Thái hậu không bằng lòng, hỏi tả thừa tướng Trần Bình, Giáng Hầu Chu Bột. Bọn Chu Bột trả lời:

- Cao Đế bình định thiên hạ, phong con em của mình làm Vương. Nay thái hậu gọi mệnh lệnh của mình là chế, phong anh em họ Lữ làm Vương thì có gì là không được?

Thái hậu mừng rỡ bãi triều.

Wương Lăng trách thăm Trần Bình và Giáng Hầu:

- Trước đây chúng ta cùng Cao Đế uống máu ăn thề, các ông không có ở đấy sao? Nay Cao Đế băng hà, thái hậu là người đàn bà làm chủ cả thiên hạ, muốn phong cho họ Lữ làm Vương, các ông làm theo sở thích, hùa theo ý muốn của thái hậu, làm trái giao ước thì còn mặt mũi nào mà thấy Cao Đế ở dưới đất nữa?

Trần Bình và Giáng Hầu nói:

- Hôm nay bẻ thái hậu trước mặt, can gián giữa triều đình thì chúng tôi không bằng ông. Nhưng việc bảo toàn xã tắc, giữ vững cho con cháu họ Lưu thì ông sẽ không bằng chúng tôi.

Wương Lăng không biết trả lời như thế nào.

Tháng mười một, thái hậu muốn bãi bỏ Vương Lăng, bèn cho Lăng làm thái phó (12) của đế, cướp quyền thừa tướng của Lăng. Lăng cáo bệnh xin về. Thái hậu bèn cho Thẩm Tự Cơ làm tả thừa tướng, Trần Bình làm hữu thừa tướng. Tả thừa tướng không làm việc nước, xem xét việc trong cung như một viên lang trung lệnh. Tự Cơ được thái hậu yêu từ trước, thường tin dùng. Các công khanh đều do ông ta mà giải quyết mọi việc. Thái hậu bèn truy tôn cha của Lịch Hậu làm Điều Vũ Vương, muốn nhân đó dần dần phong cho những người họ Lữ làm Vương. Tháng tư, thái hậu muốn phong cho những người họ Lữ làm hầu nên trước tiên phong những người công thần của Cao Tổ: Lang trung lệnh Vô Trạch được phong làm Bác Thành Hầu, Lỗ Nguyên công chúa chết được tặng tên thụy là Lỗ Nguyên thái hậu. Con của Lỗ Nguyên là Yến được phong làm Lỗ Vương. Cha của Lỗ Vương là Trương Ngao được phong làm Tuyên Bình Hầu. Chương, con của Điều Huệ Vương nước Tề, được phong làm Chu Hư Hầu. Thái hậu gả con gái của Lữ Lặc cho ông ta. Tướng quốc nước Tề tên là Thọ được phong làm Bình Định Hầu. Quan thiếu phủ tên là Diên được phong làm Ngô Hầu. Thái Hậu muốn phong Vương cho họ Lữ nên trước đây phong cho những người con của những người thiếp của Hiếu Huệ: Cường được phong làm Hoài Dương Vương; Bất Nghi được phong làm Thường Sơn Vương; Sơn được phong làm Tương Thành Hầu.; Triều được phong làm Chỉ Hầu. Vũ được phong làm Hạp Quan Hầu. Thái hậu gợi ý cho các quan đại thần, các quan đại thần xin lập Lịch Hầu Lữ Thái làm Lữ Vương. thái

hậu ung thuận. Lữ Thích Chi làm Khang Hầu ở Kiến Thành mất, người con nổi nghiệp có tội bị truất, người con út là Lữ Lộc được lập làm Hồ Lăng Hầu, để nối tiếp Khang Hầu. Hai năm sau, Thường Sơn Vương mất. Thái hậu cho người em của Thường Sơn Vương là Tương Thành Hầu tên là Sơn làm Thường Sơn Vương, đổi tên ông là Nghĩa.

Tháng mười một, Lữ Vương la Thai mất, được tặng tên thụy là Túc Vương. Thái tử Gia thay thế được lập làm Vương. Năm thứ ba, không có việc gì. Năm thứ tư, phong Lữ Tu làm Lâm Quang Hầu (13), Lữ Đà làm Thân Hầu, Lữ Canh Thủy làm Chuế Kỳ Hầu, Lữ Phấn làm Lữ Thành Hầu và phong năm người làm thừa tướng của chư hầu.

Con gái của Tuyên Bình Hầu làm Hiếu Huệ hoàng hậu, không có con, giả làm có mang lấy con một người thiếp làm con mình, và lập làm thái tử, rồi giết người mẹ. Hiếu Huệ mất, thái tử được lập làm hoàng đế. Khi Đế lớn lên, nghe nói mẹ mình bị giết, mình không phải là con của hoàng hậu, bèn nói:

- Hoàng hậu làm sao có thể giết mẹ ta mà gọi ta là con? Giờ ta còn bé, nếu ta trưởng thành thì sẽ thay đổi.

Thái hậu nghe tin ấy lấy làm lo lắng, sợ Đế làm loạn, bèn giam Đế ở cung Vĩnh Hạng, nói rằng hoàng đế bị mắc bệnh nặng. Các quan hầu không được thấy mặt. Lữ Hậu nói:

- Ai có thiên hạ là nắm cái vận mệnh của vạn dân cũng như trời che đất chở vậy. Nhà vua trong lòng vui vẻ để làm cho trăm họ được yên; trăm họ vui vẻ để thờ phụng nhà vua. Trên dưới vui vẻ hòa hợp nên thiên hạ được yên. Nay hoàng đế mắc bệnh đã lâu không khỏi, lại mất trí, hôn loạn, không thể tiếp tục phụng thờ tôn miếu xã tắc, không thể giao phó thiên hạ được. Cần phải thay người khác.

Quần thần đều đập đầu nói:

- Hoàng Thái Hậu vì thiên hạ và toàn dân mà tính kế, để có thể làm cho tôn miếu xã tắc được yên ổn lâu dài. Bọn bầy tôi đập đầu tuân theo lời chiếu.

Đế bị phế truất, Lữ Hậu giam rồi giết đi. Tháng năm ngày bính thìn, lập Thường Sơn Vương tên là Nghĩa làm đế, đổi tên là Hoàng, nhưng không gọi là năm đầu vì thái hậu ra các chế để trị thiên hạ. Thái hậu phong Chỉ Hầu tên là Triệu làm Thường Sơn Vương, đặt chức quan thái úy. Giáng Hầu Chu Bột được làm thái úy.

Năm thứ năm, tháng tám, Hoài Dương Vương chết, người em tên là Vũ làm Hồ Quan Hầu được phong làm Hoài Dương Vương. Tháng mười năm thứ sáu, thái hậu nói:

- Lữ Vương tên là Gia ăn ở kiêu ngạo hống hách nên bị truất phế. Cho Lữ Sản, em của Túc Vương Thai làm Lữ Vương.

Mùa hạ, đại xá thiên hạ, phong Hung Cư, con của Điều Huệ Vương nước Tề, làm Đông Mâu Hầu. Năm thứ bảy tháng giêng, thái hậu cho mời Triệu Vương Hữu đến. Hữu lấy con gái họ Lữ làm hoàng hậu, nhưng không yêu mà yêu người vợ khác. Người con gái họ Lữ ghen, giận bỏ đi, gièm với thái hậu, vu tội ông ta đã nói: “Họ Lữ làm sao làm Vương được? Nếu thái hậu trăm tuổi rồi, thế nào ta cũng sẽ đánh họ”.

Thái hậu nổi giận, cho mời Triệu Vương đến. Thái hậu cho ở trong cung điện riêng không cho

yết kiến. Thái hậu sai bọn vệ binh vây giữ, không cho ăn uống. Bọn bấy tôi có người đưa cơm trộm, thái hậu liền bắt và trị tội. Triệu Vương đói bèn hát:

Họ Lữ chuyên quyền, họ Lưu nguy

Bức hiếp vương hầu, ép gả phi

Đàn bà ghét ghen vu việc ác,

Bọn hại nước kia, trên chẳng xét.

Ta không tôi trung, sao về đây?

Chết nơi đồng hoang còn thơm lây

Hối đã muộn! thà tự sát,

Làm vua chết đói, ai thương xót?

Riêng cây trời cao trả hận cù,

Giết bọn bạo tàn cứu họ Lưu.

Ngày đình sử, Triệu Vương bị giam mà chết. Thái hậu chôn cất theo lễ người dân thường ở ngoài nghĩa địa của dân chúng ở Trường An. Ngày kỷ sử, co nhật thực, ban ngày tối đen. Thái hậu ghét điều đó, trong lòng không vui bèn bảo các quan hầu:

- Đó là vì ta (14).

Tháng hai dời Lương Vương Khôi làm Triệu Vương. Lữ Vương Sản được dời làm Lương Vương. Lương Vương không về nước của mình, mà làm thái phó của đế. Thái hậu lập Bình Xương Hầu Lữ Thai làm Lữ Vương, đổi tên đất Lương gọi là đất Lữ, và đất Lữ lại đổi là Tế Xuyên.

Người em gái của thái hậu là Lữ Tu (15) có người con gái là vợ của Đinh Lăng Hầu Lưu Trạch. Trạch làm đại tướng quân. Thái hậu phong vương họ Lữ, sợ sau khi mình chết đi, Lưu tướng quân sẽ giết họ Lữ bèn cho Lưu Trạch làm Lang Gia Vương để làm vừa lòng ông ta.

Lương Vương Khôi bị dời đi làm Vương ở triều trong lòng không vui. Thái hậu cho con gái của Lữ Sản là hoàng hậu của Triệu Vương. Các quan theo hầu hoàng hậu đều là những người họ Lữ, họ chuyên quyền và theo dõi ngầm Triệu Vương. Triệu Vương cảm thấy tù túng. Vương có người thiếp yêu quý bị hoàng hậu sai người cho uống thuốc độc chết. Vương bèn làm bài ca gồm bốn đoạn, sai nhạc công hát. Vương đau buồn, tháng sáu thì tự sát. Thái hậu nghe tin ấy, cho là Vương vì một người đàn bà mà vứt bỏ lễ ở tôn miếu (16), bèn phế truất người thừa tự của Vương.

Tuyên Bình Hầu Trương Ngao chết. Người con là Yến được phong làm Lỗ Vương. Ngao được tặng tên thụy là Lỗ Nguyên Vương. Mùa thu, thái hậu sai sứ giả nói với Đại Vương (17) muốn đưa Đại Vương đi làm vua ở Triệu. Đại Vương từ tạ xin giữ biên giới của đất Đại. Thái phó là Sản và thừa tướng là Bình nói với Vũ Tín Hầu Lữ Lộ là vị hầu lớn nhất, địa vị cao nhất vậy xin lập làm Triệu Vương. Thái hậu ưng thuận, truy tôn cha của Lộ là Khang Hầu làm Triệu Chiêu Vương. Tháng chín, Yên Linh Vương Lưu Kiến chết. Ông ta có một con là con người thiếp, thái hậu sai giết đi nên không có người nối dõi và nước bị bỏ. Năm thứ tám, tháng mười, lập con của

Lữ Túc Vương là Đông Bình Hầu Lữ Thông làm Yên Vương, phong em trai của Thông là Lữ Trang làm Đông Bình Hầu (18). Vào giữa tháng ba, Lữ Hậu đi tế về qua Chỉ Đạo, thấy một con vật như con chó xanh ở bên vách của mình rồi đột nhiên không thấy nữa. Sai bói xem thì nói đó là con ma của Triệu Vương Như Ý. Cao Hậu tự nhiên bị bệnh đau ở nách.

Cao Hậu cho rằng người cháu ngoại của mình là Yến, làm Lỗ Nguyên Vương, ít tuổi, mất cha mẹ từ lúc còn nhỏ, cô độc yếu ớt, bèn phong cho hai người con của người vợ trước của Trương Ngao là Xỉ làm Tân Đô Hầu và Thọ làm Nhạc Xương Hầu để giúp Lỗ Nguyên Vương là Yến. Lại phong trương đại yết giả (19) Trương Thích làm Kiến Lăng Hầu, Lữ Vinh làm Chúc Tư Hầu, những người hoạn quan làm lệnh hay làm thừa đều được làm quan nội hầu, phong ấp năm trăm hộ để tiêu dùng. Vào giữa tháng bảy, Cao Hậu mắc bệnh nặng bèn sai Triệu Vương Lữ Lặc làm thượng tướng quân, coi cánh quân ở phía bắc, Lữ Vương là Sản coi cánh quân phía nam.

Lữ Hậu dặn Lữ Sản và Lữ Lặc:

- Sau khi bình định thiên hạ, Cao Đế có giao ước với các quan đại thần: “Ai không phải họ Lưu mà làm vua thì thiên hạ cùng đánh nó”. Nay họ Lữ làm Vương, các quan đại thần không chịu. Nếu ta chết đi, hoàng đế còn ít tuổi, sợ các quan đại thần gây biến loạn. Người phải cầm quân giữ lấy cung, chớ có đi theo đám tang, đừng để cho người nào áp chế mình.

Ngày tân tị, Cao Hậu chết. Di chiếu cho vua các nước chư hầu mỗi người một nghìn cây vàng. Các quan văn võ, liệt hầu, các quan lang và các viên lại đều được thưởng vàng theo trát của mình. Đại xá thiên hạ, cho Lữ Vương Sản làm tướng quốc, cho con gái của Lữ Lặc làm hoàng hậu. Khi Cao Hậu đã chết, tả thừa tướng là Thẩm Tự Cơ được làm thái phó của đế (20).

4. Chu Hư Hầu Lưu Chương là người có dũng khí và sức mạnh. Đông Mâu Hầu Hung Cư là em của ông ta. Hai người đều là em của Tề Ai Vương, sống ở Trảng An. Lúc bấy giờ, họ Lữ chuyên quyền muốn làm loạn nhưng sợ bọn đại thần của Cao Tổ là Giáng Hầu, Quán Hầu nên chưa dám khởi sự. Chu Hư Hầu lấy vợ là con gái Lữ Lặc, biết ngầm âm mưu ấy, sợ bị giết bèn sai người ngầm nói với người anh là Tề Vương, xin Tề Vương đem binh về hướng tây giết họ Lữ mà làm vua, còn Chu Hư Hầu cùng các quan đại thần sẽ làm nội ứng. Tề Vương muốn đem quân đi nhưng quan tướng quốc không nghe. Tháng tám ngày bính ngọ, Tề Vương sai người giết quan tướng quốc. Tướng quốc Thiệu Bình bèn làm phản, cầm quân muốn vây nhà vua. Nhà vua nhân đấy giết tướng quốc và đe, binh về phía đông, rồi dùng kế đánh lừa, đoạt binh của Lang Gia Vương rồi cầm đầu cả hai đạo quân mà đi về phía tây. Việc này kể trong phần nói về Tề Vương. Tề Vương đưa thư cho vua chư hầu nói: “Cao Đế bình định thiên hạ, phong cho các con em làm vua. Điệu Huệ Vương làm vua nước Tề, Điệu Huệ Vương chết. Hiếu Huệ Đế sai Lưu Hầu Trương Lương lập tôi làm Tề Vương. Khi Hiếu Huệ chết, Cao Hậu cầm quyền, tuổi cao, nghe lời bọn họ Lữ, chuyên quyền phế truất hoàng đế lập người khác. Lại giết liên tiếp ba Triệu Vương, diệt các nước Lương, Triệu, Yên để phong vương cho họ Lữ, chia nước Tề làm bốn. Các trung thần can ngăn nhưng Cao Hậu bị mê hoặc không chịu nghe. Nay Cao Hậu mất đi, Hoàng Đế tuổi còn nhỏ, chưa có thể trị thiên hạ, phải nhờ cậy ở các quan đại thần và chư hầu. Nhưng bọn họ Lữ lại chuyên quyền, tự tôn mình làm quan to, tu tập binh sĩ, uy hiếp dử dộng các liệt hầu và trung thần, tự ban hành các chế để sai khiến thiên hạ, khiến cho tôn miếu bị nguy. Quả nhân đem binh vào giết những kẻ không có quyền làm Vương”.

Nhà Hán nghe tin ấy. Bọn tướng quốc Lữ Sản bèn sai Đinh Âm Hầu Quán Anh cầm binh ra đánh. Quán Anh đến Huỳnh Dương bèn bàn mưu:

- Bọn họ Lữ nắm lấy binh quyền ở Quan Trung, muốn làm nguy hại đến họ Lưu mà tự lập. Nay nếu ta phá quân Tề quay trở về báo, tức là giúp thêm cho họ Lữ.

Quán Anh bèn ở lại, đóng đồn ở Huỳnh Dương, sai sứ giả về báo với Tề Vương và chư hầu, cùng nhau liên minh để đợi khi họ Lữ làm biến sẽ tiêu diệt. Tề Vương nghe tin ấy bèn đem binh về biên giới phía tây, muốn chờ đợi giao ước. Lữ Lộc, Lữ Sản muốn gây loạn ở Quan Trung nhưng bên trong thì sợ bọn Giang Hưu, Chu Hư Hưu; bên ngoài thì sợ quân các nước Tề, Sở, lại sợ Quán Anh làm phản; muốn chờ khi nào quân của Quán Anh đánh nhau với quân của Tề thì sẽ khởi sự, trong lòng đang do dự chưa quyết định.

Lúc bấy giờ, Tế Xuyên Vương Thái, Hoài Dương Vương Vũ, Thường Sơn Vương Triều, về danh nghĩa (21) là em của thiếu đế (22) lại là cháu ngoại của Lỗ Nguyên Vương (23) con Lữ Hậu. Họ đều còn ít tuổi và chưa về nước mà vẫn ở Trường An. Triệu Vương Lữ Lộc và Lương Vương Lữ Sản đều cầm quân; một người cầm đầu đạo quân ở phía nam, một người cầm đầu đạo quân ở phía bắc. Họ đều là người họ Lữ; các liệt hầu và quần thần ai cũng không chắc số mệnh mình sẽ sống. Quan thái úy là Giáng Hưu Chu Bột lại không thể vào trong chỗ đóng quân để cầm đầu quân sĩ.

Khúc Chu Hưu Lịch Thương đã già và ốm, người con tên là Ký là bạn thân của Lữ Lộc. Giáng Hưu bèn bàn với thừa tướng Trần Bình sai người ép Lịch Thương bảo người con của mình là Ký đến lừa Lữ Lộc nói:

- Cao Đế và Lữ Hậu cùng nhau bình định thiên hạ. Chín vua mà họ Lưu lập lên (24) và ba vua mà họ Lữ lập lên (25) đều do các quan đại thần bàn bạc và đã báo cáo cho các chư hầu, chư hầu đều cho là phải. Nay thái hậu băng hà, đế còn ít tuổi, tức hạ mang ấn Triệu Vương không về ngay nước của mình để giữ đất phong, lại làm thượng tướng quân, cầm binh ở lại đây, thì sẽ bị các quan đại thần và chư hầu nghi ngờ. Tại sao tức hạ lại không trao ấn tướng quân cho thái úy, nói với Lương Vương trả lại ấn tướng quốc (26) cùng ăn thề với các quan đại thần mà về nước? Làm thế thì quân của Tề sẽ được giải tán, các quan đại thần được yên ổn, tức hạ cứ cao gối mà nằm làm vua một nước, đất vương ngàn dặm. Đó là cái lợi muôn đời.

Lữ Lộc tin theo cho kế ấy là phải, muốn trao ấn tướng quân và quân sĩ cho thái úy. Lộc sai người báo điều đó với Lữ Sản và những người già cả trong họ Lữ. Có người bảo làm thế là tiện, có người bảo thế là không tiện. Kế ấy đang ở trong tình trạng do dự, chưa có gì được quyết định. Lữ Lộc tin theo lời Lịch Ký một hôm ra ngoài đi săn chơi, ghé qua nhà người cô là Lữ Tu. Lữ Tu cả giận nói:

- Mày làm tướng mà bỏ quân lính thì họ Lữ này sẽ không biết ở vào đâu! (27)

Bèn đem tất cả châu ngọc, đồ quý báu vãi trong phòng, nói:

- Ta không công hơi đâu mà giữ của cho người khác.

Tả thừa tướng Tự Cơ miễn chức. Tháng tám, ngày canh thân vào buổi sáng, Bình Dương Hưu Tào Truất (28) làm chức ngự sử đại phu, yết kiến tướng quốc Lữ Sản bàn công việc. Lang Trung Lệnh Giả Thọ đi sứ ở Tề về, nhân đấy trách Sản:

- Nhà vua sao không sớm về nước, nay tuy muốn đi, đi làm sao được?

Và kể lại với Sấn tất cả việc Quán Anh hợp cùng với quân Tề, Sở muốn diệt họ Lữ.

Giả Thọ liền giục Sấn vào ngay trong cung (29). Bình Dương Hầu nghe được những lời này liền ruổi ngựa báo với thừa tướng và thái úy. Thái úy muốn vào chỗ đóng quân ở phía bắc nhưng không vào được. Tương Bình Hầu Kỷ Thông giữ các phù và các cờ tiết. Thái úy bèn bảo Kỷ Thông cầm cờ tiết giả làm lệnh vua trao cho thái úy cầm đầu đạo quân phía bắc. Thái úy lại ra lệnh cho Lịch Ký và điển khách là Lưu Yết trước đây thuyết phục Lữ Lặc, nói:

- Hoàng Đế đã sai thái úy cầm đạo quân phía bắc, muốn tức hạ trở về nước. Xin tức hạ đưa ngay ấn tướng quân, cáo từ để về, nếu không thì tai họa xảy ra.

Lữ Lặc tin rằng Lịch Ký không lừa mình bèn cởi ấn trao cho viên điển khách và giao cho thái úy cầm quân.

Thái úy cầm đầu binh sĩ, đi vào cửa quân, ra lệnh cho ba quân:

- Ai theo họ Lữ thì xắn tay áo bên phải lên, ai theo họ Lưu thì xắn tay áo bên trái lên!

Quân sĩ đều xắn tay áo bên trái theo họ Lưu. Thái úy vừa đến thì tướng quân Lữ Lặc cởi bỏ ấn thượng tướng quân mà ra đi. Thái úy bèn cầm đầu đạo quân phía bắc. Nhưng vẫn còn đạo quân phía nam. Bình Dương Hầu nghe câu chuyện (30) bèn báo cho thừa tướng Trần Bình biết âm mưu của Lữ Sấn. Thừa tướng Trần Bình bảo Chu Hư Hầu giúp thái úy. Thái úy ra lệnh Chu Hư Hầu xem xét cửa quân; ra lệnh cho Bình Dương Hầu bảo viên úy cầm đầu những người giữ cửa cung không cho tướng quốc Lữ Sấn vào cửa điện. Lữ Sấn không biết rằng Lữ Lặc đã rời bỏ đạo quân phía bắc, bèn vào cung Vị Ương, muốn làm loạn. Những người giữ cửa điện không cho Sấn vào, Sấn đang bần khoản đi đi lại lại, Bình Dương Hầu sợ không thắng được, ruổi ngựa nói với thái úy. Thái úy cũng còn sợ không thắng được họ Lữ nên chưa dám nói trắng là giết họ. Bèn sai người nói với Chu Hư Hầu:

- Vào ngay cung để bảo vệ Hoàng Đế!

Chu Hư Hầu xin binh sĩ. Thái úy cấp cho hơn một nghìn người. Chu Hư Hầu vào cung Vị Ương, liền gặp Sấn ở trong sân. Lúc bấy giờ là lúc ăn chiều. Chu Hư Hầu đâm Sấn. Sấn bỏ chạy. Trời nổi gió to, cho nên các quan theo Sấn hỗn loạn, không ai dám chiến đấu. Chu Hư Hầu bèn đuổi theo Sấn và giết ở trong nhà tiêu của những người lại ở phủ lang trung. Sau khi Chu Hư Hầu đã giết được Sấn, để sai yết giả cầm cờ tiết ra úy lạo Chu Hư Hầu. Chu Hư Hầu muốn cướp cờ tiết (31) nhưng quan yết giả không chịu. Chu Hư Hầu liền cùng yết giả lên xe. Nhờ có cờ tiết làm tin nên xe cứ chạy thẳng vào, Chu Hư Hầu chém viên úy giữ cung Trường Lạc là Lữ Canh Thủy rồi quay ra, vào đạo quân phía bắc báo với thái úy. Thái úy đứng dậy lạy mừng Chu Hư Hầu và nói:

- Người đáng lo nhất chỉ có Lữ Sấn mà thôi! Nay Sấn đã bị giết. Thế là thiên hạ yên rồi!

Bèn sai người chia nhau thành từng bộ phận, bắt tất cả những người họ Lữ, không kể trai gái, già trẻ đều chém hết.

Ngày tân dậu, bắt và chém Lữ Lặc, lấy roi đánh chết Lữ Tu, sai người giết Yên Vương Lữ Thông, phế truất Lỗ Vương Trương Yến. Ngày nhâm tuất, cho quan thái phó của đế là Tự Cơ lại làm Tả Thừa Tướng. Ngày mậu thìn, dời Tế Xuyên Vương đến làm vua ở đất Lương, sai Chu Hư Hầu là Chương giết bọn họ Lữ và báo việc ấy với Tề Vương, bảo Tề Vương bãi binh. Quân sĩ của Quán Anh ở Huỳnh Dương cũng rút về.

Chư hầu và các quan đại thần bàn mưu với nhau:

- Thiếu đế và các vua Lương Vương, Hoài Dương Vương, Thường Sơn Vương đều không phải con Hiếu Huệ. Lữ Hậu dùng mưu lấy con người khác, giết mẹ của họ, nuôi họ ở hậu cung bảo Huệ Đế nhận là con lập lên để làm người nối dõi và làm Vương nhằm làm cho họ Lữ thêm mạnh. Nay chúng ta đã giết hết họ Lữ mà lại để người của họ lập lên, đến khi lớn Thiếu Đế cầm quyền thì chúng ta sẽ mất nòi. Không bằng xem trong các Vương người nào tài giỏi nhất thì ta lập nên.

Có người nói Tề Điệu Vương là con trưởng của Cao Đế, nay người con đầu làm Tề Vương, nếu cứ xét đến gốc thì ông ta là cháu đích tôn của Cao Đế, có thể lập được.

Các quan đại thần đều nói:

- Họ Lữ là họ ngoại của vua nhưng độc ác nên đã suýt nữa làm nguy hại đến tôn miếu, làm loạn các công thần. Nay trong gia đình mẹ Tề Vương có Tứ Quân. Tứ Quân là người ác. Nếu lập Tề Vương thì lại trở thành họ Lữ.

Người ta muốn lập Hoài Nam Vương nhưng lại cho là ít tuổi, nhà bên mẹ lại ác. Các quan đại thần bèn nói:

- Đại Vương nay là người con lớn nhất trong số những người con của Cao Đế còn sống. Người nhân đức, có hiếu, rộng rãi và trung hậu. Gia đình thái hậu họ Bạc lại chăm chỉ và tốt. Vả lại chúng ta lập người con lớn hơn cả cho nên hợp lẽ. Đại Vương nổi tiếng trong thiên hạ về nhân và hiếu. Như thế là tiện.

Các quan bèn bàn nhau, ngầm sai người mời Đại Vương. Đại Vương sai người từ tạ. Sứ giả đi về hai lần. Sau đó Đại Vương lên đoàn xe gồm có sáu cỗ. Tháng chín nhuận, ngày cuối tháng là ngày kỷ Dậu, xe đến Tráng An. Đại Vương ở tại cung riêng của mình. Các quan đại thần đều đến yết kiến dâng ấn thiên tử lên Đại Vương, tất cả cùng nhau tôn làm thiên tử. Đại Vương mấy lần từ tạ, quần thần cố nài, sau đó Đại Vương mới ưng thuận.

Đông Mâu Hầu Hưng Cư nói:

- Trong việc giết họ Lữ tôi không lập được công lao gì, xin được phép dọn dẹp cung điện.

Bèn cùng quan thái bộc là Nhữ Âm Hầu Đằng Công vào cung, đến trước mặt Thiếu Đế nói:

- Túc hạ không phải họ Lưu, không có quyền làm vua.

Bèn quay lại, ra hiệu cho những người cầm giáo xung quanh hãy vất binh khí xuống đất mà lui ra. Có mấy người không chịu vất binh khí. Người cầm đầu các hoạn quan là Trương Trạch ra lệnh cho họ, họ cũng vất binh khí luôn. Đằng Công bèn sai lấy cái xe ngựa của nhà vua chở Thiếu Đế ra.

Thiếu Đế hỏi:

- Ông muốn chở tôi đi đâu?

Đằng Công nói:

- Đi ra đến chỗ nghỉ.

Thiếu Đế nghỉ ở thiếu phủ.

.....

1. Xem Lưu Hạo thế gia.
2. Chẳng hạn Hàn Tín, Bành Việt.
3. Đoạn 1 – Lai lịch của Lữ Hạo và họ Lữ
4. Tức là Lữ Trạch là Chu Lữ Hạo đã chết, xem đoạn 1.
5. Nhiều học giả Âu Châu bảo Tư Mã Thiên có cái cách viết tàn nhẫn. Đây là một ví dụ.
6. Các chư hầu đều có xây cung riêng ở kinh đô
7. Đoạn 2 – Việc trả thù của Lữ Hạo trong thời gian Hiếu Huệ còn sống.
8. Tức là Trương Lương
9. Nhận xét tàn nhẫn và mỉa mai.
10. Công chúa Lỗ Nguyên là con của Lữ Hạo và chị của Hiếu Huệ, lấy Trương Ngao sinh được một người con gái. Lữ Hạo bắt Huệ Đế lấy người ấy tức là cháu gái để đề cao uy thế họ Lữ. Người này không có con, nhưng Lữ Hạo bắt bà ta giả có mang và lấy con một người khác thay thế.
11. Xem chú thích ở Tần Thủy Hoàng bản ký, nguyên văn “Thái Hậu xưng chế”.
12. Chức quan lo việc dạy dỗ nhà vua.
13. Lữ Tu là em gái út của Lữ Hạo cũng được phong hầu và là vợ của Phàn Khoái.
14. Ngày xưa có lối giải thích cho rằng những việc làm của vua chúa ảnh hưởng đến trời đất.
15. Xem chú thích ở trên.
16. Vì yêu người thiếp, tự sát nên không thờ phụng tôn miếu được. Thái hậu như thế đã giết ba người con của Lưu Bang (Nhu Ý, Hiển và Khôi). Cả ba đều làm Triệu Vương).
17. Sau này Đại Vương là Hán Văn Đế.
18. Thế là họ Lữ dần dần thay thế những người con Lưu Bang làm Yên Vương, Triệu Vương.
19. Chức quan chủ yếu dành cho các hoạn quan để tiếp tân khách.
20. Đoạn 3 – Những việc làm của Lữ Hạo từ khi Huệ Đế chết cho đến khi Lữ Hạo chết.
21. Những người này không phải là con của Huệ Đế mà là con người khác. Nhưng Lữ Hạo làm như vậy để giữ uy quyền cho họ Lữ.
22. Vị hoàng đế còn ít tuổi.

23. Vì Huệ Đế lấy con của Lỗ Nguyên tức là lấy cháu, nên bọn Triều, Vũ Thái gọi Lỗ Nguyên là bà ngoại.
24. Ngô, Việt, Tề, Hoài Nam, Lang Gia, Đại, Thường Sơn Vương là Triều, Hoài Dương Vương là Vũ và Tế Xuyên Vương là Thái.
25. Lương Vương Lữ Sản, Triệu Vương Lữ Lộc, Yên Vương Lữ Thống.
26. Vì lúc bấy giờ tất cả binh quyền trong tay Lữ Lộc, tất cả quyền chính trong tay Lữ Sản, quần thần không làm gì được nên trước hết phải tước cho được ấn của họ.
27. Đó cũng là ý kiến của Lữ Hậu trước khi chết.
28. Con của Tào Tham.
29. Để làm loạn.
30. Giữa Giả Thọ và Lữ Sản.
31. Vì có cờ tiết thì mới vào được cung cấm.

Bình Chuẩn (1) Thư -

1. Nhà Hán nổi lên thừa kế những điều tệ hại của nhà Tần. Những người mạnh khỏe thì phải phục vụ trong các hàng ngũ quân đội, những người già yếu thì phải lo vận chuyển lương thực. Việc làm khó nhọc mà tiền của thì thiếu thốn. Ngay thiên tử cũng không có cỗ xe tứ mã có bốn con ngựa cùng màu, còn tướng quân, thừa tướng thì đôi khi đi xe bò. Dân thường không có của để cất giấu. Nhà vua nhận thấy tiền của nhà Tần quá nặng, khó dùng nên đổi đi, sai dân đúc tiền: vàng thì một cân là đơn vị. Pháp luật trở thành đơn giản, bỏ bớt những điều cấm đoán, cho nên bọn làm trái phép và tham lợi cất giấu những của cải thừa để bán làm cho vật giá cao vọt lên: gạo lên đến một vạn đồng tiền một thạch, một con ngựa một trăm cân vàng (2).

Đến khi thiên hạ đã bình định, Cao Tổ bèn ra lệnh không cho những người đi buôn được mặc đồ tơ, đi xe, đánh thuế họ nặng để làm khốn nhục họ (3). Thời Hiếu Huệ và Lữ Hậu, thiên hạ mới bình định, cho nên lại nói luật lệ đối với những người buôn bán, nhưng con cháu những người buôn bán vẫn không được làm quan lại. Người ta tính số tiền để nuôi quan lại và số tiền chi dùng, rồi căn cứ vào đó mà đánh thuế thân của dân (4). Còn những món lợi do việc đánh thuế và lấy tô về núi, sông, vườn, ao, chợ búa, thì từ thiên tử trở xuống đến các vương và những người có đất phong ở các ấp đều được dùng làm của riêng để cung cấp cho mình, chứ không đem tiêu dùng vào việc thiên hạ. Số thóc vận chuyển từ Sơn Đông đến để cung cấp cho các quan ở trong kinh đô mỗi năm không quá vài chục vạn thạch. Đến thời Hiếu Văn, tiền “giáp” quá nhẹ, nhà vua bèn đổi đúc thứ tiền bốn thù nhưng chữ trên đồng tiền lại đề là nửa lạng (5) và cho phép dân tha hồ đúc tiền. Vì vậy Ngô Vương là chư hầu nhờ lấy được đồng ở núi để đúc tiền mà giàu hơn cả thiên tử. Về sau Ngô Vương làm phản. Đặng Thông làm đại phu cũng nhờ việc đúc tiền mà nhiều của cải hơn bậc vương giả. Cho nên lúc bấy giờ tiền của họ Ngô, họ Đặng tràn ngập cả thiên hạ. Do đó, có lệnh cấm đúc tiền.

Quân Hung Nô mấy lần vào cướp bóc xâm phạm biên giới phía bắc, số người đi đóng đồn và đi thú rất nhiều, số lúa ở biên giới không đủ để cung cấp. Do đó nhà vua mộ dân, ai có thể nộp và đưa lúa ra biên giới thì được phong chức tước. Tước được phong đến tả thứ trưởng.

Thời Hiếu Cảnh, từ Thượng Quận về phía tây bị hạn hán, nhà vua lại ra lệnh cho bán chức tước, nhưng lần này hạ giá bớt để lôi kéo dân. Những người bị đầy và có tội nhẹ có thể chuộc tội bằng cách vận tải thóc cho quan đại phu. Nhà vua sai làm thêm vườn, chuồng ngựa, để có nhiều ngựa mà dùng, xây thêm các cung thất và các quán, số xe ngựa cũng tăng thêm (6).

2. Đến khi kim thượng (7) lên ngôi, mấy năm đầu đúng vào lúc nhà Hán trong vòng bay mười năm nước nhà vô sự (8) trừ phi gặp lụt lội, hạn hán còn thì nhân dân đều no đủ. Các kho lúa ở kinh đô và ở các nơi đều đầy, mà kho đụn thì thừa của cải. Tiền ở kinh đô xếp kể hàng trăm triệu. Lãi xâu mục không thể đếm được. Thóc ở kho lớn lớp lớp chồng lên nhau, đầy rẫy, tràn ụa ra ngoài đến nỗi mục nát ăn không được. Dân chúng có ngựa hàng đàn trên các đường ngõ. Kẻ cưỡi ngựa cái bị gạt không được đến đám đông Kẻ coi các cổng làng, cổng xóm bữa ăn đều có gà có thịt (9). Kẻ làm lại, làm đến lúc con và cháu lớn lên (10); kẻ làm quan lấy chức làm họ. Cho nên ai nấy đều tự yêu mình, sợ phạm pháp luật; ham làm việc nhân nghĩa lo tránh sỉ nhục.

Lúc bấy giờ lưới pháp luật thưa mà dân giàu. Bọn cậy của kiêu căng có khi gờm, nuốt nhau. Bọn

cường hào cật thế ăn hiếp ở làng xóm. Các tôn thất đều có đất riêng. Công, khanh, đại phu, trở xuống đua nhau xa xỉ: nhà cửa, xiêm áo, xe ngựa lên cả bậc trên không chùng mực. Việc đời thịnh rồi suy, lẽ biến đổi cố nhiên phải thế!

3. Từ đó về sau, bọn Nghiêm Trợ, Chu Mãi Thần gọi dân Đông Âu đến và theo đuổi hai nước Việt (11); vùng giữa sông Trường Giang và sông Hoài xơ xác và phiến phí. Đường Mông, Tư Mã Tương Như mở lối sang các rợ miền tây nam, phía núi thông hơn nghìn dặm đường để mở rộng đất Ba, đất Thục. Dân đất Ba, đất Thục ví thế mệt nhọc. Bành Ngô Giả diệt Triều Tiên đặt ra quận Thượng Hải. Vì vậy miền Yên, Tề nhón nhác rung động. Sau đó Vương Khôi lại bày mưu ở Mã Ấp (12). Hung Nô bỏ dứt việc hòa thân, xâm lấn miền bắc. Việc binh kéo dài không khi nào hết. Thiên hạ khổ về những việc khó nhọc ấy mà cảnh can qua lại ngày càng lan rộng. Người đi trận phải mang xách, kẻ ở phải lo vận chuyển lương thực. Trong ngoài xao xuyến về việc phải lo cung đón cho nhau. Trăm họ thì cùng kiệt, tìm cách lẩn trốn. Của cải hao hụt không sao đủ được. Điều đó khiến cho kẻ quyền tiền thì được làm quan, kẻ nộp bạc thì được miễn tội. Phép tuyển cử dần dần bỏ. Liêm sỉ bị coi thường. Võ lực được tiến dụng. Kết quả pháp luật trở nên nghiêm, mệnh lệnh thành khắt khe và từ đó bọn bày tôi gây lợi xuất hiện (13).

Sau đó, các tướng nhà Hán mỗi năm đem mấy vạn quân kỵ đánh quân Hồ, xa kỵ tướng quân là Vệ Thanh, lấy đất ở phía nam của Hung Nô, xây Sóc Phương (14).

Bấy giờ, Hán mở rộng đường giao thông với các rợ di ở tây nam, người làm đường tới mấy vạn. Dân phải gánh gồng mang lương thực từ ngoài ngàn dặm đến, trung bình cứ đem đi hơn mười chung thì đến nơi chỉ còn một thạch (15). Nhà vua sai đem của cải phát cho những người ở đất Cùng và đất Bắc để chiêu tập họ. Làm mấy năm vẫn chưa mở xong được con đường này. Nhưng các man và di lại thừa cơ ấy mấy lần đánh. Các quan lại phải đem quân đi đánh dẹp. Nhà vua nhận thấy dù lấy tất cả tô và thuế đất Ba đất Thục cũng không đủ để cung vào việc chi phí nên sai mộ những người giàu đến cày ở đất Nam Di. Những người này đưa thóc cho quân địa phương và nhận tiền ở kinh đô. Phía đông, nhà vua lại sai đặt quận Thượng Hải. Phí tổn về việc dời dân đến đấy cũng tương tự như việc dời dân đến Nam Di. Nhà vua sai hơn mười vạn người xây thành (16) để giữ Sóc Phương, việc chuyên chở đường sông rất xa. Tất cả những người ở phía đông núi đều mệt nhọc. Tổn kém đến gần mười tỷ đồng tiền. Kho lại càng trống rỗng. Nhà vua bèn mộ dân, nói những người nào cáo thề cấp bọn nô và tỳ cho nhà nước thì suốt đời không phải nộp thuế thân, nếu họ đã làm quan lang rồi thì sẽ được thăng trật. Việc nộp cừ mà được làm quan lang là bắt đầu từ lúc ấy (17).

Bốn năm sau (124 trước công nguyên) Hán sai đại tướng quân (18) đem hơn mười vạn quân, sáu vị tướng quân, đánh Hữu Hiền Vương bắt một vạn năm nghìn tù binh (19). Năm sau, đại tướng quân lại đem sáu vị tướng quân đánh quân Hồ bắt được một vạn chín nghìn tù binh, người nào chém hay bắt được quân Hồ thì được thưởng vàng. Tiền thưởng đến hơn hai mươi vạn cân vàng. Mấy vạn tù binh đều được hậu thưởng, cho ăn mặc, tất cả đều do quan địa phương cung cấp. Trái lại quân và ngựa của Hán chết hơn mười vạn; đó là chưa nói đến tiền phí tổn về vũ khí và vận chuyển bằng đường thủy và đường bộ. Vì bao nhiêu tiền tích trữ ở quan đại tư nông (20) đều cứ kiệt dần, tiền thuế dùng hết cũng không đủ để cung cấp cho binh sĩ nên các quan phụ trách mới nói với thiên tử. Thiên tử nói:

- Trẫm nghe nói Ngũ Đế dạy dân không lập lại việc làm của nhau nhưng nước vẫn trị. Các vua Hạ Vũ và Thành Thang pháp luật không giống nhau mà vẫn làm vương, đường họ đi khác nhau nhưng đức họ lập nên thì vẫn là một. Biên giới phía bắc chưa yên, trẫm rất lấy làm lo lắng. Gần

đây đại tướng quân đánh Hung Nô vừa chém vừa cầm tù một vạn chín nghìn tên. Người giàu cất giấu của cải thì người nghèo không có mà ăn (21).

Nhà vua bèn ra lệnh cho dân được mua chức tước và chuộc những điều cấm đoán không cho làm quan (22), được lấy tiền xin chuộc và giảm tội. Các quan tâu xin đặt những thưởng quan. Mệnh của nhà vua nói: tước Vũ Công thì phải nộp 17 vạn đồng tiền. Tất cả số tiền bán tước lên đến ba mươi vạn cân vàng. Trong những người mua tước Vũ Công, ai thuộc hàng “quan thủ” thì được thử cho làm lại và bổ làm quan trước. Cấp “thiên phu” thì tiền ngang cấp ngũ đại phu (23). Người có tội thì được giảm hai bậc, có thể mua tước đến nhạc khanh. Làm như thế để nêu rõ quân công, những người có quân công lớn thì phong làm hầu, khanh, đại phu; người quân công nhỏ thì phong làm lang, làm lại. Con đường đi đến chức quan phức tạp và lắm cách cho nên chức quan mất giá trị (24).

4. Từ khi Công Tôn Hoàng nhờ việc giải nghĩa Kinh Xuân Thu gò bó kẻ tôi mà làm đến thừa tướng nhà Hán; từ khi Trương Thang dùng lối văn án nghiêm khắc, gắt gao mà được làm đình úy thì đạo luật về cái tội “kiến tri” (25) sinh ra, và người ta trừng trị hết sức nặng những người cản trở hay phỉ báng mệnh lệnh của nhà vua.

Năm sau, âm mưu của Hoài Nam Vương, Hành Sơn Vương, Giang Đô Vương làm phản bại lộ. Bọn công khanh bới lông tìm vết để trừng trị và tiêu diệt bè đảng của họ. Số người bị giết đến mấy vạn. Bọn trưởng lại càng nghiêm khắc, tàn nhẫn, pháp luật, mệnh lệnh lại càng rạch ròi chi ly. Lúc bấy giờ nhà vua đang đề cao khuyến khích những người tài giỏi, chính trực văn học, có người làm đến công khanh, đại phu. Công Tôn Hoàng làm thừa tướng nhà Hán, mặc áo vải, không ăn hai món, muốn nêu gương cho thiên hạ nhưng không có ích gì đối với phong tục. Dần dần người ta xô đẩy nhau chạy theo công danh, lợi lộc.

Năm sau, tướng phiêu kỵ (26) lại đem quân đánh quân Hồ bắt được bốn vạn người. Mùa thu năm ấy, vua Hồn Gia đem mấy vạn người vào hàng. Nhà vua sai đem hai vạn cỗ xe đón rước họ. Khi họ đến, lại được ban thưởng. Năm ấy, số tiền cấp cho những người có công lên đến hơn một vạn triệu đồng tiền.

Trước đây mười năm, sông Hoàng Hà vỡ đê ở huyện Quan; đất Lương và đất Sở đã mấy lần bị khốn khổ, còn các quận ở ven sông trước đây đã đắp đê để giữ nước, mỗi khi đê vỡ lại phí tổn không thể kể xiết. Sau đó, Phiên Huệ muốn giảm bớt việc chuyên chở bằng đường sông qua Để Tru, sai đào sông đào xuyên qua sông Phàn và sông Hoàng Hà, và lợi dụng con sông đào ấy để tưới ruộng. Số người làm đến mấy vạn. Trịnh Đương Thời cho rằng con sông đào của sông Vị quanh co và xa nên sai đào một con sông chạy thẳng từ Tràn An đến Hoa Âm; người làm đến mấy vạn. Ở Sóc Phương cũng đào một con sông đào có mấy vạn người làm. Mỗi việc như thế đều kéo hai ba năm nhưng vẫn chưa xong và đều phí tổn gần nghìn triệu.

Thiên tử muốn đánh quân Hồ, nên sai nuôi rất nhiều ngựa, ngựa chăn ở Tràn An đến mấy vạn con, lính ở Quan Trung không đủ người chăn nuôi bèn điều động những người ở các quận gần đấy.

Lại thêm những người Hồ đã đầu hàng đến, việc ăn mặc của họ đều do quan sở tại. Quan sở tại cung cấp không đủ. Nhà vua bớt việc ăn uống của mình, tháo xe xe tứ mã, đem những của cải cất giấu trong kho riêng của mình ra cho để cứu tình trạng này.

Năm sau, phía đông núi bị nạn lụt, dân nhiều người vị thiếu ăn. Thiên tử bèn sai sứ giả đốc tất

cả kho lúa trong các quận và các nước để phát chẩn cho dân nghèo nhưng vẫn không đủ: lại kêu gọi những người giàu có cho vay, nhưng dân chúng vẫn không cứu được nhau. Nhà vua bèn cho dời dân nghèo đến phía tây Quan Trung và phía nam đất Sóc Phương ở Tân Tần, tất cả bảy mươi vạn miệng ăn, việc ăn mặc đều do quan địa phương cung cấp. Trong mấy năm, người ta cấp cho họ sản nghiệp. Các sứ giả phân họ ra từng bộ phận để coi sóc. Các quan đồng đến nổi mũ lông liền nhau, tiền phí tổn đến hàng ức không sao kể xiết (27).

5. Do đó, quan địa phương hết sạch tiền, nhưng bọn con buôn nhà giàu và chủ những cửa hiệu lớn thì có kẻ cất giấu của cải để nô dịch người nghèo; chở hàng trăm xe những đồ tích trữ không dùng cất ở ấp. Các vị vua có đất phong đều cuối đầu xin họ cung cấp. Trong việc đúc tiền và nấu muối, có những người có hàng vạn cân vàng nhưng họ vẫn không giúp nước nhao trong lúc nguy cấp và dân nghèo lại càng nghèo khổ. Do đó, thiên tử và cửu khanh bàn nhau thay đổi tiền làm ra “tệ” (28) để chi dùng đồng thời trừng trị bọn hoang dâm và bọn chiếm đoạt. Lúc bấy giờ trong vườn cấm của nhà vua có con nai trắng, trong kho riêng của nhà vua lại có nhiều thiếc và bạc. Từ thời Hiếu Văn đã nghĩ ra cách đúc nhiều thứ tiền bốn thù đến nay đã hơn bốn mươi năm nhưng từ niên hiệu Kiến Nguyên đến nay, người ta ít dùng thứ tiền ấy. Các quan địa phương có nhiều người đến những núi đồng để đúc tiền, trong nhân dân cũng đúc trộm tiền, cho nên số tiền tính không xuể.

Tiền càng nhiều và mất giá, hàng hóa càng ít và quý (29). Quan phụ trách nói:

- Đời xưa có thứ tiền bằng da, chứ hầu dùng thứ tiền ấy để biểu. Có ba loại kim khí. Cao nhất là vàng, rồi đến kim khí trắng (bạc) là thứ hai, kém nhất là kim khí đỏ (đồng). Nay tiền danh nghĩa là một nửa lạng nhưng thực ra chỉ nặng bốn thù, thế mà bọn giàu hay bọn ăn trộm còn mài tiền ở phía trong để lấy bớt kim khí mà đúc thêm. Tiền càng nhẹ và mỏng thì vật giá càng quý, như thế ở phương xa dùng tiền tệ rất phiền và tốn kém.

Bèn sai cắt da con nai trắng ra thành từng mảnh vuông mỗi bề một thước, xung quanh viền rong biển, định giá mỗi miếng da như vậy là bốn mươi vạn đồng tiền. Các vương hầu, tôn thất đến châu, đều phải dâng ngọc bích đặt trên thứ tiền ấy, sau đó mới được đi. Lại làm thứ tiền bằng bạc pha thiếc gọi là kim khí trắng. Người ta cho rằng ở trên trời thì không gì bằng con rồng, ở dưới đất thì không gì bằng con ngựa, vật người ta dùng thì không gì quý bằng con rùa. Cho nên có ba thứ kim khí trắng: loại thứ nhất, nặng tám lạng hình tròn, có khắc rồng, tên gọi là bạch tuyến, giá ba nghìn; loại thứ hai, nặng ít hơn, hình vuông vẽ hình con ngựa, giá năm trăm; loại thứ ba, nhỏ hơn nữa, hình chữ nhật, vẽ hình rùa, giá ba trăm. Sai các quan địa phương đúc tiền nửa lạng thay thứ tiền ba thù, chữ đề bao nhiêu thì nặng bấy nhiêu. Kẻ nào đúc trộm tiền các loại thì bị tội chết. Nhưng quan lại cũng như nhân dân vẫn đúc trộm “kim khí trắng” không kể xiết.

Do đó, nhà vua cho Đông Quách Hàm Dương và Khổng Cẩn làm đại nông thừa để lo việc muối và tiền, cho Tang Hoàng Dương được làm thị trung để tính toán. Hàm Dương là một người nấu muối lớn ở Tề, Khổng Cẩn là một người nấu kim khí lớn ở Nam Dương. Họ đều có sản nghiệp ngàn cân vàng cho nên Trịnh Đường Thời tiến cử với nhà vua. Tang Hoàng Dương là con một nhà bán hàng ở Lạc Dương giỏi tính nhẩm, nên năm 13 tuổi làm thị trung (30). Ba người này khi bàn việc lợi thì phân tích đến chân tơ kẽ tóc.

Vì pháp luật ngày càng nghiêm ngặt nên quan lại nhiều người bị giáng và bị bãi. Việc chiến tranh lại xảy ra luôn. Nhân dân nhiều người xuất tiền để miễn giao dịch và mua tước ngũ đại

phu. Số người bị trưng dụng đi hành dịch ngày càng ít. Do đó, bỏ những người tước thiên phụ, ngũ đại phu làm lại; những người nào không muốn thì phải nộp ngựa (31): những người trước đây làm lại đều phải đi cắt cỏ ở Thượng Lâm, đào ao Côn Minh. Năm sau (119 trước công nguyên) đại tướng quân và phiêu kỵ tướng quân đem đại quân ra đánh quân Hồ bắt được tám chín vạn tên, được thưởng năm mươi vạn cân vàng, quân Hán chết hơn mười vạn con ngựa. Đó là chưa nói đến khoản tổn kém về việc vận chuyển bằng xe và bằng đường sông. Lúc bấy giờ của cải thiếu, quân sĩ nhiều người không được lương.

Quan phụ trách nói:

- Tiền ba thù nhẹ, dễ làm gian, xin các quận và các nước đúc tiền năm thù, xung quanh có vành tròn để không thể mài lấy đồng đi mà đúc thêm tiền.

Các quan giúp việc đại nông về việc muối và sắt là Khổng Cẩn và Hàm Dương nói với nhà vua:

- Núi và biển là nơi cất giấu của cải của trời đất; nên cho nó thuộc vào kho riêng của nhà vua. Bệ hạ không lấy làm của riêng của mình mà cho nó thuộc vào đại nông như thế đã làm tăng của công. Xin mộ dân tự do lấy phí tổn, dùng các khí mảnh của quan để nấu muối và cho quan mượn chậu. Những người làm nghề tạm bợ muốn lũng đoạn cái lợi của núi và biển để làm giàu bắt dân phải nô dịch theo mình.

Họ đưa rất nhiều cách cản trở những người này: người nào dám đúc đồ sắt cho mình và nấu muối riêng cho mình thì bị xích chân trái, tịch thu dụng cụ. Ở những quận không sản xuất sắt thì đặt quan “tiểu thiết”. Những người này phụ thuộc vào huyện của họ. Nhà vua sai Khổng Cẩn, Đông Quách Hàm Dương đi xe trạm khắp thiên hạ lo việc muối và sắt, đặt những quan phủ (32), cho những người trước đây làm nghề muối và sắt mà giàu có được làm quan. Cách làm quan lại càng phức tạp, không đặt vấn đề chộc lộc và có nhiều người con buôn trong số quan lại. Những người thương nhân và bán hàng vì tiền tệ thay đổi luôn nên nhiều người chứa chất hàng hóa để kiếm lời (33). Do đó các công khanh nói:

- Các quận và các nước nhiều lần bị thiên tai thiệt hại, dân nghèo không có sản nghiệp được mộ đi đến những nơi béo bở và rộng rãi. Bệ hạ bớt ăn giảm tiêu, đem tiền của mình để giúp cho dân chúng, tha thuế thân và tha nợ, nhưng dân không phải tất cả đều làm ruộng, những người buôn bán rất đông. Người nghèo không cất giấu được gì đều nhờ quan ở quan địa phương. Trước kia người ta đánh thuế những xe nhỏ (của những người đi buôn) thì số tiền của những người đi buôn cũng bớt đi; vậy xin đánh thuế như trước. Những người buôn lo cái việc ngọn, mua sỉ và cho vay, lo cất giấu ở thành phố, tàng trữ để lấy lời, cũng như những người đi buôn để kiếm lời thì dù cho không ở trong số những người buôn bán ở chợ, cũng đều phải ước lượng của cải của họ. Cứ hai nghìn đồng tiền vốn thì phải nộp một “toán” (34). Còn những thợ thủ công cất giữ những vật liệu để sau này làm các đồ dùng để bán thì cứ bốn nghìn đồng vốn lấy một “toán” (35). Những người không phải quan lại, nhưng có thể xem như quan lại là các tam lão (36) hay kỵ sĩ ở biên giới, nếu có một cái xe nhỏ thì phải nộp một “toán”, thuyền to năm trương trở lên nộp một “toán”. Ai giấu diếm không khai hay khai không đủ thì đưa ra biên giới đi thú một năm và lấy tất cả gia sản. Ai tố cáo ra thì thưởng cho một nửa, những người bán hàng có tên trong sổ và những người bà con của họ đều không được có ruộng theo tên của mình, như thế để lợi cho những người cày, ai dám phạm lệnh thì sung công tất cả ruộng và tước của họ.

Thiên tử bấy giờ nghĩ đến lời của Bốc Thức nên mời Bốc Thức làm trung lang, tước tả thứ

trưởng thường cho mười khoảnh ruộng và báo cáo điều đó với thiên hạ để cho mọi người biết. Bốc Thức là người Hà Nam lo việc chăn nuôi và làm ruộng. Khi cha mẹ chết đi, Thức có một người em nhỏ. Khi người em lớn lên, Thức nhường tất cả gia tài cho em chỉ lấy một trăm con cừu, còn ruộng vườn, cửa nhà, cửa cải đều cho em hết. Thức vào núi chăn cừu hơn mười năm. Số cừu lên đến hàng nghìn con. Thức mua ruộng vườn nhà cửa, trả lại người em thì lại phá hết cả sản nghiệp. Thức lại chia gia sản cho em. Làm như thế đến mấy lần. Lúc bấy giờ, nhà Hán đã mấy lần sai tướng quân đánh Hung Nô. Bốc Thức dâng thư xin nộp một nửa gia sản cho quan địa phương để giúp vào việc biên giới. Thiên tử sai sứ giả hỏi Thức:

- Có muốn làm quan không?

Thức đáp:

- Tôi từ nhỏ chỉ chăn nuôi không quen làm quan nên không muốn.

- Thế trong nhà có điều gì oan ức muốn bày tỏ không?

- Tôi bình sinh không tranh chấp với ai, trong làng xóm có ai nghèo thì tôi cho mượn, có ai hư hỏng thì tôi dạy dỗ, những người ở nơi tôi đều nghe theo tôi. Thức có việc gì mà bị người ta làm oan uổng, tôi không có gì muốn nói.

- Thế ông muốn gì?

- Thiên tử giết Hung Nô, tôi là người ngu dại cho rằng người hiền thì nên chết vì bổn phận ở biên giới, người có của cải thì nên đem nộp. Như vậy mới có thể tiêu diệt được Hung Nô.

Sứ giả kể lại đầu đuôi những lời Bốc Thức nói với thiên tử. Thiên tử nói với thừa tướng. Thừa tướng Công Tôn Hoảng nói:

- Đó không phải là tình cảm tự nhiên của con người, như thế là ngược đời. Thần không thể vì ông ta mà thay đổi, làm rối loạn pháp luật, xin bệ hạ đừng nghe ông ta.

Do đó, nhà vua lâu không trả lời Bốc Thức. Được mấy năm nhà vua lại bãi Thức. Thức trở về nhà, lại lo cày ruộng chăn nuôi được hơn một năm. Nhân lúc quân nhà Hán mấy lần ra đánh, vua Hồn Gia đầu hàng, quan địa phương tiêu tốn kém, các kho lúa trống không. Năm sau dân nghèo bị dời đi hàng loạt, tất cả chỉ nhờ quan địa phương cung cấp nhưng quan địa phương không sao cung cấp đủ. Bốc Thức mang hai mươi vạn đồng tiền đưa cho quan thái thú Hà Nam để cấp cho những người dân bị dời đi. Quan thái thú Hà Nam dâng lên cho nhà vua xem danh sách những người giàu đã giúp đỡ người nghèo. Nhà vua thấy có tên Bốc Thức sực nhớ lại, nói:

- Đây hẳn là con người trước đây muốn nộp nửa gia sản để giúp vào việc biên giới.

Bèn thưởng cho Bốc Thức được hưởng số tiền bốn trăm người nạp để được miễn giao dịch. Thức lại đem tất cả số tiền ấy cho quan địa phương. Lúc bấy giờ những người giàu có và tai mắt đều đua nhau giấu diếm của cải, chỉ có Thức đem của mình nộp để giúp vào việc chi tiêu, vì vậy nhà vua cho rằng Thức trước sau là bậc trưởng giả cho nên đề cao Thức để cho trăm họ bắt chước.

Lúc đầu, Thức không muốn làm quan lang, nhà vua nói:

- Trong vườn Thượng Lâm ta có cừu, ta muốn sai nhà người chăn.

Thức bèn lạy và làm quan lang. Thức mặc áo vải, đi guốc chần cừ. Được hơn một năm, cừ béo và sinh đẻ nhiều. Nhà vua đến xem cừ của mình thì khen.

Thức nói:

- Không phải chỉ riêng việc nuôi cừ mà thôi đâu, việc cai trị dân cũng như thế. Cho họ dạy làm việc và đi ngủ đúng lúc, người nào xấu hổ thì đuổi đi, đừng cho họ làm hại cả đoàn.

Nhà vua cho Thức là người kỳ lạ bèn cho làm quan lệnh ở Hầu Thị để xem thử. Dân Hầu Thị thích Bốc Thức, nhà vua bèn cho Thức làm quan lệnh ở Thành Cao lo việc vận chuyển đường sông – rất có công trạng. Nhà vua cho Bốc Thức là người trung bèn cho làm thái phó của Tể Vương.

Sau khi Khổng Cẩn sai thiên hạ đúc và làm đồ bằng sắt được ba năm, ông ta được bổ làm đại nông và thuộc vào hàng cửu khanh. Còn Tang Hoằng Dương thì làm đại nông thừa coi việc tính toán. Hai người dần dần đặt những “quân thù” (37) để lưu thông hàng hóa. Lần đầu nhà vua ra lệnh cho quan lại được nộp lúa để làm quan lang đến chức lương sáu trăm thạch.

Sau khi làm thứ kim khí trắng năm thù được năm năm thì tha những người quan lại và dân chúng phạm vào tội đúc trộm tiền. Số người chết về việc đúc tiền đến mấy mươi vạn. Những người giết lẫn nhau không bị phát giác thì không kể xiết. Từ khi lệnh ân xá ban ra, những người được tha đến hơn trăm vạn, nhưng con số này chưa đến một nửa những người bị bắt. Hầu hết mọi người trong thiên hạ đều liêu lĩnh đúc tiền. Kẻ phạm tội nhiều quá, quan lại bắt và giết không hết. Do đó vua sai bọn bác sĩ Chủ Đại, Tử Yến chia nhau thành từng đoàn đi khắp các quận và các nước trừ bỏ những bọn cướp đoạt của cải người khác và các quan ở các nước, các quận (38) có tội. Ngự sử đại phu Trương Thang lúc bấy giờ rất được quý trọng và tin dùng. Bọn Giảo Tuyên, Đỗ Chu làm trung thừa, bọn Nghĩa Tung, Doãn Tề, Vương Ôn Thư dùng hình phạt thăm khốc, độc ác mà được làm cửu khanh và bọn “trực chỉ” (39) như Hạ Lan lần đầu xuất hiện. Quan đại nông Nhan Dị bị giết. Trước đây Nhan Dị làm đình trưởng ở Tế Nam nhờ liêm khiết chính trực nên được thăng chức đến cửu khanh. Sau khi nhà vua và Trương Thang làm ra thứ tiền da nai trắng, nhà vua hỏi Nhan Dị. Nhan Dị nói:

- Ngày nay các vua và các hầu đến triều và chúc mừng mang ngọc bích màu xanh giá nghìn vàng, nhưng cái da để lột ở dưới khi dâng lên giá bốn mươi vạn> Như thế là gốc và ngọn không cân đối.

Nhà vua không bằng lòng. Trương Khanh lại có hiềm khích với Nhan Dị. Có người tố cáo Nhan Dị về một việc khác. Nhan Dị nói chuyện với khách, khách nói:

- Lúc đầu lệnh ban ra có chỗ bất tiện.

Dị không đáp, hơi nhọn môi. Trương Thang tàu lên nói:

- Nhan Dị làm đến chức cửu khanh nhưng thấy lệnh không tiện lại không vào nói mà phỉ báng trong bụng. Dị bị ghép vào tội chết. Từ đó về sau mới có đạo luật về tội “phỉ báng trong bụng” (40).

Vì vậy công khanh, đại phu phần lớn siểm nịnh, a dua để được yên thân. Nhà vua đã ra lệnh về vấn đề tài sản của những người buôn và thợ thủ công (41) và đề cao Bốc Thức, nhưng trăm họ

rốt cuộc chẳng ai chia của cải để giúp quan địa phương. Do đó nhà vua cho phép tố cáo tài sản của những người buôn bán (42) theo như lời tâu của Dương Khả. Trong các quận và các nước nhiều người đúc tiền giả, tiền phần lớn là nhẹ, các công khanh xin để kinh đô đúc thứ tiền “chung quan” có vành đỏ, mỗi đồng giá bằng năm đồng tiền thường. Việc thuế và việc công nếu không có thứ tiền vòng đỏ này thì không được. Tiền kim khí trắng dần dần mất giá, dân không cho là quý và không dùng. Quan địa phương ra lệnh cấm nhưng không ăn thua. Được hơn một năm thì tiền kim khí trắng bị bỏ không dùng nữa. Năm ấy (115 trước công nguyên) Trương Thang chết nhưng dân không nghĩ gì đến ông ta.

Hai năm sau, dân đã nghĩ ra cách đúc tiền có vành đỏ cho nên dùng không tiện và thứ tiền này lại bị bỏ. Do đó, người ta cấm các quận và các nước không được đúc tiền mà chỉ giao cho ba ông quan ở Thượng Lâm chuyên trách việc đúc tiền. Tiền đúc nhiều nên có lệnh ban ra nói: trong thiên hạ không phải thứ tiền của ba ông quan này thì không được lưu hành, tất cả những thứ tiền đúc trước đây ở các quận và các nước đều bị bỏ và nấu chảy, đem đồng đưa cho ba vị quan. Việc dân đúc tiền cũng ít đi, vì xét ra việc phí tổn nhiều không bỏ công đúc, chỉ có những bọn đại gian và thợ chuyên nghiệp thì mới đúc trộm.

Bốc Thúc làm thừa tướng nước Tề trong khi việc tố cáo gia sản của thương nhân do Dương Khả đề xướng phổ biến khắp thiên hạ. Những gia sản trung bình trở lên đều bị tố giác. Đỗ Chu xét xử họ. Những người vào ngục, ít người được tha. Nhà vua lại sai ngự sử, đình úy chính giám chia ra từng ban đến xét các quận và các nước về những gia tài của thương nhân, được của cải và tiền bạc của dân kể đến hàng ức, nô và tỳ hàng ngàn, vạn, ruộng ở huyện lớn vài trăm khoảnh, huyện nhỏ hơn trăm khoảnh, nhà cửa cũng thế. Do đó, bọn buôn bán từ hạng trung bình trở lên nói chung đều phá sản, dân lo ăn ngon mặc đẹp để qua ngày chứ không nghĩ đến việc cất giấu gây dựng gia sản nữa. Các quan địa phương nhờ có muối, sắt và gia sản của thương nhân cho nên của cải tiêu dùng càng nhiều.

Nhà vua mở rộng thêm Quan Trung đặt thêm hai miền phụ cận ở bên tả và bên hữu. Lúc đầu quan đại nông cai quản việc muối và sắt, đặt quan nhiều, đặt chức thủy hành để lo việc muối và sắt, đến khi Dương Khả đưa ra việc tố giác gia sản thương nhân thì của cải và sản vật ở Thượng Lâm rất nhiều, bèn cho quan thủy hành coi Thượng Lâm. Thượng Lâm cất của đầy tràn cho nên mở nó thêm rộng.

Lúc bấy giờ, quân Việt muốn dùng thuyền để tranh đua với quân Hán, nhà vua bèn sai đào rộng thêm và sửa sang ao Côn Minh, xung quanh là những lầu bao vây để xem, làm những lầu thuyền cao hơn mười trượng ở trên có cờ xí rất là tráng lệ. Nhà vua cảm thấy thích, bèn sai làm đài Bá Lương cao mấy mươi trượng, từ đấy cung thất xây càng đẹp. Lại chia số tiền lấy được của thương nhân cho các quan; các quan thủy hành, thiếu phủ, đại nông, thái bộc đều đặt những nông quan luôn luôn đến các quận và các huyện, đến những ruộng đất đã tịch thu được để về cày cấy; còn những nô tỳ tịch thu được thì chia ra các vườn để nuôi chó, nuôi ngựa, chim và thú vật và cho các quan. Đặt rất nhiều viên quan mới (43). Người ta sai dời nhiều bọn nô tỳ đi để lo việc vận chuyển trên sông, vận chuyển được bốn trăm vạn thạch, các quan tự mua thóc và có đủ thóc.

Sở Trung nói:

- Con em các nhà dòng dõi cùng với những người giàu có, có người chơi chơi gà, cho chó săn chạy, chơi ngựa, săn bắn, đánh bạc, làm rối loạn dân lành.

Nhà vua bèn cho điều tra những người phạm tội này, họ tố cáo lẫn nhau đến mấy ngàn người. Người ta gọi họ là “những người mang tội chọi gà”. Những người nào nộp bạc thì được làm quan lang, việc đề cử người làm quan lang càng kém sút (44). Năm ấy ở phía đông núi bị nước sông Hoàng Hà gây tai họa, lại thêm mất mùa. Như thế mấy năm, có người ăn thịt lẫn nhau ở trong một miền một, hai ngàn dặm vuông. Thiên tử thương xót ban chiếu nói:

- Ở Giang Nam người ta đốt rẫy, dùng nước để giết cỏ (45). Cho phép dân bị đói kém được di cư đến kiếm ăn ở giữa miền Trường Giang và sông Hoài, ý muốn cho họ ở đấy.

Nhà vua lại sai các sứ giả đến để giúp đỡ cho họ, mũ và lông của các sứ giả thấy lộ nhố trên đường. Nhà vua sai đem lúa từ đất Ba và đất Thục xuống để phát chẩn cho họ.

Năm sau (112 trước công nguyên), nhà vua bắt đầu đi tuần các quận và các nước. Nhà vua vượt sông Hoàng Hà ở phía đông, quan thái thú Hà Đông không ngờ nhà vua đến, nên không chuẩn bị trước, do đó tự sát. Nhà vua vượt qua đất Lũng Tây. Quan thái thú Lũng Tây vì việc nhà vua đi vội vàng, không cung cấp lương thực được cho các quan theo hầu thiên tử, nên cũng tự sát. Nhà vua bèn đi về phía bắc ra khỏi cửa Tiêu Quan, có mấy vạn quân kỵ đi theo, đi săn ở đất Tân Tần để khuyến khích binh sĩ đồn thú ở biên giới rồi trở về. Ở Tân Tần có khi đi nghìn dặm không có nơi canh phòng. Nhà vua vì vậy giết thái thú Bắc Địa và các thuộc hạ của ông ta rồi ra lệnh cho dân được phép chăn nuôi ở những huyện biên giới. Các quan cho họ mượn ngựa cái, sau ba năm thì trả ngựa lại, cứ được mười con ngựa con thì trả lại cho nhà nước một con. Việc tố cáo tài sản thương nhân bị bãi bỏ và việc tiêu dùng ở Tân Tần được đầy đủ.

Sau khi được cái vạc quý, nhà vua lập nhà thờ ở Thái Nhất để thờ Hậu Thổ và Thái Nhất. Các công khanh bàn việc phong thiện. Còn các quận và các nước trong thiên hạ đều chuẩn bị là đường, làm cầu, tu bổ lại những cung cũ. Ở những huyện xe ngựa nhà vua sẽ đi qua, các quan địa phương chuẩn bị đón tiếp đầy đủ chờ đợi nhà vua đi đến. Năm sau (111 trước công nguyên), nước Nam Việt làm phản, Tây Khương xâm phạm cướp bóc ở biên giới. Nhà vua cho phía đông núi không đầy đủ lương thực, xá tội thiên hạ (46) dùng những thuyền lâu ở phương nam chở hơn hai mươi vạn quân đánh Nam Việt, đem mấy vạn quân kỵ từ Tam Hà qua phía tây đánh Tây Khương, lại sai mấy vạn người vượt qua sông Hoàng Hà xây thành Linh Cư. Lần đầu tiên đặt các quận Trương Dịch, Tửu Tuyền; còn ở Thượng Quận, Sóc Phương, Tây Hà, Hà Tây thì đặt quan lo việc khai khẩn ruộng đất; đây sáu mươi vạn binh lính đến làm ruộng và canh phòng ở đấy. Việc đắp đường vận chuyển cung cấp lương thực nơi xa nhất đến hai ngàn dặm, nơi gần nhất đến hơn ngàn dặm, tất cả đều nhờ quan đại nông cung cấp. Vì không có đủ binh khí đưa ra biên giới, nhà vua bèn sai phát những binh khí ở kho vũ khí do những người thợ nhà vua làm để cung cấp cho họ. Ngựa kéo xe và ngựa cưỡi thiếu thốn, quan địa phương ít tiền khó lòng mua được ngựa, nhà vua bèn ra lệnh từ các vua có đất phong trở xuống đến các quan lương ba trăm thạch lúa trở lên đều theo thứ bậc mà cấp ngựa cái. Trong các đình trong thiên hạ đều nuôi ngựa cái, do đó ngựa mỗi năm mỗi nhiều và tốt.

Thừa tướng nước Tề là Bốc Thức dâng thư nói:

- Tôi nghe nói nhà vua lo thì bầy tôi nhục, nay Nam Việt làm phản, cha con tôi xin tình nguyện đến đấy với những người Tề quen sử dụng thuyền quyết sống chết với họ.

Nhà vua ban chiếu nói:

- Bốc Thức tuy lo cầu và chăn nuôi nhưng không phải để mưu lợi cho mình, hễ có của thừa là đem giúp cho quan địa phương để tiêu dùng. Nay thiên hạ không may có việc nguy cấp mà cha con Bốc Thức lại hăng hái tình nguyện xin chịu chết vì nạn nước. Tuy ông ta chưa ra đánh trận nhưng có thể thấy lòng trung nghĩa ở trong lời yêu cầu. Ban tước Quan nội hầu, thưởng cho sáu mươi cân vàng, mười khoảng ruộng.

Tờ chiếu được loan báo trong tất cả thiên hạ, nhưng thiên hạ không ai hưởng ứng. Liệt hầu có hàng trăm nhưng không ai muốn theo quân nhà vua để đánh quân Khương và quân Việt. Đến khi làm lễ hiến vàng vào lễ tế rượu, quan coi kho của nhà vua xét lại số vàng thì thấy các hầu mắc tội thiếu vàng hơn một trăm người (47). Nhà vua bèn cho Bốc Thức làm ngự sử đại phu. Sau khi Bốc Thức làm chức này, ông ta nhận thấy các quận và các nước phần lớn không cho quan địa phương quản lý việc làm muối làm sắt là tiện; đồ sắt thì xấu, giá lại đắt; lại có người ép dân phải mua và bán muối và sắt; thuyền bị đánh thuế, người buôn ít, và vật giá đắt; bèn dựa vào lời của Khổng Cẩn trình bày về việc đánh thuế thuyền. Do đó nhà vua không thích Bốc Thức.

Nhà Hán đánh nhau trong ba năm liền: diệt Khương, tiêu diệt Nam Việt, lần đầu tiên đặt 17 quận từ Phiên Ngung tới phía tây đến phía nam đất Thục. Lại theo tục cũ của họ mà cai trị, không bắt nộp các thứ thuế. Các quận từ Nam Dương, Hán Trung trở đi cứ theo thứ tự xa gần mà cung cấp cho các quận mới đặt. Các quan lại và binh sĩ có đủ lương ăn, tiền, đồ vật, xe và ngựa đầy đủ. Tuy vậy, các quận mới lập vẫn luôn luôn làm phản giết quan lại. Nhà Hán đem hơn một vạn binh lính và quan lại ở phương nam đến đánh mất một năm, tất cả việc tiêu dùng đều do quan đại nông cung cấp. Quan đại nông cung cấp đầy đủ là nhờ các “quân trâu” và nhờ ở chỗ đánh thuế muối và sắt. Nhưng nơi nào binh sĩ đi qua, các quan địa phương chỉ dám nói không để cho họ thiếu thốn chứ không dám nói làm theo đúng các đánh thuế như bình thường (48).

6. Năm sau (110 trước công nguyên) niên hiệu Nguyên Phong năm thứ I, Bốc Thức bị giáng làm quan thái phó của thái tử; còn Tang Hoàng Dương nhờ việc làm trị túc đồ úy, được làm chức đại nông, thay Khổng Cẩn quản lý tất cả muối và sắt trong thiên hạ. Hoàng Dương cho rằng vì các quan tranh nhau buôn bán theo ý mình cho nên vật giá mới nhảy vọt và việc thuế khóa thu nhập trong thiên hạ có khi không đủ bù vào các phí tổn chuyên chở bèn xin nhà vua đặt mấy mươi người thuộc hạ của bộ phận đại nông, chia nhau cai quản các quận và các nước. Họ luôn luôn đến các huyện đặt các quan “quân trâu” và các quan lo về muối và sắt, ra lệnh cho các phương xa đều nộp những sản vật của mình và những vật mà các thương nhân chuyên chở lúc giá đắt để thay thuế. Những người này lại chuyên chở sản vật cho nhau. Các quan “bình chuẩn” ở kinh đô có trách nhiệm nhận các hàng hóa trong thiên hạ và đưa đến các nơi, gọi những người thợ của nhà nước làm xe và các đồ vật cần cho việc vận chuyển và những người này đều do đại nông nuôi. Các quan ở bộ phận đại nông nắm tất cả vật sản trong thiên hạ, khi đắt thì bán, khi rẻ thì mua, do đó bọn phú thương và chủ hiệu buôn lớn không thể lấy được nhiều lời mà phải quay trở về nghề nông, vật giá nhờ vậy không nhảy vọt và điều hòa được giá cả trong thiên hạ. Công việc đó gọi là “bình chuẩn”. Nhà vua cho là phải, cho phép thi hành. Sau đó nhà vua đi phía bắc đến Sóc Phương, phía đông đến Thái Sơn, đi tuần ven biển đến biên giới phía bắc rồi trở về, đến đâu cũng thưởng. Đồ thưởng đến hơn một trăm vạn tấm lụa, tiền và vàng đến hàng trăm vạn. Nhưng đều nhờ có quan đại nông cung cấp đầy đủ.

Tang Hoàng Dương lại xin ra lệnh cho phép các thuộc lại được nộp lúa để làm quan và những

người có tội được nộp tiền để chuộc tội. Lệnh ban ra người nào đưa lúa đến đất Cam Tuyền thì theo thứ tự được miễn giao dịch suốt đời. Người ta không tố cáo tài sản của thương nhân nữa. Các quận và các nước đều chở thóc đến những nơi cần có thóc ngay, và những người cày đều nộp thóc. Ở phía đông núi, việc vận tải bằng sông thêm nhiều, mỗi năm đến 600 vạn thạch. Trong một năm, kho Thái Thương và kho Cam Tuyền đều đầy tràn, ở biên giới thừa thóc và mọi vật, một năm số lụa chuyển vận trên một trăm vạn tấm. Dân không bị tăng thuế mà thiên hạ dùng được dồi dào. Do đó, Tang Hoảng Dương được thưởng chức tả thứ trưởng lại được thưởng một trăm cân vàng lần hai. Năm ấy có hạn nhỏ. Nhà vua ra lệnh cho các quận cầu mưa. Bốc Thúc nói:

- Các quan địa phương chỉ nên lấy tô và thuế để ăn và mặc thôi, nay Tang Hoảng Dương lại sai bọn thuộc lại bày hàng ở ngoài chợ, bán các đồ vật để kiếm lời, cứ nẫu Tang Hoảng Dương đi thì trời sẽ mưa (49).

7. Thái Sử Công nói:

Để giao dịch giữa công, nông, thương xuất hiện các thứ tiền tệ: vỏ rùa, vỏ sò, vàng, tiền, đao (50), vải. Nguồn gốc các thứ tiền tệ đã có từ lâu. Kể từ họ Cao Tân trở về trước thì đã xa lắm, không biết gì để chép. Cho nên Kinh Thư nói đến việc xảy ra trong thời vua Nghiêu vua Thuấn. Kinh thi thuật lại thời Ân thời Chu. Khi trong nước yên ổn thì đưa người lớn vào học các nhà tường, nhà tự; trước kia chú trọng đến gốc là nghề nông, bỏ ngọn là nghề thương; dùng lễ nghĩa để đề phòng cái việc ham lợi. Sự việc biến đổi nhiều cho nên người ta làm trái với điều phải. Khi nào sự vật đã thịnh rồi cũng đến lúc suy, thời thế lên đến cùng cực rồi cũng quay trở lại (51). Thời đại trước chất phác thì thời đại sau văn hoa, đó là sự biến đổi của sự vật. Trong thiên Vũ cống (những cống vật nộp cho Hạ Vũ N. D) thì chín châu đều nộp những sản vật đất mình có và dân tương đối nhiều. Vua Thành Thang và Vũ Vương kế tiếp theo những thời đại hư hỏng nên dễ thay đổi để cho dân khỏi mỏi mệt. Hai người đều lo lắng nên dân được trị an. Nhưng tình hình mỗi ngày một kém. Tề Hoàn Công dùng mưu của Quản Trọng hiểu cái phép nặng nhẹ tìm cách lấy lợi ở núi và ở sông, làm cho chư hầu phải thần phục, khiến nước Tề nhỏ bé nổi tiếng làm nên nghiệp bá. Nước Ngụy dùng Lý Khắc làm hết cái sức của đất, làm nhà vua được mạnh. Từ đó về sau, thiên hạ mắc vào những cuộc tranh giành của thời Chiến Quốc, chú trọng đối trá và võ lực mà coi thường nhân nghĩa, coi trọng của cải mà đánh giá thấp sự khiêm tốn nhún nhường; cho nên có những người thương nhân giàu đến hàng trăm triệu mà lại có những người nghèo cứ phải ăn cám không biết chán. Có những nước mạnh thôn tính các nước nhỏ bắt chư hầu phải thần phục. Lại có những nước yếu phải tuyệt tự và tiêu diệt. Đến đời Tần, cuối cùng lấy tất cả thiên hạ. Trong thời Ngu và Hạ có ba thứ tiền tệ: có thứ vàng, có thứ trắng, có thứ đỏ. Người ta hoặc dùng tiền hoặc dùng vải, hoặc dùng đao hoặc dùng mai rùa, vỏ sò. Đến đời Tần thì tiền tệ trong nước chia làm ban hạng: hạng tiền tệ cao là vàng tính mỗi dật là một đơn vị (52), thứ tiền kém là tiền đồng nửa lạng, cũng nặng như chữ ghi trong đồng tiền; còn các loại châu ngọc, mai rùa, vỏ sò, bạc thiếc v. v... thì dùng làm đồ vật và trang sức được giữ làm của quý chứ không dùng làm tiền tệ. Những thứ này đều theo thời nặng nhẹ khác nhau. Lúc đó bên ngoài thì đánh Di và Địch, bên trong thì lo thưởng công lao; kẻ sĩ trong thiên hạ ra sức cày không đủ cung cấp lương thực, đàn bà kéo sợi dệt vải không đủ để cung cấp áo quần. Không khác gì đời xưa lấy tất cả của cải trong thiên hạ để cung phụng nhà vua mà nhà vua vẫn không cho là đủ. Sự thế như dòng nước trôi đi, sóng thúc vào nhau sinh ra như vậy. Có gì là lạ? (53)

1. Bình Chuẩn là tên một chức quan đời Hán có mục đích mua hàng hóa nhân dân khi rẻ và bán lại khi đắt để làm cho giá thị trường khỏi chênh lệch quá và người mua khỏi bị bóc lột quá đáng. Bài này rất nổi tiếng và thường được nhắc đến với tính cách một công trình đầu tiên về kinh tế học của Trung Quốc.
2. Nhận xét nào cũng chính xác và dựa trên những con số cụ thể.
3. Như vậy là tầng lớp thương nhân không được tham dự vào chính trị.
4. Nguyên văn – “phú ư dân”, “phú” là thứ thuế thân, còn “thuế” là thuế sản vật.
5. Nửa lạng là 12 thù. Như vậy trọng lượng của tiền thực chỉ bằng một phần ba trọng lượng trên danh nghĩa.
6. Đoạn 1 – Tình hình kinh tế trong những năm trước Hán Vũ Đế.
7. Thời Hán Vũ Đế tức là thời của tác giả.
8. Tác giả trình bày tình trạng giàu có lúc đầu thời Vũ Đế để chuẩn bị nói đến tình trạng đói khổ loạn lạc về sau.
9. Bài này đầy những nhận xét tỉ mỉ và sâu sắc.
10. Ý nói làm quan không thay đổi chức đến nỗi lúc cháu lớn lên cũng vẫn làm chức ấy.
11. Vua Đông Âu bị vua Mân Việt đánh, Vũ Đế cho di 4 vạn người Đông Âu vào giữa miền sông Trường Giang và sông Hoài. Hai nước là Mân Việt Đô ở Phúc Châu và Nam Việt Đô ở Quảng Châu.
12. Vương Khôi giả vờ hòa thuận với Hung Nô, lừa quân Hung Nô đến Mã Ấp để đánh úp. Nhưng vua Hung Nô biết được mưu ấy.
13. Đây là chỉ Tang Hoảng Dương, Khổng Cẩn (xem đoạn 5).
14. Nhìn chung những điểm lớn về kinh tế thời Hán Vũ Đế. Những điểm này sẽ được phát triển ở dưới.
15. Mười chung là 64 thạch. Như vậy chỉ một phần 64 đến nơi.
16. Đây là xây thêm vào Vạn lý trường thành.
17. Nhận xét mỉa mai.
18. Tức Vệ Thanh.
19. Cầm đầu Hung Nô là Thiển Vu dưới Thiển Vu có Hữu Hiền Vương và Tả Hiền Vương.
20. Chức quan phụ trách nông nghiệp và tài chính.
21. Để bào chữa cho lý do tại sao lại cho mua chức quan. Mục đích của nó là để người giàu đưa của cải ra.
22. Chẳng hạn điều cấm đoán đối với thương nhân ở đoạn 1.

23. Theo trật tự trong quân đội thì “quan thủ” đứng vào hàng thứ năm, “thiên phu” đứng vào hàng thứ bảy, còn “ngũ đại phu” đứng vào hàng thứ chín. Tất cả có mười bậc.
24. Đoạn 3 – Kinh tế nguy khốn do chính sách xâm lược gây ra.
25. Quan lại thấy ai biết mà không tố giác thì khép vào tội “kiến tri” (thấy biết).
26. Đây chỉ Hoắc Khứ Bệnh.
27. Đoạn 4 – Tình hình kinh tế nguy ngập do những nguyên nhân khác: thiên tai, đào sông, di dân, nuôi người Hồ v. v...
28. “Tệ” chỉ bất kỳ vật gì có thể thay tiền mặt.
29. Tư Mã Thiên có những suy nghĩ rất sâu sắc.
30. Cả ba đều là thương nhân.
31. Người ta sợ làm quan vì pháp luật rất nghiêm để phạm tội. Bây giờ phải nộp tiền để khỏi làm quan.
32. Chức quan coi về sắt và muối.
33. Nhận xét thú vị.
34. Hai mươi đồng.
35. Có sự phân biệt về thuế giữa thương nhân và thợ thủ công.
36. Xem chú thích ở Cao Tổ bản ký.
37. Chức quan, nghĩa đen là làm cho đều và chuyên chở nhiệm vụ là làm bình ổn vật giá.
38. Nguyên văn “thú, tướng”, thú là quan coi một quận, tướng là vị quan giúp một “vương” coi một nước.
39. Chức quan có nhiệm vụ điều tra các tham quan ô lại.
40. Nhận xét khách quan nhưng rất mỉa mai.
41. Xem ở trên trong đoạn này.
42. Nguyên văn “dẫn tiền”: dẫn là tài sản của thương nhân và thợ thủ công, không phải do cày và nuôi tằm mà có.
43. Chỉ những viên quan mới đặt ra để quản lý các tài sản lấy được của thương nhân.
44. Nộp bạc không những khỏi tội mà còn làm quan.
45. Làm cỗ xong, cho nước vào, cỗ chết.
46. Mục đích là để sung những người tù làm lính. Quân đội đời Hán một phần lớn là tù được tha vì đã chịu đi lính.

47. Năm 112 trước công nguyên, Vũ Đế yêu cầu các hầu phải nộp một số vàng làm tế lễ (nhưng thật ra để có tiền đánh Nam Việt). Trong số 241 người có đến 106 người bị tội thiếu vàng.
48. Đoạn 5 – Các biện pháp đưa ra để bổ cứu tình trạng thiếu hụt.
49. Đoạn 6 – Biện pháp của Tăng Hoằng Dương.
50. Dao và vải là tên những thứ tiền giống hình con dao và tấm vải.
51. Tư Mã Thiên nhận thấy được sự biến đổi của sự vật.
52. Một dật 20 lạng.
53. Đoạn 7 – Lời bàn của tác giả. Nhận xét của tác giả về tiền tệ rất sâu sắc.

Khổng Tử Thế Gia -

1. Khổng Tử sinh ở ấp Trâu, thuộc làng Xương Bình nước Lỗ. Tổ tiên trước kia là người nước Tống, tên là Khổng Phòng Thúc. Phòng Thúc sinh Bá Hạ, Bá Hạ sinh Thúc Lương Ngột. Lương Ngột khi đã quá tuổi (1), lấy Nhan Thị, hai người cầu tự ở núi Ni Khâu sinh Khổng Tử. Khổng Tử sinh ở nước Lỗ năm thứ 22 đời Lỗ Tương Công (55 trước công nguyên). Khi sinh ra, trên đầu gỗ giữa lóm cho nên đặt tên là Khâu (tức là cái gò), tên tự là Trọng Ni, họ Khổng. Khổng Khâu sinh thì Thúc Lương Ngột chết, chôn ở núi Phòng Sơn. Núi Phòng Sơn ở phía đông nước Lỗ. Khổng Tử, do đó, không biết mộ cha ở đâu, vì mẹ của ông kiêng không nói điều đó. Khi còn nhỏ, Khổng Tử thích chơi trò bày các khay để cúng và chơi trò tế lễ. Đến khi mẹ chết, Khổng Tử chôn tạm mẹ ở con đường Ngũ Phụ vì ông cẩn thận (2). Mẹ của Văn Phụ, người đất Trâu, nói cho Khổng Tử biết nơi mộ của cha, cho nên về sau Khổng Tử hợp táng cả cha và mẹ ở núi Phòng Sơn.

Trong khi Khổng Tử còn để tang thì họ Quý thết đãi những kẻ sĩ, Khổng Tử cũng đến đấy. Dương Hổ mắng Khổng Tử:

- Họ Quý thết kẻ sĩ chứ không phải thết nhà người đâu.

Khổng Tử bèn rút lui.

Khi Khổng Tử mười bảy tuổi có quan đại phu là Mạnh Ly Tử ốm sắp chết, dặn người con cả sẽ thay mình là Ý Tử: “Khổng Khâu là con cháu của bậc thánh nhân (3), tổ tiên bị giết ở Tống, người ông sáu đời là Phất Phụ Hà lại được nối ngôi làm vua, nhưng nhường ngôi cho Lệ Công. Đến đời Chính Khảo Phụ giúp Đái Công, Vũ Công và Tuyên Công, ba lần được làm thượng khanh, nhưng lại càng cung kính. Cho nên trên cái vạc của ông ta có khắc mấy chữ “Được bỏ lần thứ nhất thì ta cúi xuống, được bỏ lần thứ hai thì ta khom lưng, được bỏ lần thứ ba thì ta cuối thấp xuống men theo tường mà chạy. Nhưng cũng không ai dám khinh ta. Ta ăn cơm ở vạc này, nấu cháo ở vạc này để nuôi miệng ta!” Ông ta là người cung kính như thế đấy. Ta nghe nói con cháu bậc thánh nhân tuy không làm vua, nhưng về sau, thế nào cũng có người sáng suốt. Nay Khổng Khâu ít tuổi, thích lễ, có lẽ là con người sáng suốt như người xưa nói. Khi ta chết rồi thế nào cũng phải thờ ông ta làm thầy”.

Đến khi Ly Tử chết, Ý Tử và người nước Lỗ là Nam Cung Kính Thúc đến học lễ với Khổng Tử. Năm ấy Quý Vũ Tử chết, Bình Tử lên thay (4).

2. Khổng Tử nghèo hèn, đến khi lớn lên làm lại cho họ Quý. Việc tính toán đo lường đứng đắn cho nên được làm chức coi súc vật. Súc vật đông đúc sinh đẻ nhiều, nên được làm tư không. Được ít lâu, Khổng Tử rời khỏi nước Lỗ, bị ruồng bỏ ở nước Tề, bị đuổi ở nước Tống và nước Vệ, bị nguy khốn ở giữa miền nước Trần và nước Thái, cuối cùng lại trở về nước Lỗ.

Khổng Tử người cao chính thước sáu tấc, ai cũng cho là con người cao lớn và lấy làm lạ. Vì nước Lỗ lại đối đãi với ông tử tế nên ông bỏ về Lỗ. Nam Cung Kính Thúc ở nước Lỗ nói với vua Lỗ:

- Xin nhà vua cho tôi cùng Khổng Tử đến đất Chu.

Vua nước Lỗ cho ông ta một cỗ xe, hai con ngựa, một người đẩy tó, cùng Khổng Tử đến đất Chu hỏi về lễ. Khổng Tử yết kiến Lão Tử ở đấy. Khi Khổng Tử cáo từ ra về, Lão Tử tiễn Khổng Tử và nói:

- Tôi nghe nói “người giàu sang lấy tiền bạc để tiễn nhau, người nhân đức dùng lời nói để tiễn nhau”. Tôi không thể làm người giàu sang nhưng trộm lấy tiếng là người nhân đức, xin có lời này tiễn ông: “Kẻ thông minh và sâu sắc là gần cái chết vì họ khen chê người ta một cách đúng đắn. Kẻ giỏi biện luận, đầu óc sâu rộng làm nguy đến thân mình vì họ nêu lên cái xấu của người khác. Kẻ làm con không có cách gì để giữ mình. Kẻ làm tôi không có cách gì để giữ mình” (5).

Khi Khổng Tử ở Chu về nước Lỗ, học trò càng nhiều. Lúc bấy giờ Tấn Bình Công hoang dâm, sáu khanh chuyên quyền, phía đông đánh các nước chư hầu. Quân của Sở Linh Vương mạnh lấn át Trung Quốc. Nước Tề lớn, lại ở gần nước Lỗ. Lỗ thì nhỏ và yếu. Nếu theo Sở thì nước Tấn nổi giận; theo nước Tấn thì nước Sở đến đánh. Nếu không phòng bị nước Tề thì quân Tề xâm chiếm.

Năm thứ hai mươi đời Lỗ Chiêu Công, Khổng Tử đã ba mươi tuổi. Vua Tề Cảnh Công cùng An Ảnh đến nước Lỗ. Tề Cảnh Công hỏi Khổng Tử:

- Ngày xưa Tần Mục Công nước nhỏ, ở nơi hẻo lánh, nhưng tại sao lại làm được nghiệp bá?

Khổng Tử đáp:

- Nước Tần tuy nhỏ, nhưng chí của nó lớn. Tuy nó ở nơi hẻo lánh nhưng chính trị của nó đúng đắn. Nhà vua thân hành cử Bách Lý Hề cho làm đại phu dùng ông ta từ chỗ bị trói, nói chuyện với ông ta ba ngày rồi trao chính sự cho ông ta. Nếu làm như thế thì nghiệp vương cũng có thể làm được, chứ nghiệp bá vẫn còn nhỏ đấy.

Cảnh Công bằng lòng.

Khi Khổng Tử ba mươi lăm tuổi, thì Quý Bình Tử và Hậu Chiêu Bá vì việc chơi gà mà có tội với Lỗ Chiêu Công. Lỗ Chiêu Công đem binh đánh Quý Bình Tử. Quý Bình Tử cùng họ Mạnh và họ Thúc Tôn, ca ba nhà hợp lực đánh Lỗ Chiêu Công (6). Lỗ Chiêu Công thua chạy sang nước Tề. Vua Tề cho Lỗ Chiêu Công ở ấp Can Hầu. Sau đó ít lâu, nước Lỗ có loạn. Khổng Tử đến nước Tề làm tôi ở nhà họ Cao Chiêu Tử để được yết kiến Tề Cảnh Công. Khổng Tử nói chuyện âm nhạc với quan thái sư (chức quan lo về nhạc – N. D) nước Tề, nghe nhạc “thiệu” và học nhạc ấy, say mê ba tháng không biết đến mùi thịt. Người Tề khen ngợi.

Cảnh Công hỏi Khổng Tử làm chính trị phải như thế nào. Khổng Tử đáp:

- Vua phải theo đúng đạo làm vua, tôi phải theo đúng đạo làm tôi, cha phải theo đúng đạo làm cha, con phải theo đúng đạo làm con.

Tề Cảnh Công nói:

- Thật đúng lắm! Nếu như vua không theo đúng đạo làm vua, cha không theo đúng đạo làm cha, tôi không theo đúng đạo làm tôi, con không theo đúng đạo làm con thì tuy có thóc đầy, ta có thể ăn được không?

Một hôm khác, Tề Cảnh Công lại hỏi Khổng Tử làm chính trị phải như thế nào. Khổng Tử đáp:

- Muốn làm chính trị thì phải lo tiết kiệm trong việc tiêu dùng.

Tề Cảnh Công bằng lòng, lấy ruộng Ni Khê phong cho Khổng Tử. Ân Ân tiến lên nói:

- Bọn nhà nho chỉ là kẻ ba hoa mà không thể noi gương theo họ được. Họ kiêu ngạo, tự cho mình là phải nên không thể để cho họ làm tôi. Họ chú trọng việc chôn cất, thương xót, làm mất gia sản để chôn cất cho được đầy đủ, không thể cho điều đó thành phong tục. Họ đi du thuyết hết nơi này đến nơi khác để kiếm ăn, không thể cho họ trị nước được. Sau khi các bậc đại hiền ra đời, nhà chu đã suy, lễ nhạc thiếu sót. Nay Khổng Tử bày ra nhiều điều hình thức bên ngoài, ông ta làm cho cái lễ đi lên đi xuống, thành phiền phức, bày chuyện đi rảo bước và đi giong tay, cứ như thế thì học mấy cũng không biết được lễ. Nếu nhà vua dùng ông ta để thay đổi phong tục nước Tề thì đó không phải là điều lo lắng trước tiên đến dân vậy.

Sau đó, Tề Cảnh Công tiếp Khổng Tử một cách kính cẩn, nhưng không hỏi ý kiến của Khổng Tử về lễ. Một hôm khác, Cảnh Công giữ Khổng Tử lại nói:

- Tôi không thể tôn quý ông như vua Lỗ tôn quý họ Quý mà chỉ được như giữa họ Quý và họ Mạnh mà thôi (7).

Các quan đại phu nước Tề muốn giết Khổng Tử. Khổng Tử nghe tin ấy. Tề Cảnh Công nói:

- Ta đã già rồi không thể dùng nhà ngươi được.

Khổng Tử bèn ra đi, trở về nước Lỗ. Bấy giờ Khổng Tử bốn mươi hai tuổi. Vua Lỗ Chiêu Công chết ở ấp Can Hầu. Lỗ Định Công lên ngôi. Năm thứ năm đời Lỗ Định Công (506), mùa hạ, Quý Bình Tử chết, Hoàn Tử nối nghiệp. Quý Hoàn Tử đào giếng được một cái vại bằng đất, trong đó có một con vật giống như con cừu. Quý Hoàn Tử nói với Trọng Ni:

- Tôi bắt được con chó.

Trọng Ni nói:

- Theo như Khâu này biết thì đó là con cừu. Khâu này nghe nói: quái vật do gỗ và đá sinh ra là con “quỷ” và con “võng lưỡng”, quái vật do nước sinh ra là con “rồng” và con “vọng tượng”, quái vật do đất sinh ra là con “phần dương” (8).

Khi nước Ngô đánh nước Việt, phá hủy Cối Kê, có người lấy được một cái xương, chở đầy một xe. Vua Ngô sai sứ giả hỏi Trọng Ni:

- Tại sao xương lại lớn như vậy?

Trọng Ni nói:

- Vua Hạ Vũ triệu tập những người làm chủ núi sông ở núi Cối Kê. Phòng Phong đến sau bị vua Vũ giết phơi khô, mỗi cái xương của ông ta chở đầy một xe. Xương này là của Phòng Phong cho nên lớn như vậy.

Người khách nước Ngô nói:

- Ai làm thân?

Trọng Ni nói:

- Thần của núi ông có thể làm giường mối cho thiên hạ (9), lo việc thờ cúng thần núi thần sông là những người thầy cúng, những người tế thần đất và thần mùa màng là các công hầu. Họ đều lệ thuộc vào nhà vua.

Người khách nói:

- Phòng Phong cai quản việc gì?

Trọng Ni đáp:

- Ông ta là vua Ưông Vọng giữ nước Phong Ngu, họ Ly; trong đời Ngu, đời Hạ đời Thương gọi là Ưông Vọng; trong thời Chu gọi là Trường Dịch, ngày nay gọi là Đại Nhân.

Người khách nói:

- Con người ta dài hay cao bao nhiêu?

Trọng Ni đáp:

- Họ Tiêu Nghiêu cao ba thước đó là hạng người thấp nhất, người lớn nhất cũng không gấp mười lần ba thước.

Người khách bèn nói:

- Đúng lắm! Đây là một thánh nhân!

Người tôi yêu của Quý Hoàn Tử là Trọng Lương Hoài có hiềm khích với Dương Hổ. Dương Hổ muốn đuổi Trọng Lương Hoài, nhưng Công Sơn Phất Nữ ngăn lại. Mùa thu năm ấy, Trọng Lương Hoài lại càng kiêu ngạo. Dương Hổ bắt Hoài. Quý Hoàn Tử nổi giận, Dương Hổ liền bỏ tù Hoài Tử, ăn thề với ông ta, rồi tha ông ta ra. Dương Hổ do đó càng khinh họ Quý. Họ Quý cũng lấn át nhà vua, các bồi thần (10) cầm quyền chính trị trong nước. Do đó, nước Lỗ từ đại phu trở xuống đều vượt quyền và rời khỏi con đường chính đạo. Cho nên Khổng Tử không làm quan mà rút về nhà sửa lại thi, thư, lễ, nhạc. Học trò càng nhiều, có cả những người từ phương xa đến. Năm thứ tám đời Lỗ Định Công (502) Công Sơn Phất Nữ giận họ Quý, bèn theo Dương Hổ làm loạn. Hai người muốn bỏ con trưởng của ba gia đình Hoàn Công để lập những người con thứ từ lâu quen thân với Dương Hổ. Công Sơn Phất Nữ bèn bắt Quý Hoàn Tử. Quý Hoàn Tử lừa trốn được. Năm thứ chín đời Định Công, Dương Hổ thua bỏ chạy sang Tề. Lúc bấy giờ Khổng Tử đã năm mươi tuổi.

Công Sơn Phất Nữ sau khi làm chủ thành Phi thì nổi lên chống lại họ Quý. Y sai người mời Khổng Tử. Khổng Tử tuy từ lâu vẫn noi theo đạo, rất am hiểu việc chính trị nhưng vẫn không có dịp thực hành cái học của mình vì không ai biết dùng mình. Khổng Tử nói:

- Văn Vương, Vũ Vương nhà Chu đều nổi lên từ đất Phong, đất Cảo mà làm vua thiên hạ. Nay đất Phi tuy nhỏ, biết đâu cũng sẽ như vậy?

Khổng Tử muốn đi. Tử Lộ không bằng lòng, giữ lại. Khổng Tử nói:

- Người ta mời ta đến có phải là vô cớ đâu? Nếu họ dùng ta, ta sẽ làm cho đất họ thành nhà Đông Chu chẳng?

Nhưng rốt cuộc, Khổng Tử cũng không đi (11).

3. Sau đó, Lỗ Định Công cho Khổng Tử làm quan cai trị thành Trung Đô. Được một năm, cả bốn phương đều noi theo xem là mẫu mực. Từ chức quan cai trị thành Trung Đô, Khổng Tử được thăng làm tư không, rồi được làm đại tư khấu (12).

Mùa xuân năm thứ mười đời Lỗ Định Công (500), Lỗ giảng hòa với Tề. Mùa hạ, quan đại phu nước Tề là Lê Sửu nói với Tề Cảnh Công:

- Nước Lỗ dùng Khổng Khâu thế nào cũng nguy hại cho nước Tề.

Tề Cảnh Công bèn sai sứ giả mời vua Lỗ lại họp ở Giáp Cốc. Lỗ Định Công sắp sửa lên xe đến họp thân mật, Khổng Tử bấy giờ giữ chức tướng quốc nói:

- Tôi nghe nói trong nước có làm việc văn thì thế nào cũng phải lo việc vũ, có việc vũ thì thế nào cũng phải lo chuẩn bị việc văn (13). Ngày xưa các chư hầu ra khỏi biên giới thế nào cũng có các quan võ đi theo. Xin nhà vua mang theo các quan tả tư mã và hữu tư mã.

Định Công nói:

- Phải.

Bèn mang theo tả tư mã và hữu tư mã, họp mặt với Tề Hoàn Công ở Giáp Cốc. Ở đấy dựng lên một cái đàn có ba bậc tam cấp bằng đất và hai người gặp nhau theo nghi lễ. Sau khi chào và nhường bước cho nhau, hai người lên đài rót rượu mời nhau theo đúng lễ gặp gỡ, một viên quan nước Tề rảo bước tiến lên nói:

- Xin tấu nhạc bốn phương.

Cảnh Công nói:

- Được.

Và ngay đó, những người cầm cờ lông thú và lông chim mang lông chim, sáo, dáo, kích, kiếm và khiên bước ra trong tiếng trống và tiếng hò hét và bước lên đài (14). Khổng Tử rảo bước tiến ra, bước lên các bậc tam cấp, nhưng không qua bậc trên cùng, giơ ống tay áo lên nói:

- Vua hai nước chúng tôi hội họp nhau thân mật, chơi thứ nhạc Di, Địch làm gì? Xin ra lệnh cho quan đương sự để họ đuổi những người kia đi.

Vì những người múa không chịu đi, các quan hầu nhìn Ân Ánh và Cảnh Công. Cảnh Công lấy làm xấu hổ, giơ tay đuổi họ ra.

Một lát sau, có một vị quan nước Tề rảo bước tiến ra nói:

- Xin tấu nhạc trong cung!

Cảnh Công nói:

- Được.

Bọn con hát và bọn lùn nhún nhảy bước ra. Khổng Tử rảo bước tiến ra trước cái bậc tam cấp, nhưng không quá bậc trên cùng, nói:

- Bọn thất phu chế nhạo chư hầu, tội đáng giết! Xin ra lệnh cho các quan đương sự trị tội.

Họ bèn bị chặt chân tay. Cảnh Công run sợ, biết mình không làm theo nghĩa. Trở về, Cảnh Công lo sợ nói với các quan:

- Người Lỗ dùng đạo của người quân tử để bênh vực cho nhà vua của họ; trái lại, các người chỉ lấy cái đạo của bọn Di, Địch để dạy quả nhân, làm cho quả nhân có lỗi với vua Lỗ. Bây giờ làm thế nào?

Một viên quan tiến ra nói:

- Người quân tử có lỗi thì dùng việc làm để xin lỗi, kẻ tiểu nhân có lỗi thì dùng lời nói suông để xin lỗi. Nếu bề hạ buồn về việc đó thì nên dùng việc làm để xin lỗi.

Tề Cảnh Công bèn trả cho nước Lỗ các thửa ruộng Vận, Văn Dương, Quỷ Âm trước kia đã lấy của Lỗ để xin lỗi.

Mùa hạ năm thứ ba mươi đời Lỗ Định Công, Khổng Tử nói với Định Công:

- Bầy tôi thì không được tàng trữ binh khí, quan đại phu thì không được có cái thành một trăm trĩ (15).

Khổng Tử sai bon Trọng Do (tức Tử Lộ, học trò Khổng Tử N. D) làm quan tể của họ Quý, toan phá hủy ba thành lũy của ba họ. Vì vậy Thúc Tôn trước tiên phá thành Hậu. Họ Quý sắp sửa phá thành Quý. Nhưng Công Sơn Phất Nữ và Thúc Tôn cầm đầu những người thành Phí đánh úp nước Lỗ. Định Công cùng ba người cầm đầu ba họ vào cung Quý Thị, lên đài của Vũ Tử. Người thành Phí đánh họ nhưng không được, tuy có người đã tiến đến gần đài. Khổng Tử sai Thân Câu tu và Nhạc Kỳ xông xuống đài đánh, người đất Phí thua. Người nước Lỗ đuổi đánh họ thua to ở Cô Miệt. Công Sơn Phất Nữ và họ Thúc Tôn chạy trốn sang Tề. Cuối cùng, thành Phí bị phá. Khi sắp phá thành lũy đất Thành, Công Liêm Xử Phụ nói với Mạnh Tôn:

- Nếu thành bị phá thì quân Tề thế nào cũng đến cửa phía bắc. Vả lại thành này che chở cho họ Mạnh, nếu không có nó tức là họ Mạnh không còn. Tôi sẽ không phá.

Tháng 12, Lỗ Định Công vây thành nhưng không lấy được. Năm thứ 14 đời Định Công, Khổng Tử 56 tuổi, rời chức tư khấu, quyền giữ chức tướng quốc. Thấy Khổng Tử có vẻ mừng rỡ, một người học trò nói:

- Tôi nghe thầy nói “người quân tử khi tai họa đến thì không sợ, khi phúc đến thì không mừng”.

Khổng Tử nói:

- Câu nói ấy cũng có đấy. Nhưng chẳng có câu: “vui vì ở địa vị cao quý mà khiếm tốn đối với mọi người” hay sao?

Khổng Tử giết quan đại phu nước Lỗ làm rối loạn chính sự là Thiếu Chính Mão. Sau khi tham dự chính quyền trong nước ba tháng, những người bán cừ bán lợn không dám bán thách, con trai con gái ở trên đường đi theo hai phía khác nhau, trên đường không nhặt của rơi. Những người khách ở bốn phương đến thành ấp không cần phải nhờ đến các quan bởi vì người ta đều xem họ như người trong nhà.

Người Tề nghe vậy sợ hãi nói:

- Khổng Tử cầm đầu chính sự thì thế nào cũng làm bá chủ chư hầu. Nếu Lỗ làm bá thì đất nước ta ở gần, sẽ đầu tiên bị thôn tính. Tại sao ta không đem đất nộp cho Lỗ?

Lê Sửu nói:

- Trước tiên xin hãy tìm cách cản trở, nếu không được thì nộp đất cũng chưa muộn.

Vua Tề bèn chọn tám mươi người con gái đẹp ở trong nước Tề, đều cho mặc quần áo đẹp, tập múa điệu “khang nhạc” và ba mươi cỗ ngựa, mỗi cỗ bốn con rất đẹp để đưa cho vua nước Sở. Vua Tề sai bày bọn con gái và những con ngựa đẹp ở ngoài cửa cao phía nam kinh đô nước Lỗ. Quý Hoàn Tử ăn mặc thường dân đến xem hai ba lần, toàn thu nhận và nói với vua Lỗ đi một vòng để đến xem. Vua Lỗ đến chơi xem đến trọn ngày. Vua Lỗ bỏ việc chính sự. Tử Lộ nói:

- Thầy nên đi thôi.

Khổng Tử nói:

- Vua Lỗ sắp làm lễ tế giao, nếu nhà vua đem thịt tế đến cho các quan đại phu thì ta còn có thể ở lại.

Cuối cùng, Quý Hoàn Tử nhận nữ nhạc của Tề, ba ngày không nghe việc chính sự. Khi làm lễ tế giao cũng không đưa thịt tế đến cho các quan đại phu. Khổng Tử bèn ra đi.

Khổng Tử ở đêm tại đất Đồn. Sư Dĩ tiễn Khổng Tử nói:

- Thầy không có tội gì.

Khổng Tử nói:

- Tôi hát có được không?

Bèn hát:

“Miệng của bọn đàn bà kia có thể làm cho ta phải bỏ chạy.

Những người đàn bà kia đến thăm, có thể làm cho nước mất, nhà tan!

Ta đi lang thang phiêu bạt cho đến hết đời. ”

Khi Sư Dĩ trở về, Quý Hoàn Tử hỏi:

- Khổng Tử có nói gì với ông không?

Dĩ kể lại tất cả. Hoàn Tử thở dài than:

- Phu tử bắt tội ta vì bọn đàn bà hèn hạ kia (16).

4. Khổng Tử bèn đến nước Vệ ở trọ tại nhà Nhan Trọc Trâu, anh vợ của Tử Lộ. Vệ Linh Công hỏi Khổng Tử:

- Khi ông ở nước Lỗ, ông được hưởng Lộc bao nhiêu?

- Tôi được sáu vạn đấu lúa.

Người Vệ cũng cung cấp cho Khổng Tử sáu vạn đấu.

Khổng Tử ở đấy được ít lâu, có người dèm Khổng Tử với Vệ Linh Công. Vệ Linh Công sai Công Tôn Dư Giả luôn luôn đi theo Khổng Tử. Khổng Tử sợ mắc tội. Khổng Tử ở đấy mười tháng, đoạn rời khỏi đất Vệ, định đi qua đất Khuông, để đến nước Trần. Nhan Khắc làm người đánh xe cho Khổng Tử, ông ta cầm roi chỉ thành phố này và nói:

- Ngày xưa con đã vào thành này ở chỗ thành bị phá đằng kia!

Người nước Khuông nghe vậy, tưởng Khổng Tử là Dương Hổ, người nước Lỗ, vì Dương Hổ đã có lần xâm phạm đến họ. Người đất Khuông bèn giữ Khổng Tử lại vì Khổng Tử mặt mày giống Dương Hổ. Năm ngày sau, Nhan Uyên mới đến. Khổng Tử nói:

- Ta tưởng là anh chết rồi!

Nhan Uyên nói:

- Thầy còn sống, con đâu dám chết!

Người đất Khuông càng giữ Khổng Tử cẩn mật hơn trước. Các đệ tử đều sợ. Khổng Tử nói:

- Sau khi Văn Vương chết đi, cái “văn” không phải ở ta hay sao? Nếu trời muốn làm mất cái “văn” ấy đi thì ta là người sinh sau đã không được biết đến nó. Vì trời chưa muốn làm mất cái “văn” ấy thì người đất Khuông làm gì được ta? (17)

Khổng Tử sai một người đi theo là tôi của Ninh Vũ Tử ở nước Vệ, sau đó Khổng Tử mới đi lọt. Khổng Tử đi qua đất Bồ, sau hơn một tháng lại trở về nước Vệ, ở trọ tại nhà Cừ Bá Ngọc. Trong số những người vợ của Vệ Linh Công có Nam Tử. Nam Tử sai người nói với Khổng Tử:

- Những người quân tử bốn phương nếu không xấu hổ về việc làm anh em với nhà vua thì thế nào cũng đến yết kiến tôi. Tôi muốn gặp mặt Khổng Tử.

Khổng Tử từ chối không được, đành phải yết kiến Phu nhân ở trong cái màn là. Khổng Tử bước vào cửa ngoảnh mặt về phía bắc cúi lạy. Phu nhân ở trong màn lạy hai lạy. Các vòng ngọc và những viên ngọc mang trên người kêu lanh tanh. Khổng Tử nói:

- Trước kia ta định không đến thăm. Nhưng khi đến thăm thấy tiếp đãi theo đúng lễ.

Tử Lộ không bằng lòng (18). Khổng Tử thề nói:

- Nếu ta làm sai thì trời bỏ ta! Trời bỏ ta!

Khổng Tử ở Vệ hơn một tháng. Vệ Linh Công cùng phu nhân ngồi trên xe, viên hoạn quan là Ung Cự cùng ngồi đi ra, sai Khổng Tử ngồi trên cái xe đằng sau. Mấy người lượn qua chợ trước mặt đông người. Khổng Tử nói:

- Ta chưa hề thấy có người nào yêu đức như yêu sắc đẹp.

Khổng Tử cảm thấy xấu hổ về việc đó và rời khỏi nước Vệ, đi qua nước Tào. Năm ấy Lỗ Định Công chết. Khổng Tử rời khỏi nước Tào đến nước Tống, cùng đệ tử tập lễ ở dưới một gốc cây

lớn. Quan tư mã của nước Tống tên là Hoàn Khôi muốn giết Khổng Tử, chặt cây ấy đi. Khổng Tử ra đi, các đệ tử nói:

- Phải đi nhanh đi!

Khổng Tử nói:

- Trời sinh đức ở ta. Hoàn Khôi làm gì được ta?

Khổng Tử đến nước Trịnh, thầy trò lạc nhau. Khổng Tử đứng một mình ở phía đông cửa thành. Có một người nước Trịnh bảo Tử Cống:

- Ở cửa phía đông có một người trán giống Nghiêu, cổ có vẻ Cao Dao, vai ông ta giống Tử Sản (19), nhưng từ lưng trở xuống thì kém vua Vũ ba tấc, có vẻ bần khoản lo lắng như con chó ở nhà có tang.

Tử Cống nói thực với Khổng Tử. Khổng Tử mừng rỡ cười mà rằng:

- Hình dáng bên ngoài là chuyện vụn vặt, nhưng nói “giống như con chó của nhà có tang” thì đúng làm sao! Đúng làm sao!

Khổng Tử bèn đến nước Trần, ở trọ tại nhà viên quan giữ thành là Trịnh Tử được hơn một năm. Vua Ngô là Phù Sai đánh nước Trần lấy ba ấp, rồi rút lui. Triệu Uổng đánh Triều Ca, quân Sở vây đất Thái. Vua Thái sang Ngô. Nước Ngô đánh bại vua Việt là Câu Tiễn ở Cối Kê.

Có con cắt chết ở cung đình vua Trần, bị một mũi tên bằng gỗ hồ đâm qua mình. Đầu mũi tên bằng đá, dài một thước tám tấc. Trần Mẫn Công sai sứ giả hỏi Trọng Ni. Trọng Ni đáp:

- Con cắt từ nơi xa đến. Đó là mũi tên của người Túc Thận. Ngày xưa vua Vũ Vương đánh nhà Thương, tiếng vang đến cả Cửu Di và Bách Man, họ đều đem sản vật địa phương đến cống để không quên nhiệm vụ của mình. Người Túc Thận bèn cống tên hồ có mũi tên bằng đá, dài mỗi cái một thước tám tấc. Tiên Vương muốn nêu tỏ cái đức sáng của mình cho nên chia những mũi tên này cho Đại Cơ (20). Đại Cơ lấy Hồ Công, Hồ Công được phong ở đất Trần. Ngày xưa, người ta đưa ngọc quý cho những người cùng họ của mình để tỏ lòng trọng người thân. Người ta chia cho những người khác họ những đồ cống từ các nơi xa lạ để cho họ đừng quên phục tùng. Vì vậy cho nên nước Trần nhận được tên của người Túc Thận.

Nhà vua sai thử tìm xem ở trong kho cũ, quả nhiên tìm thấy có cái tên ấy ...

Khổng Tử ở Trần ba năm. Lúc bấy giờ, các nước Tần, và Sở tranh cường với nhau và lần lượt đánh bại Trần; nước Ngô cũng đánh Trần. Trần luôn luôn bị đánh phá. Khổng Tử nói:

- Ta về thôi! Ta về thôi! Bọn học trò của ta hằng hái nhưng nông nổi, lo tiến thủ nhưng không quên bản tính của mình.

Khổng Tử bèn rời khỏi đất Trần, đi qua đất Bô. Vừa lúc ấy họ Công Thúc cầm đầu người đất Bô nổi loạn. Người đất Bô giữ Khổng Tử lại. Trong số học trò của Khổng tử có Công Lương Nhu đem năm cỗ xe của mình đi theo Khổng Tử. Ông là người đứng tuổi, tài giỏi, có sức mạnh. Ông ta nói:

- Xưa kia con theo thầy gặp nạn ở đất Khuông, nay lại gặp nạn ở đây, đó là mệnh! Con lại cùng

thầy gặp nạn, con quyết chiến đấu mà chết.

Ông ta chiến đấu rất hăng. Người đất Bồ sợ hãi, bảo Khổng Tử:

- Nếu ông không đến nước Vệ thì chúng tôi sẽ cho ông đi.

Khổng Tử cùng họ ăn thề. Họ cho Khổng Tử đi ra phía cửa đông. Khổng Tử liền đến đất Vệ. Tử Cống hỏi:

- Có thể phụ lời thề được sao?

Khổng Tử nói:

- Đó là vì ta bắt buộc phải thề cho nên quý thần không nghe.

Vệ Linh Công nghe Khổng Tử đến, mừng rỡ ra ngoại ô đón hỏi:

- Có thể đánh đất Bồ được không?

Khổng Tử nói:

- Được.

Vệ Linh Công nói:

- Các quan đại phu của ta cho là không được. Nay đất Bồ là nơi nước Vệ dùng để chống lại các nước Tần và Sở. Dem nước Vệ mà đánh Bồ có lẽ là không nên chăng?

Khổng Tử nói:

- Đàn ông trong thành có chí quyết chết vì nhà vua. Đàn bà có chí bảo vệ Tây Hà (21). Những người chúng ta phải đánh chẳng qua chỉ bốn năm người.

Vệ Linh Công nói:

- Phải đấy.

Tuy vậy vẫn không đánh Bồ. Vệ Linh Công già, lười biếng việc chính sự, không dùng Khổng Tử. Khổng Tử thở dài than:

- Nếu có người dùng ta thì sau một tháng đã kha khá, sau ba năm thì tốt.

Khổng Tử ra đi. Phật Bất là quan cai trị đất Trung Mâu, Triệu Giản Tử đánh họ Phạm, họ Trung Hàng, và đánh Trung Mâu. Phật Bất làm phản sai người mời Khổng Tử, Khổng Tử muốn đến. Tử Lộ nói:

- Do này nghe thầy nói: “người làm việc không phải thì người quân tử không vào nước của họ”. Nay chính Phật Bất làm quan cai trị đất Trung Mâu làm phản, tại sao thầy lại muốn đến?

Khổng Tử nói:

- Ta có nói như vậy thật đấy. Nhưng chẳng phải ta có nói rằng “cái mà thật cứng thì mài cũng không mòn; cái mà thật trắng thì bỏ vào thuốc nhuộm cũng không đen. Ta không phải vỏ quả bầu, sao chỉ có thể treo lên mà không thể ăn?”

Khổng Tử gõ khánh. Có người mang sọt đi qua cửa nói:

- Con người gõ khánh kia thật là có lòng suy nghĩ. Người sao mà ương ngạnh! Không ai biết mình cả thì nên bỏ mà đi thôi!

Khổng Tử học đánh đàn cầm với thầy dạy nhạc là Tương Tử. Học mười ngày không tiến. Tương Tử nói:

- Ông có thể tiến nữa.

Khổng Tử đáp:

- Khâu đã quen khúc nhạc này rồi, nhưng chưa nắm được cái quan hệ về số.

Được ít lâu, Tương Tử nói:

- Ông đã nắm được quan hệ về số rồi đấy! Có thể tiến hơn nữa.

Khổng Tử đáp:

- Khâu chưa hiểu được ý nghĩa sâu sắc của nó.

Được ít lâu, Tương Tử nói:

- Ông đã nắm được ý nghĩa sâu sắc của nó rồi đấy! Có thể tiến nữa.

Khổng Tử đáp:

- Khâu chưa biết người làm bản nhạc này là ai?

Được ít lâu, Tương Tử nói:

- Ông có vẻ oai nghiêm, suy nghĩ sâu, có hoài bão lớn và cao xa.

Khổng Tử nói:

- Khâu này đã biết người ấy là ai rồi. Ông ta lặng lẽ mặt đen, người cao. Mắt như con cừ nhìn xa, như con người làm vua bốn phương, nếu không phải là Văn Vương thì ai có thể như vậy được.

Tương Tử rời khỏi chiếu, lạy hai lạy nói:

- Các vị thầy dạy nhạc vẫn nói điệu nhạc này là do Văn Vương làm ra.

Vì không được dùng ở nước Vệ, Khổng Tử định đi về phía tây yết kiến Triệu Giản Tử, nhưng khi đến sông Hoàng Hà thì nghe tin Đậu Minh Độc và Thuấn Hoa đã chết. Khổng Tử đến bờ Hoàng Hà than:

- Nước sông mệnh mỏng đẹp thay! Khâu không qua được con sông này là do mệnh vậy.

Tử Cống rào bước tiến đến nói:

- Xin hỏi tại sao lại nói như vậy?

Khổng Tử nói:

- Đậu Minh Độc và Thuấn Hoa là những quan đại phu tài giỏi ở nước Tấn. Khi Triệu Giản Tử chưa thỏa mãn được ý chí của mình thì cần hai người này để nắm được quyền chính. Nhưng khi đã đạt được ý nguyện của mình thì giết đi và lên cầm quyền chính. Khâu nghe nói khi người ta mổ thai giết đứa trẻ trong bụng thì kỳ lân không đến bờ cõi; khi người ta làm cho nước ao khô để bắt cá thì con giao long không điều hòa âm dương (22); khi người ta lật đổ tổ chim thì phượng hoàng không bay lượn. Tại sao lại thế? Đó là vì người quân tử tránh những người làm hại đến những kẻ giống mình. Chim chó thú vật kia còn biết tránh những kẻ bất nghĩa huống gì Khâu?

Khổng Tử bèn quay lại, nghỉ ở làng Trâu, làm bài ca “Làng Trâu” để tỏ nỗi buồn của mình. Sau đó trở về đất Vệ, ở tại nhà Cù Bá Ngọc.

Một hôm Vệ Linh Công hỏi Khổng Tử về cách bài binh bố trận. Khổng Tử nói:

- Việc tế lễ thì tôi thường nghe, còn việc quân thì tôi chưa học.

Hôm sau Vệ Linh Công đang nói chuyện với Khổng Tử, thấy con ngỗng trời bèn ngẩng đầu lên nhìn, sắc mặt có vẻ không để ý gì đến Khổng Tử, Khổng Tử lại đi đến đất Trần.

.....

1. Thúc Lương Ngột đã quá sáu mươi tư tuổi mới lấy Nhan Thị. Đàn ông quá 64 tuổi lấy vợ, đàn bà quá 48 tuổi lấy chồng là quá tuổi.

2. Phải chôn tạm để sau này biết mộ cha sẽ hợp táng, chôn tạm thì dễ dời.

3. Chỉ Thành Thang, vua đầu tiên nhà Ân.

4. Thời niên thiếu của Khổng Tử.

5. Lão Tử chống lại sự thông minh, trung và hiếu là những nguyên lý của Khổng Tử. Có trí khôn thì dễ nguy, nếu cứ theo trung và hiếu thì cứ hoàn toàn bị lệ thuộc vào cha vào vua, khó lòng sống.

6. Lúc bấy giờ nước Lỗ có ba gia đình lớn, uy quyền lấn át nhà vua là họ Mạnh, họ Thúc Tôn, họ Quý. Cả ba gia đình này là con cháu Hoàn Công. Ở đây nói gia đình họ Mạnh tức là nói người cầm đầu gia đình họ Mạnh.

7. Ý nói vua Tề hậu đãi Khổng Tử, nhưng không thể trao chính quyền cho ông như vua Lỗ đã làm đối với Quý Thị.

8. Quỷ trong Quốc Ngữ chỉ con vật chỉ có một chân sống trên núi, con vồng lưng thích bắt chước tiếng người. Vọng tượng là thứ thú vật ăn thịt người. Phần dương hình con cừu do đất tự sinh ra.

9. Vì có thể làm mây và làm mưa.

10. Người bày tôi hai lần.

11. Đoạn 2 – Những điều Khổng Tử trải qua trước khi làm quan ở nước Lỗ.

12. Tư không coi việc xây dựng, tư khấu coi về pháp luật.
13. Khổng Tử nói trong khi lo việc giao hiếu không thể xao nhãng việc chiến sự. Khổng Tử nghĩ nước Tề không thành thực. Quả nhiên Tề Cảnh Công nhân dịp hội hợp để đâm chết Lỗ Định Công.
14. Cảnh Công định nhân dịp ồn ào, huyên náo, giết Lỗ Định Công.
15. Bề cao một trượng dài một trượng là một đồ, ba đồ là một trĩ. Đây nói chu vi thành không được quá 3000 thước, nếu thành rộng quá thì sẽ thành cơ sở để làm loạn.
16. Đoạn 3 – Những việc Khổng Tử làm khi làm quan ở Lỗ.
17. Khổng Tử tin rằng mình có nhiệm vụ thực hiện một sứ mệnh thiêng liêng nên không thể bị nguy khốn.
18. Vì Nam Tử có tiếng dân loạn.
19. Cao Dao là viên quan giỏi của Thuán, Tử Sản làm tướng quốc ở Trịnh rất có đạo đức.
20. Đại Cơ là con gái đầu của Vũ Vương.
21. Ý nói nhân dân đều theo nhà vua. Tây Hà là miếng đất trong ấy có thành Bò.
22. Giao Long có thể làm mây làm mưa cho nên điều hòa được âm dương.